

Tổ: KHXH

BÀI 1: TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG

Môn học: GDCD lớp 7

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- **Hiểu được truyền thống tốt đẹp của quê hương** là những giá trị tốt đẹp, riêng biệt của mỗi vùng miền, địa phương, được hình thành và khẳng định qua thời gian, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.
- Biết phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. Đồng thời biết thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn truyền thống của quê hương.

2. Về năng lực:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận ra được, nêu được một số truyền thống của quê hương. Nhận xét, đánh giá được những việc làm đã thể hiện/ chưa thể hiện giữ gìn truyền thống quê hương.
- *Năng lực phát triển bản thân:* Thực hiện được những việc làm để giữ gìn truyền thống quê hương.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.

3. Về phẩm chất:

- *Yêu nước:* Có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của quê hương.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Giấy A0, A4, bút dạ, nam châm, máy tính, tivi
- Học liệu: Tranh vẽ, Video học liệu điện tử(<https://youtu.be/bKByToJzMaI>), phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động: Mở đầu (10 phút)

a) Mục tiêu: Giúp học sinh tiếp cận nội dung bài học, tạo hứng thú học tập.

b) Nội dung: Học sinh ghép từ/ cụm từ có nghĩa từ bảng chữ cái có sẵn.

T	B	Y	C	V	B	T	L	G	H	A
R	R	E	C	U	A	O	A	I	I	N
U	N	U	A	O	N	N	C	A	E	N
Y	G	N	N	T	T	S	Q	N	U	H
E	A	U	C	G	O	U	U	D	T	A
N	N	O	U	H	T	I	N	I	H	N
T	K	C	C	O	A	H	A	G	A	A
H	I	E	U	H	O	C	U	N	O	I
O	N	I	K	D	U	N	G	C	A	M
N	M	K	I	E	N	C	U	O	N	G
G	Q	U	E	H	U	O	N	G	E	M

c) Sản phẩm: Những từ/ cụm từ có nghĩa, xuất hiện nhiều từ nói về truyền thống quê hương (Truyền thống, quê hương em, yêu nước, kiên cường, hiếu học, hiếu thảo, dũng cảm, ...)

d) Tổ chức thực hiện:

* Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”

- Luật chơi: Trong khoảng thời gian 3 phút HS ghép các từ đứng liền nhau trong bảng chữ cái thành các từ/ cụm từ có nghĩa, ai tìm được nhiều từ có nghĩa nhất là người thắng cuộc.

* HS tự tìm từ theo yêu cầu, viết ra giấy A4.

* Hết thời gian gọi một số HS lên bảng dán, trình bày kết quả.

* GV nhận xét, chuyển ý: Một số từ/ cụm từ vừa tìm là Truyền thống, quê hương em, yêu nước, kiên cường, hiếu học, hiếu thảo, dũng cảm, ...nội dung bài học của chúng ta.

1. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

Hoạt động 1: Tìm hiểu thế nào là truyền thống quê hương (15').

a) Mục tiêu: Hiểu được thế nào là truyền thống quê hương và nêu được một số truyền thống văn hóa của quê hương. Phân biệt được truyền thống tốt đẹp của quê hương với những biểu hiện lạc hậu.

b) Nội dung: HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi: 1. Theo em, những truyền thống tốt đẹp nào được thể hiện trong hình ảnh?

Câu hỏi: 2, Quê hương em có những truyền thống tốt đẹp nào? Em hãy giới thiệu về những truyền thống đó?

Câu hỏi 3: Khi giới thiệu về truyền thống của quê hương có bạn nêu những biểu hiện sau: ma chay cưới hỏi linh đình, thách cưới, cờ bạc, rượu chè, thanh niên đua đòi ăn chơi...

Theo em, các biểu hiện trên có phải là truyền thống tốt đẹp của quê hương không? Vì sao?

Em hãy bày tỏ thái độ và quan điểm của bản thân về các biểu hiện đó?

Câu 4: Em hiểu thế nào là truyền thống quê hương?

c) Sản phẩm:

Yêu nước chống giặc ngoại xâm



Câu 2: Những truyền thống tốt đẹp của quê hương: Yêu nước, đoàn kết, hiếu học, lao động cần cù sáng tạo, yêu thương con người, hiếu thảo; các lễ hội văn hóa truyền thống,...

Câu 3: Ma chay cưới hỏi linh đình, thách cưới, cờ bạc, rượu chè; thanh niên đua đòi ăn chơi... Là những biểu hiện lạc hậu, sai trái, vi phạm pháp luật. Những biểu hiện này sẽ gây ra những hậu quả xấu ảnh hưởng đến xã hội. Chúng ta cần loại bỏ.

Câu 4: Truyền thống quê hương là những giá trị tốt đẹp, riêng biệt của mỗi vùng miền, địa phương, được hình thành và khẳng định qua thời gian, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Truyền thống tốt đẹp của quê hương bao gồm:

Truyền thống phản ánh kinh nghiệm sản xuất (nghề trồng lúa...)
Truyền thống đạo đức (chuẩn mực trong các quan hệ người với người...)
Truyền thống nghệ thuật (múa rối nước, làn điệu dân ca...)
Truyền thống văn hóa (giao tiếp, trang phục, tập quán...)

d) Tổ chức thực hiện:

GV: Chia lớp theo nhóm, phát phiếu học tập

* Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm quan sát ảnh và trả lời câu hỏi.

* Hs quan sát ảnh trong sgk trang 5, trao đổi với bạn cùng bàn bạc thảo luận để trả lời các câu hỏi.

Gv quan sát, hỗ trợ HS.

* Hết thời gian, đại diện các nhóm mang kết quả của nhóm mình treo lên bảng. Hs đại diện trình bày kết quả.

HS các nhóm theo dõi, trao đổi và nhận xét.

* Gv nhận xét, đánh giá, chốt nội dung:

- Truyền thống quê hương là những giá trị tốt đẹp, riêng biệt của một vùng miền, địa phương, được hình thành và khẳng định qua thời gian, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

- Những truyền thống tốt đẹp của quê hương: Yêu nước, đoàn kết, hiếu học, lao động cần cù sáng tạo, yêu thương con người, hiếu thảo; các lễ hội văn hóa truyền thống, ...

Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương. (25')

a) *Mục tiêu:* Giúp học sinh hiểu cần phải làm gì để giữ gìn truyền thống tốt đẹp của quê hương, từ đó có những việc làm phù hợp để giữ gìn truyền thống quê hương; Biết đánh giá, nhận xét việc làm trái ngược với việc giữ gìn truyền thống quê hương.

b) *Nội dung:*

* Học sinh xem clip “Giữ gìn truyền thống quê em” và trả lời câu hỏi

Đoạn clip nói về những truyền thống tốt đẹp nào? Em hãy nêu ý nghĩa của những truyền thống đó?

* Học sinh đọc và phân tích 3 trường hợp trong sgk trang 7, câu hỏi:

- Vân và Hùng đã giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp nào của quê hương? Hai bạn đã thể hiện niềm tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương bằng những việc làm cụ thể nào?

- Em có đồng ý với thái độ và hành vi của anh Q không? Vì sao?

- Nêu những việc em có thể làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương?

c) *Sản phẩm:*

* Truyền thống tôn sư trọng đạo, yêu thương con người, một số món ăn là đặc sản của vùng miền. Những truyền thống đó đã nói lên đặc trưng của những nét văn hóa từng quê hương, vùng miền; góp phần làm phong phú thêm truyền thống dân tộc.

* Để giữ gìn truyền thống quê hương mỗi người cần:

- Siêng năng kiên trì học tập và rèn luyện, đoàn kết giúp đỡ nhau, chủ động và tích cực tham gia các hoạt động của cộng đồng, góp phần vào sự phát triển của quê hương.

- Phê phán những hành động làm tổn hại đến truyền thống tốt đẹp của quê hương.

d) Tổ chức thực hiện:

* Học sinh xem clip, trả lời câu hỏi :

1, Đoạn clip nói về những truyền thống tốt đẹp nào? Em hãy nêu ý nghĩa của những truyền thống đó?

* HS thảo luận nhóm 2 đội đọc Các trường hợp 1,2,3 và trả lời các câu hỏi:

2, Vân và Hùng đã giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp nào của quê hương? Hai bạn đã thể hiện niềm tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương bằng những việc làm cụ thể nào?

3, Em có đồng ý với thái độ và hành vi của anh Q không? Vì sao?

4, Nêu những việc em có thể làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương?

* Mỗi nhóm 2 hs, thảo luận trong thời gian 5 phút, trả lời câu hỏi lên phiếu học tập.

Trường hợp 1	Trường hợp 2	Trường hợp 3

GV quan sát, theo dõi học sinh làm việc, hỗ trợ học sinh nếu cần.

* Gọi một nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nghe nhận xét bổ sung.

* Gv nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:

- Truyền thống tôn sư trọng đạo, yêu thương con người, một số món ăn là đặc sản của vùng miền. Những truyền thống đó đã nói lên đặc trưng của những nét văn hóa từng quê hương, vùng miền; góp phần làm phong phú thêm truyền thống dân tộc.

- Để giữ gìn truyền thống quê hương mỗi người cần:

Siêng năng kiên trì học tập và rèn luyện, đoàn kết giúp đỡ nhau, chủ động và tích cực tham gia các hoạt động của cộng đồng, góp phần vào sự phát triển của quê hương.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (30')

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét đánh giá việc làm thể hiện giữ gìn truyền thống quê hương; kể được những việc cần làm để giữ gìn truyền thống quê hương.

b) Nội dung: Học sinh chơi trò chơi, làm bài tập trong sgk.

Bài 1: Hãy liệt kê những truyền thống tốt đẹp của quê hương em và viết những việc cần làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương theo bảng sau

Tên truyền thống	Những việc cần làm
?	?
?	?
...	...

Bài 2,3 sgk trang 8.

c) Sản phẩm:

<i>Tên truyền thống</i>	<i>Những việc làm</i>
<i>Yêu nước</i>	<i>Cố gắng học tập và rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước</i>
<i>Hiếu học</i>	<i>Cố gắng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.</i>
<i>Làm mộc La Xuyên</i>	<i>Tìm hiểu về truyền thống, kế thừa và phát huy nghề truyền thống.</i>
<i>Đúc đồng Tống Xá</i>	...
<i>Khảm trai Yên Tiến</i>	...
<i>Hát chèo Yên Phong</i>	...

Bài 2: Đồng tình với việc làm B, D, E. Vì đây là những việc làm góp phần giữ gìn truyền thống quê hương.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bài 1 và 2 Hs làm ra giấy, Gọi 2 Hs lên bảng làm

- Nhận xét bài làm của HS làm trên bảng

Học sinh làm bài tập 1 sgk trang ra phiếu học tập

* Học sinh làm bài ra phiếu học tập, nộp lại bài làm cho Gv: HS kể được một số truyền thống quê hương và nêu được việc làm phù hợp để giữ gìn truyền thống (khoảng 5 tt).

* Chữa một số bài của hs, còn lại Gv sẽ chấm và trả sau.

- Thu kết quả, chấm

Bài tập 3

* GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “Vòng quay may mắn”

- Luật chơi: Gọi lần lượt học sinh chọn 1 số tương ứng với câu hỏi. Học sinh trả lời đúng câu hỏi thì được tham gia quay vòng quay may mắn, số điểm thưởng tương ứng với số điểm mà hs quay được.

- Câu hỏi:

1, Câu ca dao “Thương người như thể thương thân” nói đến truyền thống nào sau đây?

A. Hiếu học B. Yêu thương con người C. Tôn sư trọng đạo D. Lao động cần cù

2, Lễ hội Đền Hùng được tổ chức ở vùng quê nào sau đây?

a. Nam Định b. Thái Bình c. Phú Thọ d. Vĩnh Phúc

3, Địa danh nào là đền thờ bà Lương Thị Minh Nguyệt (người có công trong công cuộc diệt giặc Minh)

a. Yên Trung. b. Yên Nghĩa. c. Yên Thọ. d. Yên Phương.

4, Việc làm nào sau đây là giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương?

a. Giới thiệu với mọi người về truyền thống quê hương mình.

b. Giới thiệu với các bạn về một quyển sách hay.

c. Kể về một chuyến thăm quan đầy ý nghĩa.

d. Chăm sóc cây trong khu vườn trường.

5, Khi nhắc đến địa danh Tổng Xá chúng ta nghĩ đến nghề truyền thống nào sau đây?

a. Nghề làm nón lá

c. Nghề làm mộc.

b. Nghề đúc đồng.

d. Nghề dệt lụa.

Học sinh trả lời đúng giáo viên khuyến khích, động viên bằng điểm thưởng hoặc phần quà.

4. Hoạt động 4: Vận dụng(15')

a) Mục tiêu: Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn cuộc sống nhằm phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực giao tiếp và hợp tác

b) Nội dung: Hs biết nêu được những việc đã làm và sẽ tiếp tục làm để giữ gìn truyền thống quê hương.

Hs viết một thông điệp, làm tập san thể hiện niềm tự hào về truyền thống quê hương

c) Sản phẩm: Phần bài làm của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Câu 4: Nêu những việc đã làm và sẽ làm để giữ gìn truyền thống quê hương.

Câu 5: Học sinh viết thông điệp thể hiện niềm tự hào về truyền thống quê hương.

Làm việc theo nhóm lớn tạo một tập san thể hiện niềm tự hào về truyền thống quê hương.

* Câu 4: Hs nêu. Gv động viên khuyến khích.

* HS phân chia nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm, từng thành viên nhận nhiệm vụ và hoàn thiện sản phẩm ở nhà. (HD: có thể vẽ tranh, chụp ảnh, sưu tầm, giới thiệu về truyền thống quê hương)

* Báo cáo sản phẩm trong giờ học tiếp theo

Rút kinh nghiệm sau bài dạy

.....
.....
.....
.....
.

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 1: TỰ HÀO VỀ TRUYỀN THỐNG QUÊ HƯƠNG

Môn học: GDĐC lớp 7

Thời gian thực hiện: (2 tiết)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- **Hiểu được truyền thống tốt đẹp của quê hương** là những giá trị tốt đẹp, riêng biệt của mỗi vùng miền, địa phương, được hình thành và khẳng định qua thời gian, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.
- Nêu được một số truyền thống văn hoá, truyền thống yêu nước, chống giặc ngoại xâm của quê hương.
- Biết phê phán những việc làm trái ngược với truyền thống tốt đẹp của quê hương. Đồng thời biết thực hiện được những việc làm phù hợp để giữ gìn truyền thống của quê hương.

2. Về năng lực:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận ra được, nêu được một số truyền thống của quê hương. Nhận xét, đánh giá được những việc làm đã thể hiện/ chưa thể hiện giữ gìn truyền thống quê hương.
- *Năng lực phát triển bản thân:* Thực hiện được những việc làm để giữ gìn truyền thống quê hương.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.

3. Về phẩm chất:

- *Yêu nước*: Có ý thức tìm hiểu truyền thống của quê hương; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của quê hương.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Giấy A0, A4, bút dạ, nam châm, máy tính, tivi

- Học liệu: Tranh vẽ, Video học liệu điện tử(<https://youtu.be/bKByToJzMaI>), phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động: Mở đầu (10 phút)

a) Mục tiêu: *Giúp học sinh tiếp cận nội dung bài học, tạo hứng thú học tập.*

b) Nội dung: *Học sinh ghép từ/ cụm từ có nghĩa từ bảng chữ cái có sẵn.*

T	B	Y	C	V	B	T	L	G	H	A
R	R	E	C	U	A	O	A	I	I	N
U	N	U	A	O	N	N	C	A	E	N
Y	G	N	N	T	T	S	Q	N	U	H
E	A	U	C	G	O	U	U	D	T	A
N	N	O	U	H	T	I	N	I	H	N
T	K	C	C	O	A	H	A	G	A	A
H	I	E	U	H	O	C	U	N	O	I
O	N	I	K	D	U	N	G	C	A	M
N	M	K	I	E	N	C	U	O	N	G
G	Q	U	E	H	U	O	N	G	E	M

c) Sản phẩm: Những từ/ cụm từ có nghĩa, xuất hiện nhiều từ nói về truyền thống quê hương (Truyền thống, quê hương em, yêu nước, kiên cường, hiếu học, hiếu thảo, dũng cảm, ...)

d) Tổ chức thực hiện:

* Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”

- Luật chơi: Trong khoảng thời gian 3 phút HS ghép các từ đứng liền nhau trong bảng chữ cái thành các từ/ cụm từ có nghĩa, ai tìm được nhiều từ có nghĩa nhất là người thắng cuộc.

* HS tự tìm từ theo yêu cầu, viết ra giấy A4.

* Hết thời gian gọi một số HS lên bảng dán, trình bày kết quả.

* GV nhận xét, chuyển ý: Một số từ/ cụm từ vừa tìm là Truyền thống, quê hương em, yêu nước, kiên cường, hiếu học, hiếu thảo, dũng cảm, ...nội dung bài học của chúng ta.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

Hoạt động 1: Tìm hiểu thế nào là truyền thống quê hương (15’).

a) Mục tiêu: Hiểu được thế nào là truyền thống quê hương và nêu được một số truyền thống văn hóa của quê hương. Phân biệt được truyền thống tốt đẹp của quê hương với những biểu hiện lạc hậu.

b) Nội dung: HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi: 1. Theo em, những truyền thống tốt đẹp nào được thể hiện trong hình ảnh?

Câu hỏi: 2, Quê hương em có những truyền thống tốt đẹp nào? Em hãy giới thiệu về những truyền thống đó?

Câu hỏi 3: Khi giới thiệu về truyền thống của quê hương có bạn nêu những biểu hiện sau: ma chay cưới hỏi linh đình, thách cưới, cờ bạc, rượu chè, thanh niên đua đòi ăn chơi...

Theo em, các biểu hiện trên có phải là truyền thống tốt đẹp của quê hương không? Vì sao?

Em hãy bày tỏ thái độ và quan điểm của bản thân về các biểu hiện đó?

Câu 4: Em hiểu thế nào là truyền thống quê hương?

c) Sản phẩm:

Yêu nước chống giặc ngoại xâm



Câu 2: Những truyền thống tốt đẹp của quê hương: Yêu nước, đoàn kết, hiếu học, lao động cần cù sáng tạo, yêu thương con người, hiếu thảo; các lễ hội văn hóa truyền thống,...

Câu 3: Ma chay cưới hỏi linh đình, thách cưới, cờ bạc, rượu chè; thanh niên đua đòi ăn chơi... Là những biểu hiện lạc hậu, sai trái, vi phạm pháp luật. Những biểu hiện này sẽ gây ra những hậu quả xấu ảnh hưởng đến xã hội. Chúng ta cần loại bỏ.

Câu 4: Truyền thống quê hương là những giá trị tốt đẹp, riêng biệt của mỗi vùng miền, địa phương, được hình thành và khẳng định qua thời gian, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

Truyền thống tốt đẹp của quê hương bao gồm:

Truyền thống phản ánh kinh nghiệm sản xuất (nghề trồng lúa...)
Truyền thống đạo đức (chuẩn mực trong các quan hệ người với người...)
Truyền thống nghệ thuật (múa rối nước, làn điệu dân ca...)
Truyền thống văn hóa (giao tiếp, trang phục, tập quán...)

d) Tổ chức thực hiện:

GV: Chia lớp theo nhóm, phát phiếu học tập

* Yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm quan sát ảnh và trả lời câu hỏi.

* Hs quan sát ảnh trong sgk trang 5, trao đổi với bạn cùng bàn bạc thảo luận để trả lời các câu hỏi.

Gv quan sát, hỗ trợ HS.

* Hết thời gian, đại diện các nhóm mang kết quả của nhóm mình treo lên bảng. Hs đại diện trình bày kết quả.

HS các nhóm theo dõi, trao đổi và nhận xét.

* Gv nhận xét, đánh giá, chốt nội dung:

- Truyền thống quê hương là những giá trị tốt đẹp, riêng biệt của một vùng miền, địa phương, được hình thành và khẳng định qua thời gian, được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác.

- Những truyền thống tốt đẹp của quê hương: Yêu nước, đoàn kết, hiếu học, lao động cần cù sáng tạo, yêu thương con người, hiếu thảo; các lễ hội văn hóa truyền thống, ...

Hoạt động 2: Tìm hiểu nội dung giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương. (25')

a) *Mục tiêu:* Giúp học sinh hiểu cần phải làm gì để giữ gìn truyền thống tốt đẹp của quê hương, từ đó có những việc làm phù hợp để giữ gìn truyền thống quê hương; Biết đánh giá, nhận xét việc làm trái ngược với việc giữ gìn truyền thống quê hương.

b) *Nội dung:*

* Học sinh xem clip “Giữ gìn truyền thống quê em” và trả lời câu hỏi

Đoạn clip nói về những truyền thống tốt đẹp nào? Em hãy nêu ý nghĩa của những truyền thống đó?

* Học sinh đọc và phân tích 3 trường hợp trong sgk trang 7, câu hỏi:

- Vân và Hùng đã giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp nào của quê hương? Hai bạn đã thể hiện niềm tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương bằng những việc làm cụ thể nào?

- Em có đồng ý với thái độ và hành vi của anh Q không? Vì sao?

- Nêu những việc em có thể làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương?

c) *Sản phẩm:*

* Truyền thống tôn sư trọng đạo, yêu thương con người, một số món ăn là đặc sản của vùng miền. Những truyền thống đó đã nói lên đặc trưng của những nét văn hóa từng quê hương, vùng miền; góp phần làm phong phú thêm truyền thống dân tộc.

* Để giữ gìn truyền thống quê hương mỗi người cần:

- Siêng năng kiên trì học tập và rèn luyện, đoàn kết giúp đỡ nhau, chủ động và tích cực tham gia các hoạt động của cộng đồng, góp phần vào sự phát triển của quê hương.

- Phê phán những hành động làm tổn hại đến truyền thống tốt đẹp của quê hương.

d) Tổ chức thực hiện:

* Học sinh xem clip, trả lời câu hỏi :

1, Đoạn clip nói về những truyền thống tốt đẹp nào? Em hãy nêu ý nghĩa của những truyền thống đó?

* HS thảo luận nhóm 2 đội đọc Các trường hợp 1,2,3 và trả lời các câu hỏi:

2, Vân và Hùng đã giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp nào của quê hương? Hai bạn đã thể hiện niềm tự hào về truyền thống tốt đẹp của quê hương bằng những việc làm cụ thể nào?

3, Em có đồng ý với thái độ và hành vi của anh Q không? Vì sao?

4, Nêu những việc em có thể làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương?

* Mỗi nhóm 2 hs, thảo luận trong thời gian 5 phút, trả lời câu hỏi lên phiếu học tập.

Trường hợp 1	Trường hợp 2	Trường hợp 3

GV quan sát, theo dõi học sinh làm việc, hỗ trợ học sinh nếu cần.

* Gọi một nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nghe nhận xét bổ sung.

* Gv nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:

- Truyền thống tôn sư trọng đạo, yêu thương con người, một số món ăn là đặc sản của vùng miền. Những truyền thống đó đã nói lên đặc trưng của những nét văn hóa từng quê hương, vùng miền; góp phần làm phong phú thêm truyền thống dân tộc.

- Để giữ gìn truyền thống quê hương mỗi người cần:

Siêng năng kiên trì học tập và rèn luyện, đoàn kết giúp đỡ nhau, chủ động và tích cực tham gia các hoạt động của cộng đồng, góp phần vào sự phát triển của quê hương.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (30')

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét đánh giá việc làm thể hiện giữ gìn truyền thống quê hương; kể được những việc cần làm để giữ gìn truyền thống quê hương.

b) Nội dung: Học sinh chơi trò chơi, làm bài tập trong sgk.

Bài 1: Hãy liệt kê những truyền thống tốt đẹp của quê hương em và viết những việc cần làm để giữ gìn và phát huy truyền thống tốt đẹp của quê hương theo bảng sau

Tên truyền thống	Những việc cần làm
?	?
?	?
...	...

Bài 2,3 sgk trang 8.

c) Sản phẩm:

<i>Tên truyền thống</i>	<i>Những việc làm</i>
<i>Yêu nước</i>	<i>Cố gắng học tập và rèn luyện để góp phần xây dựng và bảo vệ đất nước</i>
<i>Hiếu học</i>	<i>Cố gắng học tập và rèn luyện để đạt kết quả cao.</i>
<i>Làm mộc La Xuyên</i>	<i>Tìm hiểu về truyền thống, kế thừa và phát huy nghề truyền thống.</i>
<i>Đúc đồng Tống Xá</i>	...
<i>Khảm trai Yên Tiến</i>	...
<i>Hát chèo Yên Phong</i>	...

Bài 2: Đồng tình với việc làm B, D, E. Vì đây là những việc làm góp phần giữ gìn truyền thống quê hương.

d) Tổ chức thực hiện:

- Bài 1 và 2 Hs làm ra giấy, Gọi 2 Hs lên bảng làm

- Nhận xét bài làm của HS làm trên bảng

Học sinh làm bài tập 1 sgk trang ra phiếu học tập

* Học sinh làm bài ra phiếu học tập, nộp lại bài làm cho Gv: HS kể được một số truyền thống quê hương và nêu được việc làm phù hợp để giữ gìn truyền thống (khoảng 5 tt).

* Chữa một số bài của hs, còn lại Gv sẽ chấm và trả sau.

- Thu kết quả, chấm

Bài tập 3

* GV tổ chức cho học sinh chơi trò chơi “Vòng quay may mắn”

- Luật chơi: Gọi lần lượt học sinh chọn 1 số tương ứng với câu hỏi. Học sinh trả lời đúng câu hỏi thì được tham gia quay vòng quay may mắn, số điểm thưởng tương ứng với số điểm mà hs quay được.

- Câu hỏi:

1, Câu ca dao “Thương người như thể thương thân” nói đến truyền thống nào sau đây?

A. Hiếu học B. Yêu thương con người C. Tôn sư trọng đạo D. Lao động cần cù

2, Lễ hội Đền Hùng được tổ chức ở vùng quê nào sau đây?

a. Nam Định b. Thái Bình c. Phú Thọ d. Vĩnh Phúc

3, Địa danh nào là đền thờ bà Lương Thị Minh Nguyệt (người có công trong công cuộc diệt giặc Minh)

a. Yên Trung. b. Yên Nghĩa. c. Yên Thọ. d. Yên Phương.

4, Việc làm nào sau đây là giữ gìn và phát huy truyền thống quê hương?

e. Giới thiệu với mọi người về truyền thống quê hương mình.

f. Giới thiệu với các bạn về một quyển sách hay.

g. Kể về một chuyến thăm quan đầy ý nghĩa.

h. Chăm sóc cây trong khu vườn trường.

5, Khi nhắc đến địa danh Tổng Xá chúng ta nghĩ đến nghề truyền thống nào sau đây?

c. Nghề làm nón lá

c. Nghề làm mộc.

d. Nghề đúc đồng.

d. Nghề dệt lụa.

Học sinh trả lời đúng giáo viên khuyến khích, động viên bằng điểm thưởng hoặc phần quà.

4. Hoạt động 4: Vận dụng(15')

a) Mục tiêu: Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn cuộc sống nhằm phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực giao tiếp và hợp tác

b) Nội dung: Hs biết nêu được những việc đã làm và sẽ tiếp tục làm để giữ gìn truyền thống quê hương.

Hs viết một thông điệp, làm tập san thể hiện niềm tự hào về truyền thống quê hương

c) Sản phẩm: Phần bài làm của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

Câu 4: Nêu những việc đã làm và sẽ làm để giữ gìn truyền thống quê hương.

Câu 5: Học sinh viết thông điệp thể hiện niềm tự hào về truyền thống quê hương.

Làm việc theo nhóm lớn tạo một tập san thể hiện niềm tự hào về truyền thống quê hương.

* Câu 4: Hs nêu. Gv động viên khuyến khích.

* HS phân chia nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm, từng thành viên nhận nhiệm vụ và hoàn thiện sản phẩm ở nhà. (HD: có thể vẽ tranh, chụp ảnh, sưu tầm, giới thiệu về truyền thống quê hương)

* Báo cáo sản phẩm trong giờ học tiếp theo

Rút kinh nghiệm sau bài dạy

.....
.....
.....
.....
.

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 2: BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA

Thời lượng thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm di sản văn hóa và một số loại di sản văn hóa của Việt Nam.
- Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hóa.
- Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hóa.
- Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.
- Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hóa.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học:* Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống bảo vệ di sản văn hóa.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

3. Về phẩm chất:

- *Trung thực:* Mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa và cách đấu tranh; ngăn chặn các hành vi đó.
- *Yêu nước:* Có ý thức bảo vệ các di sản văn hoá, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá.

- *Trách nhiệm*: Tự kiểm soát, đánh giá những quy định của tập thể, chịu trách nhiệm và thực hiện trách nhiệm công dân với cộng đồng, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. **Thiết bị dạy học**: máy tính, máy chiếu.

2. **Học liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7*, tư liệu báo chí, thông tin, bảng nhóm, giấy A0, tranh ảnh, bút dạ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu) a. Mục tiêu: - Tạo hứng thú và tâm thế cho bài học. - Giúp HS huy động được kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân về các vấn đề liên quan đến di sản văn hóa - Bước đầu xác định và phân biệt được di sản văn hóa b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “Tiếp sức đồng đội”. c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “Tiếp sức đồng đội”. Gv chia lớp thành 3 nhóm. Phổ biến luật chơi. Luật chơi: - Mỗi nhóm cử 3 bạn lên bảng xếp mỗi nhóm thành 1 hàng - <i>Trả lời câu hỏi: Em hãy liệt kê những địa điểm du lịch mà em biết</i> - Khi GV nói bắt đầu thì lần lượt từng thành viên thứ nhất của mỗi nhóm lên ghi 1 đáp án. Khi xong chạy về cuối hàng để bạn thứ 2 lên... - Thời gian 3 phút. Khi kết thúc trò chơi, đội nào viết được đúng nhiều đáp án thì chiến thắng Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS mỗi nhóm cử đại diện 3 bạn lên chơi Bước 3: Báo cáo kết quả và trả lời câu hỏi. - Từng nhóm trình bày đáp án trong cùng 1 khoảng thời gian trên bảng. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	

- Gv nhận xét tinh thần chơi của các đội, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học.

GV kết nối vào bài:

Trong các địa điểm du lịch các em kể có những địa điểm là di sản văn hóa. Vậy di sản văn hóa là gì, có những loại di sản văn hóa nào, ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội là gì? Để trả lời những câu hỏi này, mời các em cùng đến với bài học ngày hôm nay

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nhiệm vụ 1: Di sản văn hóa là gì?

a. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm thế nào là di sản văn hóa
- Kể tên, nhận biết được 1 số di sản văn hóa

b. Nội dung:

- GV yêu cầu học sinh quan sát 6 bức ảnh trong SGK T 9,10 và trả lời câu hỏi vào phiếu học tập:



The images are numbered 1 through 6:

- 1. A traditional wooden structure, possibly a temple or historical building.
- 2. A view of a traditional village with a river and old houses.
- 3. A large, ancient stone structure, possibly a fortress or historical site.
- 4. A group of people in traditional Vietnamese clothing (áo dài) playing musical instruments.
- 5. A group of people in traditional black clothing playing musical instruments.
- 6. A group of people in traditional clothing performing a dance or cultural activity.

Below the images, there is a text box with a question mark icon and two questions:

a) Em hãy cho biết tên của di sản gắn với từng hình ảnh trên và những đặc điểm chung của các hình ảnh đó.

b) Theo em, di sản văn hoá là gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS

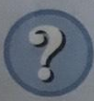
Nội dung cần đạt

Nhiệm vụ 1: Di sản văn hóa là gì

I. Khám

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập cá nhân. * Gv yêu cầu học sinh quan sát 6 bức tranh trong sách. Gv phát phiếu học tập cá nhân, yêu cầu các em suy nghĩ và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập. 1. Em hãy cho biết tên của di sản gắn với từng hình ảnh trên và những đặc điểm chung của các hình ảnh đó. 2. Em hiểu thế nào là di sản văn hóa? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin, tranh ảnh, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi 6 hs trả lời 6 bức tranh trong phiếu học tập. - Gọi các học sinh khác nhận xét câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.	phá 1. Di sản văn hóa là gì? * Quan sát tranh. - Chùa một cột - Phố cổ Hội An - Khu di tích Mỹ Sơn - Đền ca tày tử Nam Bộ - Hát then - ... *Nhận xét Di sản văn hóa là sản phẩm vật chất và tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học được lưu truyền từ đời này sang đời khác.
Nhiệm vụ 2: Phân loại di sản văn hóa a. Mục tiêu: - Phân loại được các di sản văn hóa b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc ngữ liệu trong SGK T10 và trả lời các câu hỏi vào phiếu học tập	

STT	Ngày/ tháng /năm	Tên di sản văn hóa	Loại di sản văn hóa
1			
2			
3			
4			
5			

 Dựa vào thông tin trên, em hãy quan sát các hình ảnh dưới đây và cho biết di sản văn hoá nào là: Di tích lịch sử; Danh lam thắng cảnh; Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Di sản văn hoá phi vật thể. Giải thích vì sao.



1



2



3



4

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Sản phẩm phiếu học tập của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 2: Phân loại di sản văn hóa Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập cá nhân. * Gv yêu cầu học sinh đọc ngữ liệu trong SGK T10 và trả lời các câu hỏi vào phiếu học tập theo nhóm - Theo em, di sản văn hóa có thể được chia thành những loại nào? Em hãy chia sẻ hiểu biết của em về các loại di sản văn hóa đó? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập	2. Phân loại di sản văn hóa Di sản văn hóa bao gồm 2 loại: -DSVH vật thể: là

- Học sinh làm việc theo nhóm, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập.
- Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin, tranh ảnh, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV gọi 1 số nhóm lên bảng trình bày
- Gọi các học sinh khác nhận xét câu trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.

sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, bao gồm các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. VD: Khu di tích Mỹ Sơn, phố cổ Hội An...

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS

* Gv yêu cầu học sinh đọc ngữ liệu trong SGK T11 và quan sát 4 bức tranh và trả lời câu hỏi

- Dựa vào thông tin trên, em hãy quan sát các hình ảnh và cho biết di sản văn hóa nào là: Di tích lịch sử, Danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật quốc gia, di sản văn hóa phi vật thể. Giải thích vì sao?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập.
- Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin, tranh ảnh, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV gọi 1 HS trình bày
- Gọi các học sinh khác nhận xét câu trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.

- **DSVH**
phi vật thể: là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái

	tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn các hình thức khác. VD: <i>Hát Xoan – Phú Thọ, Đờn ca tài tử Nam Bộ...</i> + Di tích lịch sử văn hoá là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật cổ vật, bảo vật quốc gia. có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học. + Danh lam thắng cảnh: là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự
--	--

	kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử, thẩm mỹ, khoa học. + Di vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học. + Cổ vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học có từ một trăm năm tuổi trở lên. + Bảo vật quốc gia là hiện vật được lưu truyền lại có giá trị đặc biệt quý hiếm, tiêu biểu
--	---

	của đất nước về lịch sử, văn hóa, khoa học.
Nhiệm vụ 3 Ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội a. Mục tiêu: - Nêu được ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội b. Nội dung: - GV yêu cầu học sinh đọc thông tin <i>Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam vì sự phát triển bền vững</i> trong SGK T12 và trả lời câu hỏi vào giấy A0 - Làm việc nhóm với kỹ thuật khăn phủ bàn - Theo em thông tin trên đã cho thấy di sản văn hóa có ý nghĩa như thế nào đối với con người và xã hội ? - Em hãy chia sẻ thêm những hiểu biết của mình về ý nghĩa của di sản văn hóa? c. Sản phẩm: Bài làm trên giấy A0 d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS * GV yêu cầu học sinh đọc thông tin <i>Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam vì sự phát triển bền vững</i> trong SGK T12 và trả lời câu hỏi vào giấy A0. - GV chia lớp thành 6 nhóm và phát giấy A0 - Hình thức thảo luận nhóm - Kỹ thuật: Khăn phủ bàn. Câu hỏi - Theo em thông tin trên đã cho thấy di sản văn hóa có ý nghĩa như thế nào đối với con người và xã hội ? - Em hãy chia sẻ thêm những hiểu biết của mình về ý nghĩa của di sản văn hóa? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc nhóm trong thời gian 5 phút, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi vào giấy A0. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin từ ngữ liệu, năng lực làm việc nhóm Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	3. Ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội. - Di sản văn hóa là tài sản, niềm tự hào của dân tộc, thể hiện lịch sử, sự sáng tạo và bản sắc dân tộc trong công cuộc xây

- GV gọi 1 nhóm lên bảng trình bày - Gọi các học sinh nhóm khác nhận xét câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.	dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm cơ sở cho thể hệ sau phát huy và phát triển. - Di sản văn hóa góp phần phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm phong phú kho tàng di sản văn hóa nhân loại.
Nhiệm vụ 4 Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hóa. a. Mục tiêu: - Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hóa. - Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó. b. Nội dung: - GV yêu cầu học sinh đọc thông tin <i>Luật Di sản văn hóa năm 2021</i> trong SGK T12,13 và quan sát 5 hình ảnh trả lời câu hỏi	



- Căn cứ vào những quy định của pháp luật trong thông tin, em hãy nhận xét việc làm, hành động của các tổ chức, cá nhân trong các hình ảnh trên?
- Trước những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa, em cần thể hiện thái độ và hành động như thế nào?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS - GV yêu cầu học sinh đọc thông tin Luật Di sản văn hóa năm 2021 trong SGK T12,13 và quan sát 5 hình ảnh trả lời câu hỏi - Hình thức hoạt động theo cặp. Câu hỏi - Căn cứ vào những quy định của pháp luật trong thông tin, em hãy nhận xét việc làm, hành động của các tổ chức, cá nhân trong các hình ảnh trên? - Trước những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa, em cần thể hiện thái độ và hành động như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc theo cặp trong thời gian 5 phút, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin từ ngữ liệu, tranh ảnh, năng lực làm việc theo cặp Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi 1 HS lên bảng trình bày - Gọi các học sinh khác nhận xét câu trả lời.	4. Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hóa. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.

DSVH:

- Tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá;

- Thông báo kịp thời địa điểm phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh; giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do mình tìm được cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất;

- Ngăn chặn hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn, xử lý kịp thời những

	hành vi sai lệch, phá hoại, chiếm đoạt, sử dụng trái phép di sản văn hoá; hoặc thấy di sản văn hoá có nguy cơ bị làm sai lệch giá trị, bị huỷ hoại, bị mất. - Thực hiện các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá - Chuyển giao di sản văn hóa cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp không có đủ điều kiện và khả năng bảo vệ và phát
--	--

		huy giá trị.																
3. Hoạt động 3: Luyện tập																		
a. Mục tiêu:																		
-HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong phần “Khám phá”, thực hành làm bài tập và xử lí các tình huống cụ thể.																		
b. Nội dung:																		
- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ...																		
c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.																		
* Bài tập: Câu trả lời các bài tập và tình huống của học sinh.																		
d. Tổ chức thực hiện:																		
Hoạt động của GV - HS		Nội dung cần đạt																
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập		II. Luyện tập																
* GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập		Bài 1																
Bài 1: Theo em, những giá trị văn hóa nào dưới đây đã được công nhận là di sản văn hóa?		sgk/T14																
A.Nhã nhạc cung đình Huế(Thừa Thiên Huế)		A.Nhã nhạc cung đình Huế(Thừa Thiên Huế)																
B.Hội Gióng đền Phù Đồng và đền Sóc (Hà Nội)		B.Hội Gióng đền Phù Đồng và đền Sóc (Hà Nội)																
C. Công trình thủy điện Yaly (Gia Lai)		D.Khu di tích văn hóa Óc Eo (An Giang)																
D.Khu di tích văn hóa Óc Eo (An Giang)																		
E. Bãi biển Mỹ Khê (Đà Nẵng)																		
Bài 2: HS làm việc theo nhóm và điền vào phiếu học tập																		
<i>Em hãy phân loại các di sản theo bảng gợi ý dưới đây:</i>																		
<table><tr><th>Di tích lịch sử, văn hoá</th><th>Danh lam thắng cảnh</th><th>Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia</th><th>Di sản văn hoá phi vật thể</th></tr><tr><td>?</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>?</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr><tr><td>?</td><td>?</td><td>?</td><td>?</td></tr></table>		Di tích lịch sử, văn hoá	Danh lam thắng cảnh	Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hoá phi vật thể	?	?	?	?	?	?	?	?	?	?	?	?	
Di tích lịch sử, văn hoá	Danh lam thắng cảnh	Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hoá phi vật thể															
?	?	?	?															
?	?	?	?															
?	?	?	?															
		Bài 2																
		sgk/T15																
		- Di tích lịch sử văn																

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ gợi ý nếu cần. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trả lời câu hỏi, trình bày phiếu học tập hặc thu phiếu học tập của Hs để đánh giá; chơi trò chơi sắm vai giải quyết tình huống. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân, nhóm. - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ và tinh thần chơi trò chơi và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức	Kiều, Lễ hội đua thuyền đình Bình Thủy. Bài 3 sgk/T15 a) Em không đồng ý với những việc làm trên. Bởi vì những hành động viết, vẽ bậy, khắc chữ lên trên các công trình di tích lịch sử chính là hành vi phá hoại, xâm hại đến các di tích lịch sử đó, gây mất mỹ quan, làm hư hại công trình. b) Nếu bắt gặp những người đang viết vẽ lên các công trình di tích lịch sử, em sẽ
--	--

	khuyên họ không nên làm như vậy, có rất nhiều cách khác để có thể ghi lại dấu ấn và kỉ niệm khi đến tham quan di tích lịch sử như chụp ảnh, mua quà lưu niệm,... thay vì khắc chữ, viết, vẽ vì làm như thế là đang góp phần phá hoại, làm hư tổn và gây mất cảnh quan ở khu du tích. Bài 4 sgk/T15 Em sẽ khuyên bố rằng hãy mang cổ vật đó giao nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải
--	---

	quyết. Bởi vì nếu như giữ lại cổ vật đó trong nhà hoặc đem đi bán đều là hành vi vi phạm pháp luật. Bài 5 sgk/T15 *Một số di sản văn hóa ở địa phương em (Nam Định) là -Đền Trần -Chùa Phố Minh -Ngôi làng cổ Dịch Diệp. ... -Ngôi nhà số 7 Bến Ngự ... -Thăm nhà lưu niệm cố Tổng bí thư Trường Chinh. ... -Chùa Keo Hành Thiện. ... -Di tích lịch sử - văn hóa Phủ Dày
--	---

	*Em đã làm những việc để góp phần giữ gìn, bảo tồn và phát uy những di sản văn hóa này là: + giữ gìn sạch sẽ các di sản văn hóa, địa phương. + đi tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, di sản văn hóa + không vứt rác bừa bãi + tố giác kẻ gian ăn cắp các cổ vật di vật + tham gia các lễ hội truyền thống.
--	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu có nội dung về các di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam để xây dựng thành tập san

c. Sản phẩm: Tập san của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi hoạt động dự án, làm tập san

1. Hoạt động dự án làm tập san

Em hãy sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có nội dung về các di sản văn hóa thế giới Việt Nam để xây dựng thành tập san trình bày tại lớp

2. Lập kế hoạch

Em hãy cùng bạn xây dựng kế hoạch chăm sóc di tích, danh lam thắng cảnh ở địa phương và thực hiện theo kế hoạch đã xây dựng

- Gv hướng dẫn hs thực hiện các nhiệm vụ này ở nhà nếu thời gian trên lớp không đủ, học sinh hoàn thành bài và nộp vào buổi sau.

- GV có thể đưa ra một vài gợi ý giúp hs hình dung được các nội dung cần thực hiện

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Với hoạt động dự án làm tập san: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị.

- Với hoạt động viết lập kế hoạch, các em có thể làm việc nhóm, cùng liệt kê các hoạt động

- Trình bày ý tưởng, phân công thư kí, báo cáo, thống nhất thời gian hoàn thành nhiệm vụ...

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực vào buổi sau (nếu không còn thời gian).

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân (kế hoạch).

+ Với hoạt động nhóm: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian.

- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yc hs nhận xét câu trả lời.

- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 2: BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA

Thời lượng thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm di sản văn hóa và một số loại di sản văn hóa của Việt Nam.
- Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội.
- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hóa.
- Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hóa.
- Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.
- Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hóa.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học*: Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống bảo vệ di sản văn hóa.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

3. Về phẩm chất:

- *Trung thực*: Mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa và cách đấu tranh; ngăn chặn các hành vi đó.
- *Yêu nước*: Có ý thức bảo vệ các di sản văn hoá, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá.
- *Trách nhiệm*: Tự kiểm soát, đánh giá những quy định của tập thể, chịu trách nhiệm và thực hiện trách nhiệm công dân với cộng đồng, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7*, tư liệu báo chí, thông tin, bảng nhóm, giấy A0, tranh ảnh, bút dạ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu) a. Mục tiêu: - Tạo hứng thú và tâm thế cho bài học. - Giúp HS huy động được kiến thức, kĩ năng, kinh nghiệm của bản thân về các vấn đề liên quan đến di sản văn hóa - Bước đầu xác định và phân biệt được di sản văn hóa b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “Tiếp sức đồng đội”. c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “Tiếp sức đồng đội”. Gv chia lớp thành 3 nhóm. Phổ biến luật chơi. Luật chơi: - Mỗi nhóm cử 3 bạn lên bảng xếp mỗi nhóm thành 1 hàng - <i>Trả lời câu hỏi: Em hãy liệt kê những địa điểm du lịch mà em biết</i> - Khi GV nói bắt đầu thì lần lượt từng thành viên thứ nhất của mỗi nhóm lên ghi 1 đáp án. Khi xong chạy về cuối hàng để bạn thứ 2 lên... - Thời gian 3 phút. Khi kết thúc trò chơi, đội nào viết được đúng nhiều đáp án thì chiến thắng Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS mỗi nhóm cử đại diện 3 bạn lên chơi Bước 3: Báo cáo kết quả và trả lời câu hỏi. - Từng nhóm trình bày đáp án trong cùng 1 khoảng thời gian trên bảng. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét tinh thần chơi của các đội, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học. GV kết nối vào bài: <i>Trong các địa điểm du lịch các em kể có những địa điểm là di sản văn hóa. Vậy di sản văn hóa là gì, có những loại di sản văn hóa nào, ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội là gì? Để trả lời những câu hỏi này, mời các em cùng đến với bài học</i>	

ngày hôm nay

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nhiệm vụ 1: Di sản văn hóa là gì?

a. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm thế nào là di sản văn hóa
- Kể tên, nhận biết được 1 số di sản văn hóa

b. Nội dung:

- GV yêu cầu học sinh quan sát 6 bức ảnh trong SGK T 9,10 và trả lời câu hỏi vào phiếu học tập:



a) Em hãy cho biết tên của di sản gắn với từng hình ảnh trên và những đặc điểm chung của các hình ảnh đó.

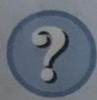
b) Theo em, di sản văn hoá là gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

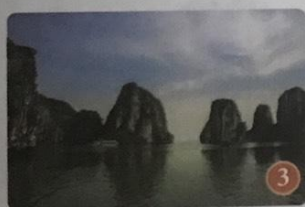
d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 1: Di sản văn hóa là gì Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập cá nhân. * Gv yêu cầu học sinh quan sát 6 bức tranh trong sách. - Gv phát phiếu học tập cá nhân, yêu cầu các em suy nghĩ và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập. 1. Em hãy cho biết tên của di sản gắn với từng hình ảnh trên và	I. Khám phá 1. Di sản văn hóa là gì? * Quan sát tranh. - Chùa một

những đặc điểm chung của các hình ảnh đó. 2. Em hiểu thế nào là di sản văn hóa? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin, tranh ảnh, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi 6 hs trả lời 6 bức tranh trong phiếu học tập. - Gọi các học sinh khác nhận xét câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.	cột - Phố cổ Hội An - Khu di tích Mỹ Sơn - Đền ca tòi tử Nam Bộ - Hát then - ... *Nhận xét Di sản văn hóa là sản phẩm vật chất và tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học được lưu truyền từ đời này sang đời khác.		
Nhiệm vụ 2: Phân loại di sản văn hóa a. Mục tiêu: - Phân loại được các di sản văn hóa b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc ngữ liệu trong SGK T10 và trả lời các câu hỏi vào phiếu học tập			
STT	Ngày/ tháng /năm	Tên di sản văn hóa	Loại di sản văn hóa
1			
2			
3			
4			
5			



Dựa vào thông tin trên, em hãy quan sát các hình ảnh dưới đây và cho biết di sản văn hoá nào là: Di tích lịch sử; Danh lam thắng cảnh; Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Di sản văn hoá phi vật thể. Giải thích vì sao.



- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Sản phẩm phiếu học tập của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 2: Phân loại di sản văn hóa Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập cá nhân. * Gv yêu cầu học sinh đọc ngữ liệu trong SGK T10 và trả lời các câu hỏi vào phiếu học tập theo nhóm - Theo em, di sản văn hóa có thể được chia thành những loại nào? Em hãy chia sẻ hiểu biết của em về các loại di sản văn hóa đó? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc theo nhóm, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin, tranh ảnh, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi 1 số nhóm lên bảng trình bày - Gọi các học sinh khác nhận xét câu trả lời.	2. Phân loại di sản văn hóa Di sản văn hóa bao gồm 2 loại: -DSVH vật thể: là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, bao gồm các di tích lịch sử

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.

- thể:** là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền

	miệng, truyền nghề, trình diễn các hình thức khác. VD: <i>Hát Xoan – Phú Thọ, Đờn ca tài tử Nam Bộ...</i> + Di tích lịch sử văn hoá là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật cổ vật, bảo vật quốc gia. có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học. + Danh lam thắng cảnh: là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị
--	---

	lịch sử thẩm mỹ, khoa học. + Di vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học. + Cổ vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học có từ một trăm năm tuổi trở lên. + Bảo vật quốc gia là hiện vật được lưu truyền lại có giá trị đặc biệt quý hiếm, tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hóa, khoa học.
Nhiệm vụ 3 Ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội	

a. Mục tiêu:

- Nêu được ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội

b. Nội dung:

- GV yêu cầu học sinh đọc thông tin *Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam vì sự phát triển bền vững* trong SGK T12 và trả lời câu hỏi vào giấy A0

- Làm việc nhóm với kỹ thuật khăn phủ bàn

- Theo em thông tin trên đã cho thấy di sản văn hóa có ý nghĩa như thế nào đối với con người và xã hội ?

- Em hãy chia sẻ thêm những hiểu biết của mình về ý nghĩa của di sản văn hóa?

c. Sản phẩm: Bài làm trên giấy A0**d. Tổ chức thực hiện:**

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS * GV yêu cầu học sinh đọc thông tin <i>Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam vì sự phát triển bền vững</i> trong SGK T12 và trả lời câu hỏi vào giấy A0. - GV chia lớp thành 6 nhóm và phát giấy A0 - Hình thức thảo luận nhóm - Kỹ thuật: Khăn phủ bàn. Câu hỏi - Theo em thông tin trên đã cho thấy di sản văn hóa có ý nghĩa như thế nào đối với con người và xã hội ? - Em hãy chia sẻ thêm những hiểu biết của mình về ý nghĩa của di sản văn hóa? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc nhóm trong thời gian 5 phút, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi vào giấy A0. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin từ ngữ liệu, năng lực làm việc nhóm Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi 1 nhóm lên bảng trình bày - Gọi các học sinh nhóm khác nhận xét câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.	3. Ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội. - Di sản văn hóa là tài sản, niềm tự hào của dân tộc, thể hiện lịch sử, sự sáng tạo và bản sắc dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm cơ sở cho thế hệ sau phát huy và phát

triển.
- Di sản văn hóa góp phần phát triển nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc, làm phong phú kho tàng di sản văn hóa nhân loại.

Nhiệm vụ 4

Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hóa.

a. Mục tiêu:

- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hóa.
- Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu học sinh đọc thông tin *Luật Di sản văn hóa năm 2021* trong SGK T12,13 và quan sát 5 hình ảnh trả lời câu hỏi



- Căn cứ vào những quy định của pháp luật trong thông tin, em hãy nhận xét việc làm, hành động của các tổ chức, cá nhân trong các hình ảnh trên?
- Trước những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa, em cần thể hiện thái độ và hành động như thế nào?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS - GV yêu cầu học sinh đọc thông tin <i>Luật Di sản văn hóa năm 2021</i> trong SGK T12,13 và quan sát 5 hình ảnh trả lời câu hỏi - Hình thức hoạt động theo cặp. Câu hỏi - Căn cứ vào những quy định của pháp luật trong thông tin, em hãy nhận xét việc làm, hành động của các tổ chức, cá nhân trong các hình ảnh trên? - Trước những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa, em cần thể hiện thái độ và hành động như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc theo cặp trong thời gian 5 phút, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin từ ngữ liệu, tranh ảnh, năng lực làm việc theo cặp Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi 1 HS lên bảng trình bày - Gọi các học sinh khác nhận xét câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.	4. Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hóa. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ DSVH: - Tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; - Thông báo kịp thời địa điểm phát hiện di vật, cổ vật, bảo

	vật quốc gia, di tích lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh; giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do mình tìm được cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất; - Ngăn chặn hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi sai lệch, phá hoại, chiếm đoạt, sử dụng trái phép di sản văn hoá; hoặc thấy di sản văn hoá có nguy cơ bị làm sai
--	---

	lệch giá trị, bị huỷ hoại, bị mất. - Thực hiện các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá - Chuyển giao di sản văn hóa cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp không có đủ điều kiện và khả năng bảo vệ và phát huy giá trị.
3. Hoạt động 3: Luyện tập a. Mục tiêu: -HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần “Khám phá”, thực hành làm bài tập và xử lý các tình huống cụ thể. b. Nội dung: - Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ... c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. * Bài tập: Câu trả lời các bài tập và tình huống của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

* GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập

Bài 1: Theo em, những giá trị văn hóa nào dưới đây đã được công nhận là di sản văn hóa?

- A. Nhã nhạc cung đình Huế(Thừa Thiên Huế)
- B. Hội Gióng đền Phù Đồng và đền Sóc (Hà Nội)
- C. Công trình thủy điện Yaly (Gia Lai)
- D. Khu di tích văn hóa Óc Eo (An Giang)
- E. Bãi biển Mỹ Khê (Đà Nẵng)

Bài 2: HS làm việc theo nhóm và điền vào phiếu học tập

Em hãy phân loại các di sản theo bảng gợi ý dưới đây:

Di tích lịch sử, văn hoá	Danh lam thắng cảnh	Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hoá phi vật thể
?	?	?	?
?	?	?	?
?	?	?	?

Bài 3: Chơi trò chơi sắm vai để giải quyết tình huống ở bài tập 3.

- Gv chia nhóm, để các nhóm suy nghĩ, phân tích tình huống, đưa ra các cách giải quyết cho tình huống và tiến hành sắm vai.

Câu hỏi phân tích tình huống theo SGK:

a, Em đồng ý hay không đồng ý với những việc làm trên? Vì sao?

b, Nếu gặp những người đang viết, vẽ như vậy, em có thể nói gì với họ?

II. Luyện tập

Bài 1 sgk/T14

A. Nhã nhạc cung đình Huế(Thừa Thiên Huế)
B. Hội Gióng đền Phù Đồng và đền Sóc (Hà Nội)
D. Khu di tích văn hóa Óc Eo (An Giang)

Bài 2 sgk/T15

- Di tích lịch sử văn hóa: Địa đạo Củ Chi, Hoàng Thành Thăng Long
- Danh lam thắng cảnh: Khu du lịch Tràng An, Động Phong

Bài 4: Làm bài cá nhân Giả sử trong quá trình đào móng xây nhà, bố em phát hiện có cổ vật không rõ nguồn gốc từ đâu. Em sẽ khuyên bố làm gì? Vì sao? Bài 5: GV cho Hs quan sát video https://www.youtube.com/watch?v=rzWPj0mTbak và trả lời câu hỏi -Em hãy kể tên 1 số di sản văn hóa ở địa phương? - Em đã làm gì để góp phần giữ gìn, bảo tồn và phát huy những di sản văn hóa đó? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh hoạt động cá nhân, hoạt động nhóm để trả lời các câu hỏi ở bài tập 1,2,3,4,5 và hoàn thành phiếu bài tập ở bài tập 2 SGK (Tr 15). - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, hỗ trợ gợi ý nếu cần. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trả lời câu hỏi, trình bày phiếu học tập hặc thu phiếu học tập của Hs để đánh giá; chơi trò chơi sắm vai giải quyết tình huống. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân, nhóm. - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ và tinh thần chơi trò chơi và kết quả làm việc cá	Nha, Bàu Trắng - Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia: Mộc bản chùa Vĩnh Nghiêm - Di sản văn hóa phi vật thể: Nhã nhạc cung đình Huế, Dân ca Quan họ Bắc Ninh, Lễ cấp sắc của người Dao Tiền, Lễ hội Ada Koonh của người Pa Kô, Nghề gốm Thanh Hà, Truyện Kiều, Lễ hội đua thuyền đình Bình Thủy. Bài 3 sgk/T15 a) Em không đồng ý với những việc làm trên. Bởi vì
--	--

nhân, nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức	những hành động viết, vẽ bậy, khắc chữ lên trên các công trình di tích lịch sử chính là hành vi phá hoại, xâm hại đến các di tích lịch sử đó, gây mất mỹ quan, làm hư hại công trình. b) Nếu bắt gặp những người đang viết vẽ lên các công trình di tích lịch sử, em sẽ khuyên họ không nên làm như vậy, có rất nhiều cách khác để có thể ghi lại dấu ấn và kỉ niệm khi đến tham quan di tích lịch sử như chụp
---	--

	ảnh, mua quà lưu niệm,... thay vì khắc chữ, viết, vẽ vì làm như thế là đang góp phần phá hoại, làm hư tổn và gây mất cảnh quan ở khu du tích. Bài 4 sgk/T15 Em sẽ khuyến bố rằng hãy mang cổ vật đó giao nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Bởi vì nếu như giữ lại cổ vật đó trong nhà hoặc đem đi bán đều là hành vi vi phạm pháp luật. Bài 5 sgk/T15 *Một số di
--	--

	sản văn hóa ở địa phương em (Nam Định) là -Đền Trần -Chùa Phố Minh -Ngôi làng cổ Dịch Diệp. ... -Ngôi nhà số 7 Bến Ngự ... -Thăm nhà lưu niệm cố Tổng bí thư Trường Chinh. ... -Chùa Keo Hành Thiện. ... -Di tích lịch sử - văn hóa Phủ Dày *Em đã làm những việc để góp phần giữ gìn, bảo tồn và phát uy những di sản văn hóa này là: + giữ gìn sạch sẽ các di sản văn hóa, địa
--	---

	phương. + đi tham quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, di sản văn hóa + không vứt rác bừa bãi + tố giác kẻ gian ăn cắp các cổ vật di vật + tham gia các lễ hội truyền thống.
--	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu có nội dung về các di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam để xây dựng thành tập san

c. Sản phẩm: Tập san của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi hoạt động dự án, làm tập san

1. Hoạt động dự án làm tập san

Em hãy sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có nội dung về các di sản văn hóa thế giới Việt Nam để xây dựng thành tập san trình bày tại lớp

2. Lập kế hoạch

Em hãy cùng bạn xây dựng kế hoạch chăm sóc di tích, danh lam thắng cảnh ở địa phương và thực hiện theo kế hoạch đã xây dựng

- Gv hướng dẫn hs thực hiện các nhiệm vụ này ở nhà nếu thời gian trên lớp không đủ, học sinh hoàn thành bài và nộp vào buổi sau.
- GV có thể đưa ra một vài gợi ý giúp hs hình dung được các nội dung cần thực hiện

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Với hoạt động dự án làm tập san: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị.
- Với hoạt động viết lập kế hoạch, các em có thể làm việc nhóm, cùng liệt kê các hoạt động
- Trình bày ý tưởng, phân công thư kí, báo cáo, thống nhất thời gian hoàn thành nhiệm vụ...

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực vào buổi sau (nếu không còn thời gian).
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân (kế hoạch).
- + Với hoạt động nhóm: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian.
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yc hs nhận xét câu trả lời.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 2: BẢO TỒN DI SẢN VĂN HÓA

Thời lượng thực hiện: 3 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm di sản văn hóa và một số loại di sản văn hóa của Việt Nam.
- Giải thích được ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội.

- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hóa.
- Nhận biết được trách nhiệm của học sinh trong việc bảo tồn di sản văn hóa.
- Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.
- Thực hiện được một số việc cần làm phù hợp với lứa tuổi để góp phần bảo vệ di sản văn hóa.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học*: Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết vấn đề trong những tình huống bảo vệ di sản văn hóa.
- *Giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Biết xác định và làm rõ thông tin, ý tưởng mới; biết phân tích, tóm tắt những thông tin liên quan từ nhiều nguồn khác nhau.

3. Về phẩm chất:

- *Trung thực*: Mạnh dạn bày tỏ ý kiến của mình, phê phán các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa và cách đấu tranh; ngăn chặn các hành vi đó.
- *Yêu nước*: Có ý thức bảo vệ các di sản văn hoá, tích cực tham gia các hoạt động bảo vệ, phát huy giá trị của di sản văn hoá.
- *Trách nhiệm*: Tự kiểm soát, đánh giá những quy định của tập thể, chịu trách nhiệm và thực hiện trách nhiệm công dân với cộng đồng, đất nước.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: máy tính, máy chiếu.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7*, tư liệu báo chí, thông tin, bảng nhóm, giấy A0, tranh ảnh, bút dạ.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu) a. Mục tiêu: - Tạo hứng thú và tâm thế cho bài học. - Giúp HS huy động được kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm của bản thân về các vấn đề liên quan đến di sản văn hóa - Bước đầu xác định và phân biệt được di sản văn hóa b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “Tiếp sức đồng đội”. c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “Tiếp sức đồng	

đội”.

Gv chia lớp thành 3 nhóm.

Phổ biến luật chơi.

Luật chơi:

-Mỗi nhóm cử 3 bạn lên bảng xếp mỗi nhóm thành 1 hàng

-*Trả lời câu hỏi: Em hãy liệt kê những địa điểm du lịch mà em biết*

-Khi GV nói bắt đầu thì lần lượt từng thành viên thứ nhất của mỗi nhóm lên ghi 1 đáp án. Khi xong chạy về cuối hàng để bạn thứ 2 lên...

-Thời gian 3 phút. Khi kết thúc trò chơi, đội nào viết được đúng nhiều đáp án thì chiến thắng

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS mỗi nhóm cử đại diện 3 bạn lên chơi

Bước 3: Báo cáo kết quả và trả lời câu hỏi.

- Từng nhóm trình bày đáp án trong cùng 1 khoảng thời gian trên bảng.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét tinh thần chơi của các đội, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học.

GV kết nối vào bài:

Trong các địa điểm du lịch các em kể có những địa điểm là di sản văn hóa. Vậy di sản văn hóa là gì, có những loại di sản văn hóa nào, ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội là gì? Để trả lời những câu hỏi này, mời các em cùng đến với bài học ngày hôm nay

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới

Nhiệm vụ 1: Di sản văn hóa là gì?

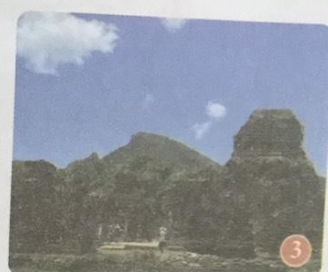
a. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm thế nào là di sản văn hóa

- Kể tên, nhận biết được 1 số di sản văn hóa

b. Nội dung:

- GV yêu cầu học sinh quan sát 6 bức ảnh trong SGK T 9,10 và trả lời câu hỏi vào phiếu học tập:



a) Em hãy cho biết tên của di sản gắn với từng hình ảnh trên và những đặc điểm chung của các hình ảnh đó.

b) Theo em, di sản văn hoá là gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS

Nội dung cần đạt

Nhiệm vụ 1: Di sản văn hóa là gì

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập cá nhân.

* Gv yêu cầu học sinh quan sát 6 bức tranh trong sách.

Gv phát phiếu học tập cá nhân, yêu cầu các em suy nghĩ và trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập.

1. Em hãy cho biết tên của di sản gắn với từng hình ảnh trên và những đặc điểm chung của các hình ảnh đó.

2. Em hiểu thế nào là di sản văn hóa?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập.

- Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin, tranh ảnh, trả lời câu hỏi.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- GV gọi 6 hs trả lời 6 bức tranh trong phiếu học tập.

I. Khám phá

1. Di sản văn hóa là gì?

*** Quan sát tranh.**

- Chùa một cột

- Phố cổ Hội An

- Khu di tích Mỹ Sơn

- Đền ca tài tử Nam Bộ

- Gọi các học sinh khác nhận xét câu trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.

- Hát then

- ...

***Nhận xét**

Di sản văn hóa là sản phẩm vật chất và tinh thần có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học được lưu truyền từ đời này sang đời khác.

Nhiệm vụ 2: Phân loại di sản văn hóa

a. Mục tiêu:

- Phân loại được các di sản văn hóa

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc ngữ liệu trong SGK T10 và trả lời các câu hỏi vào phiếu học tập

STT	Ngày/ tháng /năm	Tên di sản văn hóa	Loại di sản văn hóa
1			
2			
3			
4			
5			



Dựa vào thông tin trên, em hãy quan sát các hình ảnh dưới đây và cho biết di sản văn hoá nào là: Di tích lịch sử; Danh lam thắng cảnh; Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia; Di sản văn hoá phi vật thể. Giải thích vì sao.



1



2



3



4

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hoạt động nhóm.

c. Sản phẩm: Sản phẩm phiếu học tập của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Nhiệm vụ 2: Phân loại di sản văn hóa Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập cá nhân. * Gv yêu cầu học sinh đọc ngữ liệu trong SGK T10 và trả lời các câu hỏi vào phiếu học tập theo nhóm - Theo em, di sản văn hóa có thể được chia thành những loại nào? Em hãy chia sẻ hiểu biết của em về các loại di sản văn hóa đó? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc theo nhóm, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin, tranh ảnh, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi 1 số nhóm lên bảng trình bày - Gọi các học sinh khác nhận xét câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.	2. Phân loại di sản văn hóa Di sản văn hóa bao gồm 2 loại: -DSVH vật thể: là sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, bao gồm các di tích lịch sử - văn hóa, danh lam

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS * Gv yêu cầu học sinh đọc ngữ liệu trong SGK T11 và quan sát 4 bức tranh và trả lời câu hỏi - <i>Dựa vào thông tin trên, em hãy quan sát các hình ảnh và cho biết di sản văn hóa nào là: Di tích lịch sử, Danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật quốc gia, di sản văn hóa phi vật thể. Giải thích vì sao?</i> Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi trong phiếu học tập. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin, tranh ảnh, trả lời câu hỏi. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi 1 HS trình bày - Gọi các học sinh khác nhận xét câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.	thắng cảnh, các di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia. VD: Khu di tích Mỹ Sơn, phố cổ Hội An... - DSVH phi vật thể: là sản phẩm tinh thần gắn với cộng đồng hoặc cá nhân, vật thể và không gian văn hóa liên quan, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, thể hiện bản sắc của cộng đồng, không ngừng được tái tạo và được lưu truyền từ thế hệ này sang thế hệ khác bằng truyền miệng, truyền
---	--

	nghề, trình diễn các hình thức khác. VD: <i>Hát Xoan – Phú Thọ, Đờn ca tài tử Nam Bộ...</i> + Di tích lịch sử văn hoá là công trình xây dựng, địa điểm và các di vật cổ vật, bảo vật quốc gia. có giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học. + Danh lam thắng cảnh: là cảnh quan thiên nhiên hoặc địa điểm có sự kết hợp giữa cảnh quan thiên nhiên với công trình kiến trúc có giá trị lịch sử thẩm mỹ,
--	--

	khoa học. + Di vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học. + Cổ vật là hiện vật được lưu truyền lại, có giá trị tiêu biểu về lịch sử, văn hóa, khoa học có từ một trăm năm tuổi trở lên. + Bảo vật quốc gia là hiện vật được lưu truyền lại có giá trị đặc biệt quý hiếm, tiêu biểu của đất nước về lịch sử, văn hóa, khoa học.
Nhiệm vụ 3 Ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội a. Mục tiêu: - Nêu được ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội	

b. Nội dung: - GV yêu cầu học sinh đọc thông tin <i>Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam vì sự phát triển bền vững</i> trong SGK T12 và trả lời câu hỏi vào giấy A0 - Làm việc nhóm với kỹ thuật khăn phủ bàn - Theo em thông tin trên đã cho thấy di sản văn hóa có ý nghĩa như thế nào đối với con người và xã hội ? - Em hãy chia sẻ thêm những hiểu biết của mình về ý nghĩa của di sản văn hóa? c. Sản phẩm: Bài làm trên giấy A0 d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS * GV yêu cầu học sinh đọc thông tin <i>Bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hóa Việt Nam vì sự phát triển bền vững</i> trong SGK T12 và trả lời câu hỏi vào giấy A0. - GV chia lớp thành 6 nhóm và phát giấy A0 - Hình thức thảo luận nhóm - Kỹ thuật: Khăn phủ bàn. Câu hỏi - Theo em thông tin trên đã cho thấy di sản văn hóa có ý nghĩa như thế nào đối với con người và xã hội ? - Em hãy chia sẻ thêm những hiểu biết của mình về ý nghĩa của di sản văn hóa? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc nhóm trong thời gian 5 phút, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi vào giấy A0. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin từ ngữ liệu, năng lực làm việc nhóm Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi 1 nhóm lên bảng trình bày - Gọi các học sinh nhóm khác nhận xét câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.	3. Ý nghĩa của di sản văn hóa đối với con người và xã hội. - Di sản văn hóa là tài sản, niềm tự hào của dân tộc, thể hiện lịch sử, sự sáng tạo và bản sắc dân tộc trong công cuộc xây dựng và bảo vệ Tổ quốc, làm cơ sở cho thế hệ sau phát huy và phát triển. - Di sản

văn hóa
góp phần
phát triển
nền văn
hóa Việt
Nam tiên
tiến, đậm
đà bản sắc
dân tộc,
làm phong
phú kho
tàng di sản
văn hóa
nhân loại.

Nhiệm vụ 4

Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hóa.

a. Mục tiêu:

- Nêu được quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hóa.
- Liệt kê được các hành vi vi phạm pháp luật về bảo tồn di sản văn hóa và cách đấu tranh, ngăn chặn các hành vi đó.

b. Nội dung:

- GV yêu cầu học sinh đọc thông tin *Luật Di sản văn hóa năm 2021* trong SGK T12,13 và quan sát 5 hình ảnh trả lời câu hỏi



- Căn cứ vào những quy định của pháp luật trong thông tin, em hãy nhận xét việc làm, hành động của các tổ chức, cá nhân trong các hình ảnh trên?

- Trước những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa, em cần thể hiện thái độ và hành động như thế nào? c. Sản phẩm: Câu trả lời của HS d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS - GV yêu cầu học sinh đọc thông tin <i>Luật Di sản văn hóa năm 2021</i> trong SGK T12,13 và quan sát 5 hình ảnh trả lời câu hỏi - Hình thức hoạt động theo cặp. Câu hỏi - Căn cứ vào những quy định của pháp luật trong thông tin, em hãy nhận xét việc làm, hành động của các tổ chức, cá nhân trong các hình ảnh trên? - Trước những hành vi vi phạm quy định của pháp luật về bảo vệ di sản văn hóa, em cần thể hiện thái độ và hành động như thế nào? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc theo cặp trong thời gian 5 phút, suy nghĩ, trả lời các câu hỏi - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin từ ngữ liệu, tranh ảnh, năng lực làm việc theo cặp Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - GV gọi 1 HS lên bảng trình bày - Gọi các học sinh khác nhận xét câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề.	4. Quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ di sản văn hóa. Quyền và nghĩa vụ của tổ chức, cá nhân đối với việc bảo vệ DSVH: - Tôn trọng, bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá; - Thông báo kịp thời địa điểm phát hiện di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia, di tích

	lịch sử, văn hoá, danh lam thắng cảnh; giao nộp di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia do mình tìm được cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền nơi gần nhất; - Ngăn chặn hoặc đề nghị cơ quan nhà nước có thẩm quyền ngăn chặn, xử lý kịp thời những hành vi sai lệch, phá hoại, chiếm đoạt, sử dụng trái phép di sản văn hoá; hoặc thấy di sản văn hoá có nguy cơ bị làm sai lệch giá trị, bị huỷ
--	--

	hoại, bị mất. - Thực hiện các biện pháp bảo vệ và phát huy giá trị di sản văn hoá - Chuyển giao di sản văn hóa cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong trường hợp không có đủ điều kiện và khả năng bảo vệ và phát huy giá trị.
3. Hoạt động 3: Luyện tập a. Mục tiêu: -HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần “Khám phá”, thực hành làm bài tập và xử lý các tình huống cụ thể. b. Nội dung: - Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ... c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. * Bài tập: Câu trả lời các bài tập và tình huống của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của GV - HS	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập * GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo	II. Luyện tập

khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập

Bài 1: Theo em, những giá trị văn hóa nào dưới đây đã được công nhận là di sản văn hóa?

- A. Nhã nhạc cung đình Huế(Thừa Thiên Huế)
- B. Hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc (Hà Nội)
- C. Công trình thủy điện Yaly (Gia Lai)
- D. Khu di tích văn hóa Óc Eo (An Giang)
- E. Bãi biển Mỹ Khê (Đà Nẵng)

Bài 2: HS làm việc theo nhóm và điền vào phiếu học tập

Em hãy phân loại các di sản theo bảng gợi ý dưới đây:

Di tích lịch sử, văn hoá	Danh lam thắng cảnh	Di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia	Di sản văn hoá phi vật thể
?	?	?	?
?	?	?	?
?	?	?	?

Bài 3: Chơi trò chơi sắm vai để giải quyết tình huống ở bài tập 3.

- Gv chia nhóm, để các nhóm suy nghĩ, phân tích tình huống, đưa ra các cách giải quyết cho tình huống và tiến hành sắm vai.

Câu hỏi phân tích tình huống theo SGK:

- a, Em đồng ý hay không đồng ý với những việc làm trên? Vì sao?
- b, Nếu gặp những người đang viết, vẽ như vậy, em có thể nói gì với họ?

Bài 1
sgk/T14

A. Nhã nhạc cung đình Huế(Thừa Thiên Huế)
B. Hội Gióng đền Phù Đổng và đền Sóc (Hà Nội)
D. Khu di tích văn hóa Óc Eo (An Giang)

Bài 2
sgk/T15

- **Di tích lịch sử văn hóa:** Địa đạo Củ Chi, Hoàng Thành Thăng Long
- **Danh lam thắng cảnh:** Khu du lịch Tràng An, Động Phong Nha, Bàu Trắng

+ Kết quả làm việc của học sinh.
+ Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc.
Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức

viết, vẽ
bây, khắc
chữ lên
trên các
công trình
di tích lịch
sử chính là
hành vi
phá hoại,
xâm hại
đến các di
tích lịch sử
đó, gây
mất mỹ
quan, làm
hư hại
công trình.
b) Nếu bắt
gặp những
người đang
viết vẽ lên
các công
trình di
tích lịch
sử, em sẽ
khuyên họ
không nên
làm như
vậy, có rất
nhiều cách
khác để có
thể ghi lại
dấu ấn và
kỉ niệm khi
đến tham
quan di
tích lịch sử
như chụp
ảnh, mua
quà lưu

	niệm,... thay vì khắc chữ, viết, vẽ vì làm như thế là đang góp phần phá hoại, làm hư tổn và gây mất cảnh quan ở khu du tích. Bài 4 sgk/T15 Em sẽ khuyên bố rằng hãy mang cổ vật đó giao nộp cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Bởi vì nếu như giữ lại cổ vật đó trong nhà hoặc đem đi bán đều là hành vi vi phạm pháp luật. Bài 5 sgk/T15 *Một số di sản văn hóa ở địa
--	---

	phương em (Nam Định) là -Đền Trần -Chùa Phổ Minh -Ngôi làng cổ Dịch Diệp. ... -Ngôi nhà số 7 Bến Ngự ... -Thăm nhà lưu niệm cổ Tổng bí thư Trường Chinh. ... -Chùa Keo Hành Thiện. ... -Di tích lịch sử - văn hóa Phủ Dày *Em đã làm những việc để góp phần giữ gìn, bảo tồn và phát uy những di sản văn hóa này là: + giữ gìn sạch sẽ các di sản văn hóa, địa phương. + đi tham
--	---

	quan, tìm hiểu các di tích lịch sử, di sản văn hóa + không vứt rác bừa bãi + tố giác kẻ gian ăn cắp các cổ vật di vật + tham gia các lễ hội truyền thống.
--	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm tranh ảnh, tư liệu có nội dung về các di sản văn hóa thế giới ở Việt Nam để xây dựng thành tập san

c. Sản phẩm: Tập san của học sinh

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi hoạt động dự án, làm tập san

1. Hoạt động dự án làm tập san

Em hãy sưu tầm tranh ảnh, tư liệu có nội dung về các di sản văn hóa thế giới Việt Nam để xây dựng thành tập san trình bày tại lớp

2. Lập kế hoạch

Em hãy cùng bạn xây dựng kế hoạch chăm sóc di tích, danh lam thắng cảnh ở địa phương và thực hiện theo kế hoạch đã xây dựng

- Gv hướng dẫn hs thực hiện các nhiệm vụ này ở nhà nếu thời gian trên lớp không đủ, học sinh hoàn thành bài và nộp vào buổi sau.

- GV có thể đưa ra một vài gợi ý giúp hs hình dung được các nội dung cần thực hiện

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Với hoạt động dự án làm tập san: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị.
- Với hoạt động viết lập kế hoạch, các em có thể làm việc nhóm, cùng liệt kê các hoạt động
- Trình bày ý tưởng, phân công thư kí, báo cáo, thống nhất thời gian hoàn thành nhiệm vụ...

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực vào buổi sau (nếu không còn thời gian).
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân (kế hoạch).
- + Với hoạt động nhóm: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian.
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yc hs nhận xét câu trả lời.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 3: QUAN TÂM , THÔNG CẢM , CHIA SẺ

Môn học: GDCC lớp7

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

I. Mục tiêu bài học:

3. Về kiến thức:

- Nêu được một số việc làm để quan tâm, thông cảm, chia sẻ với người khác.
- Hiểu vì sao mọi người phải quan tâm, thông cảm, chia sẻ với nhau.

- Thường xuyên có những lời nói việc làm thể hiện sự quan tâm, chia sẻ, thông cảm với mọi người.
- Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, chia sẻ và thông cảm với người khác
- Phê phán những việc làm không thể hiện sự quan tâm, chia sẻ, thông cảm.

2. Về năng lực:

- Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận ra được, nêu được một số việc làm thể hiện sự quan tâm, thông cảm, chia sẻ. Nhận xét, đánh giá được những việc làm đã thể hiện/ chưa thể hiện sự quan tâm, thông cảm, chia sẻ .

- Năng lực phát triển bản thân: Thực hiện được những việc làm để quan tâm, thông cảm, chia sẻ .

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước: Có ý thức tìm hiểu truyền thống đùm bọc, yêu thương của dân tộc; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của dân tộc.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Giấy A0, A4, bút dạ, nam châm, máy tính, tivi
- Học liệu: Tranh vẽ, Video học liệu điện tử(<https://youtu.be/bKByToJzMaI>), phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu (10 phút)

a) Mục tiêu: Giúp học sinh tiếp cận nội dung bài học, tạo hứng thú học tập.

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi

c) Sản phẩm học tập: HS chơi trò chơi .

d) Tổ chức thực hiện:

* Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi “Bạn ấy là ai”

- Luật chơi:

GV yêu cầu HS dựa vào đức tính đặc trưng của từng bạn trong lớp, đưa ra câu đố để những bạn khác đoán người có đức tính, sở thích, thói quen, năng khiếu, ... đó là ai.

Đầu tiên, lớp trưởng đưa ra câu đố. Nếu bạn nào đoán đúng thì được đưa ra câu đố cho các bạn trong lớp. Nếu đoán sai thì phải hát hoặc thực hiện điều gì đó do lớp quy định. Trò chơi kết thúc khi không còn câu đố nào được đặt ra.

4. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

Hoạt động 1. Tìm hiểu biểu hiện của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ

Đọc câu chuyện

- a. Mục tiêu: HS nhận biết được biểu hiện của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ
- b. Nội dung: Em hãy đọc câu chuyện trong sgk tr16,17 và trả lời câu hỏi
- c. Sản phẩm học tập: HS nhận biết được biểu hiện của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ.
- d. Tổ chức thực hiện :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc câu chuyện trong sgk trang 16 – 17, thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi: a) Bác Hồ đã có những việc làm nào đối với anh chị em công nhân quét đường và ý nghĩa của việc làm đó? b) Việc làm của Bác Hồ đã nhắc nhở mỗi chúng ta điều gì? c) Em hiểu thế nào là quan tâm, cảm thông và chia sẻ? - GV cho thời gian HS đọc câu chuyện và trả lời 3 câu hỏi. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc truyện, thảo luận cặp đôi, tìm câu trả lời. - GV hướng dẫn HS thực hiện các hoạt	1. Đọc câu chuyện * Trả lời câu hỏi: a) Khi biết rằng những người công nhân luôn phải vất vả quét dọn đường phố đến khuya, Bác đã: - Nhắc nhở những cơ quan phải có trách nhiệm cấp phát quần áo bảo hộ lao động cho công nhân và quan tâm đúng mức với người làm nghề này. - Bác đã xin giống một loài cây bốn mùa đều xanh tươi về trồng thử ở VN để cây đỡ rụng lá vào mùa đông gây vất vả cho người công nhân. Ý nghĩa: Việc làm của Bác đã khiến cho anh chị em công nhân làm nghề quét đường đỡ được

động học tập. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - Đại diện HS trình bày câu trả lời. - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV đánh giá, nhận xét, chuyển nội dung mới.	phần nào nổi vất vả. b) Việc làm của Bác đã nhắc nhở mỗi chúng ta cần phải biết quan tâm đến người khác, hiểu và thông cảm cho nỗi vất vả của người khác và có những hành động thể hiện sự quan tâm và san sẻ nỗi vất vả với mọi người. c) Ta có: - Quan tâm là thường xuyên chú ý đến mọi người và sự việc xung quanh. - Cảm thông là đặt mình vào vị trí người khác để hiểu được cảm xúc của người đó. - Chia sẻ là sự cho đi hay giúp đỡ người khác lúc khó khăn, hoạn nạn theo khả năng của mình.
--	--

Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

- Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ và biết cách góp ý, nhắc nhở những bạn có biểu hiện chưa quan tâm, thông cảm, chia sẻ.
- Nội dung: Em hãy quan sát những tranh trong sgk trang 17 – 18 và trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: HS phân biệt được biểu hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ và biểu hiện không quan tâm, thông cảm, chia sẻ .
- Tổ chức thực hiện :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập	2. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

- GV yêu cầu HS :Em hãy quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:



a) Em hãy cho biết sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ được thể hiện như thế nào trong từng hình ảnh trên.

b) Em hãy kể thêm những biểu hiện khác của sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ với người thân, bạn bè và thế giới xung quanh.

Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS quan sát hình ảnh, đọc nội dung, tìm câu trả lời.

- GV hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động học tập, cuộc sống.

Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận

- Đại diện HS trình bày câu trả lời.

- HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện

- GV đánh giá, nhận xét, chốt lại biểu hiện quan tâm, cảm thông, chia sẻ trong học tập, cuộc sống và biểu hiện không quan tâm, cảm thông, chia sẻ trong học tập, cuộc sống chuyển nội dung.

*Trả lời câu hỏi:

a) Nhận xét:

- Ảnh 1: Các bạn học sinh cùng nhau quyên góp ủng hộ đồng bào bị bão lũ

- Ảnh 2: Những cửa hàng cung cấp thực phẩm và nước uống miễn phí dành cho người cần

- Ảnh 3: Các bạn học sinh tổ chức lao động, thu gom rác thải

- Ảnh 4: Bạn nhỏ cùng bố giúp đỡ mẹ chuẩn bị bữa ăn

b) Biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ:

- Giúp đỡ bố mẹ làm việc nhà; quan tâm, hỏi han, chăm sóc khi bố mẹ, anh chị em bị mệt, bị ốm

- Quan tâm đến các bạn trong lớp, chia sẻ cùng bạn khi bạn gặp khó khăn về học tập, về sức khỏe, về hoàn cảnh

- Quan tâm đến những người gặp nạn trên đường, không lơ là bỏ mặc họ

--	--

Hoạt động 2: Ý nghĩa của quan tâm, cảm thông, chia sẻ .

Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

- a. Mục tiêu: HS nhận biết được tầm quan trọng của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ và biết cách nhắc nhở những người bạn chưa quan tâm, thông cảm, chia sẻ.
- b. Nội dung: Em hãy đọc câu chuyện trong sgk trang 18 và trả lời câu hỏi.
- c. Sản phẩm học tập: HS nhận biết được biểu hiện tầm quan trọng của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ và biết cách nhắc nhở những bạn quan tâm, thông cảm, chia sẻ .
- d. Tổ chức thực hiện :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
-------------------------------	------------------

Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc câu chuyện trong sgk trang 18 và trả lời câu hỏi: a) Em hãy chia sẻ cảm xúc của em về việc làm của anh Hiếu? b) Theo em, sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ của anh Hiếu với anh Minh có ý nghĩa gì? Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc tình huống, tìm câu trả lời. - GV hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động học tập. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - Đại diện HS trình bày câu trả lời. - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV đánh giá, nhận xét, chốt lại ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực.	2. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Trả lời câu hỏi: a) Qua câu chuyện : - Cảm động trước sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ của anh Hiếu dành cho anh Minh, cảm động trước tình bạn đẹp của hai người. - Ngưỡng mộ anh Hiếu đã không quản ngại khó khăn ngày ngày giúp bạn đến trường, và em rất vui và mừng cho anh Minh đã không phụ sự giúp đỡ của bạn mà đã gặt hái được thành công trên con đường học tập. b) Sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ của anh Hiếu với anh Minh không những là nguồn động lực quý giá giúp cho anh Minh vượt qua được khó khăn thử thách, đạt được mục tiêu của bản thân, mà còn trở thành một câu chuyện lan tỏa giá trị đến với mọi người, giúp nâng cao tinh thần tương thân tương ái, quan tâm chia sẻ với người khác và giúp cho những người gặp khó khăn có thêm niềm tin vào cuộc sống.
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập (30')

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét đánh giá việc làm thể hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ ; kể được những việc cần làm để quan tâm, thông cảm, chia sẻ ...

b) Nội dung: Học sinh chơi trò chơi, làm bài tập trong sgk.

Bài 1. Em hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ và thảo luận về ý nghĩa của các câu ca dao, tục ngữ đó.

c, Sản phẩm học tập: Những câu ca dao, tục ngữ nói về sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ:

- Thương người như thể thương thân
- Một miếng khi đói bằng một gói khi no
- Một giọt máu đào hơn ao nước lã
- Lá lành đùm lá rách
- Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ
- Chị ngã, em nâng
- Nhường cơm, sẻ áo
- Máu chảy ruột mềm
- ...

d, Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS tìm ca dao ,tục ngữ?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, đưa ra câu trả lời:
- GV nhận xét, đánh giá, chuyển sang nội dung mới.

Bài 2. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

a. Mục tiêu: HS thực hiện được hành động tự giác, tích cực trong học tập bằng những việc làm cụ thể.

b. Nội dung: Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi sgk trang 19. Trong những việc làm sau, theo em việc nào nên làm, việc nào không nên làm? Vì sao?

A. Không chơi với những bạn học kém.

B. Gọi cấp cứu khi thấy tai nạn giao thông.

C. Rửa bạn đi chơi khi mẹ ốm.

D. Thăm hỏi và động viên người già neo đơn.

c. Sản phẩm học tập: HS quyết tâm tự giác, tích cực trong học tập thông qua tình huống cụ thể. Những việc nên làm là:

- B. vì hành động đó sẽ giúp cho người gặp nạn được cấp cứu kịp thời, tránh để lại hậu quả đáng tiếc.
- D. vì hành động này thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với những người già không nơi nương tựa.

Những việc không nên làm là:

- A. vì chúng ta cần quan tâm đến những bạn học kém, giúp đỡ bạn học tập để cùng nhau tiến bộ.
- C. vì hành động này thể hiện rằng không có lòng quan tâm, yêu thương mẹ. Khi mẹ bị ốm, cần phải ở bên cạnh chăm sóc, giúp đỡ, động viên để mẹ mau khỏi.

d. Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS đọc tình huống trang 19 sgk và trả lời câu hỏi:

Bài 3.

a. Mục tiêu: HS thực hiện được một lời nói hoặc một hành động cụ thể thể hiện sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè, thầy cô trong lớp mình.

b.Nội dung: Em hãy thực hiện một lời nói hoặc một hành động cụ thể thể hiện sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè, thầy cô trong lớp mình.

c.Sản phẩm học tập: HS quyết tâm thực hiện một lời nói hoặc một hành động cụ thể thể hiện sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè, thầy cô trong lớp mình.

d.Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS xây dựng dàn ý và thực hiện bài .

- GV mời 1- 2 bạn HS trình bày bài của mình và nêu lên ý nghĩa của lời nói,hành động...

Bài 4 . Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

- a. Mục tiêu: HS thực hiện được hành động quan tâm, thông cảm, sẻ chia trong học tập bằng những việc làm cụ thể.
- b. Nội dung: Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi sgk trang 19.

c. Sản phẩm học tập:

a) Nhận xét:

- Việc làm của bạn A đã thể hiện bạn là một người biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nỗi khó khăn của bạn bè.
- A hiểu cho nỗi khó khăn mà N đang trải qua và sẵn sàng, chịu khó giúp đỡ bạn vượt qua.

b) Ý kiến của H như vậy là không đúng vì việc bị ốm phải nghỉ học đã là một sự thiệt thòi rất lớn đối với N. Nếu như không có A giúp đỡ, giảng giải những kiến thức mới, thì N sẽ rất khó để theo kịp tiến độ học và sẽ bị tụt lùi so với các bạn.

d. Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS đọc tình huống trang 19 sgk và trả lời câu hỏi:

a) Em có nhận xét gì về việc làm của bạn A?

b) Theo em, ý kiến của bạn H như vậy có đúng không? Tại sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, đưa ra câu trả lời, GV nhận xét, đánh giá chuyển sang nhiệm vụ mới.

Bài 5 . Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

- a. Mục tiêu: HS thực hiện được hành động quan tâm, thông cảm, sẻ chia trong học tập bằng những việc làm cụ thể.
- b. Nội dung: Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi sgk trang 19.
- c. Sản phẩm học tập: Việc làm của H không phải là quan tâm giúp đỡ bạn vì:
 - Việc H đưa bài cho N chép vào giờ kiểm tra sẽ khiến cho N ỷ lại vào H, do vậy những giờ kiểm tra sau N sẽ phụ thuộc vào H và tiếp tục không học bài.

- Lâu dần hình thành cho N thói quen dựa dẫm vào người khác mà không nỗ lực tự học bằng chính khả năng của bản thân => H đang gián tiếp tạo thói quen xấu cho N.

d. Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS đọc tình huống trang 19 sgk và trả lời câu hỏi:

Theo em, việc làm của H có phải là quan tâm, giúp đỡ bạn không? Vì sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, đưa ra câu trả lời, GV nhận xét, đánh giá chuyển sang nhiệm vụ mới

- GV nhận xét, đánh giá và tổng kết, chuyển sang hoạt động vận dụng.

4. Hoạt động 4: Vận dụng(15')

a) Mục tiêu: Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn cuộc sống nhằm phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực giao tiếp và hợp tác

b) Nội dung: Hs viết một thông điệp, làm tập san thể hiện sự quan tâm, thông cảm, sẻ chia

- Một bức thư, một bài thuyết trình...
- Một tấm thiệp, một bức tranh...

Những việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ:

- Giúp đỡ bạn học tập, giảng bài cho bạn khi bạn chưa hiểu bài
- Cùng các bạn tổ chức góp quỹ ủng hộ những bạn có hoàn cảnh khó khăn
- An ủi, động viên, khích lệ các bạn gặp vấn đề khó khăn, chuyện buồn

c) Sản phẩm: Phần bài làm của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

* Học sinh viết thông điệp thể hiện quan tâm, thông cảm, sẻ chia .

Làm việc theo nhóm lớn tạo một tập san thể hiện quan tâm, thông cảm, sẻ chia

* HS phân chia nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm, từng thành viên nhận nhiệm vụ và hoàn thiện sản phẩm ở nhà. (HD: có thể vẽ tranh, chụp ảnh, sưu tầm, giới thiệu về những việc làm quan tâm, thông cảm, chia sẻ)

* Báo cáo sản phẩm trong giờ học tiếp theo

Rút kinh nghiệm sau bài dạy

.....
.....
.....
.....

1. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

CẤP ĐỘ ĐÁNH GIÁ	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ
Hoàn thành tốt	Nêu được đầy đủ biểu hiện và ý nghĩa của quan tâm, thông cảm, chia sẻ . Thực hiện được những việc làm thể hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ .Góp ý, nhắc nhở những bạn chưa có biểu hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ tích cực trong học tập, cuộc sống để khắc phục một cách hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 8 điểm
Hoàn thành	Nêu được biểu hiện và ý nghĩa của quan tâm, thông cảm, chia sẻ. Thực hiện được những việc làm thể hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ nhưng chưa thường xuyên. Góp ý,nhắc nhở những bạn chưa quan tâm, thông cảm, chia sẻ. Đánh giá HS ở mức độ hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.
Chưa hoàn thành	Chưa nêu được biểu hiện và ý nghĩa của quan tâm, thông cảm, chia sẻ . Chưa thực hiện được những việc làm thể hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ một cách thường xuyên. Không có khả năng góp ý,nhắc nhở những bạn có biểu hiện chưa quan tâm, thông cảm, chia sẻ . Đánh giá HS ở mức độ chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 3: QUAN TÂM , THÔNG CẢM , CHIA SẺ

Môn học: GDĐD lớp 7
Thời gian thực hiện: (3 tiết)

I. Mục tiêu bài học:

1. Về kiến thức:

- Nêu được một số việc làm để quan tâm, thông cảm, chia sẻ với người khác.
- Hiểu vì sao mọi người phải quan tâm, thông cảm, chia sẻ với nhau.
- Thường xuyên có những lời nói việc làm thể hiện sự quan tâm, chia sẻ, thông cảm với mọi người.
- Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, chia sẻ và thông cảm với người khác
- Phê phán những việc làm không thể hiện sự quan tâm, chia sẻ, thông cảm.

2. Về năng lực:

- Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận ra được, nêu được một số việc làm thể hiện sự quan tâm, thông cảm, chia sẻ. Nhận xét, đánh giá được những việc làm đã thể hiện/ chưa thể hiện sự quan tâm, thông cảm, chia sẻ .

- Năng lực phát triển bản thân: Thực hiện được những việc làm để quan tâm, thông cảm, chia sẻ .

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước: Có ý thức tìm hiểu truyền thống đùm bọc, yêu thương của dân tộc; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của dân tộc.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Giấy A0, A4, bút dạ, nam châm, máy tính, tivi
- Học liệu: Tranh vẽ, Video học liệu điện tử(<https://youtu.be/bKByToJzMaI>), phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu (10 phút)

- Mục tiêu: Giúp học sinh tiếp cận nội dung bài học, tạo hứng thú học tập.
- Nội dung: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi
- Sản phẩm học tập: HS chơi trò chơi .

d) Tổ chức thực hiện:

* Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi “Bạn ấy là ai”

- Luật chơi:

GV yêu cầu HS dựa vào đức tính đặc trưng của từng bạn trong lớp, đưa ra câu đố để những bạn khác đoán người có đức tính, sở thích, thói quen, năng khiếu, ... đó là ai.

Đầu tiên, lớp trưởng đưa ra câu đố. Nếu bạn nào đoán đúng thì được đưa ra câu đố cho các bạn trong lớp. Nếu đoán sai thì phải hát hoặc thực hiện điều gì đó do lớp quy định. Trò chơi kết thúc khi không còn câu đố nào được đặt ra.

6. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

Hoạt động 1. Tìm hiểu biểu hiện của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ

Đọc câu chuyện

- e. Mục tiêu: HS nhận biết được biểu hiện của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ
- f. Nội dung: Em hãy đọc câu chuyện trong sgk tr16,17 và trả lời câu hỏi
- g. Sản phẩm học tập: HS nhận biết được biểu hiện của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ.
- h. Tổ chức thực hiện :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc câu chuyện trong sgk trang 16 – 17, thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi: a) Bác Hồ đã có những việc làm nào đối với anh chị em công nhân quét đường và ý nghĩa của việc làm đó? b) Việc làm của Bác Hồ đã nhắc nhở mỗi chúng ta điều gì? c) Em hiểu thế nào là quan tâm, cảm thông và chia sẻ?	1. Đọc câu chuyện * Trả lời câu hỏi: a) Khi biết rằng những người công nhân luôn phải vất vả quét dọn đường phố đến khuya, Bác đã: - Nhắc nhở những cơ quan phải có trách nhiệm cấp phát quần áo bảo hộ lao động cho công nhân và quan tâm đúng mức với người làm nghề này.

- GV cho thời gian HS đọc câu chuyện và trả lời 3 câu hỏi. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc truyện, thảo luận cặp đôi, tìm câu trả lời. - GV hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động học tập. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - Đại diện HS trình bày câu trả lời. - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV đánh giá, nhận xét, chuyển nội dung mới.	- Bác đã xin giống một loài cây bốn mùa đều xanh tươi về trồng thử ở VN để cây đỡ rụng lá vào mùa đông gây vất vả cho người công nhân. Ý nghĩa: Việc làm của Bác đã khiến cho anh chị em công nhân làm nghề quét đường đỡ được phần nào nỗi vất vả. b) Việc làm của Bác đã nhắc nhở mỗi chúng ta cần phải biết quan tâm đến người khác, hiểu và thông cảm cho nỗi vất vả của người khác và có những hành động thể hiện sự quan tâm và san sẻ nỗi vất vả với mọi người. c) Ta có: - Quan tâm là thường xuyên chú ý đến mọi người và sự việc xung quanh. - Cảm thông là đặt mình vào vị trí người khác để hiểu được cảm xúc của người đó. - Chia sẻ là sự cho đi hay giúp đỡ người khác lúc khó khăn, hoạn nạn theo khả năng của mình.
--	---

Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

- e. Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ và biết cách góp ý, nhắc nhở những bạn có biểu hiện chưa quan tâm, thông cảm, chia sẻ.
- f. Nội dung: Em hãy quan sát những tranh trong sgk trang 17 – 18 và trả lời câu hỏi.
- g. Sản phẩm học tập: HS phân biệt được biểu hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ và biểu hiện không quan tâm, thông cảm, chia sẻ .
- h. Tổ chức thực hiện :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS :Em hãy quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:  a) Em hãy cho biết sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ được thể hiện như thế nào trong từng hình ảnh trên. b) Em hãy kể thêm những biểu hiện khác của sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ với người thân, bạn bè và thế giới xung quanh. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS quan sát hình ảnh, đọc nội dung, tìm câu trả lời. - GV hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động học tập, cuộc sống. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - Đại diện HS trình bày câu trả lời. - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung	2. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Trả lời câu hỏi: a) Nhận xét: - Ảnh 1: Các bạn học sinh cùng nhau quyên góp ủng hộ đồng bào bị bão lũ - Ảnh 2: Những cửa hàng cung cấp thực phẩm và nước uống miễn phí dành cho người cần - Ảnh 3: Các bạn học sinh tổ chức lao động, thu gom rác thải - Ảnh 4: Bạn nhỏ cùng bố giúp đỡ mẹ chuẩn bị bữa ăn b) Biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ: - Giúp đỡ bố mẹ làm việc nhà; quan tâm, hỏi han, chăm sóc khi bố mẹ, anh chị em bị mệt, bị ốm

Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV đánh giá, nhận xét, chốt lại biểu hiện quan tâm, cảm thông, chia sẻ trong học tập, cuộc sống và biểu hiện không quan tâm, cảm thông, chia sẻ trong học tập, cuộc sống chuyển nội dung.	- Quan tâm đến các bạn trong lớp, chia sẻ cùng bạn khi bạn gặp khó khăn về học tập, về sức khỏe, về hoàn cảnh - Quan tâm đến những người gặp nạn trên đường, không lơ là bỏ mặc họ
--	--

Hoạt động 2: Ý nghĩa của quan tâm, cảm thông, chia sẻ .

Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

- e. Mục tiêu: HS nhận biết được tầm quan trọng của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ và biết cách nhắc nhở những người bạn chưa quan tâm, thông cảm, chia sẻ.
- f. Nội dung: Em hãy đọc câu chuyện trong sgk trang 18 và trả lời câu hỏi.
- g. Sản phẩm học tập: HS nhận biết được biểu hiện tầm quan trọng của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ và biết cách nhắc nhở những bạn quan tâm, thông cảm, chia sẻ .
- h. Tổ chức thực hiện :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc câu chuyện trong sgk trang 18 và trả lời câu hỏi: a) Em hãy chia sẻ cảm xúc của em về việc làm của anh Hiếu? b) Theo em, sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ của anh Hiếu với anh Minh có ý nghĩa gì? Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập	2. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Trả lời câu hỏi: a) Qua câu chuyện : - Cảm động trước sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ của anh Hiếu dành cho anh Minh, cảm động trước tình bạn đẹp của hai người.

- HS đọc tình huống, tìm câu trả lời. - GV hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động học tập. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - Đại diện HS trình bày câu trả lời. - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV đánh giá, nhận xét, chốt lại ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực.	- Ngưỡng mộ anh Hiếu đã không quản ngại khó khăn ngày ngày giúp bạn đến trường, và em rất vui và mừng cho anh Minh đã không phụ sự giúp đỡ của bạn mà đã gặt hái được thành công trên con đường học tập. b) Sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ của anh Hiếu với anh Minh không những là nguồn động lực quý giá giúp cho anh Minh vượt qua được khó khăn thử thách, đạt được mục tiêu của bản thân, mà còn trở thành một câu chuyện lan tỏa giá trị đến với mọi người, giúp nâng cao tinh thần tương thân tương ái, quan tâm chia sẻ với người khác và giúp cho những người gặp khó khăn có thêm niềm tin vào cuộc sống.
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập (30')

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét đánh giá việc làm thể hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ ; kể được những việc cần làm để quan tâm, thông cảm, chia sẻ ...

b) Nội dung: Học sinh chơi trò chơi, làm bài tập trong sgk.

Bài 1. Em hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ và thảo luận về ý nghĩa của các câu ca dao, tục ngữ đó.

c, Sản phẩm học tập: Những câu ca dao, tục ngữ nói về sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ:

- Thương người như thể thương thân

- Một miếng khi đói bằng một gói khi no
- Một giọt máu đào hơn ao nước lã
- Lá lành đùm lá rách
- Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ
- Chị ngã, em nâng
- Nhường cơm, sẻ áo
- Máu chảy ruột mềm
- ...

d, Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS tìm ca dao ,tục ngữ?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, đưa ra câu trả lời:
- GV nhận xét, đánh giá, chuyển sang nội dung mới.

Bài 2. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

b. Mục tiêu: HS thực hiện được hành động tự giác, tích cực trong học tập bằng những việc làm cụ thể.

b. Nội dung: Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi sgk trang 19. Trong những việc làm sau, theo em việc nào nên làm, việc nào không nên làm? Vì sao?

- A. Không chơi với những bạn học kém.
- B. Gọi cấp cứu khi thấy tai nạn giao thông.
- C. Rửa bạn đi chơi khi mẹ ốm.
- D. Thăm hỏi và động viên người già neo đơn.

c. Sản phẩm học tập: HS quyết tâm tự giác, tích cực trong học tập thông qua tình huống cụ thể. Những việc nên làm là:

- B. vì hành động đó sẽ giúp cho người gặp nạn được cấp cứu kịp thời, tránh để lại hậu quả đáng tiếc.
- D. vì hành động này thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với những người già không nơi nương tựa.

Những việc không nên làm là:

- A. vì chúng ta cần quan tâm đến những bạn học kém, giúp đỡ bạn học tập để cùng nhau tiến bộ.
- C. vì hành động động này thể hiện rằng không có lòng quan tâm, yêu thương mẹ. Khi mẹ bị ốm, cần phải ở bên cạnh chăm sóc, giúp đỡ, động viên để mẹ mau khỏi.

d. Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS đọc tình huống trang 19 sgk và trả lời câu hỏi:

Bài 3.

a. Mục tiêu: HS thực hiện được một lời nói hoặc một hành động cụ thể thể hiện sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè, thầy cô trong lớp mình.

b.Nội dung: Em hãy thực hiện một lời nói hoặc một hành động cụ thể thể hiện sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè, thầy cô trong lớp mình.

c.Sản phẩm học tập: HS quyết tâm thực hiện một lời nói hoặc một hành động cụ thể thể hiện sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè, thầy cô trong lớp mình.

d.Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS xây dựng dàn ý và thực hiện bài .

- GV mời 1- 2 bạn HS trình bày bài của mình và nêu lên ý nghĩa của lời nói,hành động...

Bài 4 . Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

e. Mục tiêu: HS thực hiện được hành động quan tâm, thông cảm, sẻ chia trong học tập bằng những việc làm cụ thể.

f. Nội dung: Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi sgk trang 19.

g. Sản phẩm học tập:

a) Nhận xét:

- Việc làm của bạn A đã thể hiện bạn là một người biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nỗi khó khăn của bạn bè.
- A hiểu cho nỗi khó khăn mà N đang trải qua và sẵn sàng, chịu khó giúp đỡ bạn vượt qua.

b) Ý kiến của H như vậy là không đúng vì việc bị ốm phải nghỉ học đã là một sự thiệt thòi rất lớn đối với N. Nếu như không có A giúp đỡ, giảng giải những kiến thức mới, thì N sẽ rất khó để theo kịp tiến độ học và sẽ bị tụt lùi so với các bạn.

h. Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS đọc tình huống trang 19 sgk và trả lời câu hỏi:

a) Em có nhận xét gì về việc làm của bạn A?

b) Theo em, ý kiến của bạn H như vậy có đúng không? Tại sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, đưa ra câu trả lời, GV nhận xét, đánh giá chuyển sang nhiệm vụ mới.

Bài 5 . Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

a. Mục tiêu: HS thực hiện được hành động quan tâm, thông cảm, sẻ chia trong học tập bằng những việc làm cụ thể.

b. Nội dung: Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi sgk trang 19.

c. Sản phẩm học tập: Việc làm của H không phải là quan tâm giúp đỡ bạn vì:

- Việc H đưa bài cho N chép vào giờ kiểm tra sẽ khiến cho N ỷ lại vào H, do vậy những giờ kiểm tra sau N sẽ phụ thuộc vào H và tiếp tục không học bài.
- Lâu dần hình thành cho N thói quen dựa dẫm vào người khác mà không nỗ lực tự học bằng chính khả năng của bản thân => H đang gián tiếp tạo thói quen xấu cho N.

d. Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS đọc tình huống trang 19 sgk và trả lời câu hỏi:

Theo em, việc làm của H có phải là quan tâm, giúp đỡ bạn không? Vì sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, đưa ra câu trả lời, GV nhận xét, đánh giá chuyển sang nhiệm vụ mới

- GV nhận xét, đánh giá và tổng kết, chuyển sang hoạt động vận dụng.

4. Hoạt động 4: Vận dụng(15')

a) Mục tiêu: Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn cuộc sống nhằm phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực giao tiếp và hợp tác

b) Nội dung: Hs viết một thông điệp, làm tập san thể hiện sự quan tâm, thông cảm, sẻ chia

- Một bức thư, một bài thuyết trình...
- Một tấm thiệp, một bức tranh...

Những việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ:

- Giúp đỡ bạn học tập, giảng bài cho bạn khi bạn chưa hiểu bài
- Cùng các bạn tổ chức góp quỹ ủng hộ những bạn có hoàn cảnh khó khăn
- An ủi, động viên, khích lệ các bạn gặp vấn đề khó khăn, chuyện buồn

c) Sản phẩm: Phần bài làm của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

* Học sinh viết thông điệp thể hiện quan tâm, thông cảm, sẻ chia .

Làm việc theo nhóm lớn tạo một tập san thể hiện quan tâm, thông cảm, sẻ chia

* HS phân chia nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm, từng thành viên nhận nhiệm vụ và hoàn thiện sản phẩm ở nhà. (HD: có thể vẽ tranh, chụp ảnh, sưu tầm, giới thiệu về những việc làm quan tâm, thông cảm, chia sẻ)

* Báo cáo sản phẩm trong giờ học tiếp theo

Rút kinh nghiệm sau bài dạy

.....
.....
.....
.....
.....

2. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

CẤP ĐỘ ĐÁNH GIÁ	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ
-----------------	-------------------

Hoàn thành tốt	Nêu được đầy đủ biểu hiện và ý nghĩa của quan tâm, thông cảm, chia sẻ . Thực hiện được những việc làm thể hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ .Góp ý, nhắc nhở những bạn chưa có biểu hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ tích cực trong học tập, cuộc sống để khắc phục một cách hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 8 điểm
Hoàn thành	Nêu được biểu hiện và ý nghĩa của quan tâm, thông cảm, chia sẻ. Thực hiện được những việc làm thể hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ nhưng chưa thường xuyên. Góp ý,nhắc nhở những bạn chưa quan tâm, thông cảm, chia sẻ. Đánh giá HS ở mức độ hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.
Chưa hoàn thành	Chưa nêu được biểu hiện và ý nghĩa của quan tâm, thông cảm, chia sẻ . Chưa thực hiện được những việc làm thể hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ một cách thường xuyên. Không có khả năng góp ý,nhắc nhở những bạn có biểu hiện chưa quan tâm, thông cảm, chia sẻ . Đánh giá HS ở mức độ chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 3: QUAN TÂM , THÔNG CẢM , CHIA SẺ

Môn học: GDCD lớp7

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

I. Mục tiêu bài học:

7. Về kiến thức:

- Nêu được một số việc làm để quan tâm, thông cảm, chia sẻ với người khác.
- Hiểu vì sao mọi người phải quan tâm, thông cảm, chia sẻ với nhau.
- Thường xuyên có những lời nói việc làm thể hiện sự quan tâm, chia sẻ, thông cảm với mọi người.
- Khích lệ, động viên bạn bè quan tâm, chia sẻ và thông cảm với người khác
- Phê phán những việc làm không thể hiện sự quan tâm, chia sẻ, thông cảm.

2. Về năng lực:

- Năng lực điều chỉnh hành vi: Nhận ra được, nêu được một số việc làm thể hiện sự quan tâm, thông cảm, chia sẻ. Nhận xét, đánh giá được những việc làm đã thể hiện/ chưa thể hiện sự quan tâm, thông cảm, chia sẻ .

- Năng lực phát triển bản thân: Thực hiện được những việc làm để quan tâm, thông cảm, chia sẻ .

- Năng lực giao tiếp và hợp tác: Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.

3. Về phẩm chất:

- Yêu nước: Có ý thức tìm hiểu truyền thống dùm bọc, yêu thương của dân tộc; tích cực học tập, rèn luyện để phát huy truyền thống của dân tộc.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Giấy A0, A4, bút dạ, nam châm, máy tính, tivi

- Học liệu: Tranh vẽ, Video học liệu điện tử(<https://youtu.be/bKByToJzMaI>), phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu (10 phút)

a) Mục tiêu: Giúp học sinh tiếp cận nội dung bài học, tạo hứng thú học tập.

b) Nội dung: GV tổ chức cho HS chơi trò chơi

c) Sản phẩm học tập: HS chơi trò chơi .

d) Tổ chức thực hiện:

* Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi “Bạn ấy là ai”

- Luật chơi:

GV yêu cầu HS dựa vào đức tính đặc trưng của từng bạn trong lớp, đưa ra câu đố để những bạn khác đoán người có đức tính, sở thích, thói quen, năng khiếu, ... đó là ai.

Đầu tiên, lớp trưởng đưa ra câu đố. Nếu bạn nào đoán đúng thì được đưa ra câu đố cho các bạn trong lớp. Nếu đoán sai thì phải hát hoặc thực hiện điều gì đó do lớp quy định. Trò chơi kết thúc khi không còn câu đố nào được đặt ra.

8. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

Hoạt động 1. Tìm hiểu biểu hiện của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ

Đọc câu chuyện

- i. Mục tiêu: HS nhận biết được biểu hiện của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ
- j. Nội dung: Em hãy đọc câu chuyện trong sgk tr16,17 và trả lời câu hỏi
- k. Sản phẩm học tập: HS nhận biết được biểu hiện của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ.
- l. Tổ chức thực hiện :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc câu chuyện trong sgk trang 16 – 17, thảo luận cặp đôi và trả lời câu hỏi: a) Bác Hồ đã có những việc làm nào đối với anh chị em công nhân quét đường và ý nghĩa của việc làm đó? b) Việc làm của Bác Hồ đã nhắc nhở mỗi chúng ta điều gì? c) Em hiểu thế nào là quan tâm, cảm thông và chia sẻ? - GV cho thời gian HS đọc câu chuyện và trả lời 3 câu hỏi. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc truyện, thảo luận cặp đôi, tìm câu trả lời. - GV hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động học tập. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận	1. Đọc câu chuyện * Trả lời câu hỏi: a) Khi biết rằng những người công nhân luôn phải vất vả quét dọn đường phố đến khuya, Bác đã: - Nhắc nhở những cơ quan phải có trách nhiệm cấp phát quần áo bảo hộ lao động cho công nhân và quan tâm đúng mức với người làm nghề này. - Bác đã xin giống một loài cây bốn mùa đều xanh tươi về trồng thử ở VN để cây đỡ rụng lá vào mùa đông gây vất vả cho người công nhân. Ý nghĩa: Việc làm của Bác đã khiến cho anh chị em công nhân làm nghề quét đường đỡ được phần nào nỗi vất vả. b) Việc làm của Bác đã nhắc nhở mỗi chúng ta cần phải biết quan tâm đến người khác, hiểu và thông cảm cho nỗi vất vả của

- Đại diện HS trình bày câu trả lời. - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV đánh giá, nhận xét, chuyển nội dung mới.	người khác và có những hành động thể hiện sự quan tâm và san sẻ nổi bật và với mọi người. c) Ta có: - Quan tâm là thường xuyên chú ý đến mọi người và sự việc xung quanh. - Cảm thông là đặt mình vào vị trí người khác để hiểu được cảm xúc của người đó. - Chia sẻ là sự cho đi hay giúp đỡ người khác lúc khó khăn, hoạn nạn theo khả năng của mình.
---	---

Quan sát tranh và trả lời câu hỏi

- Mục tiêu: HS nêu được một số biểu hiện của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ và biết cách góp ý, nhắc nhở những bạn có biểu hiện chưa quan tâm, thông cảm, chia sẻ.
- Nội dung: Em hãy quan sát những tranh trong sgk trang 17 – 18 và trả lời câu hỏi.
- Sản phẩm học tập: HS phân biệt được biểu hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ và biểu hiện không quan tâm, thông cảm, chia sẻ .
- Tổ chức thực hiện :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS :Em hãy quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi:	2. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Trả lời câu hỏi: a) Nhận xét: - Ảnh 1: Các bạn học

a) Em hãy cho biết sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ được thể hiện như thế nào trong từng hình ảnh trên. b) Em hãy kể thêm những biểu hiện khác của sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ với người thân, bạn bè và thế giới xung quanh. Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS quan sát hình ảnh, đọc nội dung, tìm câu trả lời. - GV hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động học tập, cuộc sống. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - Đại diện HS trình bày câu trả lời. - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV đánh giá, nhận xét, chốt lại biểu hiện quan tâm, cảm thông, chia sẻ trong học tập, cuộc sống và biểu hiện không quan tâm, cảm thông, chia sẻ trong học tập, cuộc sống chuyển nội dung.	sinh cùng nhau quyên góp ủng hộ đồng bào bị bão lũ - Ảnh 2: Những cửa hàng cung cấp thực phẩm và nước uống miễn phí dành cho người cần - Ảnh 3: Các bạn học sinh tổ chức lao động, thu gom rác thải - Ảnh 4: Bạn nhỏ cùng bố giúp đỡ mẹ chuẩn bị bữa ăn b) Biểu hiện của sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ: - Giúp đỡ bố mẹ làm việc nhà; quan tâm, hỏi han, chăm sóc khi bố mẹ, anh chị em bị mệt, bị ốm - Quan tâm đến các bạn trong lớp, chia sẻ cùng bạn khi bạn gặp khó khăn về học tập, về sức khỏe, về hoàn cảnh - Quan tâm đến những người gặp nạn trên đường, không lơ là bỏ mặc họ
---	--

Hoạt động 2: Ý nghĩa của quan tâm, cảm thông, chia sẻ .

Đọc câu chuyện và trả lời câu hỏi

- i. Mục tiêu: HS nhận biết được tầm quan trọng của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ và biết cách nhắc nhở những người bạn chưa quan tâm, thông cảm, chia sẻ.
- j. Nội dung: Em hãy đọc câu chuyện trong sgk trang 18 và trả lời câu hỏi.
- k. Sản phẩm học tập: HS nhận biết được biểu hiện tầm quan trọng của việc quan tâm, thông cảm, chia sẻ và biết cách nhắc nhở những bạn quan tâm, thông cảm, chia sẻ .
- l. Tổ chức thực hiện :

HOẠT ĐỘNG CỦA GIÁO VIÊN VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1. GV chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV yêu cầu HS đọc câu chuyện trong sgk trang 18 và trả lời câu hỏi: a) Em hãy chia sẻ cảm xúc của em về việc làm của anh Hiếu? b) Theo em, sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ của anh Hiếu với anh Minh có ý nghĩa gì? Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ học tập - HS đọc tình huống, tìm câu trả lời. - GV hướng dẫn HS thực hiện các hoạt động học tập. Bước 3. Báo cáo kết quả hoạt động, thảo luận - Đại diện HS trình bày câu trả lời. - HS khác nhận xét, đánh giá, bổ sung Bước 4. Đánh giá kết quả thực hiện - GV đánh giá, nhận xét, chốt lại ý nghĩa của	2. Quan sát tranh và trả lời câu hỏi *Trả lời câu hỏi: a) Qua câu chuyện : - Cảm động trước sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ của anh Hiếu dành cho anh Minh, cảm động trước tình bạn đẹp của hai người. - Ngưỡng mộ anh Hiếu đã không quản ngại khó khăn ngày ngày giúp bạn đến trường, và em rất vui và mừng cho anh Minh đã không phụ sự giúp đỡ của bạn mà đã gặt hái được thành công trên con đường học tập. b) Sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ của anh Hiếu với anh Minh không những là nguồn động lực quý giá giúp cho anh Minh vượt qua được khó khăn thử thách, đạt được mục tiêu

học tập tự giác, tích cực.	của bản thân, mà còn trở thành một câu chuyện lan tỏa giá trị đến với mọi người, giúp nâng cao tinh thần tương thân tương ái, quan tâm chia sẻ với người khác và giúp cho những người gặp khó khăn có thêm niềm tin vào cuộc sống.
----------------------------	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập (30')

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét đánh giá việc làm thể hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ ; kể được những việc cần làm để quan tâm, thông cảm, chia sẻ ...

b) Nội dung: Học sinh chơi trò chơi, làm bài tập trong sgk.

Bài 1. Em hãy tìm những câu ca dao, tục ngữ nói về sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ và thảo luận về ý nghĩa của các câu ca dao, tục ngữ đó.

c, Sản phẩm học tập: Những câu ca dao, tục ngữ nói về sự quan tâm, cảm thông, chia sẻ:

- Thương người như thể thương thân
- Một miếng khi đói bằng một gói khi no
- Một giọt máu đào hơn ao nước lã
- Lá lành đùm lá rách
- Một con ngựa đau, cả tàu bỏ cỏ
- Chị ngã, em nâng
- Nhường cơm, sẻ áo
- Máu chảy ruột mềm
- ...

d, Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS tìm ca dao ,tục ngữ?
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, đưa ra câu trả lời:
- GV nhận xét, đánh giá, chuyển sang nội dung mới.

Bài 2. Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

c. Mục tiêu: HS thực hiện được hành động tự giác, tích cực trong học tập bằng những việc làm cụ thể.

b. Nội dung: Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi sgk trang 19. Trong những việc làm sau, theo em việc nào nên làm, việc nào không nên làm? Vì sao?

A. Không chơi với những bạn học kém.

B. Gọi cấp cứu khi thấy tai nạn giao thông.

C. Rửa bạn đi chơi khi mẹ ốm.

D. Thăm hỏi và động viên người già neo đơn.

c. Sản phẩm học tập: HS quyết tâm tự giác, tích cực trong học tập thông qua tình huống cụ thể. Những việc nên làm là:

- B. vì hành động đó sẽ giúp cho người gặp nạn được cấp cứu kịp thời, tránh để lại hậu quả đáng tiếc.
- D. vì hành động này thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ với những người già không nơi nương tựa.

Những việc không nên làm là:

- A. vì chúng ta cần quan tâm đến những bạn học kém, giúp đỡ bạn học tập để cùng nhau tiến bộ.
- C. vì hành động này thể hiện rằng không có lòng quan tâm, yêu thương mẹ. Khi mẹ bị ốm, cần phải ở bên cạnh chăm sóc, giúp đỡ, động viên để mẹ mau khỏi.

d. Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS đọc tình huống trang 19 sgk và trả lời câu hỏi:

Bài 3.

a. Mục tiêu: HS thực hiện được một lời nói hoặc một hành động cụ thể thể hiện sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè, thầy cô trong lớp mình.

b.Nội dung: Em hãy thực hiện một lời nói hoặc một hành động cụ thể thể hiện sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè, thầy cô trong lớp mình.

c.Sản phẩm học tập: HS quyết tâm thực hiện một lời nói hoặc một hành động cụ thể thể hiện sự quan tâm, chia sẻ với bạn bè, thầy cô trong lớp mình.

d.Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS xây dựng dàn ý và thực hiện bài .

- GV mời 1- 2 bạn HS trình bày bài của mình và nêu lên ý nghĩa của lời nói,hành động...

Bài 4 . Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

i. Mục tiêu: HS thực hiện được hành động quan tâm, thông cảm, sẻ chia trong học tập bằng những việc làm cụ thể.

j. Nội dung: Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi sgk trang 19.

k. Sản phẩm học tập:

a) Nhận xét:

- Việc làm của bạn A đã thể hiện bạn là một người biết quan tâm, cảm thông và chia sẻ với nỗi khó khăn của bạn bè.
- A hiểu cho nỗi khó khăn mà N đang trải qua và sẵn sàng, chịu khó giúp đỡ bạn vượt qua.

b) Ý kiến của H như vậy là không đúng vì việc bị ốm phải nghỉ học đã là một sự thiệt thòi rất lớn đối với N. Nếu như không có A giúp đỡ, giảng giải những kiến thức mới, thì N sẽ rất khó để theo kịp tiến độ học và sẽ bị tụt lùi so với các bạn.

l. Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS đọc tình huống trang 19 sgk và trả lời câu hỏi:

a) Em có nhận xét gì về việc làm của bạn A?

b) Theo em, ý kiến của bạn H như vậy có đúng không? Tại sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, đưa ra câu trả lời, GV nhận xét, đánh giá chuyển sang nhiệm vụ mới.

Bài 5 . Đọc tình huống và trả lời câu hỏi.

- a. Mục tiêu: HS thực hiện được hành động quan tâm, thông cảm, sẻ chia trong học tập bằng những việc làm cụ thể.
- b. Nội dung: Em hãy đọc tình huống và trả lời câu hỏi sgk trang 19.
- c. Sản phẩm học tập: Việc làm của H không phải là quan tâm giúp đỡ bạn vì:
 - Việc H đưa bài cho N chép vào giờ kiểm tra sẽ khiến cho N ỷ lại vào H, do vậy những giờ kiểm tra sau N sẽ phụ thuộc vào H và tiếp tục không học bài.
 - Lâu dần hình thành cho N thói quen dựa dẫm vào người khác mà không nỗ lực tự học bằng chính khả năng của bản thân => H đang gián tiếp tạo thói quen xấu cho N.
- d. Tổ chức thực hiện :

- GV yêu cầu HS đọc tình huống trang 19 sgk và trả lời câu hỏi:

Theo em, việc làm của H có phải là quan tâm, giúp đỡ bạn không? Vì sao?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, suy nghĩ, đưa ra câu trả lời, GV nhận xét, đánh giá chuyển sang nhiệm vụ mới

- GV nhận xét, đánh giá và tổng kết, chuyển sang hoạt động vận dụng.

4. Hoạt động 4: Vận dụng(15')

a) Mục tiêu: Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn cuộc sống nhằm phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực giao tiếp và hợp tác

b) Nội dung: Hs viết một thông điệp, làm tập san thể hiện sự quan tâm, thông cảm, sẻ chia

- Một bức thư, một bài thuyết trình...
- Một tấm thiệp, một bức tranh...

Những việc làm thể hiện sự quan tâm, cảm thông và chia sẻ:

- Giúp đỡ bạn học tập, giảng bài cho bạn khi bạn chưa hiểu bài
- Cùng các bạn tổ chức góp quỹ ủng hộ những bạn có hoàn cảnh khó khăn
- An ủi, động viên, khích lệ các bạn gặp vấn đề khó khăn, chuyện buồn

c) Sản phẩm: Phần bài làm của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

* Học sinh viết thông điệp thể hiện quan tâm, thông cảm, sẻ chia .

Làm việc theo nhóm lớn tạo một tập san thể hiện quan tâm, thông cảm, sẻ chia

* HS phân chia nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm, từng thành viên nhận nhiệm vụ và hoàn thiện sản phẩm ở nhà. (HD: có thể vẽ tranh, chụp ảnh, sưu tầm, giới thiệu về những việc làm quan tâm, thông cảm, chia sẻ)

* Báo cáo sản phẩm trong giờ học tiếp theo

Rút kinh nghiệm sau bài dạy

.....

3. KẾ HOẠCH ĐÁNH GIÁ

CẤP ĐỘ ĐÁNH GIÁ	NỘI DUNG ĐÁNH GIÁ
Hoàn thành tốt	Nêu được đầy đủ biểu hiện và ý nghĩa của quan tâm, thông cảm, chia sẻ . Thực hiện được những việc làm thể hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ .Góp ý, nhắc nhở những bạn chưa có biểu hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ tích cực trong học tập, cuộc sống để khắc phục một cách hiệu quả; Đánh giá HS ở mức hoàn thành tốt khi có điểm số trên 8 điểm
Hoàn thành	Nêu được biểu hiện và ý nghĩa của quan tâm, thông cảm, chia sẻ. Thực hiện được những việc làm thể hiện quan tâm, thông cảm, chia sẻ nhưng chưa thường xuyên. Góp ý,nhắc nhở những bạn chưa quan tâm, thông cảm, chia sẻ. Đánh giá HS ở mức độ hoàn thành khi có điểm số từ 5 đến 7 điểm.
Chưa hoàn thành	Chưa nêu được biểu hiện và ý nghĩa của quan tâm, thông cảm, chia sẻ . Chưa thực hiện được những việc làm thể hiện quan tâm,

	thông cảm, chia sẻ một cách thường xuyên. Không có khả năng góp ý, nhắc nhở những bạn có biểu hiện chưa quan tâm, thông cảm, chia sẻ . Đánh giá HS ở mức độ chưa hoàn thành khi có điểm số dưới 5 điểm.
--	---

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 4: HỌC TẬP TỰ GIÁC, TÍCH CỰC

Môn: GD CD 7 – Lớp 7 (Cánh Diều)

Thời lượng dạy học: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

Học sinh nắm được:

- Khái niệm và biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.
- Ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực.
- Những việc làm thể hiện sự tự giác, tích cực trong học tập.
- Quý trọng những người học tập tự giác, tích cực; góp ý cho những bạn có biểu hiện chưa tự giác, tích cực để khắc phục hạn chế này.

2. Về năng lực:

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Tự giác học tập, lao động, thực hiện được những việc làm thể hiện sự tự giác, tích cực.
- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được những giá trị tốt đẹp của học tập tự giác, tích cực. Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, điều chỉnh bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống nhằm phát huy giá trị to lớn của tự giác, tích cực.
- *Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy khả năng học tập tự giác, tích cực. Xác định được lí tưởng sống của bản thân, lập kế hoạch học tập và rèn luyện, xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân.
- *Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề*: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần lan tỏa giá trị của tự giác, tích cực.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: Quý trọng, ủng hộ những người học tập tích cực, tự giác.
- Trách nhiệm: Tích cực hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Màn hình, máy tính, tranh ảnh về nội dung bài học...

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về học tập tự giác, tích cực để chuẩn bị vào bài học mới.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “**Ai hiểu biết**”: Kể những tấm gương tự giác, tích cực trong học tập mà em biết?

Lớp chia làm 3 đội, đội nào kể được nhiều tấm gương nhất thì đội đó chiến thắng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

- Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi.
- Trạng nguyên Nguyễn Hiền.
- Nguyễn Khuyến.
- Bác Hồ.
- Thầy giáo Nguyễn Ngọc Kí.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo nhóm, suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học. - Muốn đạt được kết quả cao trong học tập không có gì quan trọng bằng tinh thần học tập tự giác, tích cực. Lê-nin đã từng nói: “Học, học nữa, học mãi”. Em có suy nghĩ gì về câu nói đó?	I. Khởi động - Tri thức của nhân loại là vô hạn, biển học mênh mông trong khi hiểu biết của con người là nhỏ bé. - Để thỏa mãn sự ham hiểu biết, làm cho tâm hồn trí tuệ phong phú, nâng cao giá trị bản thân, con người cần phải không ngừng học tập.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/ khám phá

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.

a. Mục tiêu:

- Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.
- HS phát triển được năng lực tự học, hợp tác.

b. Nội dung: Quan sát hình ảnh tìm hiểu biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

+ Hình 1: Bạn học sinh đã học tập tự giác, tích cực bằng cách cố gắng hoàn thiện hết số lượng bài tập được giao, dù mệt cũng không bỏ dở.

+ Hình 2: Các bạn học sinh đã học tập tự giác, tích cực bằng cách chủ động phân chia công việc khi làm việc nhóm với nhau.

+ Hình 3: Bạn nữ đã thể hiện biểu hiện học tập tự giác, tích cực bằng cách khi gặp bài khó đã không chùn bước, nghiêm túc suy nghĩ, cố gắng tìm ra cách giải. Trong khi bạn nam chưa có biểu hiện học tập tự giác, tích cực bởi vì khi gặp bài khó, bạn đã nhanh chóng nản chí, từ bỏ không suy nghĩ cách giải.

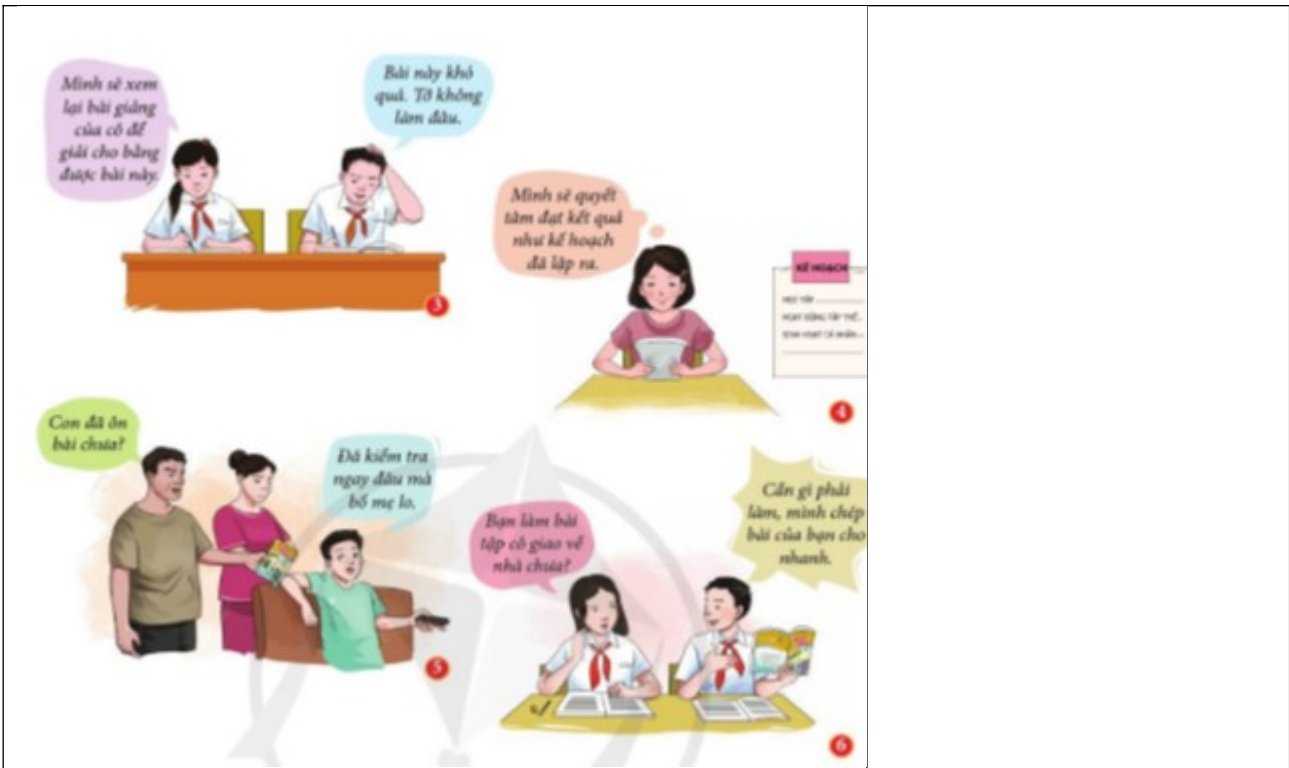
+ Hình 4: Bạn học sinh đã học tập tự giác, tích cực bằng cách lập ra kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và nghiêm túc, quyết tâm thực hiện kế hoạch đó.

- Hình 5: Bạn học sinh chưa tự giác, tích cực học tập khi bố mẹ nhắc nhở việc học bài nhưng không nghe lời.

+ Hình 6: Bạn nữ đã học tập tự giác, tích cực khi chủ động làm hết bài tập được giao và còn nhắc nhở bạn nam cùng bàn về việc làm bài tập. Trong khi bạn nam không hề học tập tự giác, tích cực vì không chủ động làm bài tập mà lại chờ để chép bài của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận cặp đôi trong 5 phút, quan sát hình ảnh trang 20, 21 SGK và trả lời câu hỏi: 	II. Khám phá 1. Biểu hiện của học tập tự giác, tích cực - Có mục tiêu học tập rõ ràng. - Chủ động lập kế hoạch học tập để đạt được mục tiêu đã lập ra. - Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà không cần ai nhắc nhở. - Luôn cố gắng, vượt khó, kiên trì học tập. - Có phương pháp học tập chủ động. - Biết vận dụng điều đã học vào cuộc sống.



Câu hỏi:

a. Em hãy phân tích thái độ và hành vi học tập của các bạn học sinh trong các hình ảnh trên và chỉ ra những biểu hiện của học tập tự giác, tích cực; biểu hiện chưa tự giác, tích cực học tập.

b. Ngoài những biểu hiện trên, em còn biết những biểu hiện nào thể hiện sự tự giác, tích cực trong học tập?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

+ HS làm việc cặp đôi suy nghĩ trả lời.

+ GV quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS: Trình bày kết quả làm việc nhóm, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

- GV: Hướng dẫn HS cách trình bày, tương tác khi cần.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề, chuẩn kiến thức, ghi bảng.

Hoạt động 2.2 : Ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực
- HS được phát triển năng lực hợp tác và năng lực điều chỉnh hành vi.

b. Nội dung: Học sinh đọc trường hợp trang 22 SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

+ Trường hợp 1: Minh đạt được thành tích xuất sắc trong học tập nhờ tinh thần học tập tự giác, tích cực; lên kế hoạch học tập hợp lí, chủ động tìm tòi và học hỏi kiến thức mới, không nản chí khi gặp bài khó mà quyết tâm tìm ra cách giải sáng tạo.

+ Trường hợp 2: Nga đạt được thành tích xuất sắc trong học tập nhờ tinh thần học tập tự giác, tích cực; quyết tâm theo đuổi đam mê tiếng Anh, xác định mục tiêu rõ ràng, lên kế hoạch học tập hợp lí; dù hoàn cảnh khó khăn cũng không nản chí, quyết vươn lên trong học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SP
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc 2 trường hợp SGK trang 22 và trả lời câu hỏi: <i>Trường hợp 1</i> Minh có thói quen xây dựng kế hoạch học tập với các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và sắp xếp thời gian một cách hợp lí. Ngoài giờ học trên lớp, Minh còn tranh thủ thời gian ở trường để tìm đọc các tài liệu tham khảo trong thư viện hay mượn sách mang về nhà đọc. Với bài tập khó, Minh không dễ dàng từ bỏ mà luôn cố gắng đào sâu suy nghĩ, tìm mọi cách giải hay và sáng tạo. Vì vậy nhiều năm liền, Minh là học sinh tiêu biểu của trường và luôn được thầy cô khen ngợi, bạn bè ngưỡng mộ.  <i>Trường hợp 2</i> Từ niềm đam mê đặc biệt với môn Tiếng Anh, Nga đã cố gắng hết mình trong học tập với mục tiêu học tập rõ ràng. Mặc dù điều kiện gia đình khó khăn nhưng không lúc nào Nga ca thán hay tự ti mà luôn nỗ lực, kiên trì học tập. Với quyết tâm thực hiện kế hoạch đã định, Nga đã đạt được những thành tích đáng nể. Năm lớp 9, Nga đã giành giải Nhất cuộc thi Vi-ô-lin-pích Tiếng Anh cấp tỉnh dành cho học sinh trung học cơ sở. Ở lớp, Nga còn tích cực giúp đỡ các bạn gặp khó khăn trong học tập. Nga luôn chủ động với kế hoạch học tập của bản thân và nuôi chí lớn chinh phục các kì thi cao hơn. 	2. Ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực. - Tự giác, tích cực trong học tập giúp chúng

Câu hỏi: a. Theo em, vì sao Minh và Nga đạt được những thành tích xuất sắc trong học tập? b. Em hãy rút ra ý nghĩa của việc học tập tự giác, tích cực. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS: Trình bày kết quả. - GV theo dõi hướng dẫn học sinh cách trình bày Bước 4: Kết luận, nhận định - GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	ta chủ động, sáng tạo và không ngừng tiến bộ trong học tập. - Đạt được kết quả và mục tiêu học tập đã đề ra. - Được mọi người tin tưởng, tôn trọng và quý mến.
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong phần khám phá áp dụng kiến thức để làm bài tập.
- Phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề.

b. Nội dung:

- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ đọc xác định yêu cầu của bài và làm. <i>Hãy chia sẻ với bạn về mục tiêu phấn đấu trong học tập của em trong năm học này. Em sẽ làm gì để đạt được mục tiêu đó?</i> - HS: Tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập. - Học sinh làm việc độc lập suy nghĩ, trả lời. - GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sản phẩm, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).	III. Luyện tập 1. Bài tập 1/ SGK tr 23 * Mục tiêu phấn đấu trong năm học: - Làm hết bài tập về nhà được giao trong thời gian quy định. - Đạt điểm cao trong các bài kiểm tra, các kì thi. - Đạt giải cao trong kì thi học sinh giỏi. - Đạt danh hiệu Học sinh Giỏi. * Cách thức đạt được mục tiêu:

- GV theo dõi hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét, đánh giá các câu trả lời, bổ sung ý kiến nếu cần, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV giao nhiệm vụ đọc xác định yêu cầu bài tập, thảo luận nhóm theo bàn: <i>Em hãy liệt kê những việc làm của bản thân thể hiện việc không tự giác, tích cực trong học tập và nêu cách khắc phục hạn chế đó.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành bài tập. - GV quan sát, hướng dẫn, gợi ý khi cần giúp HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). - GV theo dõi hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét, đánh giá các câu trả lời, tinh thần, thái độ tham gia của các nhóm, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV giao nhiệm vụ đọc xác định yêu cầu của bài và làm bài. <i>Em đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến nào dưới đây? Vì sao?</i> A. Học tập tự giác, tích cực là yếu tố quan trọng giúp chúng ta đạt được mơ ước của bản thân. B. Chỉ cần tự giác, tích cực với môn học	- Mỗi ngày dành ra 3 giờ đồng hồ để tự học: hoàn thiện bài tập về nhà được giao, ôn tập lại kiến thức cũ và đọc trước kiến thức mới. - Ngoài thời gian tự học, đọc thêm sách để học hỏi kiến thức mới. - Tự tìm tòi làm các bài tập khó, nghĩ ra nhiều cách giải khác nhau. 2. Bài tập 2/ SGK tr 14 * Việc làm thể hiện không tự giác, tích cực trong học tập: - Khi gặp bài khó nghĩ không ra sẽ lên mạng chép giải hoặc chép bài của bạn. - Nhiều khi vì mải xem một bộ phim hay mà không chịu học bài đúng giờ. - Chỉ ôn tập kiến thức trước khi có bài kiểm tra hoặc trước kì thi. * Cách khắc phục: - Lập kế hoạch học tập rõ ràng, chi tiết, phù hợp với năng lực bản thân. - Tự đặt ra phần thưởng cho bản thân khi đạt được mục tiêu học tập và hình phạt khi không đạt được mục tiêu. 3. Bài tập 3/ SGK tr14. * Em đồng tình với các ý kiến: - A. vì mọi việc trên đời nếu muốn thành công đều cần đến kiến thức. Kiến thức càng nhiều thì làm mọi việc càng thành công và thuận lợi. Mà muốn
---	---

mình yêu thích là được. C. Trong bất kì hoàn cảnh nào cũng không nên điều chỉnh mục tiêu học tập đã đặt ra. D. Để mở rộng kiến thức, rèn luyện các kĩ năng cho bản thân, chúng ta cần phải học tập tự giác, tích cực. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe suy nghĩ giải quyết yêu cầu - GV quan sát, hướng dẫn, gợi ý khi cần giúp HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày kết quả, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). - GV theo dõi hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét, đánh giá các câu trả lời, tinh thần, thái độ làm bài, bổ sung ý kiến nếu cần, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và làm bài. <i>Cuối tuần, H đang ngồi làm bài tập trong sách nâng cao thì A đến rủ đi chơi. H từ chối không đi, A liền nói: “Tớ chỉ làm bài tập dễ thôi, còn bài tập khó, nâng cao cô có yêu cầu làm đâu. Đi chơi điện tử với tớ đi”.</i> a. Em có nhận xét gì về ý thức học tập của H và A? b. Nếu là H, em sẽ góp ý với A như thế nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe suy nghĩ giải quyết yêu cầu - GV quan sát, hướng dẫn, gợi ý khi cần giúp	trau dồi được nhiều kiến thức bổ ích thì cần phải chủ động học tập tự giác, tích cực. - D. vì đây chính là ý nghĩa của việc học tập tự giác, tích cực. *Em không đồng tình với các ý kiến: - B. vì mỗi môn học đều đem lại những kiến thức khác nhau, có ích cho cuộc sống và tương lai. Chúng ta cần phải học tập đầy đủ tất cả các môn để có thể trang bị những kiến thức cần thiết cho cuộc sống. - C. vì trong cuộc sống có rất nhiều sự kiện xảy ra đột xuất, làm thay đổi hoàn cảnh của con người. Vì vậy tùy thuộc vào mỗi tình huống khác nhau mà cần phải điều chỉnh mục tiêu đã đề ra trở nên phù hợp với năng lực và hoàn cảnh hiện tại. Nếu mục tiêu không phù hợp với khả năng của bản thân thì sẽ dễ đem lại kết quả tiêu cực. 4. Bài tập 4/ SGK tr14 a. Nhận xét: - H là người biết học tập chủ động, tích cực, chịu khó làm thêm bài tập nâng cao để rèn luyện tư duy. Vì vậy, chắc chắn kết quả học của H sẽ được nâng cao. - Ngược lại A không chủ động học tập tự giác, tích cực, chỉ làm các bài tập dễ cô giao mà bỏ qua các bài tập khó, không những vậy còn thuyết phục H đi chơi đừng làm bài tập.
---	---

HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày kết quả, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). - GV theo dõi hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét, đánh giá các câu trả lời, tinh thần, thái độ làm bài, chốt kiến thức.	b. Nếu em là H, em sẽ khuyên A rằng nếu muốn nâng cao thành tích học tập thì chỉ làm những bài tập dễ cô giao thôi là không đủ. Khi làm thêm những bài tập nâng cao không những giúp ôn luyện lại kiến thức đã học, giúp hiểu sâu và nắm vững kiến thức, mà còn giúp rèn luyện tư duy, khả năng sáng tạo và tính kiên trì.
--	---

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn cuộc sống nhằm phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b) Nội dung: HS viết một thông điệp, làm tập san thể hiện tinh thần tự giác, tích cực trong học tập.

c) Sản phẩm: Phần bài làm của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

* Học sinh viết thông điệp thể hiện tinh thần tự giác, tích cực trong học tập.

Làm việc theo nhóm lớn tạo một tập san thể hiện tinh thần tự giác, tích cực trong học tập.

* HS phân chia nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm, từng thành viên nhận nhiệm vụ và hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

* Báo cáo sản phẩm trong giờ học tiếp theo.

Rút kinh nghiệm sau bài dạy.

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 4: HỌC TẬP TỰ GIÁC, TÍCH CỰC

Môn: GDCD 7 – Lớp 7 (Cánh Diều)

Thời lượng dạy học: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

Học sinh nắm được:

- Khái niệm và biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.
- Ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực.
- Những việc làm thể hiện sự tự giác, tích cực trong học tập.
- Quý trọng những người học tập tự giác, tích cực; góp ý cho những bạn có biểu hiện chưa tự giác, tích cực để khắc phục hạn chế này.

2. Về năng lực:

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Tự giác học tập, lao động, thực hiện được những việc làm thể hiện sự tự giác, tích cực.
- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được những giá trị tốt đẹp của học tập tự giác, tích cực. Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lí, điều chỉnh bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống nhằm phát huy giá trị to lớn của tự giác, tích cực.
- *Năng lực phát triển bản thân*: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy khả năng học tập tự giác, tích cực. Xác định được lí tưởng sống của bản thân, lập kế hoạch học tập và rèn luyện, xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân.
- *Năng lực hợp tác, giải quyết vấn đề*: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần lan tỏa giá trị của tự giác, tích cực.

3. Về phẩm chất:

- Chăm chỉ: Quý trọng, ủng hộ những người học tập tích cực, tự giác.
- Trách nhiệm: Tích cực hoàn thành nhiệm vụ học tập.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Thiết bị dạy học: Màn hình, máy tính, tranh ảnh về nội dung bài học...

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập,...

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.

- Học sinh bước đầu nhận biết về học tập tự giác, tích cực để chuẩn bị vào bài học mới.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “**Ai hiểu biết**”: Kể những tấm gương tự giác, tích cực trong học tập mà em biết?

Lớp chia làm 3 đội, đội nào kể được nhiều tấm gương nhất thì đội đó chiến thắng.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

- Trạng nguyên Mạc Đĩnh Chi.
- Trạng nguyên Nguyễn Hiền.
- Nguyễn Khuyến.
- Bác Hồ.
- Thầy giáo Nguyễn Ngọc Kí.

d. Tổ chức thực hiện

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo nhóm, suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học. - Muốn đạt được kết quả cao trong học tập không có gì quan trọng bằng tinh thần học tập tự giác, tích cực. Lê-nin đã từng nói: “Học, học nữa, học mãi”. Em có suy nghĩ gì về câu nói đó?	I. Khởi động - Tri thức của nhân loại là vô hạn, biển học mênh mông trong khi hiểu biết của con người là nhỏ bé. - Để thỏa mãn sự ham hiểu biết, làm cho tâm hồn trí tuệ phong phú, nâng cao giá trị bản thân, con người cần phải không ngừng học tập.

2. Hoạt động 2: Hình thành kiến thức mới/ khám phá

Hoạt động 2.1: Tìm hiểu biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.

a.Mục tiêu:

- Nêu được các biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.
- HS phát triển được năng lực tự học, hợp tác.

b. Nội dung: Quan sát hình ảnh tìm hiểu biểu hiện của học tập tự giác, tích cực.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

+ Hình 1: Bạn học sinh đã học tập tự giác, tích cực bằng cách cố gắng hoàn thiện hết số lượng bài tập được giao, dù mệt cũng không bỏ dở.

+ Hình 2: Các bạn học sinh đã học tập tự giác, tích cực bằng cách chủ động phân chia công việc khi làm việc nhóm với nhau.

+ Hình 3: Bạn nữ đã thể hiện biểu hiện học tập tự giác, tích cực bằng cách khi gặp bài khó đã không chùn bước, nghiêm túc suy nghĩ, cố gắng tìm ra cách giải. Trong khi bạn nam chưa có biểu hiện học tập tự giác, tích cực bởi vì khi gặp bài khó, bạn đã nhanh chóng nản chí, từ bỏ không suy nghĩ cách giải.

+ Hình 4: Bạn học sinh đã học tập tự giác, tích cực bằng cách lập ra kế hoạch học tập phù hợp với bản thân và nghiêm túc, quyết tâm thực hiện kế hoạch đó.

- Hình 5: Bạn học sinh chưa tự giác, tích cực học tập khi bố mẹ nhắc nhở việc học bài nhưng không nghe lời.

+ Hình 6: Bạn nữ đã học tập tự giác, tích cực khi chủ động làm hết bài tập được giao và còn nhắc nhở bạn nam cùng bàn về việc làm bài tập. Trong khi bạn nam không hề học tập tự giác, tích cực vì không chủ động làm bài tập mà lại chờ để chép bài của bạn.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV giao nhiệm vụ cho HS thảo luận cặp đôi trong 5 phút, quan sát hình ảnh trang 20, 21 SGK và trả lời câu hỏi: 	II. Khám phá 1. Biểu hiện của học tập tự giác, tích cực - Có mục tiêu học tập rõ ràng. - Chủ động lập kế hoạch học tập để đạt được mục tiêu đã lập ra. - Hoàn thành nhiệm vụ học tập mà không cần ai nhắc nhở.



- Luôn cố gắng, vượt khó, kiên trì học tập.
- Có phương pháp học tập chủ động.
- Biết vận dụng điều đã học vào cuộc sống.

Câu hỏi:

a. Em hãy phân tích thái độ và hành vi học tập của các bạn học sinh trong các hình ảnh trên và chỉ ra những biểu hiện của học tập tự giác, tích cực; biểu hiện chưa tự giác, tích cực học tập.

b. Ngoài những biểu hiện trên, em còn biết những biểu hiện nào thể hiện sự tự giác, tích cực trong học tập?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ:

- + HS làm việc cặp đôi suy nghĩ trả lời.
- + GV quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận:

- HS: Trình bày kết quả làm việc nhóm, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).
- GV: Hướng dẫn HS cách trình bày, tương tác khi cần.

Bước 4: Kết luận, nhận định

- GV nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề, chuẩn kiến thức, ghi bảng.	
--	--

Hoạt động 2.2 : Ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực

a. Mục tiêu:

- HS trình bày được ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực
- HS được phát triển năng lực hợp tác và năng lực điều chỉnh hành vi.

b. Nội dung: Học sinh đọc trường hợp trang 22 SGK và trả lời câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

+ Trường hợp 1: Minh đạt được thành tích xuất sắc trong học tập nhờ tinh thần học tập tự giác, tích cực; lên kế hoạch học tập hợp lí, chủ động tìm tòi và học hỏi kiến thức mới, không nản chí khi gặp bài khó mà quyết tâm tìm ra cách giải sáng tạo.

+ Trường hợp 2: Nga đạt được thành tích xuất sắc trong học tập nhờ tinh thần học tập tự giác, tích cực; quyết tâm theo đuổi đam mê tiếng Anh, xác định mục tiêu rõ ràng, lên kế hoạch học tập hợp lí; dù hoàn cảnh khó khăn cũng không nản chí, quyết vươn lên trong học tập.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SP
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc 2 trường hợp SGK trang 22 và trả lời câu hỏi:	2. Ý nghĩa của học tập tự giác, tích cực.

Trường hợp 1

Minh có thói quen xây dựng kế hoạch học tập với các mục tiêu, nhiệm vụ cụ thể và sắp xếp thời gian một cách hợp lý. Ngoài giờ học trên lớp, Minh còn tranh thủ thời gian ở trường để tìm đọc các tài liệu tham khảo trong thư viện hay mượn sách mang về nhà đọc. Với bài tập khó, Minh không dễ dàng từ bỏ mà luôn cố gắng đào sâu suy nghĩ, tìm mọi cách giải hay và sáng tạo. Vì vậy nhiều năm liền, Minh là học sinh tiêu biểu của trường và luôn được thầy cô khen ngợi, bạn bè ngưỡng mộ.



Trường hợp 2

Từ niềm đam mê đặc biệt với môn Tiếng Anh, Nga đã cố gắng hết mình trong học tập với mục tiêu học tập rõ ràng. Mặc dù điều kiện gia đình khó khăn nhưng không lúc nào Nga ca thán hay tự ti mà luôn nỗ lực, kiên trì học tập. Với quyết tâm thực hiện kế hoạch đã định, Nga đã đạt được những thành tích đáng nể. Năm lớp 9, Nga đã giành giải Nhất cuộc thi Vi-ô-lim-pich Tiếng Anh cấp tỉnh dành cho học sinh trung học cơ sở. Ở lớp, Nga còn tích cực giúp đỡ các bạn gặp khó khăn trong học tập. Nga luôn chủ động với kế hoạch học tập của bản thân và nuôi chí lớn chinh phục các kì thi cao hơn.



Câu hỏi:

a. Theo em, vì sao Minh và Nga đạt được những thành tích xuất sắc trong học tập?

b. Em hãy rút ra ý nghĩa của việc học tập tự giác, tích cực.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần.

Bước 3: Báo cáo, thảo luận

- HS: Trình bày kết quả.

- GV theo dõi hướng dẫn học sinh cách trình bày

Bước 4: Kết luận, nhận định

- Tự giác, tích cực trong học tập giúp chúng ta chủ động, sáng tạo và không ngừng tiến bộ trong học tập.

- Đạt được kết quả và mục tiêu học tập đã đề ra.

- Được mọi người tin tưởng, tôn trọng và quý mến.

- GV nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức.	
--	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần khám phá áp dụng kiến thức để làm bài tập.
- Phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, tư duy phê phán, giải quyết vấn đề.

b. Nội dung:

- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi.

c. Sản phẩm: Câu trả lời, bài làm của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Nhiệm vụ 1: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập - GV giao nhiệm vụ đọc xác định yêu cầu của bài và làm. <i>Hãy chia sẻ với bạn về mục tiêu phấn đấu trong học tập của em trong năm học này. Em sẽ làm gì để đạt được mục tiêu đó?</i> - HS: Tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập. - Học sinh làm việc độc lập suy nghĩ, trả lời. - GV theo dõi, hỗ trợ HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sản phẩm, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). - GV theo dõi hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét, đánh giá các câu trả lời, bổ sung ý kiến nếu cần, chốt kiến thức.	III. Luyện tập 1. Bài tập 1/ SGK tr 23 * Mục tiêu phấn đấu trong năm học: - Làm hết bài tập về nhà được giao trong thời gian quy định. - Đạt điểm cao trong các bài kiểm tra, các kì thi. - Đạt giải cao trong kì thi học sinh giỏi. - Đạt danh hiệu Học sinh Giỏi. * Cách thức đạt được mục tiêu: - Mỗi ngày dành ra 3 giờ đồng hồ để tự học: hoàn thiện bài tập về nhà được giao, ôn tập lại kiến thức cũ và đọc trước kiến thức mới. - Ngoài thời gian tự học, đọc thêm sách để học hỏi kiến thức

Nhiệm vụ 2: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV giao nhiệm vụ đọc xác định yêu cầu bài tập, thảo luận nhóm theo bàn: <i>Em hãy liệt kê những việc làm của bản thân thể hiện việc không tự giác, tích cực trong học tập và nêu cách khắc phục hạn chế đó.</i> - HS tiếp nhận nhiệm vụ. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS suy nghĩ, thảo luận hoàn thành bài tập. - GV quan sát, hướng dẫn, gợi ý khi cần giúp HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày sản phẩm thảo luận, nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). - GV theo dõi hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét, đánh giá các câu trả lời, tinh thần, thái độ tham gia của các nhóm, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 3: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV giao nhiệm vụ đọc xác định yêu cầu của bài và làm bài. <i>Em đồng tình hay không đồng tình với các ý kiến nào dưới đây? Vì sao?</i> A. Học tập tự giác, tích cực là yếu tố quan trọng giúp chúng ta đạt được mơ ước của bản	mới. - Tự tìm tòi làm các bài tập khó, nghĩ ra nhiều cách giải khác nhau. 2. Bài tập 2/ SGK tr 14 * Việc làm thể hiện không tự giác, tích cực trong học tập: - Khi gặp bài khó nghĩ không ra sẽ lên mạng chép giải hoặc chép bài của bạn. - Nhiều khi vì mãi xem một bộ phim hay mà không chịu học bài đúng giờ. - Chỉ ôn tập kiến thức trước khi có bài kiểm tra hoặc trước kì thi. * Cách khắc phục: - Lập kế hoạch học tập rõ ràng, chi tiết, phù hợp với năng lực bản thân. - Tự đặt ra phần thưởng cho bản thân khi đạt được mục tiêu học tập và hình phạt khi không đạt được mục tiêu. 3. Bài tập 3/ SGK tr14. * Em đồng tình với các ý kiến: - A. vì mọi việc trên đời nếu muốn thành công đều cần đến kiến thức. Kiến thức càng nhiều thì làm mọi việc càng thành công và thuận lợi. Mà muốn trau dồi được nhiều kiến thức bổ ích thì cần phải chủ động học
---	---

thân. B. Chỉ cần tự giác, tích cực với môn học mình yêu thích là được. C. Trong bất kì hoàn cảnh nào cũng không nên điều chỉnh mục tiêu học tập đã đặt ra. D. Để mở rộng kiến thức, rèn luyện các kĩ năng cho bản thân, chúng ta cần phải học tập tự giác, tích cực. - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe suy nghĩ giải quyết yêu cầu - GV quan sát, hướng dẫn, gợi ý khi cần giúp HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày kết quả, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). - GV theo dõi hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét, đánh giá các câu trả lời, tinh thần, thái độ làm bài, bổ sung ý kiến nếu cần, chốt kiến thức. Nhiệm vụ 4: Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV giao nhiệm vụ cho HS đọc, xác định yêu cầu của bài tập và làm bài. <i>Cuối tuần, H đang ngồi làm bài tập trong sách nâng cao thì A đến rủ đi chơi. H từ chối không đi, A liền nói: “Tớ chỉ làm bài tập dễ thôi, còn bài tập khó, nâng cao cô có yêu cầu</i>	tập tự giác, tích cực. - D. vì đây chính là ý nghĩa của việc học tập tự giác, tích cực. *Em không đồng tình với các ý kiến: - B. vì mỗi môn học đều đem lại những kiến thức khác nhau, có ích cho cuộc sống và tương lai. Chúng ta cần phải học tập đầy đủ tất cả các môn để có thể trang bị những kiến thức cần thiết cho cuộc sống. - C. vì trong cuộc sống có rất nhiều sự kiện xảy ra đột xuất, làm thay đổi hoàn cảnh của con người. Vì vậy tùy thuộc vào mỗi tình huống khác nhau mà cần phải điều chỉnh mục tiêu đã đề ra trở nên phù hợp với năng lực và hoàn cảnh hiện tại. Nếu mục tiêu không phù hợp với khả năng của bản thân thì sẽ dễ đem lại kết quả tiêu cực. 4. Bài tập 4/ SGK tr14 a. Nhận xét: - H là người biết học tập chủ động, tích cực, chịu khó làm thêm bài tập nâng cao để rèn luyện tư duy. Vì vậy, chắc chắn kết quả học của H sẽ được nâng cao. - Ngược lại A không chủ động học tập tự giác, tích cực, chỉ làm các bài tập dễ cô giao mà bỏ qua các bài tập khó, không những vậy còn thuyết phục H đi chơi
--	--

<i>làm đâu. Đi chơi điện tử với tớ đi".</i> a. Em có nhận xét gì về ý thức học tập của H và A? b. Nếu là H, em sẽ góp ý với A như thế nào? - HS tiếp nhận nhiệm vụ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ - HS nghe suy nghĩ giải quyết yêu cầu - GV quan sát, hướng dẫn, gợi ý khi cần giúp HS hoàn thành nhiệm vụ. Bước 3: Báo cáo, thảo luận - HS trình bày kết quả, nhận xét và bổ sung cho bạn (nếu cần). - GV theo dõi hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). Bước 4: Kết luận, nhận định - Nhận xét, đánh giá các câu trả lời, tinh thần, thái độ làm bài, chốt kiến thức.	đừng làm bài tập. b. Nếu em là H, em sẽ khuyên A rằng nếu muốn nâng cao thành tích học tập thì chỉ làm những bài tập dễ cô giao thôi là không đủ. Khi làm thêm những bài tập nâng cao không những giúp ôn luyện lại kiến thức đã học, giúp hiểu sâu và nắm vững kiến thức, mà còn giúp rèn luyện tư duy, khả năng sáng tạo và tính kiên trì.
--	--

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a) Mục tiêu: Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn cuộc sống nhằm phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực giao tiếp và hợp tác.

b) Nội dung: Hs viết một thông điệp, làm tập san thể hiện tinh thần tự giác, tích cực trong học tập.

c) Sản phẩm: Phần bài làm của học sinh.

d) Tổ chức thực hiện:

* Học sinh viết thông điệp thể hiện tinh thần tự giác, tích cực trong học tập.

Làm việc theo nhóm lớn tạo một tập san thể hiện tinh thần tự giác, tích cực trong học tập.

* HS phân chia nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm, từng thành viên nhận nhiệm vụ và hoàn thiện sản phẩm ở nhà.

* Báo cáo sản phẩm trong giờ học tiếp theo.

Rút kinh nghiệm sau bài dạy.

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

GIỮ CHỮ TÍN

Môn học: GD&CD; lớp: 7

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Hiểu được chữ tín là gì, biểu hiện của giữ chữ tín và vì sao phải giữ chữ tín.
- Phân biệt được hành vi giữ chữ tín và không giữ chữ tín.
- Lường giữ lời hứa với người thân, thầy cô, bạn bè và người có trách nhiệm.
- Phê phán những người không biết giữ chữ tín.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học*: Tự giác học tập, lao động; kiên trì thực hiện mục tiêu học tập.
- *Điều chỉnh hành vi*: Tự đánh giá được mức độ tự lập của bản thân, qua đó điều chỉnh tính tự lập tham gia các hoạt động học tập ở lớp, ở nhà, trong lao động và trong cuộc sống hằng ngày.
- *Phát triển bản thân*: Kiên trì mục tiêu, thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện trong cuộc sống.
- *Tư duy phê phán*: Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa có tính tự lập như: lười biếng, ỷ lại trong học tập, trốn tránh công việc, hay nản lòng trong học tập, lao động và trong cuộc sống.
- *Hợp tác, giải quyết vấn đề*: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia giải quyết nhiệm vụ học tập, trả lời các câu hỏi trong bài học.

3. Về phẩm chất:

- *Trách nhiệm*: Tích cực, chủ động hoàn thành nhiệm vụ học tập, lao động, các hoạt động tập thể, hoạt động đội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về giữ chữ tín để chuẩn bị vào bài học mới.
- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: - Nêu được khái niệm giữ chữ tín? Liệt kê được các biểu hiện của người giữ chữ tín? Hiểu vì sao phải giữ chữ tín, ý nghĩa của giữ chữ tín?

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng trò chơi “Đuổi hình bắt chữ”

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi “Đuổi hình bắt chữ” Luật chơi: ❖ Quan sát hình ảnh Câu hỏi 1: Hình ảnh gợi cho em nhớ đến câu tục ngữ nào ? Câu hỏi 2: Câu tục ngữ sau thể hiện đức tính gì? “Một sự bất tín, vạn sự không tin” Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh xung phong chơi trò chơi, cá nhân lần lượt trình bày các câu trả lời. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học	

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới) Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu khái niệm giữ chữ tín a. Mục tiêu: - Học sinh nêu được khái niệm giữ chữ tín - Học sinh được phát triển năng lực phát triển bản thân và năng lực tư duy phê phán. b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc câu chuyện: Lời hứa - GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh hiểu thế nào là giữ chữ tín c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh ; Sản phẩm của các nhóm. d. Tổ chức thực hiện:	
Nhiệm vụ 1: Khái niệm tự lập Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi , phiếu bài tập Gv yêu cầu học sinh đọc câu chuyện: Lời hứa Gv yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ, nhóm và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập 1, Em hãy cho biết vì sao cô bán vé trong câu chuyện ã cho ông của cậu bé vay tiền? 2, Vì sao người ông trong câu chuyện không để hôm sau mới quay lại trả tiền? 3, Từ câu chuyện trên, em hiểu chữ tín là gì? 4 Giữ chữ tín là gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác truyện đọc trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện nhóm lần lượt trình bày các câu trả lời. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	I. Khám phá 1. Thế nào là tự lập *Câu chuyện: Lời hứa *Nhận xét * Kết luận: Chữ tín là niềm tin của con người đối với nhau. Giữ chữ tín là giữ niềm tin của người khác đối với mình.
2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới) Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu biểu hiện giữ chữ tín a. Mục tiêu:	

- Học sinh nêu được các biểu hiện của của người giữ chữ tín
- Học sinh được phát triển năng lực phát triển bản thân.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh quan sát cá nhân các hình ảnh 1, 2, 3, 4 trong SGK nhận xét việc làm của các nhân vật

Chị đi chơi đã,

9 giờ sáng mai
mình đến.

Sao lúc kiểm
điểm bạn hứa
nhiều thế?

Cứ hứa đi, còn
làm được đến đâu
thì tính sau.

tranh mai vẽ
cũng được.

Chị họ
hướng t
trở

Đọc sách tại hodO.vn

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi và trò chơi để hướng dẫn học sinh: Liệt kê được các biểu hiện của người giữ chữ tín.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh ; Sản phẩm của các nhóm

d. Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ 2: Biểu hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi, trò chơi,..

Gv yêu cầu học sinh quan sát các hình ảnh và nhận xét về hành vi của các bạn

Gv yêu cầu học sinh trả lời câu hỏi

?Các nhân vật trong mỗi hình ảnh trên đã làm việc

2. Biểu hiện của tính tự lập:

Biểu hiện của giữ chữ tín:
thực hiện lời hứa; nói đi đôi với làm; đúng hẹn; hoàn thành nhiệm vụ được giao; giữ được niềm tin với người

như thế nào? ? Theo em đâu là biểu hiện của giữ chữ tín? ? Đâu là biểu hiện của chưa giữ chữ tín? <i>Gv yêu cầu học sinh chơi trò chơi: “Tiếp sức đồng đội”</i> Luật chơi: + Giáo viên chia lớp thành bốn nhóm tìm những biểu hiện của giữ chữ tín trong học tập, trong lao động, trong sinh hoạt và những biểu hiện trái với giữ chữ tín + Thời gian: Trò chơi diễn ra trong vòng hai phút. + Cách thức: Các thành viên trong nhóm thay phiên nhau viết các đáp án lên bảng, nhóm nào viết được nhiều đáp án đúng hơn thì nhóm đó sẽ chiến thắng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS nghe hướng dẫn - Từng HS chuẩn bị độc lập. - Hoạt động nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. - Tham gia chơi trò chơi nhiệt tình, đúng luật Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh xung phong cá nhân lần lượt trình bày các câu trả lời. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn - Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. Giáo viên giới thiệu:	khác.
2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới) Nhiệm vụ 3: Ý nghĩa của giữ chữ tín a. Mục tiêu: – Học sinh hiểu vì sao phải giữ chữ tín, ý nghĩa của giữ chữ tín - Học sinh đánh giá được khả năng giữ chữ tín của bản thân và người khác. b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc câu chuyện, quan sát tranh.	

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng dẫn học sinh hiểu vì sao phải giữ chữ tín, ý nghĩa của giữ chữ tín. Đánh giá được khả năng giữ chữ tín của bản thân và người khác. Đề xuất được cách rèn luyện giữ chữ tín.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh ; Sản phẩm dự án của các nhóm.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hoạt động dự án và hệ thống câu hỏi

*** Hoạt động dự án chuẩn bị trước ở nhà, chia lớp thành 2 nhóm:**

+Nhóm 1: Sưu tầm những câu chuyện kể về tấm gương giữ chữ tín mà em biết.

Nhóm 2: Sưu tầm clip giới thiệu về tấm gương giữ chữ tín.

*** Câu hỏi thảo luận cặp đôi:** Điểm khác biệt giữa người giữ chữ tín và người không giữ chữ tín là gì?

? Theo em, người giữ chữ tín thường đạt được kết quả như thế nào trong cuộc sống?

? Em có suy nghĩ gì về những tấm gương đó?

?Trước những người giữ chữ tín em có tình cảm gì?

? Em hãy đánh giá khả năng giữ chữ tín của bản thân? (Em đã giữ chữ tín chưa? Kể những việc làm của em thể hiện giữ chữ tín?)

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, từng nhóm học sinh chuẩn bị (Khi ở nhà). Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác.

- Với hệ thống câu hỏi: học sinh làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh cử đại diện nhóm trình bày.

- Học sinh thảo luận, trao đổi, cá nhân trình bày.

3. Ý nghĩa của giữ chữ tín

Giữ chữ tín sẽ giúp cho chúng ta mang đến niềm tin và hi vọng cho mọi người, được mọi người tin tưởng và tôn trọng, góp phần làm cho các mối quan hệ xã hội trở nên tốt đẹp hơn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Yc hs nhận xét câu trả lời. -Gv đánh giá, chốt kiến thức.	
3. Hoạt động 3: Luyện tập a. Mục tiêu: -HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong phần Khám phá áp dụng kiến thức để làm bài tập. - HS phát triển được năng lực tự chủ và tự học, giải quyết vấn đề và sáng tạo. b. Nội dung: - Học sinh khái quát kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy. - Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ... c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ... 1 Em đồng ý hay không đồng ý với việc làm nào dưới đây? Vì sao? A. Giữ lời hứa trong mọi hoàn cảnh. B. Luôn làm tốt những Việc mà mình đã nhận. C. Chỉ hứa mà không làm. D. Chỉ giữ đúng lời hứa với thầy cô giáo, còn bạn bè thì không cần. E. Hoàn thành đúng thời hạn các nhiệm vụ học tập được giao. ? Bài tập tình huống:Trò chơi Đóng vai (Sắm vai) Tình huống 1: 2 Bà M mở cửa hàng bán trái cây nhập khẩu. Lúc đầu, bà M bán hàng có xuất xứ rõ ràng. Tuy nhiên, sau nhiều lần có người nói với bà nhập thêm trái cây không rõ xuất xứ cho rẻ, mã đẹp mà thu lợi nhuận cao, nên bà đã nghe theo. a) Việc bán trái cây không rõ xuất xứ như iức	III. Luyện tập

đầu của bà M có liên quan như thế nào đến giữ chữ tín? Vì sao?

b) Hành vi của bờ M có thể ảnh hưởng như thế nào đến khách hàng và việc kinh doanh?

Tình huống 2:

Chỉ vì tối qua ham xem bộ phim hay mà Q klông ôn bài. Hôm nay trong giờ kiểm tra, Q loay hoay mãi mà mới chỉ làm được 1 câu. Nghĩ đến việc bị điểm dưới trung bình thì sẽ rất xấu hổ nên Q bối rối, lo lắng và tin li đến chuyện quay cóp. Bàn tay Q đã đưa xuống ngăn bàn định mở sách, nhưng một ý nghĩ chợt loé lên trong Q: “Minh làm thế này mà cô giáo phát hiện ra, liệu cô còn tin tưởng mình nữa không?” Nghĩ đến đó, Q từ bỏ ý định quay cóp và tập tiling suy nghĩ để làm nốt bài. Q thấy lòng nhẹ nhõm hơn.

a) Em hãy nhận xét về suy nghĩ và hành động của O.

b) Từ tình huống trên, em rút ra bài. học gì. cho bản thân?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

- Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Học sinh cử đại diện nhóm trình bày.

- Học sinh thảo luận, trao đổi, cá nhân trình bày.

- Nhận xét về tính tự lập của bạn Hoa là: hoa là người rất có tính tự lập, bạn chia ra thời gian biểu để mình thực hiện có hiệu quả.

Em không đồng tình với Đạt không. Vì làm nhóm là việc học tập cùng nhau trao đổi nên vì thế cá nhân mỗi người phải tích cực thì mới đem lại kết quả.

Nếu là bạn của Đạt, em sẽ nói với Đạt không nên có suy nghĩ như vậy, vì cá nhân mỗi người phải tập tính tự lập suy nghĩ và đóng góp ý kiến của mình vào bài nhóm có như vậy thì nhóm mới ngày phát triển và thành tích học tập của

mình cũng được cải thiện nhiều hơn. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Yc hs nhận xét câu trả lời. -Gv đánh giá, chốt kiến thức.	
4. Hoạt động 4: Vận dụng a. Mục tiêu: - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học. b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, câu hỏi tình huống thông qua trò chơi, hoạt động dự án.. c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, trò chơi, hoạt động dự án ... +Trò chơi đối mặt: Tìm những câu ca dao tục ngữ, danh ngôn về giữ chữ tín 1 + Hoạt động dự án 1: Em hãy viết một bài kể về một trường hợp giữ chữ tín trong cuộc sống và rút ra bài học đối với bản thân. 2 + Hoạt động dự án 2: Em hãy lập kế hoạch cho bản thân để rèn luyện lối sống có trách nhiệm và tạo dựng lòng tin ở cha mẹ, thầy cô giáo và bạn bè theo một số gợi ý sau: - Xác định những việc cần làm ở nhà, ở trường, lớp. - Lập thời gian biểu theo ngày/tuần/tháng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. - Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện nhóm trình bày.	

- Học sinh lắng nghe, nghiên cứu, trao đổi, trình bày nếu còn thời gian Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Yc hs nhận xét câu trả lời. -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức. “Sống là cho, đâu chỉ nhận riêng mình” nhà thơ Tố Hữu đã gửi gắm cho người đời sau. Cô tin là qua bài học ngày hôm nay, sẽ có rất nhiều bạn biết giữ chữ tín trong cuộc sống.	
---	--

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 6: QUẢN LÝ TIỀN

Thời lượng dạy học (2 tiết)

I - MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được các yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nêu được ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả.
- Nhận biết được một số nguyên tắc quản lý tiền có hiệu quả.
- Bước đầu biết quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi: Bước đầu biết quản lý tiền thông qua việc sử dụng tiền hiệu quả để đạt được mục tiêu của bản thân.

Năng lực phát triển bản thân: Có kế hoạch để quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân, kiên trì với mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Sử dụng hiệu quả và đúng kế hoạch khoản thu nhập của bản thân trong các hoạt động cá nhân, trong gia đình và ngoài xã hội.

3. Về phẩm chất

Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bản thân về thu nhập cá nhân

Nhân ái: Có kế hoạch sử dụng tiền vào các hoạt động quyên góp, ủng hộ giúp đỡ các cá nhân và tập thể khi cần thiết.

Trách nhiệm: Tự giác thực hiện kế hoạch quản lý tiền mà bản thân đã đề ra, ..

II - THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 7*;
- Tranh, hình ảnh về nội dung bài học;

- Phương tiện thiết bị: Tivi, máy tính,
- Phiếu học tập;
- Giấy khổ lớn các loại.

III - TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

(Nội dung đã được giao cho học sinh từ cuối bài học trước)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế để HS chuẩn bị vào bài học mới.
- HS bước đầu nhận biết được vai trò, ý nghĩa của việc quản lý tiền

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài tập mở đầu .

- Cả lớp cùng thảo luận theo nhóm bàn về yêu cầu với biểu đồ trong sgk (GV chiếu lên tivi)

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Cần quản lý và sử dụng tiền hợp lý theo kế hoạch cho các khoản chi tiêu để đạt mục tiêu đề ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Cả lớp cùng quan sát lên tivi, đọc câu hỏi thảo luận - Thảo luận theo nhóm bàn và cử đại diện trình bày. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Gọi học sinh đại diện 2-3 nhóm trả lời, học sinh khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học:	

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

2.1. Tìm hiểu nội dung: quản lý tiền hiệu quả và ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả

***Nhiệm vụ 1:**



a. Mục tiêu:

- HS biết được thế nào là quản lý tiền hiệu quả?
- Ý nghĩa chung của việc quản lý tiền hiện quả?
- HS được phát triển các năng lực: tự học; hợp tác.

b. Nội dung:

- GV tổ chức HS theo nhóm 4 HS một nhóm trong thời gian 5 phút. Quan sát hình ảnh, đọc thông tin; trả lời theo hai câu hỏi:

- Theo em trong các hình trên, hình nào thể hiện ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả?.

Em hãy phân tích ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả được thể hiện trong mỗi hình ảnh đó.

- Theo em, thế nào là quản lý tiền hiệu quả?
- Ý nghĩa chung của việc quản lý tiền hiện quả là gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các nhóm học sinh.

- Quản lý tiền hiệu quả là biết sử dụng tiền một cách hợp lý nhằm đạt được mục tiêu như dự kiến.

- Quản lý tiền hiệu quả giúp mỗi người có thể cân bằng tài chính hiện tại; chủ động tiền bạc để thực hiện các dự định tương lai; đề phòng trường hợp bất trắc xảy ra và có thể giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm: Quan sát hình ảnh, đọc thông tin; trả lời theo câu hỏi: - Theo em trong các hình trên, hình nào thể hiện ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả? Em hãy phân tích ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả được thể hiện trong mỗi hình ảnh đó. - Theo em, thế nào là quản lý tiền hiệu quả? - Ý nghĩa chung của việc quản lý tiền hiệu quả là gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo cặp đôi, thảo luận, thống nhất nội dung câu trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Nhóm cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - Các nhóm khác nhận xét. - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	1. Ý nghĩa của quản lý tiền hiệu quả - Quản lý tiền hiệu quả là biết sử dụng tiền một cách hợp lý nhằm đạt được mục tiêu như dự kiến. - Quản lý tiền hiệu quả giúp mỗi người có thể cân bằng tài chính hiện tại; chủ động tiền bạc để thực hiện các dự định tương lai; đề phòng trường hợp bất trắc xảy ra và có thể giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.

2.2. Các nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả:

*** Nhiệm vụ 1:**

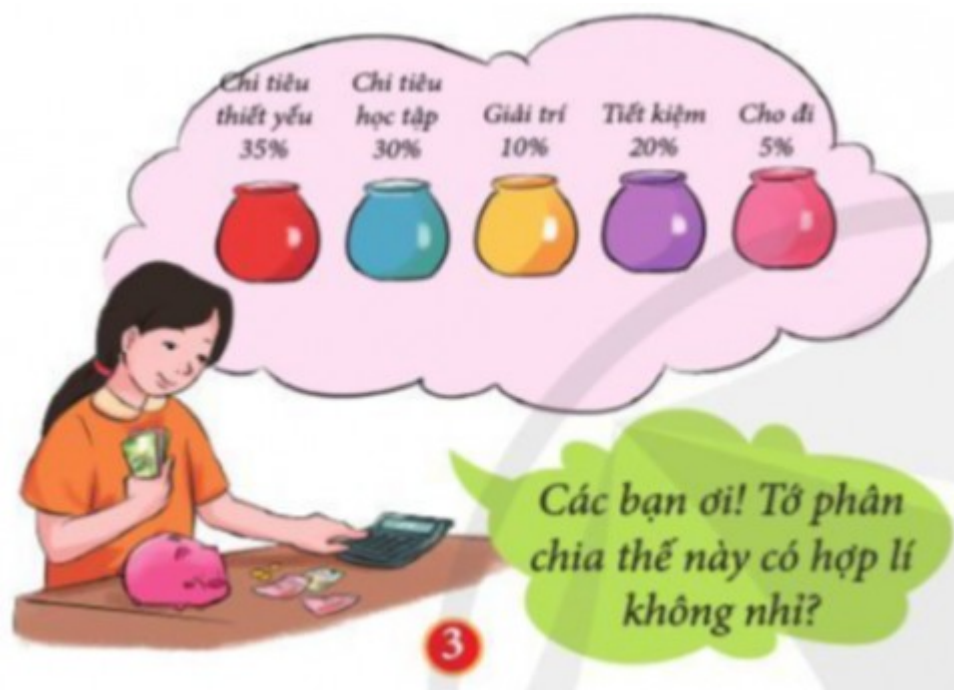
a/Hình ảnh 1:



b/Hình ảnh 2:



b/Hình ảnh 3:



a. Mục tiêu:

* HS nắm được một số nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả:

- Xác định rõ mục tiêu quản lý tiền trên cơ sở các khoản thu thực tế của bản thân;
- Tiết kiệm trước khi chi tiêu, tiết kiệm phải thường xuyên, đều đặn.
- Chỉ chi tiêu các khoản cần thiết, tránh lãng phí

* HS được phát triển các năng lực: tự học; hợp tác.

b. Nội dung:

- GV tổ chức HS hoạt động nhóm nhỏ: 2 HS một nhóm trong thời gian 5 phút. Quan sát hình ảnh, thảo luận trả lời theo hai câu hỏi:

* Em hãy cho biết bạn HS trong hình ảnh 1 đang tính toán các khoản thu nào.

* Bản thân em đã có các khoản thu nào? Theo em, các khoản thu của mình chủ yếu đến từ đâu?

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn, 4 HS một nhóm, thời gian 5 phút. Quan sát hình ảnh, thảo luận trả lời theo hai câu hỏi:

+ Em hãy nhận xét cách sử dụng tiền của các bạn HS trong hình ảnh 2. Theo em, cách sử dụng tiền nào là hợp lý? Vì sao?

+ Em hãy xác định các khoản chi tiêu thiết yếu và không thiết yếu?

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn, 4 HS một nhóm, thời gian 5 phút. Quan sát hình ảnh, thảo luận trả lời theo hai câu hỏi:

+) Em hãy cho biết bạn học sinh trong hình ảnh 3 đã đưa ra phương án chi tiêu cụ thể như thế nào?

+) Theo em, để quản lý tiền hiệu quả mỗi người cần thực hiện các nguyên tắc nào?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các nhóm học sinh.

C. 1. Hình 1:

* Bạn HS trong hình ảnh 1 đang tính toán các khoản thu từ:

- Tiền lì xì
- Tiền thưởng từ việc học tập
- Tiền tiêu vặt từ bố mẹ cho.

* Các khoản thu chủ yếu đến từ việc học tập, từ bố mẹ cho, từ việc bán những thứ đồ do bản thân tự làm, Thu gom phế liệu ...

C. 2. Hình 2

*) Nhận xét:

- Sử dụng tiền bằng cách chi tiêu vào những thứ thiết yếu và ưu tiên việc tiết kiệm tiền trước là những cách sử dụng tiền hợp lí.
- Việc có bao nhiêu liên chi tiêu hết vào những thứ mình thích là cách sử dụng không hợp lí vì nếu không dành ra một khoản tiết kiệm thì đến khi có việc đột xuất cần dùng đến tiền sẽ không đủ khả năng chi trả.

*) Các khoản chi thiết yếu:

- Đồ ăn, đồ uống
- Dụng cụ học tập
- Quyên góp, ủng hộ quỹ
- Tặng quà người thân, bạn bè

*) Các khoản chi không thiết yếu:

- Khoản chơi game, đồ chơi
- Liên tục mua quần áo, giày dép

C, 3 Hình 3

*) Bạn đã chia tiền vào các mục đích sử dụng cụ thể:

- Chi tiêu cho những thứ thiết yếu (35%)
- Chi tiêu cho mục đích học tập (30%)
- Chi tiêu vào mục đích giải trí (10%)
- Tiết kiệm (20%)
- Góp quỹ, ủng hộ người khác (5%)

*) Một số nguyên tắc quản lí tiền hiệu quả:

- Xác định rõ mục tiêu quản lí tiền trên cơ sở các khoản thu thực tế của bản thân.
- Tiết kiệm trước khi chi tiêu, tiết kiệm phải thường xuyên, đều đặn.
- Chỉ chi tiêu các khoản cần thiết, tránh lãng phí.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:	2.2. Các nguyên tắc quản lý

- GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm: <i>* Quan sát hình ảnh 1, đọc câu hỏi thảo luận cặp đôi; trả lời theo hai câu hỏi:</i> - Em dựa vào những nội dung trong thông tin để nhận xét về suy nghĩ và hành động của các thành viên trong gia đình H. - Theo em, pháp luật nước ta quy định như thế nào về quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con? <i>* Quan sát hình ảnh 2, đọc câu hỏi thảo luận , làm việc theo nhóm , ghi câu trả lời lên giấy rôki theo KTKTB.</i> + Em hãy nhận xét cách sử dụng tiền của các bạn HS trong hình ảnh 2. Theo em, cách sử dụng tiền nào là hợp lý? Vì sao? + Em hãy xác định các khoản chi tiêu thiết yếu và không thiết yếu? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo cặp đôi, theo nhóm 4 HS, lần lượt thảo luận, thống nhất nội dung câu trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Nhóm cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Các nhóm khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	tiền hiệu quả: <i>*) Một số nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả:</i> • Xác định rõ mục tiêu quản lý tiền trên cơ sở các khoản thu thực tế của bản thân. • Tiết kiệm trước khi chi tiêu, tiết kiệm phải thường xuyên, đều đặn. • Chỉ chi tiêu các khoản cần thiết, tránh lãng phí.
2.3. Tìm hiểu nội dung: Cách tạo nguồn thu nhập cá nhân Câu hỏi 1. Em hãy quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi	



?Các bạn học sinh trong hình trên đã tạo thêm thu nhập bằng cách nào

? Em còn biết những cách nào khác để tạo thêm thu nhập cho bản thân phù hợp với lứa tuổi

a. Mục tiêu:

- HS nắm được một số công việc phù hợp với độ tuổi, sở thích, và điều kiện để tạo nguồn thu nhập cho bản thân; biết quý trọng đồng tiền của bản thân, gia đình và xã hội.
- HS được phát triển các năng lực: tự học; hợp tác

b. Nội dung:

- GV tổ chức HS hoạt động nhóm theo bàn .
- HS quan sát tranh, thảo luận trả lời theo hai câu hỏi:

?Các bạn học sinh trong hình trên đã tạo thêm thu nhập bằng cách nào

? Em còn biết những cách nào khác để tạo thêm thu nhập cho bản thân phù hợp với lứa tuổi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các nhóm học sinh.

a) Các bạn học sinh trong hình trên đã tạo thêm thu nhập bằng cách:

- Hình 1: Bạn học sinh kiếm tiền bằng cách chăm sóc đàn gà để bán kiếm tiền.
- Hình 2: Hai bạn kiếm tiền bằng cách tự làm đồ thủ công để bán lấy tiền.
- Hình 3: Các bạn học sinh cùng thu gom giấy vụn để bán lấy tiền.

b) Một số cách kiếm thêm thu nhập:

- Tự làm bánh, làm thiệp, làm đồ tái chế để bán
- Phụ giúp bố mẹ việc nhà để được thưởng
- Đạt danh hiệu Học sinh Giỏi để được nhận thưởng

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh làm việc theo bàn HS quan sát tranh và trả lời theo hai câu hỏi: ? Các bạn học sinh trong hình trên đã tạo	3/ Cách tạo nguồn thu nhập cá nhân : Để tạo nguồn thu nhập, mỗi người có thể tìm cho mình số công việc phù hợp với độ tuổi, sở thích, và điều kiện của bản thân; để biết quý trọng đồng tiền của bản thân, gia đình và xã hội.

thêm thu nhập bằng cách nào ? Em còn biết những cách nào khác để tạo thêm thu nhập cho bản thân phù hợp với lứa tuổi Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo bàn, thảo luận, thống nhất nội dung câu trả lời. - Học sinh hình thành kĩ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Nhóm cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Các nhóm khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	
---	--

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong phần Khám phá.
- HS được phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề.

b. Nội dung:

- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi và trò chơi ...

Bài tập 1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

A. Quản lí tiền là việc của người trưởng thành, không phải là của học sinh.

B. Quản lí tiền hiệu quả giúp mỗi người chủ động trong chi tiêu để thực hiện các dự định tương lai của bản thân.

C. Quản lí tiền là việc không cần thiết, tốn thời gian, nên dùng thời gian đó để kiếm tiền thì tốt hơn.

D. Quản lí tiền hiệu quả giúp mỗi người có thể để phòng những trường hợp rủi ro bất ngờ trong cuộc sống.

E. Học sinh không cần quản lí tiền, vì nhiều cha mẹ học sinh không muốn con mình sớm bị đồng tiền làm ảnh hưởng.

Bài tập 2: Em hãy cho biết việc làm của bạn nào dưới đây thể hiện nguyên tắc quản lí tiền hiệu quả? Vì sao?

A. Bạn K thường tận dụng các đồ vật có thể tái chế để làm đồ dùng học tập.

B. Bố mẹ cho H tiền ăn sáng nhưng H không ăn để tiết kiệm tiền.

C. Bạn M sử dụng điện, nước tiết kiệm, hiệu quả.

D. Bạn X cứ có tiền là tiêu hết.

E. Khi nhận được tiền thưởng của nhà trường, bạn D dành một khoản để tiết kiệm.

Bài tập 4: Đầu năm mới, H nhận được một khoản tiền mừng tuổi và dự định dùng số tiền đó để mua một chiếc máy tính cầm tay. Nhưng khi thấy cửa hàng gần nhà bán một đồ chơi hấp dẫn, H đã dùng hết số tiền này để mua mà quên mất dự định của mình.

a) Em có nhận xét gì về việc làm của H?

b) Nếu em là bạn của H, em sẽ khuyên H như thế nào?

Bài tập 5. Em hãy cùng bạn tìm các cách tăng nguồn thu nhập và thảo luận tính khả thi của những cách đó đối với học sinh.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, theo nhóm: - Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi và trò chơi ... <i>Bài tập 1:</i> Làm việc cá nhân	Bài tập 1: <i>Em đồng ý với các ý kiến:</i> -/ B. vì quản lí tiền hiệu quả sẽ giúp ta phân bổ nguồn tiền vào những khoản chi tiêu cụ thể, hợp lí. Từ đó tránh được việc chi tiêu quá mức và qua việc tiết kiệm sẽ giúp ta có đủ

<i>Bài tập 2:</i> Làm việc nhóm bàn <i>Bài tập 4:</i> Làm việc nhóm bàn <i>Bài tập 5:</i> Làm việc nhóm bàn Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân với bài tập 1 - HS làm việc theo nhóm bàn, thảo luận, thống nhất cử đại diện và nội dung câu trả lời bài 2,4,5. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời, làm việc nhóm. Bước 3: Báo cáo kết quả - Cá nhân học sinh trả lời câu hỏi bài tập 1. - Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, đại diện nhóm trình bày kết quả. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. - Các nhóm khác nhận xét. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	tiền để mua những thứ mình thích. -/ D. vì cuộc sống sẽ luôn đầy rẫy những điều bất ngờ, những sự cố đột ngột xảy ra mà không báo trước. Khi đó, rất có thể chúng ta sẽ cần một khoản tiền lớn để chi trả cho những sự cố đó (ví dụ như tiền viện phí...). *Nếu như biết cách quản lý tiền hiệu quả, thì khi rơi vào những trường hợp đó ta sẽ không bị động, có đủ khả năng để chi trả. <i>Em không đồng ý với các ý kiến:</i> -/A. vì quản lý tiền hiệu quả là một kỹ năng sống cần thiết mà mỗi người đều cần được rèn luyện từ khi còn nhỏ. / C. vì quản lý tiền không hề tốn thời gian, ngược lại quản lý tiền hiệu quả không những giúp ta chi tiêu hợp lý, chủ động mà còn giúp ta quản lý thời gian tốt hơn. *Ví dụ như khi muốn mua một chiếc điện thoại mới, nếu biết cách quản lý tiền hiệu quả và để ra một khoản tiết kiệm hàng tháng, thì có thể là 6 - 7 tháng là có đủ tiền mua. Nếu không biết cách quản lý tiền hiệu quả, có bao nhiêu tiêu bấy nhiêu, đợi bao giờ được nhận một khoản tiền to mới mua thì mất rất nhiều thời gian. -/ E. vì quản lý tiền hiệu quả là một kỹ năng sống rất tốt cho học sinh,
--	--

giúp cho học sinh có ý chí phấn đấu đạt được những điều mình muốn bằng năng lực bản thân và biết san sẻ nỗi vất vả với bố mẹ.

Bài tập 2:

Việc làm thể hiện nguyên tắc quản lí tiền hiệu quả:

A. vì bạn có thể tiết kiệm được khoản tiền dùng để mua đồ dùng học tập, không những thế còn góp phần bảo vệ môi trường vì hạn chế được rác thải.

C. vì điện, nước dùng càng nhiều thì càng tốn nhiều tiền, vì vậy tiết kiệm điện, nước cũng chính là tiết kiệm tiền.

E. vì dành một khoản để tiết kiệm thay vì tiêu hết chính là một biểu hiện của việc quản lí tiền hiệu quả.

Bài tập 4:

a) Nhận xét:

-Việc làm của H đã thể hiện bạn là người không biết cách quản lí tiền bạc và chi tiêu hiệu quả.

-Việc H dùng hết tiền để mua một món đồ chơi khi chưa lên kế hoạch kĩ lưỡng là vô cùng phí phạm. Vì vậy mà H không còn tiền để mua chiếc máy tính cầm tay phục vụ cho việc học tập nữa.

b) Nếu em là bạn của H, em sẽ khuyên H:

	-Hãy cố gắng tập quản lí chi tiêu, không nên chi tiêu theo cảm tính thích gì mua đó, tập cách cân nhắc kĩ lưỡng trước khi mua một thứ gì đó xem đó có phải là thứ thực sự cần thiết không, có ý nghĩa lâu dài hay k và nên duy trì cho bản thân một khoản tiền tiết kiệm. -Quản lí chi tiêu hiệu quả sẽ giúp H không rơi vào tình trạng chi tiêu quá mức, luôn ở trong trạng thái chủ động và có thể mua được những thứ cần thiết phục vụ cho cuộc sống. Bài tập 4: Một số cách tăng nguồn thu nhập phù hợp với học sinh: -Thu gom giấy vụn, chai lọ, bìa các tông để bán - Bán các sản phẩm thủ công từ các vật liệu tái chế -Bán những sản phẩm tự làm được trong khả năng: vẽ tranh, làm bánh,... -Phụ giúp cha mẹ việc nhà và chịu khó học tập để được nhận thưởng
--	---

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm

kiến thức thông qua hoạt động dự án.

- Mỗi HS xây dựng 1 bản kế hoạch về quản lý tiền cho “ Quỹ học tập” hàng năm của bản thân (câu hỏi 1 phần vận dụng – SGK)

- Trình bày về ý tưởng làm 1 sản phẩm từ vật liệu có sẵn trong gia đình để bán – tạo nguồn thu nhập , tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường...

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV chia lớp thành 4 nhóm hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi vận dụng trong SGK Nhóm 1+ 2: Thực hiện yêu cầu 1 phần vận dụng. Nhóm 3 + 4: Thực hiện yêu cầu 2 phần vận dụng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc nhóm. + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	

- Yc hs nhận xét câu trả lời.	
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 6: QUẢN LÝ TIỀN

Thời lượng dạy học (2 tiết)

I - MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được các yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nêu được ý nghĩa củaviieecj quản lý tiền hiệu quả.
- Nhận biết được một số nguyên tắc quản lý tiền có hiệu quả.
- Bước đầu biết quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi: Bước đầu biết quản lý tiền thông qua việc sử dụng tiền hiệu quả để đạt được mục tiêu của bản thân.

Năng lực phát triển bản thân: Có kế hoạch để quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân, kiên trì với mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Sử dụng hiệu quả và đúng kế hoạch khoản thu nhập của bản thân trong các hoạt động cá nhân, trong gia đình và ngoài xã hội.

3. Về phẩm chất

Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bản thân về thu nhập cá nhân

Nhân ái: Có kế hoạch sử dụng tiền vào các hoạt động quyên góp, ủng hộ giúp đỡ các cá nhân và tập thể khi cần thiết.

Trách nhiệm: Tự giác thực hiện kế hoạch quản lý tiền mà bản thân đã đề ra, ..

II - THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 7*;
- Tranh, hình ảnh về nội dung bài học;
- Phương tiện thiết bị: Tivi, máy tính,
- Phiếu học tập;
- Giấy khổ lớn các loại.

III - TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

(Nội dung đã được giao cho học sinh từ cuối bài học trước)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế để HS chuẩn bị vào bài học mới.
- HS bước đầu nhận biết được vai trò, ý nghĩa của việc quản lý tiền

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài tập mở đầu .

- Cả lớp cùng thảo luận theo nhóm bàn về yêu cầu với biểu đồ trong sgk (GV chiếu lên tivi)

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Cần quản lý và sử dụng tiền hợp lý theo kế hoạch cho các khoản chi tiêu để đạt mục tiêu đề ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - Cả lớp cùng quan sát lên tivi, đọc câu hỏi thảo luận - Thảo luận theo nhóm bàn và cử đại diện trình bày. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: Gọi học sinh đại diện 2-3 nhóm trả lời, học sinh khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học:	

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

2.1. Tìm hiểu nội dung: quản lý tiền hiệu quả và ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả

*Nhiệm vụ 1:



a. Mục tiêu:

- HS biết được thế nào là quản lý tiền hiệu quả?
- Ý nghĩa chung của việc quản lý tiền hiện quả?
- HS được phát triển các năng lực: tự học; hợp tác.

b. Nội dung:

- GV tổ chức HS theo nhóm 4 HS một nhóm trong thời gian 5 phút. Quan sát hình ảnh, đọc thông tin; trả lời theo hai câu hỏi:
- Theo em trong các hình trên, hình nào thể hiện ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả?. Em hãy phân tích ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả được thể hiện trong mỗi hình ảnh đó.
- Theo em, thế nào là quản lý tiền hiệu quả?

- Ý nghĩa chung của việc quản lý tiền hiệu quả là gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các nhóm học sinh.

- Quản lý tiền hiệu quả là biết sử dụng tiền một cách hợp lý nhằm đạt được mục tiêu như dự kiến.

- Quản lý tiền hiệu quả giúp mỗi người có thể cân bằng tài chính hiện tại; chủ động tiền bạc để thực hiện các dự định tương lai; đề phòng trường hợp bất trắc xảy ra và có thể giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm: Quan sát hình ảnh, đọc thông tin; trả lời theo câu hỏi: - Theo em trong các hình trên, hình nào thể hiện ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả? Em hãy phân tích ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả được thể hiện trong mỗi hình ảnh đó. - Theo em, thế nào là quản lý tiền hiệu quả? - Ý nghĩa chung của việc quản lý tiền hiệu quả là gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo cặp đôi, thảo luận, thống nhất nội dung câu trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Nhóm cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - Các nhóm khác nhận xét. - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	1. Ý nghĩa của quản lý tiền hiệu quả - Quản lý tiền hiệu quả là biết sử dụng tiền một cách hợp lý nhằm đạt được mục tiêu như dự kiến. - Quản lý tiền hiệu quả giúp mỗi người có thể cân bằng tài chính hiện tại; chủ động tiền bạc để thực hiện các dự định tương lai; đề phòng trường hợp bất trắc xảy ra và có thể giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.

2.2. Các nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả:

*** Nhiệm vụ 1:**

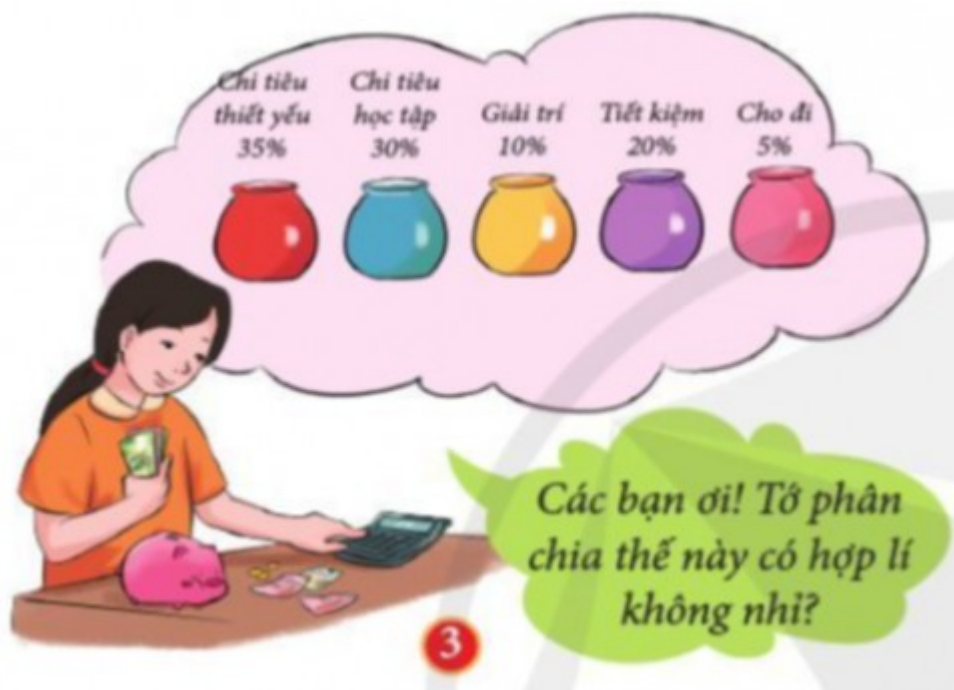
a/Hình ảnh 1:



b/Hình ảnh 2:



b/Hình ảnh 3:



a. Mục tiêu:

- * HS nắm được một số nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả:
- Xác định rõ mục tiêu quản lý tiền trên cơ sở các khoản thu thực tế của bản thân;
- Tiết kiệm trước khi chi tiêu, tiết kiệm phải thường xuyên, đều đặn.
- Chỉ chi tiêu các khoản cần thiết, tránh lãng phí
- * HS được phát triển các năng lực: tự học; hợp tác.

b. Nội dung:

- GV tổ chức HS hoạt động nhóm nhỏ: 2 HS một nhóm trong thời gian 5 phút. Quan sát hình ảnh, thảo luận trả lời theo hai câu hỏi:

- * Em hãy cho biết bạn HS trong hình ảnh 1 đang tính toán các khoản thu nào.
- * Bản thân em đã có các khoản thu nào? Theo em, các khoản thu của mình chủ yếu đến từ đâu?

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn, 4 HS một nhóm, thời gian 5 phút. Quan sát hình ảnh, thảo luận trả lời theo hai câu hỏi:

+ Em hãy nhận xét cách sử dụng tiền của các bạn HS trong hình ảnh 2. Theo em, cách sử dụng tiền nào là hợp lý? Vì sao?

+ Em hãy xác định các khoản chi tiêu thiết yếu và không thiết yếu?

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn, 4 HS một nhóm, thời gian 5 phút. Quan sát hình ảnh, thảo luận trả lời theo hai câu hỏi:

+) Em hãy cho biết bạn học sinh trong hình ảnh 3 đã đưa ra phương án chi tiêu cụ thể như thế nào?

+) Theo em, để quản lý tiền hiệu quả mỗi người cần thực hiện các nguyên tắc nào?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các nhóm học sinh.

C. 1. Hình 1:

- * Bạn HS trong hình ảnh 1 đang tính toán các khoản thu từ:
- Tiền lì xì
- Tiền thưởng từ việc học tập
- Tiền tiêu vặt từ bố mẹ cho.

* Các khoản thu chủ yếu đến từ việc học tập, từ bố mẹ cho, từ việc bán những thứ đồ do bản thân tự làm, Thu gom phế liệu ...

C. 2. Hình 2

*) Nhận xét:

- Sử dụng tiền bằng cách chi tiêu vào những thứ thiết yếu và ưu tiên việc tiết kiệm tiền trước là những cách sử dụng tiền hợp lý.
- Việc có bao nhiêu tiền chi tiêu hết vào những thứ mình thích là cách sử dụng không hợp lý vì nếu không dành ra một khoản tiết kiệm thì đến khi có việc đột xuất cần dùng đến tiền sẽ không đủ khả năng chi trả.

*) Các khoản chi thiết yếu:

- Đồ ăn, đồ uống
- Dụng cụ học tập
- Quyên góp, ủng hộ quỹ
- Tặng quà người thân, bạn bè

*) Các khoản chi không thiết yếu:

- Khoản chơi game, đồ chơi
- Liên tục mua quần áo, giày dép

C, 3 Hình 3

*) Bạn đã chia tiền vào các mục đích sử dụng cụ thể:

- Chi tiêu cho những thứ thiết yếu (35%)
- Chi tiêu cho mục đích học tập (30%)
- Chi tiêu vào mục đích giải trí (10%)
- Tiết kiệm (20%)
- Góp quỹ, ủng hộ người khác (5%)

*) Một số nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả:

- Xác định rõ mục tiêu quản lý tiền trên cơ sở các khoản thu thực tế của bản thân.
- Tiết kiệm trước khi chi tiêu, tiết kiệm phải thường xuyên, đều đặn.
- Chỉ chi tiêu các khoản cần thiết, tránh lãng phí.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm: * Quan sát hình ảnh 1, đọc câu hỏi thảo luận cặp đôi; trả lời theo hai câu hỏi: - Em dựa vào những nội dung trong thông tin để nhận xét về suy nghĩ và hành động của các thành viên trong gia đình H. - Theo em, pháp luật nước ta quy định như thế nào về quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con? * Quan sát hình ảnh 2, đọc câu hỏi thảo luận, làm việc theo nhóm, ghi câu trả lời lên giấy rôki theo KTKTB. + Em hãy nhận xét cách sử dụng tiền của các bạn HS trong hình ảnh 2. Theo em, cách sử dụng tiền nào là hợp lý? Vì sao? + Em hãy xác định các khoản chi tiêu thiết yếu và không thiết yếu? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo cặp đôi, theo nhóm 4 HS, lần lượt thảo luận, thống nhất nội dung câu trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Nhóm cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Các nhóm khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	2.2. Các nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả: *) Một số nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả: • Xác định rõ mục tiêu quản lý tiền trên cơ sở các khoản thu thực tế của bản thân. • Tiết kiệm trước khi chi tiêu, tiết kiệm phải thường xuyên, đều đặn. • Chỉ chi tiêu các khoản cần thiết, tránh lãng phí.
2.3. Tìm hiểu nội dung: Cách tạo nguồn thu nhập cá nhân Câu hỏi 1. Em hãy quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi	



?Các bạn học sinh trong hình trên đã tạo thêm thu nhập bằng cách nào

? Em còn biết những cách nào khác để tạo thêm thu nhập cho bản thân phù hợp với lứa tuổi

a. Mục tiêu:

- HS nắm được một số công việc phù hợp với độ tuổi, sở thích, và điều kiện để tạo nguồn thu nhập cho bản thân; biết quý trọng đồng tiền của bản thân, gia đình và xã hội.
- HS được phát triển các năng lực: tự học; hợp tác

b. Nội dung:

- GV tổ chức HS hoạt động nhóm theo bàn .
- HS quan sát tranh, thảo luận trả lời theo hai câu hỏi:

? Các bạn học sinh trong hình trên đã tạo thêm thu nhập bằng cách nào

? Em còn biết những cách nào khác để tạo thêm thu nhập cho bản thân phù hợp với lứa tuổi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các nhóm học sinh.

a) Các bạn học sinh trong hình trên đã tạo thêm thu nhập bằng cách:

- Hình 1: Bạn học sinh kiếm tiền bằng cách chăm sóc đàn gà để bán kiếm tiền.
- Hình 2: Hai bạn kiếm tiền bằng cách tự làm đồ thủ công để bán lấy tiền.
- Hình 3: Các bạn học sinh cùng thu gom giấy vụn để bán lấy tiền.

b) Một số cách kiếm thêm thu nhập:

- Tự làm bánh, làm thiệp, làm đồ tái chế để bán
- Phụ giúp bố mẹ việc nhà để được thưởng
- Đạt danh hiệu Học sinh Giỏi để được nhận thưởng

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh làm việc theo bàn HS quan sát tranh và trả lời theo hai câu hỏi: ? Các bạn học sinh trong hình trên đã tạo	3/ Cách tạo nguồn thu nhập cá nhân : Để tạo nguồn thu nhập, mỗi người có thể tìm cho mình số công việc phù hợp với độ tuổi, sở thích, và điều kiện của bản thân; để biết quý trọng đồng tiền của bản thân, gia đình và xã hội.

thêm thu nhập bằng cách nào ? Em còn biết những cách nào khác để tạo thêm thu nhập cho bản thân phù hợp với lứa tuổi Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo bàn, thảo luận, thống nhất nội dung câu trả lời. - Học sinh hình thành kĩ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Nhóm cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Các nhóm khác nhận xét. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	
---	--

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS luyện tập, củng cố kiến thức, kĩ năng đã được hình thành trong phần Khám phá.
- HS được phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề.

b. Nội dung:

- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi và trò chơi ...

Bài tập 1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

A. Quản lí tiền là việc của người trưởng thành, không phải là của học sinh.

B. Quản lí tiền hiệu quả giúp mỗi người chủ động trong chi tiêu để thực hiện các dự định tương lai của bản thân.

C. Quản lí tiền là việc không cần thiết, tốn thời gian, nên dùng thời gian đó để kiếm tiền thì tốt hơn.

D. Quản lí tiền hiệu quả giúp mỗi người có thể để phòng những trường hợp rủi ro bất ngờ trong cuộc sống.

E. Học sinh không cần quản lí tiền, vì nhiều cha mẹ học sinh không muốn con mình sớm bị đồng tiền làm ảnh hưởng.

Bài tập 2: Em hãy cho biết việc làm của bạn nào dưới đây thể hiện nguyên tắc quản lí tiền hiệu quả? Vì sao?

A. Bạn K thường tận dụng các đồ vật có thể tái chế để làm đồ dùng học tập.

B. Bố mẹ cho H tiền ăn sáng nhưng H không ăn để tiết kiệm tiền.

C. Bạn M sử dụng điện, nước tiết kiệm, hiệu quả.

D. Bạn X cứ có tiền là tiêu hết.

E. Khi nhận được tiền thưởng của nhà trường, bạn D dành một khoản để tiết kiệm.

Bài tập 4: Đầu năm mới, H nhận được một khoản tiền mừng tuổi và dự định dùng số tiền đó để mua một chiếc máy tính cầm tay. Nhưng khi thấy cửa hàng gần nhà bán một đồ chơi hấp dẫn, H đã dùng hết số tiền này để mua mà quên mất dự định của mình.

a) Em có nhận xét gì về việc làm của H?

b) Nếu em là bạn của H, em sẽ khuyên H như thế nào?

Bài tập 5. Em hãy cùng bạn tìm các cách tăng nguồn thu nhập và thảo luận tính khả thi của những cách đó đối với học sinh.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, theo nhóm: - Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi và trò chơi ... <i>Bài tập 1:</i> Làm việc cá nhân	Bài tập 1: <i>Em đồng ý với các ý kiến:</i> -/ B. vì quản lí tiền hiệu quả sẽ giúp ta phân bổ nguồn tiền vào những khoản chi tiêu cụ thể, hợp lí. Từ đó tránh được việc chi tiêu quá mức và qua việc tiết kiệm sẽ giúp ta có đủ

<i>Bài tập 2:</i> Làm việc nhóm bàn <i>Bài tập 4:</i> Làm việc nhóm bàn <i>Bài tập 5:</i> Làm việc nhóm bàn Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân với bài tập 1 - HS làm việc theo nhóm bàn, thảo luận, thống nhất cử đại diện và nội dung câu trả lời bài 2,4,5. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời, làm việc nhóm. Bước 3: Báo cáo kết quả - Cá nhân học sinh trả lời câu hỏi bài tập 1. - Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, đại diện nhóm trình bày kết quả. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. - Các nhóm khác nhận xét. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	tiền để mua những thứ mình thích. -/ D. vì cuộc sống sẽ luôn đầy rẫy những điều bất ngờ, những sự cố đột ngột xảy ra mà không báo trước. Khi đó, rất có thể chúng ta sẽ cần một khoản tiền lớn để chi trả cho những sự cố đó (ví dụ như tiền viện phí...). *Nếu như biết cách quản lý tiền hiệu quả, thì khi rơi vào những trường hợp đó ta sẽ không bị động, có đủ khả năng để chi trả. <i>Em không đồng ý với các ý kiến:</i> -/A. vì quản lý tiền hiệu quả là một kỹ năng sống cần thiết mà mỗi người đều cần được rèn luyện từ khi còn nhỏ. / C. vì quản lý tiền không hề tốn thời gian, ngược lại quản lý tiền hiệu quả không những giúp ta chi tiêu hợp lý, chủ động mà còn giúp ta quản lý thời gian tốt hơn. *Ví dụ như khi muốn mua một chiếc điện thoại mới, nếu biết cách quản lý tiền hiệu quả và để ra một khoản tiết kiệm hàng tháng, thì có thể là 6 - 7 tháng là có đủ tiền mua. Nếu không biết cách quản lý tiền hiệu quả, có bao nhiêu tiêu bấy nhiêu, đợi bao giờ được nhận một khoản tiền to mới mua thì mất rất nhiều thời gian. -/ E. vì quản lý tiền hiệu quả là một kỹ năng sống rất tốt cho học sinh,
--	--

giúp cho học sinh có ý chí phấn đấu đạt được những điều mình muốn bằng năng lực bản thân và biết san sẻ nỗi vất vả với bố mẹ.

Bài tập 2:

Việc làm thể hiện nguyên tắc quản lí tiền hiệu quả:

A. vì bạn có thể tiết kiệm được khoản tiền dùng để mua đồ dùng học tập, không những thế còn góp phần bảo vệ môi trường vì hạn chế được rác thải.

C. vì điện, nước dùng càng nhiều thì càng tốn nhiều tiền, vì vậy tiết kiệm điện, nước cũng chính là tiết kiệm tiền.

E. vì dành một khoản để tiết kiệm thay vì tiêu hết chính là một biểu hiện của việc quản lí tiền hiệu quả.

Bài tập 4:

a) Nhận xét:

-Việc làm của H đã thể hiện bạn là người không biết cách quản lí tiền bạc và chi tiêu hiệu quả.

-Việc H dùng hết tiền để mua một món đồ chơi khi chưa lên kế hoạch kĩ lưỡng là vô cùng phí phạm. Vì vậy mà H không còn tiền để mua chiếc máy tính cầm tay phục vụ cho việc học tập nữa.

b) Nếu em là bạn của H, em sẽ khuyên H:

	-Hãy cố gắng tập quản lí chi tiêu, không nên chi tiêu theo cảm tính thích gì mua đó, tập cách cân nhắc kĩ lưỡng trước khi mua một thứ gì đó xem đó có phải là thứ thực sự cần thiết không, có ý nghĩa lâu dài hay k và nên duy trì cho bản thân một khoản tiền tiết kiệm. -Quản lí chi tiêu hiệu quả sẽ giúp H không rơi vào tình trạng chi tiêu quá mức, luôn ở trong trạng thái chủ động và có thể mua được những thứ cần thiết phục vụ cho cuộc sống. Bài tập 4: Một số cách tăng nguồn thu nhập phù hợp với học sinh: -Thu gom giấy vụn, chai lọ, bìa các tông để bán - Bán các sản phẩm thủ công từ các vật liệu tái chế -Bán những sản phẩm tự làm được trong khả năng: vẽ tranh, làm bánh,... -Phụ giúp cha mẹ việc nhà và chịu khó học tập để được nhận thưởng
--	--

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm

kiến thức thông qua hoạt động dự án.

- Mỗi HS xây dựng 1 bản kế hoạch về quản lý tiền cho “ Quỹ học tập” hàng năm của bản thân (câu hỏi 1 phần vận dụng – SGK)

- Trình bày về ý tưởng làm 1 sản phẩm từ vật liệu có sẵn trong gia đình để bán – tạo nguồn thu nhập , tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường...

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV chia lớp thành 4 nhóm hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi vận dụng trong SGK Nhóm 1+ 2: Thực hiện yêu cầu 1 phần vận dụng. Nhóm 3 + 4: Thực hiện yêu cầu 2 phần vận dụng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc nhóm. + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ	

- Yc hs nhận xét câu trả lời.	
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 6: QUẢN LÝ TIỀN

Thời lượng dạy học (2 tiết)

I - MỤC TIÊU

Học xong bài này, HS cần đạt được các yêu cầu sau:

1. Về kiến thức

- Nêu được ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả.
- Nhận biết được một số nguyên tắc quản lý tiền có hiệu quả.
- Bước đầu biết quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân.

2. Về năng lực

Năng lực điều chỉnh hành vi: Bước đầu biết quản lý tiền thông qua việc sử dụng tiền hiệu quả để đạt được mục tiêu của bản thân.

Năng lực phát triển bản thân: Có kế hoạch để quản lý tiền và tạo nguồn thu nhập của cá nhân, kiên trì với mục tiêu, kế hoạch đã đề ra.

Năng lực tìm hiểu và tham gia hoạt động kinh tế - xã hội: Sử dụng hiệu quả và đúng kế hoạch khoản thu nhập của bản thân trong các hoạt động cá nhân, trong gia đình và ngoài xã hội.

3. Về phẩm chất

Yêu nước: Tích cực, chủ động tham gia thực hiện các quyền và nghĩa vụ của bản thân về thu nhập cá nhân

Nhân ái: Có kế hoạch sử dụng tiền vào các hoạt động quyên góp, ủng hộ giúp đỡ các cá nhân và tập thể khi cần thiết.

Trách nhiệm: Tự giác thực hiện kế hoạch quản lý tiền mà bản thân đã đề ra, ..

II - THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

- SGK, SGV, sách bài tập *Giáo dục công dân 7*;
- Tranh, hình ảnh về nội dung bài học;
- Phương tiện thiết bị: Tivi, máy tính,
- Phiếu học tập;
- Giấy khổ lớn các loại.

III - TIẾN TRÌNH DẠY HỌC

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

(Nội dung đã được giao cho học sinh từ cuối bài học trước)

a. Mục tiêu:

- Tạo tâm thế để HS chuẩn bị vào bài học mới.
- HS bước đầu nhận biết được vai trò, ý nghĩa của việc quản lý tiền

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài tập mở đầu .

- Cả lớp cùng thảo luận theo nhóm bàn về yêu cầu với biểu đồ trong sgk (GV chiếu lên tivi)

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Cần quản lý và sử dụng tiền hợp lý theo kế hoạch cho các khoản chi tiêu để đạt mục tiêu đề ra.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:	

- Cả lớp cùng quan sát lên tivi, đọc câu hỏi thảo luận
- Thảo luận theo nhóm bàn và cử đại diện trình bày.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV: Gọi học sinh đại diện 2-3 nhóm trả lời, học sinh khác nhận xét, bổ sung.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học:

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

2.1. Tìm hiểu nội dung: quản lý tiền hiệu quả và ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả

***Nhiệm vụ 1:**



a. Mục tiêu:

- HS biết được thế nào là quản lý tiền hiệu quả?
- Ý nghĩa chung của việc quản lý tiền hiệu quả?
- HS được phát triển các năng lực: tự học; hợp tác.

b. Nội dung:

- GV tổ chức HS theo nhóm 4 HS một nhóm trong thời gian 5 phút. Quan sát hình ảnh, đọc thông tin; trả lời theo hai câu hỏi:
- Theo em trong các hình trên, hình nào thể hiện ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả? Em hãy phân tích ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả được thể hiện trong mỗi hình ảnh đó.
- Theo em, thế nào là quản lý tiền hiệu quả?
- Ý nghĩa chung của việc quản lý tiền hiệu quả là gì?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các nhóm học sinh.

- Quản lý tiền hiệu quả là biết sử dụng tiền một cách hợp lý nhằm đạt được mục tiêu như dự kiến.
- Quản lý tiền hiệu quả giúp mỗi người có thể cân bằng tài chính hiện tại; chủ động tiền bạc để thực hiện các dự định tương lai; đề phòng trường hợp bất trắc xảy ra và có thể giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm: Quan sát hình ảnh, đọc thông tin; trả lời theo câu hỏi: - Theo em trong các hình trên, hình nào thể hiện ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả? Em hãy phân tích ý nghĩa của việc quản lý tiền hiệu quả được thể hiện trong mỗi hình ảnh đó. - Theo em, thế nào là quản lý tiền hiệu quả? - Ý nghĩa chung của việc quản lý tiền hiệu quả là gì? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo cặp đôi, thảo luận, thống nhất nội dung câu trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	1. Ý nghĩa của quản lý tiền hiệu quả - Quản lý tiền hiệu quả là biết sử dụng tiền một cách hợp lý nhằm đạt được mục tiêu như dự kiến. - Quản lý tiền hiệu quả giúp mỗi người có thể cân bằng tài chính hiện tại; chủ động tiền bạc để thực hiện các dự định tương lai; đề phòng trường hợp bất trắc xảy ra và có thể giúp đỡ người khác khi gặp khó khăn.

- Nhóm cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Các nhóm khác nhận xét.

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề

2.2. Các nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả:

*** Nhiệm vụ 1:**

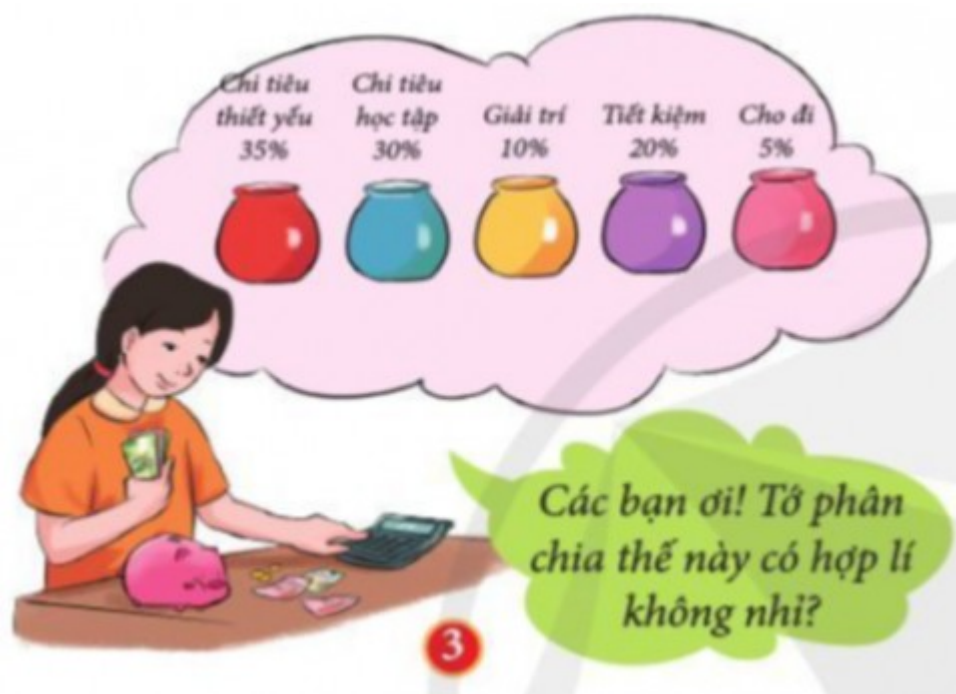
a/Hình ảnh 1:



b/Hình ảnh 2:



b/Hình ảnh 3:



a. Mục tiêu:

- * HS nắm được một số nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả:
 - Xác định rõ mục tiêu quản lý tiền trên cơ sở các khoản thu thực tế của bản thân;
 - Tiết kiệm trước khi chi tiêu, tiết kiệm phải thường xuyên, đều đặn.
 - Chỉ chi tiêu các khoản cần thiết, tránh lãng phí
- * HS được phát triển các năng lực: tự học; hợp tác.

b. Nội dung:

- GV tổ chức HS hoạt động nhóm nhỏ: 2 HS một nhóm trong thời gian 5 phút. Quan sát hình ảnh, thảo luận trả lời theo hai câu hỏi:

- * Em hãy cho biết bạn HS trong hình ảnh 1 đang tính toán các khoản thu nào.
- * Bản thân em đã có các khoản thu nào? Theo em, các khoản thu của mình chủ yếu đến từ đâu?

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn, 4 HS một nhóm, thời gian 5 phút. Quan sát hình ảnh, thảo luận trả lời theo hai câu hỏi:

- + Em hãy nhận xét cách sử dụng tiền của các bạn HS trong hình ảnh 2. Theo em, cách sử dụng tiền nào là hợp lý? Vì sao?
- + Em hãy xác định các khoản chi tiêu thiết yếu và không thiết yếu?

- GV tổ chức cho HS hoạt động nhóm theo kỹ thuật khăn trải bàn, 4 HS một nhóm, thời gian 5 phút. Quan sát hình ảnh, thảo luận trả lời theo hai câu hỏi:

+) Em hãy cho biết bạn học sinh trong hình ảnh 3 đã đưa ra phương án chi tiêu cụ thể như thế nào?

+) Theo em, để quản lý tiền hiệu quả mỗi người cần thực hiện các nguyên tắc nào?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các nhóm học sinh.

C. 1. Hình 1:

* Bạn HS trong hình ảnh 1 đang tính toán các khoản thu từ:

- Tiền lì xì
- Tiền thưởng từ việc học tập
- Tiền tiêu vặt từ bố mẹ cho.

* Các khoản thu chủ yếu đến từ việc học tập, từ bố mẹ cho, từ việc bán những thứ đồ do bản thân tự làm, Thu gom phế liệu ...

C. 2. Hình 2

*) Nhận xét:

- Sử dụng tiền bằng cách chi tiêu vào những thứ thiết yếu và ưu tiên việc tiết kiệm tiền trước là những cách sử dụng tiền hợp lý.
- Việc có bao nhiêu liên chi tiêu hết vào những thứ mình thích là cách sử dụng không hợp lý vì nếu không dành ra một khoản tiết kiệm thì đến khi có việc đột xuất cần dùng đến tiền sẽ không đủ khả năng chi trả.

*) Các khoản chi thiết yếu:

- Đồ ăn, đồ uống
- Dụng cụ học tập
- Quyên góp, ủng hộ quỹ
- Tặng quà người thân, bạn bè

*) Các khoản chi không thiết yếu:

- Khoản chơi game, đồ chơi
- Liên tục mua quần áo, giày dép

C, 3 Hình 3

*) Bạn đã chia tiền vào các mục đích sử dụng cụ thể:

- Chi tiêu cho những thứ thiết yếu (35%)
- Chi tiêu cho mục đích học tập (30%)
- Chi tiêu vào mục đích giải trí (10%)
- Tiết kiệm (20%)
- Góp quỹ, ủng hộ người khác (5%)

*) Một số nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả:

- Xác định rõ mục tiêu quản lý tiền trên cơ sở các khoản thu thực tế của bản thân.
- Tiết kiệm trước khi chi tiêu, tiết kiệm phải thường xuyên, đều đặn.
- Chỉ chi tiêu các khoản cần thiết, tránh lãng phí.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh làm việc theo nhóm: <i>* Quan sát hình ảnh 1, đọc câu hỏi thảo luận cặp đôi; trả lời theo hai câu hỏi:</i> - Em dựa vào những nội dung trong thông tin để nhận xét về suy nghĩ và hành động của các thành viên trong gia đình H. - Theo em, pháp luật nước ta quy định như thế nào về quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng, giữa cha mẹ và con? <i>* Quan sát hình ảnh 2, đọc câu hỏi thảo luận, làm việc theo nhóm, ghi câu trả lời lên giấy rôki theo KTKTB.</i> + Em hãy nhận xét cách sử dụng tiền của các bạn HS trong hình ảnh 2. Theo em, cách sử dụng tiền nào là hợp lý? Vì sao? + Em hãy xác định các khoản chi tiêu thiết yếu và không thiết yếu?	2.2. Các nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả: *) Một số nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả: • Xác định rõ mục tiêu quản lý tiền trên cơ sở các khoản thu thực tế của bản thân. • Tiết kiệm trước khi chi tiêu, tiết kiệm phải thường xuyên, đều đặn. • Chỉ chi tiêu các khoản cần thiết, tránh lãng phí.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS làm việc theo cặp đôi, theo nhóm 4 HS, lần lượt thảo luận, thống nhất nội dung câu trả lời.

- Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Nhóm cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời.

- Các nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề

2.3. Tìm hiểu nội dung: Cách tạo nguồn thu nhập cá nhân

Câu hỏi 1. Em hãy quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi





? Các bạn học sinh trong hình trên đã tạo thêm thu nhập bằng cách nào

? Em còn biết những cách nào khác để tạo thêm thu nhập cho bản thân phù hợp với lứa tuổi

a. Mục tiêu:

- HS nắm được một số công việc phù hợp với độ tuổi, sở thích, và điều kiện để tạo nguồn thu nhập cho bản thân; biết quý trọng đồng tiền của bản thân, gia đình và xã hội.
- HS được phát triển các năng lực: tự học; hợp tác

b. Nội dung:

- GV tổ chức HS hoạt động nhóm theo bàn .
- HS quan sát tranh, thảo luận trả lời theo hai câu hỏi:

?Các bạn học sinh trong hình trên đã tạo thêm thu nhập bằng cách nào

? Em còn biết những cách nào khác để tạo thêm thu nhập cho bản thân phù hợp với lứa tuổi

c. Sản phẩm: Câu trả lời của các nhóm học sinh.

a) Các bạn học sinh trong hình trên đã tạo thêm thu nhập bằng cách:

- Hình 1: Bạn học sinh kiếm tiền bằng cách chăm sóc đàn gà để bán kiếm tiền.
- Hình 2: Hai bạn kiếm tiền bằng cách tự làm đồ thủ công để bán lấy tiền.
- Hình 3: Các bạn học sinh cùng thu gom giấy vụn để bán lấy tiền.

b) Một số cách kiếm thêm thu nhập:

- Tự làm bánh, làm thiệp, làm đồ tái chế để bán
- Phụ giúp bố mẹ việc nhà để được thưởng
- Đạt danh hiệu Học sinh Giỏi để được nhận thưởng

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh làm việc theo bàn HS quan sát tranh và trả lời theo hai câu hỏi: ? Các bạn học sinh trong hình trên đã tạo thêm thu nhập bằng cách nào ? Em còn biết những cách nào khác để tạo thêm thu nhập cho bản thân phù hợp với lứa tuổi Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc theo bàn, thảo luận, thống nhất nội dung câu trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	3/ Cách tạo nguồn thu nhập cá nhân : Để tạo nguồn thu nhập, mỗi người có thể tìm cho mình số công việc phù hợp với độ tuổi, sở thích, và điều kiện của bản thân; để biết quý trọng đồng tiền của bản thân, gia đình và xã hội.

- Nhóm cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời.

- Các nhóm khác nhận xét.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề

Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá.

- HS được phát triển năng lực tự học, năng lực hợp tác, năng lực giải quyết vấn đề.

b. Nội dung:

- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi và trò chơi ...

Bài tập 1. Em đồng tình hay không đồng tình với ý kiến nào dưới đây? Vì sao?

A. Quản lý tiền là việc của người trưởng thành, không phải là của học sinh.

B. Quản lý tiền hiệu quả giúp mỗi người chủ động trong chi tiêu để thực hiện các dự định tương lai của bản thân.

C. Quản lý tiền là việc không cần thiết, tốn thời gian, nên dùng thời gian đó để kiếm tiền thì tốt hơn.

D. Quản lý tiền hiệu quả giúp mỗi người có thể để phòng những trường hợp rủi ro bất ngờ trong cuộc sống.

E. Học sinh không cần quản lý tiền, vì nhiều cha mẹ học sinh không muốn con mình sớm bị đồng tiền làm ảnh hưởng.

Bài tập 2: Em hãy cho biết việc làm của bạn nào dưới đây thể hiện nguyên tắc quản lý tiền hiệu quả? Vì sao?

A. Bạn K thường tận dụng các đồ vật có thể tái chế để làm đồ dùng học tập.

B. Bố mẹ cho H tiền ăn sáng nhưng H không ăn để tiết kiệm tiền.

C. Bạn M sử dụng điện, nước tiết kiệm, hiệu quả.

D. Bạn X cứ có tiền là tiêu hết.

E. Khi nhận được tiền thưởng của nhà trường, bạn D dành một khoản để tiết kiệm.

Bài tập 4: Đầu năm mới, H nhận được một khoản tiền mừng tuổi và dự định dùng số tiền đó để mua một chiếc máy tính cầm tay. Nhưng khi thấy cửa hàng gần nhà bán một đồ chơi hấp dẫn, H đã dùng hết số tiền này để mua mà quên mất dự định của mình.

a) Em có nhận xét gì về việc làm của H?

b) Nếu em là bạn của H, em sẽ khuyên H như thế nào?

Bài tập 5. Em hãy cùng bạn tìm các cách tăng nguồn thu nhập và thảo luận tính khả thi của những cách đó đối với học sinh.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, theo nhóm: - Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi và trò chơi ... <i>Bài tập 1:</i> Làm việc cá nhân <i>Bài tập 2:</i> Làm việc nhóm bàn <i>Bài tập 4:</i> Làm việc nhóm bàn <i>Bài tập 5:</i> Làm việc nhóm bàn Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân với bài tập 1 - HS làm việc theo nhóm bàn, thảo luận, thống nhất cử đại diện và nội dung câu trả lời bài 2,4,5. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời, làm việc nhóm. Bước 3: Báo cáo kết quả	Bài tập 1: Em đồng ý với các ý kiến: -/ B. vì quản lý tiền hiệu quả sẽ giúp ta phân bổ nguồn tiền vào những khoản chi tiêu cụ thể, hợp lý. Từ đó tránh được việc chi tiêu quá mức và qua việc tiết kiệm sẽ giúp ta có đủ tiền để mua những thứ mình thích. -/ D. vì cuộc sống sẽ luôn đầy rẫy những điều bất ngờ, những sự cố đột ngột xảy ra mà không báo trước. Khi đó, rất có thể chúng ta sẽ cần một khoản tiền lớn để chi trả cho những sự cố đó (ví dụ như tiền viện phí...). *Nếu như biết cách quản lý tiền hiệu quả, thì khi rơi vào những trường hợp đó ta sẽ không bị động, có đủ khả năng để chi trả.

- Cá nhân học sinh trả lời câu hỏi bài tập 1. - Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, đại diện nhóm trình bày kết quả . Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ: - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. - Các nhóm khác nhận xét. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	<i>Em không đồng ý với các ý kiến:</i> -/A. vì quản lí tiền hiệu quả là một kĩ năng sống cần thiết mà mỗi người đều cần được rèn luyện từ khi còn nhỏ. / C. vì quản lí tiền không hề tốn thời gian, ngược lại quản lí tiền hiệu quả không những giúp ta chi tiêu hợp lí, chủ động mà còn giúp ta quản lí thời gian tốt hơn. *Ví dụ như khi muốn mua một chiếc điện thoại mới, nếu biết cách quản lí tiền hiệu quả và để ra một khoản tiết kiệm hàng tháng, thì có thể là 6 - 7 tháng là có đủ tiền mua. Nếu không biết cách quản lí tiền hiệu quả, có bao nhiêu tiêu bấy nhiêu, đợi bao giờ được nhận một khoản tiền to mới mua thì mất rất nhiều thời gian. -/ E. vì quản lí tiền hiệu quả là một kĩ năng sống rất tốt cho học sinh, giúp cho học sinh có ý chí phấn đấu đạt được những điều mình muốn bằng năng lực bản thân và biết san sẻ nỗi vất vả với bố mẹ. Bài tập 2: Việc làm thể hiện nguyên tắc quản lí tiền hiệu quả: A. vì bạn có thể tiết kiệm được khoản tiền dùng để mua đồ dùng học tập, không những thế còn góp phần bảo vệ môi trường vì hạn chế được rác thải.
---	---

	C. vì điện, nước dùng càng nhiều thì càng tốn nhiều tiền, vì vậy tiết kiệm điện, nước cũng chính là tiết kiệm tiền. E. vì dành một khoản để tiết kiệm thay vì tiêu hết chính là một biểu hiện của việc quản lí tiền hiệu quả. Bài tập 4: a) Nhận xét: -Việc làm của H đã thể hiện bạn là người không biết cách quản lí tiền bạc và chi tiêu hiệu quả. -Việc H dùng hết tiền để mua một món đồ chơi khi chưa lên kế hoạch kĩ lưỡng là vô cùng phí phạm. Vì vậy mà H không còn tiền để mua chiếc máy tính cầm tay phục vụ cho việc học tập nữa. b) Nếu em là bạn của H, em sẽ khuyên H: -Hãy cố gắng tập quản lí chi tiêu, không nên chi tiêu theo cảm tính thích gì mua đó, tập cách cân nhắc kĩ lưỡng trước khi mua một thứ gì đó xem đó có phải là thứ thực sự cần thiết không, có ý nghĩa lâu dài hay k và nên duy trì cho bản thân một khoản tiền tiết kiệm. -Quản lí chi tiêu hiệu quả sẽ giúp H không rơi vào tình trạng chi tiêu quá mức, luôn ở trong trạng thái chủ động và có thể mua được những thứ cần thiết phục vụ cho
--	--

	cuộc sống. Bài tập 4: Một số cách tăng nguồn thu nhập phù hợp với học sinh: -Thu gom giấy vụn, chai lọ, bìa các tông để bán - Bán các sản phẩm thủ công từ các vật liệu tái chế -Bán những sản phẩm tự làm được trong khả năng: vẽ tranh, làm bánh,... -Phụ giúp cha mẹ việc nhà và chịu khó học tập để được nhận thưởng
--	--

Hoạt động 4. Vận dụng

a. Mục tiêu:

- HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống
- Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua hoạt động dự án.

- Mỗi HS xây dựng 1 bản kế hoạch về quản lý tiền cho “ Quỹ học tập” hàng năm của bản thân (câu hỏi 1 phần vận dụng – SGK)
- Trình bày về ý tưởng làm 1 sản phẩm từ vật liệu có sẵn trong gia đình để bán – tạo nguồn thu nhập , tiết kiệm tài nguyên, bảo vệ môi trường...

c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV chia lớp thành 4 nhóm hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi vận	

dụng trong SGK

Nhóm 1+ 2: Thực hiện yêu cầu 1 phần vận dụng.

Nhóm 3 + 4: Thực hiện yêu cầu 2 phần vận dụng.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận**GV:**

- Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm.
- + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yc hs nhận xét câu trả lời.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 7: ỨNG PHÓ VỚI TÂM LÍ CĂNG THẲNG

Môn: GD CD Lớp 7.

(Thời lượng thực hiện: 03 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng. Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.
- Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của tâm lí căng thẳng.
- Nêu được cách ứng phó khi căng thẳng và bản thân có hành vi ứng xử phù hợp khi căng thẳng

2. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được những tình huống gây căng thẳng để điều chỉnh hành vi.

- *Năng lực phát triển bản thân*: Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống. Tránh gặp phải tình huống tâm lý căng thẳng.

- *Năng lực tự chủ và tự học*: Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết tình huống tâm lý căng thẳng trong cuộc sống.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Phát hiện và giải quyết được những tình huống tâm lý căng thẳng trong cuộc sống.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.

3. Phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Biết bảo vệ bản thân. Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động ứng phó với tâm lý căng thẳng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, tư liệu liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về những tình huống tâm lý căng thẳng có thể xảy ra bất cứ lúc nào.
- Nêu được các tình huống tâm lý căng thẳng và hậu quả của những tình huống đó.
- Nêu được cách ứng phó với một số tình huống tâm lý căng thẳng mà HS đã chứng kiến.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, các học sinh cùng nhau suy nghĩ về tình huống tâm lí căng thẳng mà học sinh đã chứng kiến và đứng trước tình huống đó, các em đã làm gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiến hành suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh đưa ra tình huống tâm lí căng thẳng mà các em đã chứng kiến và biện pháp giải quyết.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên có thể đi sâu vào 1-2 tình huống nổi bật mà học sinh đưa ra.

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học:

2. Hoạt động 2: Khám phá

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Tình huống gây căng thẳng và biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.

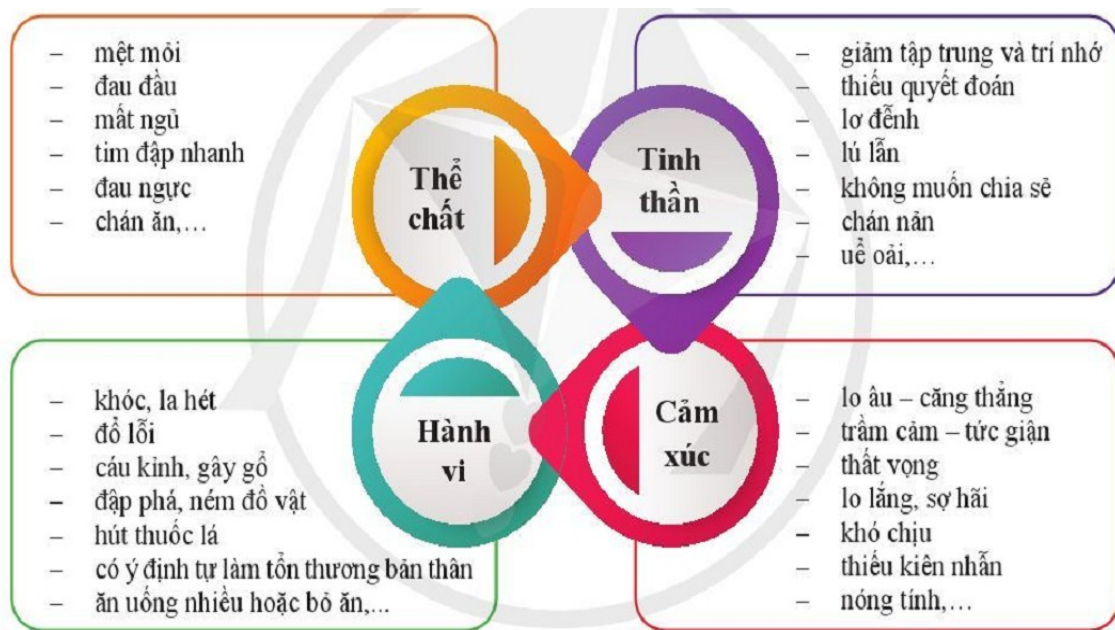
a. Mục tiêu:

- HS nắm được những tình huống gây căng thẳng và biểu hiện cơ thể bị căng thẳng

b. Tổ chức thực hiện:

Em hãy quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi





Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh quan sát hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi. a. Theo em tình huống nào trong các hình ảnh trên là tình huống gây căng thẳng? Hãy chỉ ra những biểu hiện của căng thẳng trong từng tình huống. b. Em hãy kể những tình huống căng thẳng mà em biết, mô tả biểu hiện căng thẳng trong những tình huống vừa kể và phân loại, sắp xếp những biểu hiện đó theo các nhóm trong bảng dưới đây.	I. Khám phá 1. Tình huống gây căng thẳng và biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng - Tình huống gây căng thẳng: là những tình huống tác động và gây

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS quan sát ảnh, làm việc cá nhân ghi kết quả vào vở. GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các cá nhân. - GV phát hiện những học sinh có câu trả lời đúng và nhanh nhất, định hướng những học sinh trả lời sai cần điều chỉnh Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên mời một số học sinh trình bày phần trả lời câu hỏi của mình - Giáo viên lựa chọn một số học sinh khác nhận xét về nội dung phần trình bày của các bạn và rút ra kết luận chung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét và đưa ra các tình huống gây căng thẳng, biểu hiện gây căng thẳng trong từng tình huống, phân loại, sắp xếp các tình huống theo nhóm. - GV cho hs đọc nội dung kiến thức trọng tâm trong SGK	ra các ảnh hưởng tiêu cực về thể chất và tinh thần của con người. - Biểu hiện khi căng thẳng: cơ thể mệt mỏi, luôn cảm thấy chán nản, thiếu tập trung, hay lo lắng, buồn bực, dễ cáu gắt, tức giận, không muốn tiếp xúc với mọi người, thích ở 1 mình...
---	---

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng

*** Mục tiêu:**

- Học sinh nắm được những nguyên nhân gây ra căng thẳng và ảnh hưởng của căng thẳng

***. Tổ chức thực hiện:**

T đặt mục tiêu giành cúp vô địch trong giải thi đấu bóng rổ, do không cẩn thận nên T bị chấn thương khi luyện tập. Phải nghỉ học, nghỉ thi đấu khiến cho T trở nên cáu kỉnh, bực bội. Cậu trách móc, đổ lỗi cho các bạn, quát mắng em vô cớ. Một lần, trong lúc tức giận, cậu ném quả bóng rổ không may trúng bóng đèn, nghe tiếng thủy tinh rơi loảng xoảng T òa khóc: “Sao mình đen đui như vậy”.



Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho học sinh làm việc theo nhóm, cùng quan sát, thảo luận và xác định những nguyên nhân gây ra căng thẳng và ảnh hưởng của căng thẳng. ? Theo em nguyên nhân nào gây ra căng thẳng của bạn T? ? Em hãy cho biết, sự căng thẳng của T đã ảnh hưởng như thế nào tới bản thân và những người xung quanh? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân sau đó thảo luận theo bàn, đọc tình huống, quan sát hình ảnh, suy nghĩ câu hỏi và đưa ra câu trả lời - GV quan sát học sinh làm việc, hướng dẫn các em tích cực thực hiện yêu cầu. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi nhóm trưởng trả lời kết quả làm việc của nhóm mình. - Giáo viên lựa chọn những câu trả lời phù hợp để	2. Nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng: a. Nguyên nhân gây ra căng thẳng: - Nguyên nhân khách quan: áp lực trong học tập và công việc lớn hơn khả năng của bản thân, sự kì vọng quá lớn của mọi người so với khả năng của bản thân, gặp khó khăn, thất bại, biến cố trong đời sống. - Nguyên nhân chủ quan: tâm lí không ổn định, thể chất yếu đuối, luôn mặc cảm hoặc dồn ép bản thân về một vấn đề, tự đánh giá bản thân

chốt kiến thức

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp.....
- Gv tổng hợp lại những nguyên nhân gây ra căng thẳng và ảnh hưởng của nó.

quá thấp hoặc quá cao....

b. Ảnh hưởng của căng thẳng: gây ra những ảnh hưởng tiêu cực khiến con người rơi vào trạng thái mệt mỏi cả về thể chất và tinh thần, mất niềm tin và phương hướng trong cuộc sống.

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Cách ứng phó với căng thẳng.

Nhà tớ dạo này có nhiều chuyện không vui. Cậu nghe tớ tâm sự được không?



Bóng rổ sẽ làm mình cảm thấy sảng khoái và thoải mái hơn.



Mình sẽ viết nhật kí cho nhẹ lòng.



Có thể cậu đã hiểu nhầm tớ, tớ muốn nói chuyện để cậu hiểu!



*** Mục tiêu:**

- HS biết cách ứng phó với căng thẳng khi bản thân gặp phải hoặc người khác gặp phải.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức cho học sinh quan sát ảnh về các tình huống trong SGK - GV đặt câu hỏi ? Theo em, các bạn học sinh trong các hình ảnh trên đã làm gì để ứng phó với căng thẳng. ? Em hãy nêu thêm 1 số cách ứng phó với căng thẳng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS quan sát ảnh, suy nghĩ trả lời - Gv quan sát lớp học, gợi ý học sinh tìm câu trả lời phù hợp. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận. - Giáo viên yêu cầu hs trả lời kết quả quan sát ảnh của mình. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả trả lời của học sinh ,kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp, tốt..... - Đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng nhóm để có những điều chỉnh và đưa ra kết luận cho nội dung này.	3. Cách ứng phó với căng thẳng: - Thư giãn và giải trí: luyện tập thể thao, làm những việc yêu thích, hít thở sâu, nghe nhạc... - Chia sẻ, tâm sự và tìm kiếm sự hỗ trợ giúp từ người thân, người xung quanh. - Suy nghĩ tích cực. - Viết nhật kí. - Lập kế hoạch một cách khoa học và vừa sức. - Ăn uống, nghỉ ngơi, học tập điều độ, hợp lí. - Tìm sự trợ giúp của chuyên gia tư vấn tâm lí, bác sĩ tâm lí.

3. Hoạt động 3: Luyện tập

Bài tập 1:

① Em hãy quan sát hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi



a. Mục tiêu: Học sinh nhận thức được những nguyên nhân gây căng thẳng cho các bạn trong ảnh, nhận xét về cách ứng phó với căng thẳng của các bạn trong ảnh. Từ đó đưa ra lời khuyên phù hợp cho các bạn.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh về nguyên nhân gây căng thẳng, các ứng xử căng thẳng.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu cá nhân học sinh quan sát tranh ảnh, đọc dự liệu trong mỗi bức tranh trong SGK và suy nghĩ để đưa ra câu trả lời.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh tự đọc thông tin, quan sát ảnh sau đó đưa ra lựa chọn của mình.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, các học sinh khác nhận xét câu trả lời.

HS:

- Trình bày kết quả làm việc của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét câu trả lời của bạn

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

Bài tập 2:

a. Mục tiêu: Học sinh đưa ra những biểu hiện căng thẳng mà bản thân đã gặp phải và cách làm của bản thân để vượt qua những căng thẳng đó.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh đọc kỹ các biểu hiện căng thẳng trong đề bài, lựa chọn biểu hiện căng thẳng mà bản thân đã từng gặp và cách làm để vượt qua tình huống tâm lý căng thẳng đó

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh đọc, suy nghĩ trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày, học sinh theo dõi kết quả có nhận xét và bổ sung cho cách ứng xử của bản thân khi gặp tình huống tâm lí căng thẳng.

HS:

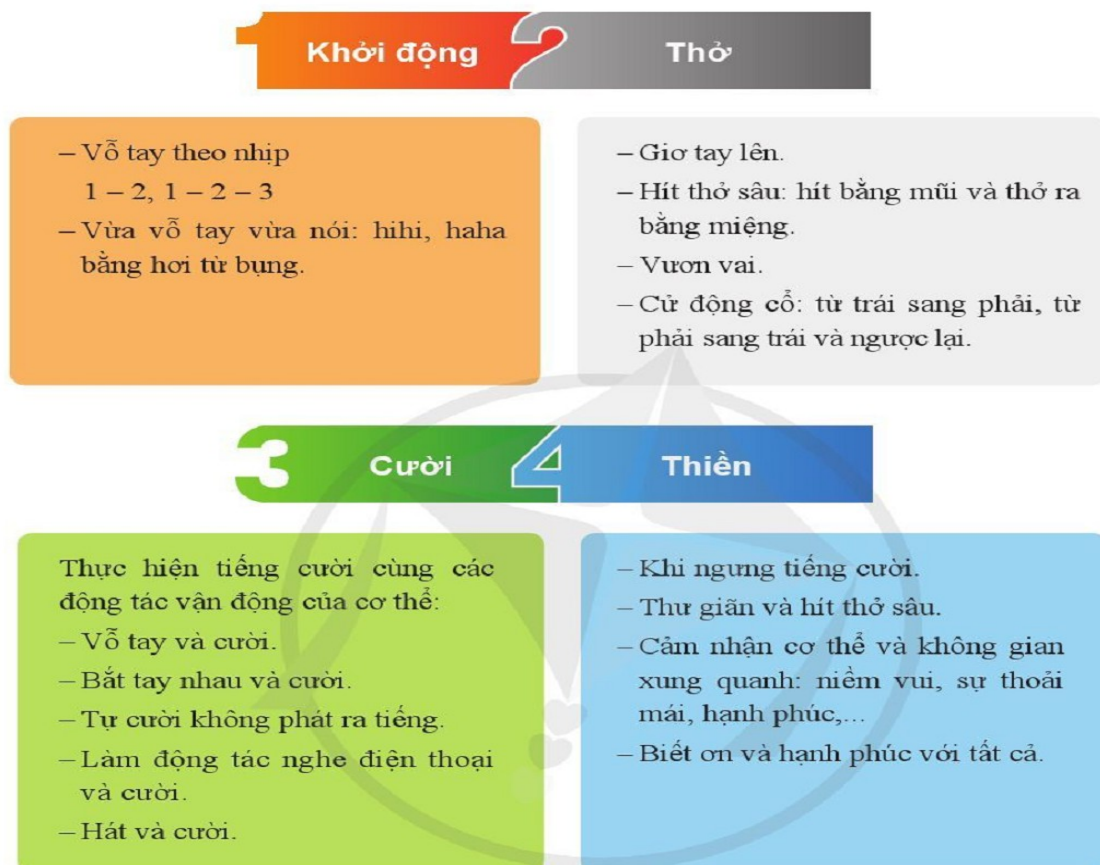
- Trình bày kết quả trả lời của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét phần trình bày của bạn
- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

Bài tập 3:

- ④ Em hãy quan sát hình ảnh thực hành thư giãn và chia sẻ cảm nhận qua bài tập Yoga cười.



a. Mục tiêu: Học quan sát hình ảnh thực hành thư giãn và chia sẻ cảm nhận của bản thân qua bài Yoga cười.

b. Nội dung:

- Học sinh thực hành theo bài tập Yoga.

c. Sản phẩm: học sinh thực hành theo bài tập, nêu cảm nhận của bản thân mình.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh thực hành theo bài tập, nêu cảm nhận của bản thân mình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hành, nêu cảm nhận của bản thân sau khi thực hành.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên thực hành

- Hướng dẫn HS cách trình bày, học sinh theo dõi kết quả có nhận xét và bổ sung

HS:

- thực hành và nêu cảm nhận của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét phần trình bày của bạn

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để thiết kế một cuốn sổ tay hướng dẫn thực hiện các trò chơi lành mạnh có tác dụng giảm áp lực, căng thẳng trong học tập.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, lựa chọn trò chơi lành mạnh, ghi chép cách thực hiện trò chơi.

c. Sản phẩm: Là bài làm của học sinh và học sinh sẵn sàng chia sẻ trước lớp. Các em cùng nhau chơi các trò chơi lành mạnh này trong giờ ra chơi, buổi sinh hoạt ngoại khóa.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm bài tập vào cuốn sổ ghi nhớ, thời gian trả bài, cách thức làm bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

-Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, sản phẩm của học sinh.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 7: ỨNG PHÓ VỚI TÂM LÍ CĂNG THẲNG

Môn: GDCD Lớp 7.

(Thời lượng thực hiện: 03 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng. Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.
- Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của tâm lí căng thẳng.
- Nêu được cách ứng phó khi căng thẳng và bản thân có hành vi ứng xử phù hợp khi căng thẳng

2. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được những tình huống gây căng thẳng để điều chỉnh hành vi.
- *Năng lực phát triển bản thân*: Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống. Tránh gặp phải tình huống tâm lí căng thẳng.
- *Năng lực tự chủ và tự học*: Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết tình huống tâm lí căng thẳng trong cuộc sống.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Phát hiện và giải quyết được những tình huống tâm lí căng thẳng trong cuộc sống.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.

3. Phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Biết bảo vệ bản thân. Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động ứng phó với tâm lí căng thẳng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, tư liệu liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về những tình huống tâm lí căng thẳng có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

- Nêu được các tình huống tâm lý căng thẳng và hậu quả của những tình huống đó.

- Nêu được cách ứng phó với một số tình huống tâm lý căng thẳng mà HS đã chứng kiến.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, các học sinh cùng nhau suy nghĩ về tình huống tâm lý căng thẳng mà học sinh đã chứng kiến và đứng trước tình huống đó, các em đã làm gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiến hành suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh đưa ra tình huống tâm lý căng thẳng mà các em đã chứng kiến và biện pháp giải quyết.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên có thể đi sâu vào 1-2 tình huống nổi bật mà học sinh đưa ra.

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học:

2. Hoạt động 2: Khám phá

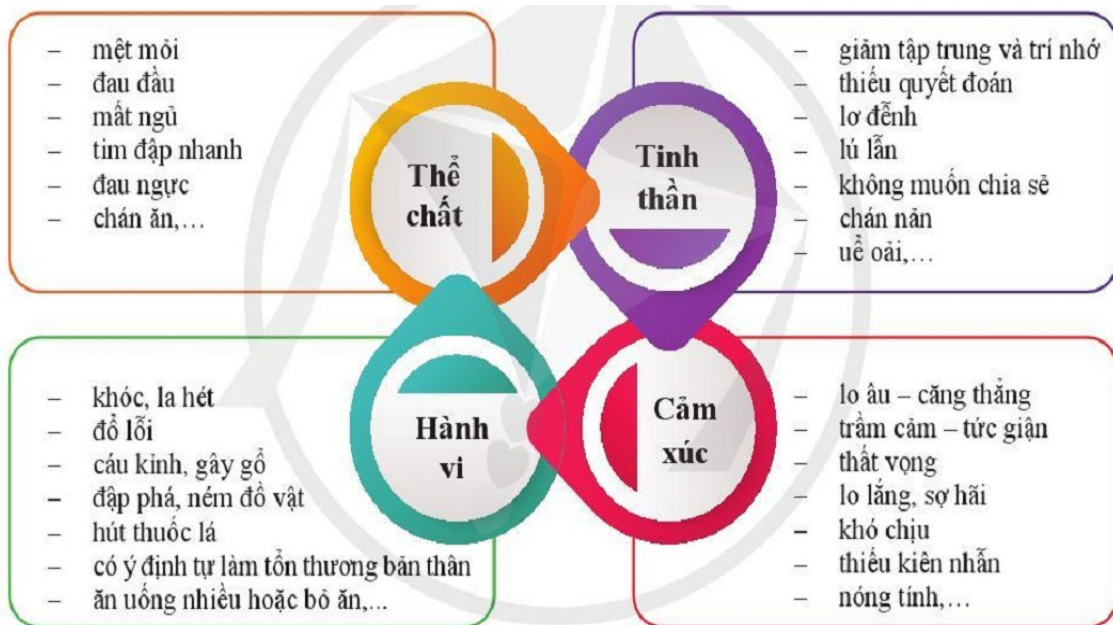
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Tình huống gây căng thẳng và biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.

a. Mục tiêu:

- HS nắm được những tình huống gây căng thẳng và biểu hiện cơ thể bị căng thẳng

b. Tổ chức thực hiện:

Em hãy quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi



Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh quan sát hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi. a. Theo em tình huống nào trong các hình ảnh trên là tình huống gây căng thẳng? Hãy chỉ ra những biểu hiện của căng thẳng trong từng tình huống. b. Em hãy kể những tình huống căng thẳng mà em biết, mô tả biểu hiện căng thẳng trong những tình huống vừa kể và phân loại, sắp xếp những biểu hiện đó theo các nhóm trong bảng dưới đây. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS quan sát ảnh, làm việc cá nhân ghi kết quả vào vở. GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các cá nhân. - GV phát hiện những học sinh có câu trả lời đúng và nhanh nhất, định hướng những học sinh trả lời sai cần điều chỉnh Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên mời một số học sinh trình bày phần trả lời câu hỏi của mình - Giáo viên lựa chọn một số học sinh khác nhận xét về nội dung phần trình bày của các bạn và rút ra kết luận chung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét và đưa ra các tình huống gây căng thẳng, biểu hiện gây căng thẳng trong từng tình huống, phân loại, sắp xếp các tình huống theo nhóm. - GV cho hs đọc nội dung kiến thức trọng tâm trong SGK	I. Khám phá 1. Tình huống gây căng thẳng và biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng - Tình huống gây căng thẳng: là những tình huống tác động và gây ra các ảnh hưởng tiêu cực về thể chất và tinh thần của con người. - Biểu hiện khi căng thẳng: cơ thể mệt mỏi, luôn cảm thấy chán nản, thiếu tập trung, hay lo lắng, buồn bực, dễ cáu gắt, tức giận, không muốn tiếp xúc với mọi người, thích ở 1 mình...

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng

* Mục tiêu:

- Học sinh nắm được những nguyên nhân gây ra căng thẳng và ảnh hưởng của căng thẳng

* Tổ chức thực hiện:

T đặt mục tiêu giành cúp vô địch trong giải thi đấu bóng rổ, do không cẩn thận nên T bị chấn thương khi luyện tập. Phải nghỉ học, nghỉ thi đấu khiến cho T trở nên cáu kỉnh, bực bội. Cậu trách móc, đổ lỗi cho các bạn, quát mắng em vô cớ. Một lần, trong lúc tức giận, cậu ném quả bóng rổ không may trúng bóng đèn, nghe tiếng thủy tinh rơi loảng xoảng T òa khóc: “Sao mình đen đui như vậy”.



Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho học sinh làm việc theo nhóm, cùng quan sát, thảo luận và xác định những nguyên nhân gây ra căng thẳng và ảnh hưởng của căng thẳng. ? Theo em nguyên nhân nào gây ra căng thẳng của bạn T? ? Em hãy cho biết, sự căng thẳng của T đã ảnh hưởng như thế nào tới bản thân và những người xung quanh? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân sau đó thảo luận theo bàn, đọc tình huống, quan sát hình ảnh, suy nghĩ câu	2. Nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng: a. Nguyên nhân gây ra căng thẳng: - Nguyên nhân khách quan: áp lực trong học tập và công việc lớn hơn khả năng của bản thân, sự kì vọng quá lớn của mọi người so với khả năng của bản thân,

hỏi và đưa ra câu trả lời - GV quan sát học sinh làm việc, hướng dẫn các em tích cực thực hiện yêu cầu. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi nhóm trưởng trả lời kết quả làm việc của nhóm mình. - Giáo viên lựa chọn những câu trả lời phù hợp để chốt kiến thức Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv tổng hợp lại những nguyên nhân gây ra căng thẳng và ảnh hưởng của nó.	gặp khó khăn, thất bại, biến cố trong đời sống. - Nguyên nhân chủ quan: tâm lí không ổn định, thể chất yếu đuối, luôn mặc cảm hoặc dồn ép bản thân về một vấn đề, tự đánh giá bản thân quá thấp hoặc quá cao.... b. Ảnh hưởng của căng thẳng: gây ra những ảnh hưởng tiêu cực khiến con người rơi vào trạng thái mệt mỏi cả về thể chất và tinh thần, mất niềm tin và phương hướng trong cuộc sống.
---	--

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Cách ứng phó với căng thẳng.



*** Mục tiêu:**

- HS biết cách ứng phó với căng thẳng khi bản thân gặp phải hoặc người khác gặp phải.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức cho học sinh quan sát ảnh về các tình huống trong SGK - GV đặt câu hỏi ? Theo em, các bạn học sinh trong các hình ảnh trên đã làm gì để ứng phó với căng thẳng. ? Em hãy nêu thêm 1 số cách ứng phó với căng	3. Cách ứng phó với căng thẳng: - Thư giãn và giải trí: luyện tập thể thao, làm những việc yêu thích, hít thở sâu, nghe nhạc... - Chia sẻ, tâm sự và tìm kiếm sự hỗ trợ giúp từ

thăng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS quan sát ảnh, suy nghĩ trả lời - Gv quan sát lớp học, gợi ý học sinh tìm câu trả lời phù hợp. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận. - Giáo viên yêu cầu hs trả lời kết quả quan sát ảnh của mình. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả trả lời của học sinh ,kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp, tốt..... - Đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng nhóm để có những điều chỉnh và đưa ra kết luận cho nội dung này.	người thân, người xung quanh. - Suy nghĩ tích cực. - Viết nhật kí. - Lập kế hoạch một cách khoa học và vừa sức. - Ăn uống, nghỉ ngơi, học tập điều độ, hợp lí. - Tìm sự trợ giúp của chuyên gia tư vấn tâm lí, bác sĩ tâm lí.
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

Bài tập 1:

① Em hãy quan sát hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi



a. Mục tiêu: Học sinh nhận thức được những nguyên nhân gây căng thẳng cho các bạn trong ảnh, nhận xét về cách ứng phó với căng thẳng của các bạn trong ảnh. Từ đó đưa ra lời khuyên phù hợp cho các bạn.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh về nguyên nhân gây căng thẳng, các ứng xử căng thẳng.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu cá nhân học sinh quan sát tranh ảnh, đọc dự liệu trong mỗi bức tranh trong SGK và suy nghĩ để đưa ra câu trả lời.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh tự đọc thông tin, quan sát ảnh sau đó đưa ra lựa chọn của mình.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, các học sinh khác nhận xét câu trả lời.

HS:

- Trình bày kết quả làm việc của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét câu trả lời của bạn

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

Bài tập 2:

a. Mục tiêu: Học sinh đưa ra những biểu hiện căng thẳng mà bản thân đã gặp phải và cách làm của bản thân để vượt qua những căng thẳng đó.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh đọc kỹ các biểu hiện căng thẳng trong đề bài, lựa chọn biểu hiện căng thẳng mà bản thân đã từng gặp và cách làm để vượt qua tình huống tâm lý căng thẳng đó

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh đọc, suy nghĩ trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày, học sinh theo dõi kết quả có nhận xét và bổ sung cho cách ứng xử của bản thân khi gặp tình huống tâm lí căng thẳng.

HS:

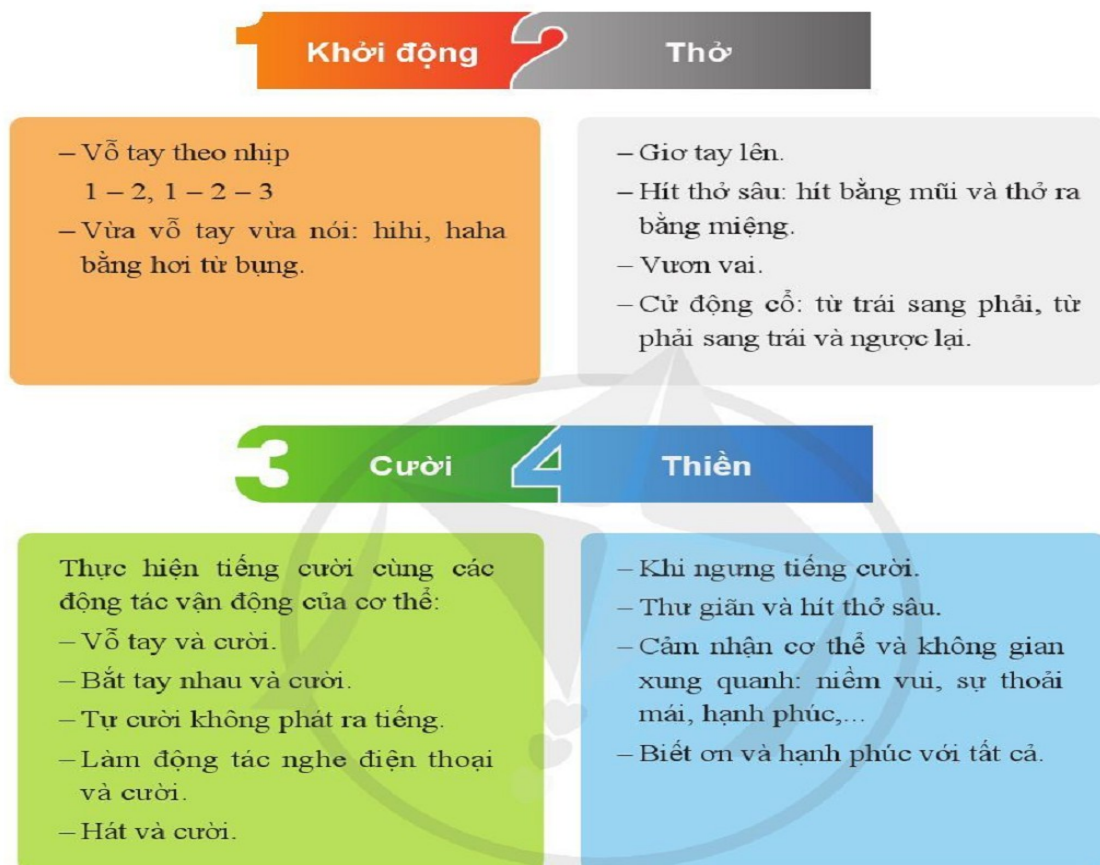
- Trình bày kết quả trả lời của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét phần trình bày của bạn
- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

Bài tập 3:

- ④ Em hãy quan sát hình ảnh thực hành thư giãn và chia sẻ cảm nhận qua bài tập Yoga cười.



a. Mục tiêu: Học quan sát hình ảnh thực hành thư giãn và chia sẻ cảm nhận của bản thân qua bài Yoga cười.

b. Nội dung:

- Học sinh thực hành theo bài tập Yoga.

c. Sản phẩm: học sinh thực hành theo bài tập, nêu cảm nhận của bản thân mình.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh thực hành theo bài tập, nêu cảm nhận của bản thân mình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hành, nêu cảm nhận của bản thân sau khi thực hành.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên thực hành

- Hướng dẫn HS cách trình bày, học sinh theo dõi kết quả có nhận xét và bổ sung

HS:

- thực hành và nêu cảm nhận của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét phần trình bày của bạn

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để thiết kế một cuốn sổ tay hướng dẫn thực hiện các trò chơi lành mạnh có tác dụng giảm áp lực, căng thẳng trong học tập.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, lựa chọn trò chơi lành mạnh, ghi chép cách thực hiện trò chơi.

c. Sản phẩm: Là bài làm của học sinh và học sinh sẵn sàng chia sẻ trước lớp. Các em cùng nhau chơi các trò chơi lành mạnh này trong giờ ra chơi, buổi sinh hoạt ngoại khóa.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm bài tập vào cuốn sổ ghi nhớ, thời gian trả bài, cách thức làm bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

-Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, sản phẩm của học sinh.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 7: ỨNG PHÓ VỚI TÂM LÍ CĂNG THẲNG

Môn: GDCD Lớp 7.

(Thời lượng thực hiện: 03 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu được các tình huống thường gây căng thẳng. Nhận biết được biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.
- Nêu được nguyên nhân và ảnh hưởng của tâm lí căng thẳng.
- Nêu được cách ứng phó khi căng thẳng và bản thân có hành vi ứng xử phù hợp khi căng thẳng

2. Năng lực

- *Năng lực điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được những tình huống gây căng thẳng để điều chỉnh hành vi.
- *Năng lực phát triển bản thân*: Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống. Tránh gặp phải tình huống tâm lí căng thẳng.
- *Năng lực tự chủ và tự học*: Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết tình huống tâm lí căng thẳng trong cuộc sống.
- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo*: Phát hiện và giải quyết được những tình huống tâm lí căng thẳng trong cuộc sống.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.

3. Phẩm chất

- *Trách nhiệm*: Biết bảo vệ bản thân. Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động ứng phó với tâm lí căng thẳng.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh.

2. Học liệu: Sách giáo khoa, tư liệu liên quan.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về những tình huống tâm lí căng thẳng có thể xảy ra bất cứ lúc nào.

- Nêu được các tình huống tâm lý căng thẳng và hậu quả của những tình huống đó.

- Nêu được cách ứng phó với một số tình huống tâm lý căng thẳng mà HS đã chứng kiến.

b. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm việc cá nhân, các học sinh cùng nhau suy nghĩ về tình huống tâm lý căng thẳng mà học sinh đã chứng kiến và đứng trước tình huống đó, các em đã làm gì?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- HS tiến hành suy nghĩ trả lời câu hỏi

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên mời một số học sinh đưa ra tình huống tâm lý căng thẳng mà các em đã chứng kiến và biện pháp giải quyết.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Giáo viên có thể đi sâu vào 1-2 tình huống nổi bật mà học sinh đưa ra.

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học:

2. Hoạt động 2: Khám phá

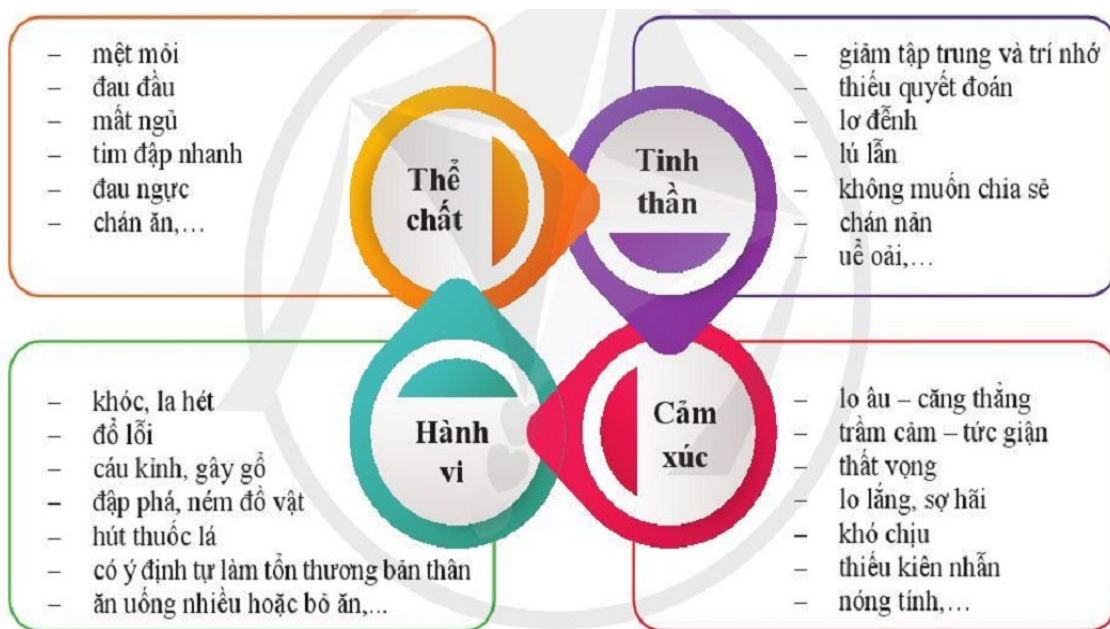
Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Tình huống gây căng thẳng và biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng.

a. Mục tiêu:

- HS nắm được những tình huống gây căng thẳng và biểu hiện cơ thể bị căng thẳng

b. Tổ chức thực hiện:

Em hãy quan sát hình ảnh và trả lời câu hỏi



Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV yêu cầu học sinh quan sát hình ảnh trong SGK và trả lời câu hỏi. a. Theo em tình huống nào trong các hình ảnh trên là tình huống gây căng thẳng? Hãy chỉ ra những biểu hiện của căng thẳng trong từng tình huống. b. Em hãy kể những tình huống căng thẳng mà em biết, mô tả biểu hiện căng thẳng trong những tình huống vừa kể và phân loại, sắp xếp những biểu hiện đó theo các nhóm trong bảng dưới đây. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS quan sát ảnh, làm việc cá nhân ghi kết quả vào vở. GV theo dõi, hướng dẫn HS, phát hiện các kết quả khác nhau của các cá nhân. - GV phát hiện những học sinh có câu trả lời đúng và nhanh nhất, định hướng những học sinh trả lời sai cần điều chỉnh Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên mời một số học sinh trình bày phần trả lời câu hỏi của mình - Giáo viên lựa chọn một số học sinh khác nhận xét về nội dung phần trình bày của các bạn và rút ra kết luận chung Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv nhận xét và đưa ra các tình huống gây căng thẳng, biểu hiện gây căng thẳng trong từng tình huống, phân loại, sắp xếp các tình huống theo nhóm. - GV cho hs đọc nội dung kiến thức trọng tâm trong SGK	I. Khám phá 1. Tình huống gây căng thẳng và biểu hiện của cơ thể khi bị căng thẳng - Tình huống gây căng thẳng: là những tình huống tác động và gây ra các ảnh hưởng tiêu cực về thể chất và tinh thần của con người. - Biểu hiện khi căng thẳng: cơ thể mệt mỏi, luôn cảm thấy chán nản, thiếu tập trung, hay lo lắng, buồn bực, dễ cáu gắt, tức giận, không muốn tiếp xúc với mọi người, thích ở 1 mình...

Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng

* Mục tiêu:

- Học sinh nắm được những nguyên nhân gây ra căng thẳng và ảnh hưởng của căng thẳng

* Tổ chức thực hiện:

T đặt mục tiêu giành cúp vô địch trong giải thi đấu bóng rổ, do không cẩn thận nên T bị chấn thương khi luyện tập. Phải nghỉ học, nghỉ thi đấu khiến cho T trở nên cáu kỉnh, bực bội. Cậu trách móc, đổ lỗi cho các bạn, quát mắng em vô cớ. Một lần, trong lúc tức giận, cậu ném quả bóng rổ không may trúng bóng đèn, nghe tiếng thủy tinh rơi loảng xoảng T òa khóc: “Sao mình đen đui như vậy”.



Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV cho học sinh làm việc theo nhóm, cùng quan sát, thảo luận và xác định những nguyên nhân gây ra căng thẳng và ảnh hưởng của căng thẳng. ? Theo em nguyên nhân nào gây ra căng thẳng của bạn T? ? Em hãy cho biết, sự căng thẳng của T đã ảnh hưởng như thế nào tới bản thân và những người xung quanh? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc cá nhân sau đó thảo luận theo bàn, đọc tình huống, quan sát hình ảnh, suy nghĩ câu	2. Nguyên nhân và ảnh hưởng của căng thẳng: a. Nguyên nhân gây ra căng thẳng: - Nguyên nhân khách quan: áp lực trong học tập và công việc lớn hơn khả năng của bản thân, sự kì vọng quá lớn của mọi người so với khả năng của bản thân,

hỏi và đưa ra câu trả lời - GV quan sát học sinh làm việc, hướng dẫn các em tích cực thực hiện yêu cầu. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Giáo viên gọi nhóm trưởng trả lời kết quả làm việc của nhóm mình. - Giáo viên lựa chọn những câu trả lời phù hợp để chốt kiến thức Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả thảo luận của học sinh kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp..... - Gv tổng hợp lại những nguyên nhân gây ra căng thẳng và ảnh hưởng của nó.	gặp khó khăn, thất bại, biến cố trong đời sống. - Nguyên nhân chủ quan: tâm lí không ổn định, thể chất yếu đuối, luôn mặc cảm hoặc dồn ép bản thân về một vấn đề, tự đánh giá bản thân quá thấp hoặc quá cao.... b. Ảnh hưởng của căng thẳng: gây ra những ảnh hưởng tiêu cực khiến con người rơi vào trạng thái mệt mỏi cả về thể chất và tinh thần, mất niềm tin và phương hướng trong cuộc sống.
---	--

Nhiệm vụ 3: Tìm hiểu nội dung: Cách ứng phó với căng thẳng.



*** Mục tiêu:**

- HS biết cách ứng phó với căng thẳng khi bản thân gặp phải hoặc người khác gặp phải.

b. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của giáo viên và học sinh	Dự kiến sản phẩm
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV tổ chức cho học sinh quan sát ảnh về các tình huống trong SGK - GV đặt câu hỏi ? Theo em, các bạn học sinh trong các hình ảnh trên đã làm gì để ứng phó với căng thẳng. ? Em hãy nêu thêm 1 số cách ứng phó với căng	3. Cách ứng phó với căng thẳng: - Thư giãn và giải trí: luyện tập thể thao, làm những việc yêu thích, hít thở sâu, nghe nhạc... - Chia sẻ, tâm sự và tìm kiếm sự hỗ trợ giúp từ

thăng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS quan sát ảnh, suy nghĩ trả lời - Gv quan sát lớp học, gợi ý học sinh tìm câu trả lời phù hợp. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận. - Giáo viên yêu cầu hs trả lời kết quả quan sát ảnh của mình. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét kết quả trả lời của học sinh ,kịp thời động viên đánh giá khích lệ các học sinh có câu trả lời phù hợp, tốt..... - Đánh giá quá trình thực hiện nhiệm vụ của từng nhóm để có những điều chỉnh và đưa ra kết luận cho nội dung này.	người thân, người xung quanh. - Suy nghĩ tích cực. - Viết nhật kí. - Lập kế hoạch một cách khoa học và vừa sức. - Ăn uống, nghỉ ngơi, học tập điều độ, hợp lí. - Tìm sự trợ giúp của chuyên gia tư vấn tâm lí, bác sĩ tâm lí.
---	--

3. Hoạt động 3: Luyện tập

Bài tập 1:

① Em hãy quan sát hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi



a. Mục tiêu: Học sinh nhận thức được những nguyên nhân gây căng thẳng cho các bạn trong ảnh, nhận xét về cách ứng phó với căng thẳng của các bạn trong ảnh. Từ đó đưa ra lời khuyên phù hợp cho các bạn.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân để hoàn thành bài tập.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh về nguyên nhân gây căng thẳng, các ứng xử căng thẳng.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu cá nhân học sinh quan sát tranh ảnh, đọc dự liệu trong mỗi bức tranh trong SGK và suy nghĩ để đưa ra câu trả lời.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh tự đọc thông tin, quan sát ảnh sau đó đưa ra lựa chọn của mình.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, các học sinh khác nhận xét câu trả lời.

HS:

- Trình bày kết quả làm việc của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét câu trả lời của bạn

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

Bài tập 2:

a. Mục tiêu: Học sinh đưa ra những biểu hiện căng thẳng mà bản thân đã gặp phải và cách làm của bản thân để vượt qua những căng thẳng đó.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc theo cá nhân.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh:

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh đọc kỹ các biểu hiện căng thẳng trong đề bài, lựa chọn biểu hiện căng thẳng mà bản thân đã từng gặp và cách làm để vượt qua tình huống tâm lý căng thẳng đó

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh đọc, suy nghĩ trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày, học sinh theo dõi kết quả có nhận xét và bổ sung cho cách ứng xử của bản thân khi gặp tình huống tâm lí căng thẳng.

HS:

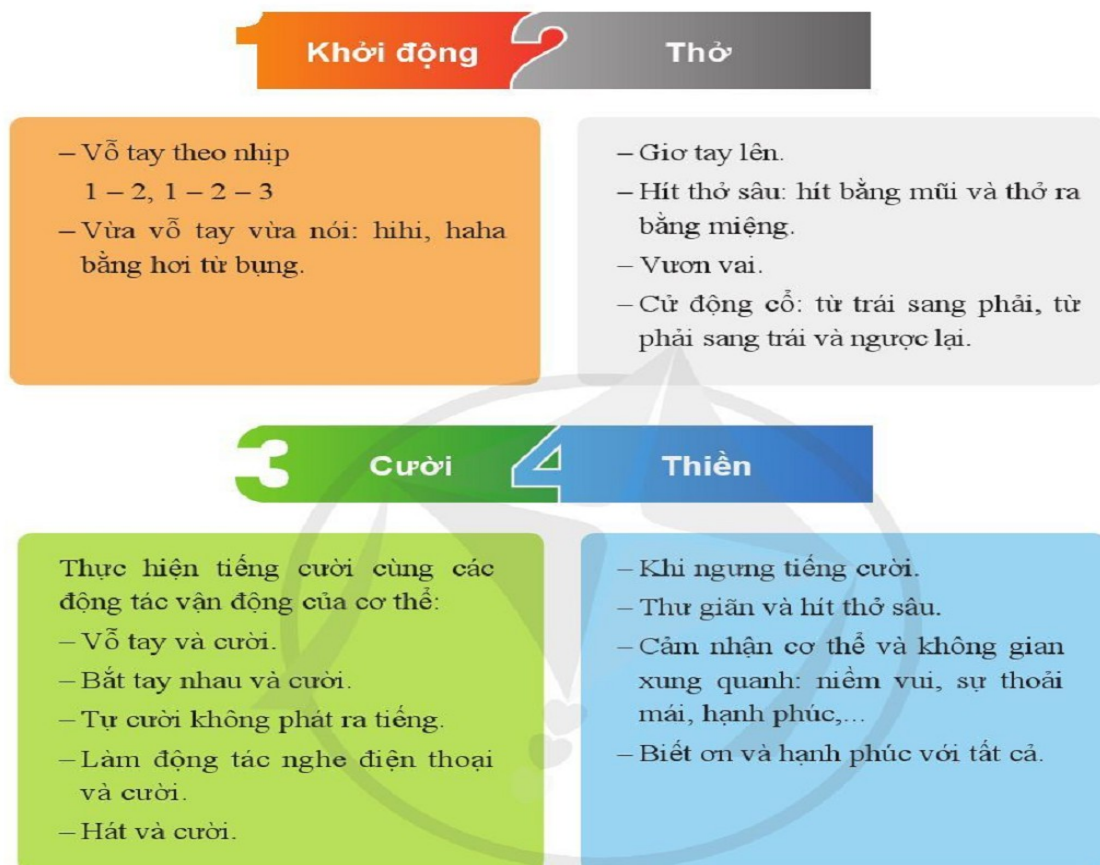
- Trình bày kết quả trả lời của mình

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét phần trình bày của bạn
- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

Bài tập 3:

- ④ Em hãy quan sát hình ảnh thực hành thư giãn và chia sẻ cảm nhận qua bài tập Yoga cười.



a. Mục tiêu: Học quan sát hình ảnh thực hành thư giãn và chia sẻ cảm nhận của bản thân qua bài Yoga cười.

b. Nội dung:

- Học sinh thực hành theo bài tập Yoga.

c. Sản phẩm: học sinh thực hành theo bài tập, nêu cảm nhận của bản thân mình.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh thực hành theo bài tập, nêu cảm nhận của bản thân mình.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hành, nêu cảm nhận của bản thân sau khi thực hành.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên thực hành

- Hướng dẫn HS cách trình bày, học sinh theo dõi kết quả có nhận xét và bổ sung

HS:

- thực hành và nêu cảm nhận của mình.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh nhận xét phần trình bày của bạn

- Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng

a. Mục tiêu: Học sinh biết vận dụng các kiến thức đã học để thiết kế một cuốn sổ tay hướng dẫn thực hiện các trò chơi lành mạnh có tác dụng giảm áp lực, căng thẳng trong học tập.

b. Nội dung:

- Học sinh làm việc cá nhân tại nhà, lựa chọn trò chơi lành mạnh, ghi chép cách thực hiện trò chơi.

c. Sản phẩm: Là bài làm của học sinh và học sinh sẵn sàng chia sẻ trước lớp. Các em cùng nhau chơi các trò chơi lành mạnh này trong giờ ra chơi, buổi sinh hoạt ngoại khóa.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV yêu cầu học sinh làm bài tập vào cuốn sổ ghi nhớ, thời gian trả bài, cách thức làm bài.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh thực hiện nhiệm vụ tại nhà.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

- Giáo viên ấn định thời gian các học sinh nộp sản phẩm, cách nộp sản phẩm.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

-Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, sản phẩm của học sinh.

IV. RÚT KINH NGHIỆM

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 8: BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG

MÔN: GD CD 7

Thời lượng dạy học: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường.

- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.
- Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường.
- Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức.
- Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những tình huống gây bạo lực để điều chỉnh hành vi.

- *Năng lực phát triển bản thân:* Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống. Tránh gặp phải tình huống bạo lực căng thẳng.

- *Hợp tác, giải quyết vấn đề:* Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết tình huống tâm lý căng thẳng trong cuộc sống.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Phát hiện và giải quyết được những tình huống bạo lực trong cuộc sống.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.

3. Về phẩm chất:

- *Trách nhiệm:* Biết bảo vệ bản thân. Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động ứng phó với tâm lý căng thẳng bạo lực.

- *Nhân ái:* lòng yêu thương bạn bè và mọi người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về phòng, chống bạo lực học đường.

để chuẩn bị vào bài học mới.

- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: phòng, chống bạo lực học đường.

gì?

Biểu hiện của phòng, chống bạo lực học đường.

? Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của phòng, chống bạo lực học đường.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng cách thảo luận cặp đôi

Em hãy quan sát các bức tranh sau và thực hiện yêu cầu.



?Gọi tên các hành vi bạo lực học đường trong các bức tranh trên.

? Nêu các nguyên nhân của hành vi bạo lực học đường.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Tên các hành vi bạo lực học đường trong các bức tranh trên:

- Tranh 1: Đánh đập, hành hạ, ngược đãi, xâm hại thân thể, sức khỏe của người khác.
- Tranh 2: Cố tình cô lập, xua đuổi người khác.

- Tranh 3: Bắt nạt học đường.
- Tranh 4: Lãng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua thảo luận cặp đôi ?Gọi tên các hành vi bạo lực học đường trong các bức tranh trên. ? Nêu các nguyên nhân của hành vi bạo lực học đường. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS tiến hành thảo luận Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học	- Tranh 1: Đánh đập, hành hạ, ngược đãi, xâm hại thân thể, sức khoẻ của người khác. - Tranh 2: Cố tình cô lập, xua đuổi người khác. - Tranh 3: Bắt nạt học đường. - Tranh 4: Lãng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Biểu hiện của bạo lực học đường

a. Mục tiêu:

- Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc câu chuyện, cùng tìm hiểu Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa
- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm tìm ra: các biểu hiện của bạo lực học đường ?

Điều 2 (trích)

5. Bạo lực học đường là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp học độc lập.

Trường hợp 1

Vì T không cho các bạn ngồi gần chép bài kiểm tra, nên khi T đạt được thành tích cao, một số bạn lên mạng nói xấu T. Trên lớp, các bạn này lảng tránh, lôi kéo những bạn khác không chơi với T. Vì vậy, T cảm thấy buồn chán, cô đơn và lạc lõng trong lớp.



Trường hợp 2

Thời gian gần đây, thấy một số bạn trong lớp trốn tiết, la cà ở quán internet, H là lớp trưởng đã báo cáo với cô chủ nhiệm. Biết việc này, một số bạn trong lớp đã có lời nói xúc phạm H. Có bạn còn cố tình gạt chân H, làm H bị ngã xây xước chân tay.



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Những hành vi bạo lực học đường được thể hiện qua mỗi trường hợp và hình ảnh trên:

a) Những hành vi bạo lực học đường được thể hiện qua mỗi trường hợp và hình ảnh trên:

- Trường hợp 1: Hành vi nói xấu và cô lập, lảng tránh T là hành vi bạo lực học đường.
- Trường hợp 2: Xúc phạm danh dự và làm tổn hại đến thể chất H là hành vi bạo lực học đường.

b) Một số hành vi bạo lực học đường khác:

- Kéo bè kết phái đến đánh bạn
- Nói xấu, chê bai, chế giễu bạn
- Tung tin đồn không chính xác về bạn

d. Tổ chức thực hiện:	
Nhiệm vụ 1: Khái niệm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập Gv yêu cầu học sinh đọc câu chuyện Gv chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ, nhóm và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập -Bạo lực học đường là gì? Hãy nêu các biểu hiện của bạo lực học đường trong các trường hợp trên. Theo em, còn có những biểu hiện nào khác của bạo lực học đường? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	I. KHÁM PHÁ 1. : Biểu hiện của bạo lực học đường - là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp học. - Một số biểu hiện khác: đánh đập, ngược đãi, chê bai, lăng mạ, chửi bới, đe dọa, khủng bố, cô lập, lan truyền những thông tin sai sự thật về người học,... xảy ra trong cơ sở giáo dục.
Nhiệm vụ 2 Nguyên nhân và hậu quả của bạo lực học đường Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi sách giáo khoa, phiếu bài tập Kỹ thuật mảnh ghép - Chia lớp ra làm 4 nhóm	2. Nguyên nhân và hậu quả của bạo lực học đường * Tình huống a) Hành vi có tính chất bạo lực học đường: - Tình huống 1: Hành vi hay nổi nóng, gây gổ với bạn bè, cãi nhau và định đánh bạn.

Tình huống 1

Do xem nhiều phim ảnh bạo lực nên H thay đổi tính tình, hay nổi nóng, dễ gây gổ với bạn bè xung quanh. Một lần ở trường, H đã cãi nhau và định đánh bạn. Mọi người khuyên can nên H mới dừng lại. Sau sự việc này, H đã bị nhà trường cảnh cáo và phải xin lỗi bạn.

Tình huống 2

Vì thích thể hiện mình là người mạnh mẽ nên V đã lôi kéo các bạn thành lập một nhóm chuyên đi dọa dẫm, bắt nạt các bạn khác. Điều đó làm cho các bạn trong lớp lo lắng, bất an khi nhìn thấy nhóm của V.

?

a) NHÓM 1

Theo em, những hành vi nào của các nhân vật trong từng tình huống trên là hành vi có tính chất bạo lực học đường?

b) NHÓM 2: Nguyên nhân và hậu quả của những hành vi đó là gì?

c) NHÓM 3: Hãy nêu những nguyên nhân của bạo lực học đường trong các trường hợp trên. Theo em, bạo lực học đường còn do những nguyên nhân nào khác?

d) NHÓM 4: Hậu quả của bạo lực học đường

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

* Kỹ thuật mảnh ghép

- Học sinh:

+ Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).

Giáo viên: hướng dẫn học sinh thảo luận (nếu cần).

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

- Tình huống 2: Hành vi kéo bè phái đi dọa dẫm, bắt nạt các bạn khác.

b) Nguyên nhân và hậu quả của những hành vi đó:

- Tình huống 1: Nguyên nhân là do H bị ảnh hưởng tiêu cực từ phim ảnh có nội dung bạo lực. Hậu quả dẫn đến mối quan hệ giữa H và bạn bè không yên bình, H bị nhà trường cảnh cáo.

- Tình huống 2: Nguyên nhân là do không có nhận thức đúng đắn, luôn cho mình là mạnh nhất. Hậu quả là V không có được sự yêu mến của các bạn bè xung quanh.

- Một số nguyên nhân

Nguyên nhân của bạo lực học đường do đặc điểm tâm, sinh lí của lứa tuổi học sinh, do thiếu kiến thức, thiếu kỹ năng sống, do ảnh hưởng từ môi trường gia đình, môi trường xã hội không lành mạnh; do sự thiếu quan tâm từ cơ sở giáo dục,...

- Hậu quả của bạo lực học đường gây tổn hại đến cả người gây bạo lực và người bị bạo lực. Người gây ra bạo lực học đường cũng có thể bị tổn thương về thể chất, tinh thần; bị lệch lạc nhân cách; phải chịu các hình thức kỉ luật, thậm chí bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây...

HS: - Trình bày kết quả làm việc Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn - Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.	
3. Hoạt động 3: Luyện tập a. Mục tiêu: - HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá áp dụng kiến thức để làm bài tập. b. Nội dung: - Học sinh khái quát kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy. - Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ... c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ... ? Hoàn thành sơ đồ tư duy bài học. ? Bài tập: GV cho học sinh làm bài tập sách giáo khoa theo từng bài ứng với các kỹ thuật động não, khăn trải bàn, trò chơi đóng vai.. Câu hỏi 1. Những hành vi nào dưới đây là bạo lực học đường? Vì sao? A. Chụp trộm hình ảnh của một bạn khác và gửi cho nhóm bạn để bàn tán, chế giễu. B. Lấy đồ ăn sáng của bạn khác. C. Bịt tai mỗi khi một bạn học sinh phát biểu hoặc nói chuyện.	II. LUYỆN TẬP Câu 1: Trả lời Những hành vi bạo lực học đường: - A. Bởi vì hành vi này là xúc phạm danh dự của bạn bị chụp trộm. - B. Bởi vì đây là hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. - D. Bởi vì đây là hành vi lăng mạ, xúc phạm danh dự của bạn. - E. Bởi vì đây là hành vi bạo lực trực tuyến, bôi nhọ danh dự của bạn. - G. Bởi vì đây là hành vi làm tổn hại đến thân thể của bạn. Câu 2: Trả lời:

D. Nhại giọng, bắt chước một cách thiếu tôn trọng. E. Gửi những tin nhắn, hình ảnh, video, bài viết nhằm gây tổn thương, tra tấn bạn khác. G. Véo tai, giật tóc một bạn khi đang nô đùa. H. Mượn đồ dùng học tập của bạn nhưng quên không trả lại. Câu 2 Câu hỏi 2. Trong một buổi hoạt động ngoại khoá về phòng, chống bạo lực học đường, có ý kiến cho rằng, bạo lực học đường chỉ gây tổn hại tới người bị bạo lực. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao? Câu hỏi 3. K và C đều là học sinh lớp 7A. Do xích mích với nhau trên mạng xã hội, K đã hẹn gặp C để giải quyết mâu thuẫn. Tuy nhiên, khi gặp nhau, hai bạn đã xảy ra xô xát. a) Theo em, ai là người bị bạo lực học đường trong tình huống trên? b) Em hãy chỉ ra nguyên nhân và hậu quả của bạo lực học đường trong tình huống đó. Câu hỏi 4. Em hãy kể một trường hợp bạo lực học đường mà em biết; chỉ ra nguyên nhân, hậu quả của tình huống bạo lực học đường đó. . Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, hoàn thành sơ đồ bài học. - Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	Em không đồng ý với ý kiến trên vì: - Hậu quả của bạo lực học đường gây tổn hại đến cả người gây bạo lực và người bị bạo lực. - Người gây ra bạo lực học đường cũng có thể bị tổn thương về thể chất, tinh thần, bị lệch lạc nhân cách, phải chịu các hình thức kỉ luật, thậm chí bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả nghiêm trọng. - Người bị bạo lực học đường có thể bị tổn thương thể chất, tinh thần, giảm sút kết quả học tập và rèn luyện. Câu 3. Trả lời a) Cả hai bạn đều là người gây ra bạo lực và là người bị bạo lực vì cả hai đều bị tổn thương cả về thể chất lẫn tinh thần. b) Nguyên nhân là do hai bạn xích mích với nhau trên mạng xã hội, có những lời lẽ không tốt đến nhau nên gây ra mâu thuẫn lớn. Hậu quả là hai bạn xô xát với nhau, cả hai đều bị tổn thương về thể chất và có thể sẽ phải chịu kỉ luật. 4. Trả lời Trong lớp em có một bạn do gia cảnh nghèo khó, bố mẹ không có thời gian quan tâm đến con nên bạn đó đã giao du, kết bạn với những người xấu. Do ảnh hưởng từ những người xấu đó mà trên lớp bạn thường xuyên đánh và bắt nạt các bạn khác. Có một lần bạn đó cướp món quà của một người bạn trong lớp, người bạn kia không
---	--

GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân, nhóm. - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	đồng tình nên đã phản kháng lại, bạn đó đã đánh người bạn này dẫn đến thương tích. Vì vậy mà bạn đã bị nhà trường kỉ luật nghiêm.
4. Hoạt động 4: Vận dụng a. Mục tiêu: - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học. b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua hoạt động dự án.. c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi hoạt động dự án ... Nhóm 1: ? Em hãy thiết kế và trang trí thông điệp về phòng, chống bạo lực học đường bằng các hình thức: vẽ, xé dán tranh,... và trình bày ? Nhóm 2. Xây dựng kịch bản và sắm vai trước lớp	III. VẬN DỤNG

một tiểu phẩm về phòng, chống bạo lực học đường -Xác định những việc cần làm ở nhà, ở trường, lớp. - Lập thời gian biểu theo ngày/tuần/tháng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: Trình bày kết quả làm việc cá nhân. + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Yc hs nhận xét câu trả lời. -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	
--	--

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 8: BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG

MÔN: GD CD 7

Thời lượng dạy học: 2 tiết

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường; nguyên nhân và tác hại của bạo lực học đường.

- Nêu được một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường.
- Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bị bạo lực học đường.
- Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức.
- Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không để bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những tình huống gây bạo lực để điều chỉnh hành vi.

- *Năng lực phát triển bản thân:* Trang bị cho bản thân những kỹ năng sống cơ bản để thích ứng, điều chỉnh và hòa nhập với cuộc sống. Tránh gặp phải tình huống bạo lực căng thẳng.

- *Hợp tác, giải quyết vấn đề:* Vận dụng được một cách linh hoạt những kiến thức, kỹ năng sống cơ bản đã học hoặc kinh nghiệm đã có để giải quyết tình huống tâm lý căng thẳng trong cuộc sống.

- *Năng lực giải quyết vấn đề và sáng tạo:* Phát hiện và giải quyết được những tình huống bạo lực trong cuộc sống.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.

3. Về phẩm chất:

- *Trách nhiệm:* Biết bảo vệ bản thân. Có ý thức tìm hiểu và sẵn sàng tham gia các hoạt động ứng phó với tâm lý căng thẳng bạo lực.

- *Nhân ái:* lòng yêu thương bạn bè và mọi người

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 6*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về phòng, chống bạo lực học đường.

để chuẩn bị vào bài học mới.

- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: phòng, chống bạo lực học đường.
- gì?

Biểu hiện của phòng, chống bạo lực học đường.

? Giải thích được một cách đơn giản ý nghĩa của phòng, chống bạo lực học đường.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới bằng cách thảo luận cặp đôi

Em hãy quan sát các bức tranh sau và thực hiện yêu cầu.



?Gọi tên các hành vi bạo lực học đường trong các bức tranh trên.

? Nêu các nguyên nhân của hành vi bạo lực học đường.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Tên các hành vi bạo lực học đường trong các bức tranh trên:

- Tranh 1: Đánh đập, hành hạ, ngược đãi, xâm hại thân thể, sức khỏe của người khác.
- Tranh 2: Cố tình cô lập, xua đuổi người khác.

- Tranh 3: Bắt nạt học đường.
- Tranh 4: Lãng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua thảo luận cặp đôi ?Gọi tên các hành vi bạo lực học đường trong các bức tranh trên. ? Nêu các nguyên nhân của hành vi bạo lực học đường. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS tiến hành thảo luận Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học	- Tranh 1: Đánh đập, hành hạ, ngược đãi, xâm hại thân thể, sức khoẻ của người khác. - Tranh 2: Cố tình cô lập, xua đuổi người khác. - Tranh 3: Bắt nạt học đường. - Tranh 4: Lãng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm người khác

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Biểu hiện của bạo lực học đường

a. Mục tiêu:

- Nêu được các biểu hiện của bạo lực học đường

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc câu chuyện, cùng tìm hiểu Em hãy đọc các thông tin, trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi trong sách giáo khoa
- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh thảo luận nhóm tìm ra: các biểu hiện của bạo lực học đường ?

Điều 2 (trích)

5. Bạo lực học đường là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp học độc lập.

Trường hợp 1

Vì T không cho các bạn ngồi gần chép bài kiểm tra, nên khi T đạt được thành tích cao, một số bạn lên mạng nói xấu T. Trên lớp, các bạn này lăng tránh, lôi kéo những bạn khác không chơi với T. Vì vậy, T cảm thấy buồn chán, cô đơn và lạc lõng trong lớp.



Trường hợp 2

Thời gian gần đây, thấy một số bạn trong lớp trốn tiết, la cà ở quán internet, H là lớp trưởng đã báo cáo với cô chủ nhiệm. Biết việc này, một số bạn trong lớp đã có lời nói xúc phạm H. Có bạn còn cố tình gạt chân H, làm H bị ngã xây xước chân tay.



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

Những hành vi bạo lực học đường được thể hiện qua mỗi trường hợp và hình ảnh trên:

a) Những hành vi bạo lực học đường được thể hiện qua mỗi trường hợp và hình ảnh trên:

- Trường hợp 1: Hành vi nói xấu và cô lập, lăng tránh T là hành vi bạo lực học đường.
- Trường hợp 2: Xúc phạm danh dự và làm tổn hại đến thể chất H là hành vi bạo lực học đường.

b) Một số hành vi bạo lực học đường khác:

- Kéo bè kết phái đến đánh bạn
- Nói xấu, chê bai, chế giễu bạn
- Tung tin đồn không chính xác về bạn

d. Tổ chức thực hiện:	
Nhiệm vụ 1: Khái niệm Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi của phiếu bài tập Gv yêu cầu học sinh đọc câu chuyện Gv chia lớp thành 4 nhóm, yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ, nhóm và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập -Bạo lực học đường là gì? Hãy nêu các biểu hiện của bạo lực học đường trong các trường hợp trên. Theo em, còn có những biểu hiện nào khác của bạo lực học đường? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	I. KHÁM PHÁ 1. : Biểu hiện của bạo lực học đường - là hành vi hành hạ, ngược đãi, đánh đập; xâm hại thân thể, sức khỏe; lăng mạ, xúc phạm danh dự, nhân phẩm; cô lập, xua đuổi và các hành vi cố ý khác gây tổn hại về thể chất, tinh thần của người học xảy ra trong cơ sở giáo dục hoặc lớp học. - Một số biểu hiện khác: đánh đập, ngược đãi, chê bai, lăng mạ, chửi bới, đe dọa, khủng bố, cô lập, lan truyền những thông tin sai sự thật về người học,... xảy ra trong cơ sở giáo dục.
Nhiệm vụ 2 Nguyên nhân và hậu quả của bạo lực học đường Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi sách giáo khoa, phiếu bài tập Kỹ thuật mảnh ghép - Chia lớp ra làm 4 nhóm	2. Nguyên nhân và hậu quả của bạo lực học đường * Tình huống a) Hành vi có tính chất bạo lực học đường: - Tình huống 1: Hành vi hay nổi nóng, gây gổ với bạn bè, cãi nhau và định đánh bạn.

Tình huống 1

Do xem nhiều phim ảnh bạo lực nên H thay đổi tính tình, hay nổi nóng, dễ gây gổ với bạn bè xung quanh. Một lần ở trường, H đã cãi nhau và định đánh bạn. Mọi người khuyên can nên H mới đứng lại. Sau sự việc này, H đã bị nhà trường cảnh cáo và phải xin lỗi bạn.

Tình huống 2

Vì thích thể hiện mình là người mạnh mẽ nên V đã lôi kéo các bạn thành lập một nhóm chuyên đi dọa dẫm, bắt nạt các bạn khác. Điều đó làm cho các bạn trong lớp lo lắng, bất an khi nhìn thấy nhóm của V.

?

a) NHÓM 1

Theo em, những hành vi nào của các nhân vật trong từng tình huống trên là hành vi có tính chất bạo lực học đường?

b) NHÓM 2: Nguyên nhân và hậu quả của những hành vi đó là gì?

c) NHÓM 3: Hãy nêu những nguyên nhân của bạo lực học đường trong các trường hợp trên. Theo em, bạo lực học đường còn do những nguyên nhân nào khác?

d) NHÓM 4: Hậu quả của bạo lực học đường

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

* Kỹ thuật mảnh ghép

- Học sinh:

+ Thảo luận nhóm 5 phút và ghi kết quả ra phiếu học tập nhóm (phần việc của nhóm mình làm).

Giáo viên: hướng dẫn học sinh thảo luận (nếu cần).

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.

- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

- Tình huống 2: Hành vi kéo bè phái đi dọa dẫm, bắt nạt các bạn khác.

b) Nguyên nhân và hậu quả của những hành vi đó:

- Tình huống 1: Nguyên nhân là do H bị ảnh hưởng tiêu cực từ phim ảnh có nội dung bạo lực. Hậu quả dẫn đến mối quan hệ giữa H và bạn bè không yên bình, H bị nhà trường cảnh cáo.

- Tình huống 2: Nguyên nhân là do không có nhận thức đúng đắn, luôn cho mình là mạnh nhất. Hậu quả là V không có được sự yêu mến của các bạn bè xung quanh.

- Một số nguyên nhân

Nguyên nhân của bạo lực học đường do đặc điểm tâm, sinh lí của lứa tuổi học sinh, do thiếu kiến thức, thiếu kỹ năng sống, do ảnh hưởng từ môi trường gia đình, môi trường xã hội không lành mạnh; do sự thiếu quan tâm từ cơ sở giáo dục,...

- Hậu quả của bạo lực học đường gây tổn hại đến cả người gây bạo lực và người bị bạo lực. Người gây ra bạo lực học đường cũng có thể bị tổn thương về thể chất, tinh thần; bị lệch lạc nhân cách; phải chịu các hình thức kỉ luật, thậm chí bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây...

HS: - Trình bày kết quả làm việc Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn - Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức.	
3. Hoạt động 3: Luyện tập a. Mục tiêu: - HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá áp dụng kiến thức để làm bài tập. b. Nội dung: - Học sinh khái quát kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy. - Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ... c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ... ? Hoàn thành sơ đồ tư duy bài học. ? Bài tập: GV cho học sinh làm bài tập sách giáo khoa theo từng bài ứng với các kỹ thuật động não, khăn trải bàn, trò chơi đóng vai.. Câu hỏi 1. Những hành vi nào dưới đây là bạo lực học đường? Vì sao? A. Chụp trộm hình ảnh của một bạn khác và gửi cho nhóm bạn để bàn tán, chế giễu. B. Lấy đồ ăn sáng của bạn khác. C. Bịt tai mỗi khi một bạn học sinh phát biểu hoặc nói chuyện.	II. LUYỆN TẬP Câu 1: Trả lời Những hành vi bạo lực học đường: - A. Bởi vì hành vi này là xúc phạm danh dự của bạn bị chụp trộm. - B. Bởi vì đây là hành vi chiếm đoạt tài sản của người khác. - D. Bởi vì đây là hành vi lăng mạ, xúc phạm danh dự của bạn. - E. Bởi vì đây là hành vi bạo lực trực tuyến, bôi nhọ danh dự của bạn. - G. Bởi vì đây là hành vi làm tổn hại đến thân thể của bạn. Câu 2: Trả lời:

D. Nhại giọng, bắt chước một cách thiếu tôn trọng. E. Gửi những tin nhắn, hình ảnh, video, bài viết nhằm gây tổn thương, tra tấn bạn khác. G. Véo tai, giật tóc một bạn khi đang nô đùa. H. Mượn đồ dùng học tập của bạn nhưng quên không trả lại. Câu 2 Câu hỏi 2. Trong một buổi hoạt động ngoại khoá về phòng, chống bạo lực học đường, có ý kiến cho rằng, bạo lực học đường chỉ gây tổn hại tới người bị bạo lực. Em có đồng ý với ý kiến này không? Vì sao? Câu hỏi 3. K và C đều là học sinh lớp 7A. Do xích mích với nhau trên mạng xã hội, K đã hẹn gặp C để giải quyết mâu thuẫn. Tuy nhiên, khi gặp nhau, hai bạn đã xảy ra xô xát. a) Theo em, ai là người bị bạo lực học đường trong tình huống trên? b) Em hãy chỉ ra nguyên nhân và hậu quả của bạo lực học đường trong tình huống đó. Câu hỏi 4. Em hãy kể một trường hợp bạo lực học đường mà em biết; chỉ ra nguyên nhân, hậu quả của tình huống bạo lực học đường đó. . Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, hoàn thành sơ đồ bài học. - Với hoạt động nhóm: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận	Em không đồng ý với ý kiến trên vì: - Hậu quả của bạo lực học đường gây tổn hại đến cả người gây bạo lực và người bị bạo lực. - Người gây ra bạo lực học đường cũng có thể bị tổn thương về thể chất, tinh thần, bị lệch lạc nhân cách, phải chịu các hình thức kỉ luật, thậm chí bị truy cứu trách nhiệm hình sự nếu gây hậu quả nghiêm trọng. - Người bị bạo lực học đường có thể bị tổn thương thể chất, tinh thần, giảm sút kết quả học tập và rèn luyện. Câu 3. Trả lời a) Cả hai bạn đều là người gây ra bạo lực và là người bị bạo lực vì cả hai đều bị tổn thương cả về thể chất lẫn tinh thần. b) Nguyên nhân là do hai bạn xích mích với nhau trên mạng xã hội, có những lời lẽ không tốt đến nhau nên gây ra mâu thuẫn lớn. Hậu quả là hai bạn xô xát với nhau, cả hai đều bị tổn thương về thể chất và có thể sẽ phải chịu kỉ luật. 4. Trả lời Trong lớp em có một bạn do gia cảnh nghèo khó, bố mẹ không có thời gian quan tâm đến con nên bạn đó đã giao du, kết bạn với những người xấu. Do ảnh hưởng từ những người xấu đó mà trên lớp bạn thường xuyên đánh và bắt nạt các bạn khác. Có một lần bạn đó cướp món quà của một người bạn trong lớp, người bạn kia không
---	--

GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân, nhóm. - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Nhận xét thái độ học tập và kết quả làm việc cá nhân, nhóm của HS. - GV đưa ra các tiêu chí để đánh giá HS: + Kết quả làm việc của học sinh. + Thái độ, ý thức hợp tác nghiêm túc trong khi làm việc. Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	đồng tình nên đã phản kháng lại, bạn đó đã đánh người bạn này dẫn đến thương tích. Vì vậy mà bạn đã bị nhà trường kỉ luật nghiêm.
4. Hoạt động 4: Vận dụng a. Mục tiêu: - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học. b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua hoạt động dự án.. c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi hoạt động dự án ... Nhóm 1: ? Em hãy thiết kế và trang trí thông điệp về phòng, chống bạo lực học đường bằng các hình thức: vẽ, xé dán tranh,... và trình bày ? Nhóm 2. Xây dựng kịch bản và sắm vai trước lớp	III. VẬN DỤNG

một tiểu phẩm về phòng, chống bạo lực học đường -Xác định những việc cần làm ở nhà, ở trường, lớp. - Lập thời gian biểu theo ngày/tuần/tháng. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: Trình bày kết quả làm việc cá nhân. + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian - Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần). Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Yc hs nhận xét câu trả lời. -Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.	
--	--

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 9: ỨNG PHÓ VỚI BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG

Môn :GDCD Lớp 7

(Thời gian thực hiện 2 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng chống bạo lực học đường.

- Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bạo lực học đường.
- Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức.
- Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường; sống tự chủ, không bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học*: Tự giác học tập, lao động, thực hiện được cách ứng phó với bạo lực học đường.
- *Điều chỉnh hành vi*: Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, những giá trị truyền thống của tình yêu thương con người. Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lý, điều chỉnh bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống nhằm phát huy giá trị to lớn của tình yêu thương con người.
- *Phát triển bản thân*: Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy những theo chuẩn mực đạo đức của xã hội. Xác định được lí tưởng sống của bản thân lập kế hoạch học tập và rèn luyện, xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân để phù hợp với các giá trị đạo đức về con người.
- *Tư duy phê phán*: Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa chuẩn mực, vi phạm đạo đức, chà đạp lên các giá trị nhân văn của con người với con người.
- *Hợp tác, giải quyết vấn đề*: Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần lan tỏa giá trị của tình yêu thương con người, tránh hành vi bạo lực học đường.

3. Về phẩm chất:

- *Yêu nước*: Tự hào về truyền thống nhân ái, đoàn kết tương trợ, tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc.
- *Nhân ái*: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để góp phần vun đắp giá trị của tình yêu thương con người.
- *Trách nhiệm*: Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để phát huy truyền thống yêu thương con người. Đấu tranh bảo vệ những truyền thống tốt đẹp; phê phán, lên án những quan niệm sai lầm, lệch lạc trong mối quan hệ giữa con người với con người, hành vi bạo lực học đường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về các hành vi bạo lực học đường, hậu quả của các hành vi bạo lực học đường ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần cho học sinh để chuẩn bị vào bài học mới.
- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: bạo lực học đường là gì? Biểu hiện của hành vi bạo lực trong trường học. Học sinh mạnh dạn chia sẻ những hành vi bạo lực học đường mà em đã chứng kiến và đưa ra những đề xuất cách ứng phó.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới nhìn hình ảnh và chỉ ra các hành vi bạo lực học đường.





BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG Chuyện không của riêng ai



c. *Sản phẩm*: Câu trả lời của học sinh.

d. *Tổ chức thực hiện*:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua Luật chơi: ❖ Có 4 bức ảnh khác nhau. Học sinh quan sát và cho biết bức ảnh đó thể hiện hành vi gì? Mỗi bạn có 1 lượt chọn và trả lời câu hỏi. ❖ Mỗi câu hỏi trả lời đúng đạt 10 điểm, trả lời sai không có điểm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập	

- HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học

- **Bạo lực học đường để lại hậu quả nghiêm trọng về thể chất và tinh thần cho học sinh.**

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Quy định cơ bản của pháp luật quan đến phòng chống bạo lực học đường .

a. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm bạo lực học đường là gì ?nắm được các quy định của pháp luật liên quan đến phòng ,chống bạo lực học đường.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc các thông tin, cùng tìm hiểu nội dung trong các thông tin đó nói về vấn đề gì ?

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh tìm hiểu quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường ?

Thông tin 1

Theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học:

Các hành vi học sinh không được làm:

1.Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường, người khác và học sinh khác.

2.Đánh nhau, gây rối trật tự, an ninh trong nhà trường và nơi công cộng.

Thông tin 2

Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ, quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

Điều 6. Phòng, chống bạo lực học đường (trích)

1.Biện pháp phòng ngừa bạo lực học đường:

a.Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của người học, cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên trong cơ sở giáo dục, gia đình người học và cộng đồng về mối nguy hiểm và hậu quả của bạo lực học đường; ve trách nhiệm phát hiện, thông báo, tố giác hành VI bạo lực học đường; ngăn ngừa và can thiệp kịp thời đối với các hành VI bạo lực học đường phù hợp với khả năng của bản thân

2.Biện pháp hỗ trợ người học có nguy cơ bị bạo lực học đường:

a.Phát hiện kịp thời người học có hành vi gây gổ, có nguy cơ gây bạo lực học đường, người học có nguy cơ bị bạo lực học đường;

c. Thực hiện tham van, tư van cho người học cổ nguy cơ bị bạo lực và gây ra bạo lực nhằm ngăn chặn, loại bỏ nguy cơ xảy ra bạo lực.

3. Biện pháp can thiệp khi xảy ra bạo lực học đường:

c. Thông báo kịp thời VỚI gia đình người học để phối hợp xử lý; trường hợp vụ việc vượt quá khả năng giải quyết của cơ sở giáo dục thì thông báo kịp thời với cơ quan công an, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan hèn quan để phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật

Thông tin 3 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) **Điều 12.** Tuổi chịu trách nhiệm hình sự (trích) 2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự về tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, ..

Trường hợp 1: s thường xuyên bị một nhóm bạn trong lớp đe dọa và lấy đồ. Bức xúc với hành vi của các bạn nên s đã chia sẻ với cô giáo chủ nhiệm và nhờ cô can thiệp. Sau khi được cô giáo phân tích, nhóm bạn của s đã nhận thay hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Trường hợp 2: H có mâu thuẫn với M là bạn cùng lớp và H dự định rủ mấy người bạn thân đến dọa đánh M. Biết chuyện này, bố mẹ H đã khuyên con từ bỏ ý định đó và trao đổi với giáo viên chủ nhiệm để cùng giải quyết mâu thuẫn giữa hai

NHÓM 1: Em hãy chỉ ra các hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống bạo lực học đường trong trường hợp trên.

NHÓM 2: Những biện pháp phòng ngừa, can thiệp nào được thể hiện, trong hai trường hợp trên?

NHÓM 3: Hãy nêu quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường qua các thông tin trên

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh: Phiếu bài tập

d.Tổ chức thực hiện Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi , phiếu bài tập Gv yêu cầu học sinh đọc thông tin Gv chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ, nhóm và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập <u>Câu 1</u> Em hãy chỉ ra các hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống bạo lực học đường trong trường hợp trên. <u>Câu 2:</u> Những biện pháp phòng ngừa, can thiệp nào được thể hiện, trong hai trường hợp trên? <u>Câu 3:</u> Hãy nêu quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường qua các thông tin trên Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	I. Khám phá 1. Khái niệm *Thông tin *Nhận xét Để phòng, chống bạo lực học đường, pháp luật nước ta quy định: - Không được xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường và người khác. - Không được đánh nhau, gây rối trật tự, an ninh trong nhà trường và nơi công cộng. - Nhà trường, cha mẹ học sinh có trách nhiệm giáo dục học sinh về phòng, chống bạo lực học đường; phát hiện, thông báo, tố giác hành vi bạo lực học đường; ngăn ngừa, can thiệp kịp thời và bảo vệ quyền lợi chính đáng của học sinh trước các hành vi bạo lực học đường
2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới) Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực học đường. Nhiệm vụ 2.a: Phòng ngừa bạo lực học đường: a. Mục tiêu: - Liệt kê được các việc cần làm để phòng ngừa bạo lực học đường. b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh quan sát tranh.	

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng dẫn học sinh:

A	B	C	D
Kết bạn với bạn tốt, hòa nhập và tham gia các nhóm bạn, câu lạc bộ	Tránh xa bạn xấu, phim ảnh trò chơi bạo lực và các tệ nạn xã hội.	Kiềm chế cảm xúc	Khéo léo trong giải quyết hiểu lầm xích mích.



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm (Phiếu bài tập, phần tham gia trò chơi....)

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

2. Phòng ngừa và ứng

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi sách giáo khoa? Em hãy quan sát những hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi: Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS: nghe hướng dẫn. Hoạt động nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn -Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. Giáo viên giới thiệu:	phó với bạo lực học đường. <u>a.Phòng ngừa bạo lực học đường.</u> Để phòng ngừa bạo lực học đường, mỗi học sinh cần: -Có lối sống lành mạnh tránh xa phim ảnh, trò chơi bạo lực và các tệ nạn xã hội. -Thân thiện, hoà đồng và xây dựng tình bạn lành mạnh. -Kiêm chế cảm xúc, đặc biệt là các cảm xúc tiêu cực. -Khéo léo và kịp thời trong giải quyết các hiểu nhầm, xích mích nhỏ. -Nhận biết nguy cơ bị bạo lực học đường, tự chủ, không để bị lôi kéo, tham gia vào các vụ việc bạo lực học đường. -Tìm hiểu các thông tin pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường
2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới) Nhiệm vụ 2.b: Ứng phó với bạo lực học đường a. Mục tiêu: - Hiểu cách ứng phó với bạo lực học đường b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin.	

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua câu hỏi thảo luận để hướng dẫn học sinh: cách ứng phó với bạo lực học đường?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm.

b 1: Ứng phó với tình huống khi bị bạo lực về thể chất:



Mình bị bạn đánh như thế này, bố mẹ mà hỏi biết nói sao đây?



d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi thảo luận.

*** Câu hỏi thảo luận :**

Câu 1: Các bạn học sinh trong những hình ảnh trên đang gặp những tình huống nguy hiểm nào?

Câu 2: Theo em, các bạn ấy đã làm gì để ứng phó với tình huống đó?

Câu 3 : Ngoài những cách ứng phó đó, em còn biết những cách nào khác?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý

nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yc hs nhận xét câu trả lời.
- Gv đánh giá, chốt kiến thức.

Giáo viên:

b 2: Ứng phó với tình huống khi bị bạo lực về tinh thần:

Em hãy đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

T thường bị các bạn trong lớp trêu chọc quá mức và đặt cho nhiều biệt danh khó nghe. Tiếc hân vi của các bạn, T đã bình tĩnh suy nghĩ và nhận thấy, nếu mình càng tỏ thái độ khó chịu thì các bạn càng trêu. Vì vậy, T quyết định sẽ dùng những lời lẽ nhẹ nhàng để yêu cầu các bạn không trêu chọc nữa. T nghĩ, nếu tình trạng xấu vẫn tiếp diễn thì sẽ ti

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi thảo luận.

*** Câu hỏi thảo luận :**

Câu 1: Em hãy cho biết bạn T đã làm gì để ứng phó với hành vi trêu chọc quá mức của các bạn?

Câu 2: Ngoài cách xử lí của T, em còn cách xử lí nào khác trong trường hợp trên?

Câu 3 : Nếu là bạn của T, khi được nhờ' giúp đỡ em sẽ giúp bạn như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc, suy nghĩ, trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yc hs nhận xét câu trả lời.
- Gv đánh giá, chốt kiến thức.

Giáo viên:

b 3:Ứng phó với tình huống khi bị bạo lực trực tuyến:

Em hãy đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

Gần đây, D thường xuyên nhận được tin nhắn qua mạng xã hội với những lời lẽ lăng mạ, xúc phạm. D đã tâm sự với anh trai và nhận được lời khuyên là không nên nhắn tin lại, cần đổi mật khẩu tài khoản mạng xã hội, chặn tin nhắn từ người lạ và cần tìm ra ai đã làm chuyện đó. Qua tìm hiểu, D biết đó là do một số bạn có xích mích với mình từ năm học trước thực hiện. D và anh trai đã gặp các bạn nói chuyện và yêu cầu các bạn không được thực hiện những hành vi VI phạm pháp luật

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi thảo luận.

*** Câu hỏi thảo luận :**

Câu 1: Trong tình huống trên, D và anh trai đã ứng phó như thế nào với bạo lực trực tuyến?

Câu 2: Ngoài những cách trên, em còn biết những cách nào để ứng phó với bạo lực trực tuyến?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc, suy nghĩ, trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

-Yc hs nhận xét câu trả lời.

-Gv đánh giá, chốt kiến thức.

Giáo viên chốt : Để ứng phó với bạo lực học đường, mỗi học sinh cần:

- Nhanh chóng nhận diện được dấu hiệu của bạo lực học đường.
- Bình tĩnh, tìm cơ hội thoát ra hoặc kêu gọi sự giúp đỡ.
- Thông báo sự việc cho gia đình, thầy cô hoặc trình báo cơ quan chức năng.
- Gọi số điện thoại đường dây nóng bảo vệ trẻ em 111.
- Đối mặt khôn ngoan để bảo vệ tài khoản mạng xã hội của cá nhân.
- Khi chứng kiến bạo lực học đường, không thờ ơ vô cảm, lôi kéo tham gia, cổ vũ hành vi bạo lực học đường.
- Không tìm cách trả thù, đánh lại, tỏ thái độ thách thức

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá áp dụng kiến thức để làm bài tập.

b. Nội dung:

- Học sinh khái quát kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy.

- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ...

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ...

? Hoàn thành sơ đồ tư duy bài học.

? Bài tập tình huống: GV cho học sinh thảo luận nhóm bàn

Bài tập 1:

III. Luyện tập

1. Bài tập

Em hãy cho biết những cách ứng phó nào dưới đây là phù hợp VỚI quy định pháp luật về phong, chống bạo lực học đường?

A.Lưu lại những hình ảnh, bài viết trên mạng xã hội có tính chất bạo lực học đường để báo cáo với nhà trường.

B.Rủ bạn bè đi đánh lại nhằm giải quyết mâu thuẫn.

C.Viết bài/quay video trực tuyến nhằm nói xấu khi bị xúc phạm trên mạng xã hội.

D. Bỏ qua khi bị đánh để được yên ổn.

E.Báo với gia đình khi bị bạo lực để nhận được ý kiến xử lý học sinh có hành vi bạo lực với mình.

G.Gọi đến số điện thoại của phòng Tư vấn tâm lý học đường hoặc số 111.

H.Báo cáo cơ quan công an khi bị đe dọa tính mạng

Bài tập 2:

Hãy thảo luận và đưa ra cách ứng phó với bạo lực học đường trong các tình huống sau:

TH 1 :Gần đây, H thường xuyên bị một nhóm bạn trong trường chặn đường, trêu chọc. Tuần này, nhóm bạn đó yêu cầu H phải mua đồ ăn cho họ thì sẽ không trêu chọc H nữa.

TH 2 :Vì là một cầu thủ bóng đá giỏi, thường xuyên glu bàn nên Lâm bị một số bạn ở đội bóng lớp 7B không thích và thường xuyên tìm cách gây sự.

Bài tập 3

Em hãy đưa ra ý kiến về những hành vi bạo lực học đường trong các tình huống sau:

1.T là bạn thân của Q, gần đây do có xích mích với các bạn nam trong lớp nên T bị lớp cô lập, không cho chơi cùng. Q rất muốn giúp T, nhưng lo sợ các bạn sẽ cô lập mình.

2. Gần đây em phát hiện ra A và một số bạn trong câu lạc bộ múa ở trường lén chụp hình H khi đang luyện tập, rồi đăng hình ảnh lên mạng xã hội và bình phẩm thiếu tích cực về H.

3. Cách đây mấy hôm, T bị N và các bạn của N chặn đánh trên đường đi học về, vì cho rằng T đã “coi thường” và không chào N. Tuy bị đánh và rất sợ hãi nhưng T chỉ kể lại với em, T đã giấu bố

mẹ và không báo cáo lại sự việc cho thầy cô vì không muốn mọi người lo lắng. 4.Lớp của em xuất hiện tình trạng một số bạn lập nhóm “Anti-fan Ban cán sự lớp” trên mạng xã hội VỚI mục đích bình phẩm, nói xấu, chê nhạo các bạn. Em và các bạn cũng cở tên trong nhóm này. Bài tập 4 Em hãy thảo luận với các bạn và cho biết, vì sao klìi ứng phó với bạo lực học đường cần tuân thủ các quy định của pháp luật	
4. Hoạt động 4: Vận dụng a. Mục tiêu: - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học. b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua trò chơi, hoạt động dự án.. c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi hoạt động dự án ... + Hoạt động dự án: Câu hỏi 1: Cùng các bạn trong lớp xây dựng một hòm thư mang tên “Điều em muốn nói”: - Mỗi học sinh viết một bức thư tâm sự nói về bạo lực học đường. - Trong giờ sinh hoạt lớp hàng tuần, giáo viên chủ nhiệm và học sinh sẽ lấy thư để chia sẻ trước lớp. Câu hỏi 2: Em hãy viết một bài tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường (liên hệ với bản thân em). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.	

- Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân.
- + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yc hs nhận xét câu trả lời.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 9: ỨNG PHÓ VỚI BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG

Môn :GDCD Lớp 7

(Thời gian thực hiện 2 tiết)

I. MỤC TIÊU:

1. Về kiến thức:

- Nêu một số quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng chống bạo lực học đường.
- Biết cách ứng phó trước, trong và sau khi bạo lực học đường.
- Tham gia các hoạt động tuyên truyền phòng, chống bạo lực học đường do nhà trường, địa phương tổ chức.
- Phê phán, đấu tranh với những hành vi bạo lực học đường ; sống tự chủ, không bị lôi kéo tham gia bạo lực học đường.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

- *Tự chủ và tự học:* Tự giác học tập, lao động, thực hiện được cách ứng phó với bạo lực học đường.
- *Điều chỉnh hành vi:* Nhận biết được những chuẩn mực đạo đức, những giá trị truyền thống của tình yêu thương con người. Có kiến thức cơ bản để nhận thức, quản lý, điều chỉnh bản thân và thích ứng với những thay đổi trong cuộc sống nhằm phát huy giá trị to lớn của tình yêu thương con người.
- *Phát triển bản thân:* Tự nhận thức bản thân; lập và thực hiện kế hoạch hoàn thiện bản thân nhằm phát huy những theo chuẩn mực đạo đức của xã hội. Xác định được lí tưởng sống của bản thân lập kế hoạch học tập và rèn luyện, xác định được hướng phát triển phù hợp của bản thân để phù hợp với các giá trị đạo đức về con người.
- *Tư duy phê phán:* Đánh giá, phê phán được những hành vi chưa chuẩn mực, vi phạm đạo đức, chà đạp lên các giá trị nhân văn của con người với con người.
- *Hợp tác, giải quyết vấn đề:* Hợp tác với các bạn trong lớp trong các hoạt động

học tập; cùng bạn bè tham gia các hoạt động cộng đồng nhằm góp phần lan tỏa giá trị của tình yêu thương con người, tránh hành vi bạo lực học đường.

3. Về phẩm chất:

- *Yêu nước*: Tự hào về truyền thống nhân ái, đoàn kết tương trợ, tinh thần tương thân, tương ái của dân tộc.
- *Nhân ái*: Luôn cố gắng vươn lên đạt kết quả tốt trong học tập; tích cực chủ động tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để góp phần vun đắp giá trị của tình yêu thương con người.
- *Trách nhiệm*: Có ý thức và tích cực tham gia các hoạt động tập thể, hoạt động cộng đồng để phát huy truyền thống yêu thương con người. Đấu tranh bảo vệ những truyền thống tốt đẹp; phê phán, lên án những quan niệm sai lầm, lệch lạc trong mối quan hệ giữa con người với con người, hành vi bạo lực học đường.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh

2. Học liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu:

- Tạo được hứng thú với bài học.
- Học sinh bước đầu nhận biết về các hành vi bạo lực học đường, hậu quả của các hành vi bạo lực học đường ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần cho học sinh để chuẩn bị vào bài học mới.
- Phát biểu được vấn đề cần tìm hiểu: bạo lực học đường là gì? Biểu hiện của hành vi bạo lực trong trường học. Học sinh mạnh dạn chia sẻ những hành vi bạo lực học đường mà em đã chứng kiến và đưa ra những đề xuất cách ứng phó.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với bài mới nhìn hình ảnh và chỉ ra các hành vi bạo lực học đường.



BẠO LỰC HỌC ĐƯỜNG Chuyện không của riêng ai



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua Luật chơi: ❖ Có 4 bức ảnh khác nhau. Học sinh quan sát và cho biết bức ảnh đó thể hiện hành vi gì? Mỗi bạn có 1 lượt chọn và trả lời câu hỏi. ❖ Mỗi câu hỏi trả lời đúng đạt 10 điểm, trả lời sai không có điểm. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học - Bạo lực học đường để lại hậu quả nghiêm trọng về thể chất và tinh thần cho học sinh.	

2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới)

Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Quy định cơ bản của pháp luật quan đến phòng chống bạo lực học đường .

a. Mục tiêu:

- Nêu được khái niệm bạo lực học đường là gì ?nắm được các quy định của pháp luật liên quan đến phòng ,chống bạo lực học đường.

b. Nội dung:

- GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc các thông tin, cùng tìm hiểu nội dung trong các thông tin đó nói về vấn đề gì ?

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập để hướng dẫn học sinh tìm hiểu quy định cơ bản của pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường ?

Thông tin 1

Theo quy định tại Điều lệ trường trung học cơ sở, trường trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học:

Các hành vi học sinh không được làm:

1.Xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường, người khác và học sinh khác.

2.Đánh nhau, gây rối trật tự, an ninh trong nhà trường và nơi công cộng.

Thông tin 2

Nghị định số 80/2017/NĐ-CP ngày 17/7/2017 của Chính phủ, quy định về môi trường giáo dục an toàn, lành mạnh, thân thiện, phòng, chống bạo lực học đường.

Điều 6. Phòng, chống bạo lực học đường (trích)

1.Biện pháp phòng ngừa bạo lực học đường:

a.Tuyên truyền, phổ biến nâng cao nhận thức của người học, cán bộ quản lí, giáo viên, nhân viên trong cơ sở giáo dục, gia đình người học và cộng đồng về mối nguy hiểm và hậu quả của bạo lực học đường; ve trách nhiệm phát hiện, thông báo, tố giác hành VI bạo lực học đường; ngăn ngừa và can thiệp kịp thời đối với các hành VI bạo lực học đường phù hợp với khả năng của bản thân

2.Biện pháp hỗ trợ người học có nguy cơ bị bạo lực học đường:

a.Phát hiện kịp thời người học có hành vi gây gổ, có nguy cơ gây bạo lực học đường, người học có nguy cơ bị bạo lực học đường;

c. Thực hiện tham van, tư van cho người học cổ nguy cơ bị bạo lực và gây ra bạo lực nhằm ngăn chặn, loại bỏ nguy cơ xảy ra bạo lực.

3. Biện pháp can thiệp kin xảy ra bạo lực học đường:

c. Thông báo kịp thời VỚI gia đình người học để phối hợp xử lý; trường hợp vụ việc vượt quá khả năng giải quyết của cơ sở giáo dục thì thông báo kịp thời với cơ quan công an, Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn và các cơ quan hèn quan để phối hợp xử lý theo quy định của pháp luật

Thông tin 3 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) **Điều 12.** Tuổi cliu trách nhiệm hình sự (trích) 2. Người từ đủ 14 tuổi đến dưới 16 tuổi phải chịu trách nhiệm hình sự ve tội phạm rất nghiêm trọng, tội phạm đặc biệt nghiêm trọng, ..

Trường hợp 1: s thường xuyên bị một nhóm bạn trong lớp đe dọa và lấy đồ. Bức xúc với hành vi của các bạn nên s đã chia sẻ với cô giáo chủ nhiệm và nhờ cô can thiệp. Sau khi được cô giáo phân tích, nhóm bạn của s đã nhận thay hành vi của mình là vi phạm pháp luật.

Trường hợp 2: H có mâu thuẫn với M là bạn cùng lớp và H dự định lủ may người bạn thân đến dọa đánh M. Biết chuyện này, bố mẹ H đã khuyên con từ bỏ ý định đó và trao đổi với giáo viên chủ nhiệm đề cùng giải quyết mâu thuẫn giữa hai

NHÓM 1: Em hãy chỉ ra các hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống bạo lực học đường trong trường hợp trên.

NHÓM 2: Những biện pháp phòng ngừa, can thiệp nào được thể hiện, trong hai trường hợp trên?

NHÓM 3: Hãy nêu quy định của pháp luật ve phòng, chống bạo lực học đường qua các thông tin trên

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh: Phiếu bài tập

d.Tổ chức thực hiện Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua hệ thống câu hỏi , phiếu bài tập Gv yêu cầu học sinh đọc thông tin Gv chia lớp thành 3 nhóm, yêu cầu học sinh thảo luận theo tổ, nhóm và trả lời câu hỏi vào phiếu bài tập <u>Câu 1</u> Em hãy chỉ ra các hành vi vi phạm pháp luật phòng, chống bạo lực học đường trong trường hợp trên. <u>Câu 2:</u> Những biện pháp phòng ngừa, can thiệp nào được thể hiện, trong hai trường hợp trên? <u>Câu 3:</u> Hãy nêu quy định của pháp luật về phòng, chống bạo lực học đường qua các thông tin trên Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Học sinh làm việc nhóm, suy nghĩ, trả lời. - Học sinh hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh cử đại diện lần lượt trình bày các câu trả lời. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Gv nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề	I. Khám phá 1. Khái niệm *Thông tin *Nhận xét Để phòng, chống bạo lực học đường, pháp luật nước ta quy định: - Không được xúc phạm nhân phẩm, danh dự, xâm phạm thân thể giáo viên, cán bộ, nhân viên của nhà trường và người khác. - Không được đánh nhau, gây rối trật tự, an ninh trong nhà trường và nơi công cộng. - Nhà trường, cha mẹ học sinh có trách nhiệm giáo dục học sinh về phòng, chống bạo lực học đường; phát hiện, thông báo, tố giác hành vi bạo lực học đường; ngăn ngừa, can thiệp kịp thời và bảo vệ quyền lợi chính đáng của học sinh trước các hành vi bạo lực học đường
2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới) Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu nội dung: Phòng ngừa và ứng phó với bạo lực học đường. Nhiệm vụ 2.a: Phòng ngừa bạo lực học đường: a. Mục tiêu: - Liệt kê được các việc cần làm để phòng ngừa bạo lực học đường. b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh quan sát tranh.	

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng dẫn học sinh:

A	B	C	D
Kết bạn với bạn tốt, hòa nhập và tham gia các nhóm bạn, câu lạc bộ	Tránh xa bạn xấu, phim ảnh trò chơi bạo lực và các tệ nạn xã hội.	Kiềm chế cảm xúc	Khéo léo trong giải quyết hiểu lầm xích mích.



c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm (Phiếu bài tập, phần tham gia trò chơi....)

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

2. Phòng ngừa và ứng

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi sách giáo khoa? Em hãy quan sát những hình ảnh dưới đây và trả lời câu hỏi: Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS: nghe hướng dẫn. Hoạt động nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên, kỹ thuật viên, chuẩn bị câu hỏi tương tác cho nhóm khác. - Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần Bước 3: báo cáo kết quả và thảo luận GV: - Yêu cầu HS lên trình bày. - Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần). HS: - Trình bày kết quả làm việc cá nhân Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ -Học sinh nhận xét phần trình bày nhóm bạn -Gv sửa chữa, đánh giá, rút kinh nghiệm, chốt kiến thức. Giáo viên giới thiệu:	phó với bạo lực học đường. <u>a.Phòng ngừa bạo lực học đường.</u> Để phòng ngừa bạo lực học đường, mỗi học sinh cần: -Có lối sống lành mạnh tránh xa phim ảnh, trò chơi bạo lực và các tệ nạn xã hội. -Thân thiện, hoà đồng và xây dựng tình bạn lành mạnh. -Kiêm chế cảm xúc, đặc biệt là các cảm xúc tiêu cực. -Khéo léo và kịp thời trong giải quyết các hiểu lầm, xích mích nhỏ. -Nhận biết nguy cơ bị bạo lực học đường, tự chủ, không để bị lôi kéo, tham gia vào các vụ việc bạo lực học đường. -Tìm hiểu các thông tin pháp luật liên quan đến phòng, chống bạo lực học đường
2. Hoạt động 2: Khám phá (Hình thành kiến thức mới) Nhiệm vụ 2.b: Ứng phó với bạo lực học đường a. Mục tiêu: - Hiểu cách ứng phó với bạo lực học đường b. Nội dung: - GV giao nhiệm vụ cho học sinh đọc thông tin.	

- GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua câu hỏi thảo luận để hướng dẫn học sinh: cách ứng phó với bạo lực học đường?

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh; Sản phẩm của các nhóm.

b 1: Ứng phó với tình huống khi bị bạo lực về thể chất:



Mình bị bạn đánh như thế này, bố mẹ mà hỏi biết nói sao đây?



d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi thảo luận.

*** Câu hỏi thảo luận :**

Câu 1: Các bạn học sinh trong những hình ảnh trên đang gặp những tình huống nguy hiểm nào?

Câu 2: Theo em, các bạn ấy đã làm gì để ứng phó với tình huống đó?

Câu 3 : Ngoài những cách ứng phó đó, em còn biết những cách nào khác?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc, suy nghĩ, trả lời.

- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý

nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yc hs nhận xét câu trả lời.
- Gv đánh giá, chốt kiến thức.

Giáo viên:

b 2: Ứng phó với tình huống khi bị bạo lực về tinh thần:

Em hãy đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

T thường bị các bạn trong lớp trêu chọc quá mức và đặt cho nhiều biệt danh khó nghe. Tiếc hân vi của các bạn, T đã bình tĩnh suy nghĩ và nhận thấy, nếu mình càng tỏ thái độ khó chịu thì các bạn càng trêu. Vì vậy, T quyết định sẽ dùng những lời lẽ nhẹ nhàng để yêu cầu các bạn không trêu chọc nữa. T nghĩ, nếu tình trạng xấu vẫn tiếp diễn thì sẽ ti

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi thảo luận.

*** Câu hỏi thảo luận :**

Câu 1: Em hãy cho biết bạn T đã làm gì để ứng phó với hành vi trêu chọc quá mức của các bạn?

Câu 2: Ngoài cách xử lí của T, em còn cách xử lí nào khác trong trường hợp trên?

Câu 3 : Nếu là bạn của T, khi được nhờ' giúp đỡ em sẽ giúp bạn như thế nào?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc, suy nghĩ, trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yc hs nhận xét câu trả lời.
- Gv đánh giá, chốt kiến thức.

Giáo viên:

b 3:Ứng phó với tình huống khi bị bạo lực trực tuyến:

Em hãy đọc trường hợp dưới đây và trả lời câu hỏi

Gần đây, D thường xuyên nhận được tin nhắn qua mạng xã hội với những lời lẽ lăng mạ, xúc phạm. D đã tâm sự với anh trai và nhận được lời khuyên là không nên nhắn tin lại, cần đổi mật khẩu tài khoản mạng xã hội, chặn tin nhắn từ người lạ và cần tìm ra ai đã làm chuyện đó. Qua tìm hiểu, D biết đó là do một số bạn có xích mích với mình từ năm học trước thực hiện. D và anh trai đã gặp các bạn nói chuyện và yêu cầu các bạn không được thực hiện những hành vi VI phạm pháp luật

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua câu hỏi thảo luận.

*** Câu hỏi thảo luận :**

Câu 1: Trong tình huống trên, D và anh trai đã ứng phó như thế nào với bạo lực trực tuyến?

Câu 2: Ngoài những cách trên, em còn biết những cách nào để ứng phó với bạo lực trực tuyến?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập

- Học sinh làm việc, suy nghĩ, trả lời.
- Giáo viên: Quan sát, theo dõi quá trình học sinh thực hiện, gợi ý nếu cần

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc nhóm
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

-Yc hs nhận xét câu trả lời.

-Gv đánh giá, chốt kiến thức.

Giáo viên chốt : Để ứng phó với bạo lực học đường, mỗi học sinh cần:

- Nhanh chóng nhận diện được dấu hiệu của bạo lực học đường.
- Bình tĩnh, tìm cơ hội thoát ra hoặc kêu gọi sự giúp đỡ.
- Thông báo sự việc cho gia đình, thầy cô hoặc trình báo cơ quan chức năng.
- Gọi số điện thoại đường dây nóng bảo vệ trẻ em 111.
- Đối mặt khôn ngoan để bảo vệ tài khoản mạng xã hội của cá nhân.
- Khi chứng kiến bạo lực học đường, không thờ ơ vô cảm, lôi kéo tham gia, cổ vũ hành vi bạo lực học đường.
- Không tìm cách trả thù, đánh lại, tỏ thái độ thách thức

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a. Mục tiêu:

- HS được luyện tập, củng cố kiến thức, kỹ năng đã được hình thành trong phần Khám phá áp dụng kiến thức để làm bài tập.

b. Nội dung:

- Học sinh khái quát kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy.
- Hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ...

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV hướng dẫn học sinh làm bài tập trong bài tập trong sách giáo khoa thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi ...

? Hoàn thành sơ đồ tư duy bài học.

? Bài tập tình huống: GV cho học sinh thảo luận nhóm bàn

Bài tập 1:

III. Luyện tập

1. Bài tập

Em hãy cho biết những cách ứng phó nào dưới đây là phù hợp VỚI quy định pháp luật về phong, chống bạo lực học đường?

A.Lưu lại những hình ảnh, bài viết trên mạng xã hội có tính chất bạo lực học đường để báo cáo với nhà trường.

B.Rủ bạn bè đi đánh lại nhằm giải quyết mâu thuẫn.

C.Viết bài/quay video trực tuyến nhằm nói xấu khi bị xúc phạm trên mạng xã hội.

D. Bỏ qua khi bị đánh để được yên ổn.

E.Báo với gia đình khi bị bạo lực để nhận được ý kiến xử lý học sinh có hành vi bạo lực với mình.

G.Gọi đến số điện thoại của phòng Tư vấn tâm lý học đường hoặc số 111.

H.Báo cáo cơ quan công an khi bị đe dọa tính mạng

Bài tập 2:

Hãy thảo luận và đưa ra cách ứng phó với bạo lực học đường trong các tình huống sau:

TH 1 :Gần đây, H thường xuyên bị một nhóm bạn trong trường chặn đường, trêu chọc. Tuần này, nhóm bạn đó yêu cầu H phải mua đồ ăn cho họ thì sẽ không trêu chọc H nữa.

TH 2 :Vì là một cầu thủ bóng đá giỏi, thường xuyên glu bàn nên Lâm bị một số bạn ở đội bóng lớp 7B không thích và thường xuyên tìm cách gây sự.

Bài tập 3

Em hãy đưa ra ý kiến về những hành vi bạo lực học đường trong các tình huống sau:

1.T là bạn thân của Q, gần đây do có xích mích với các bạn nam trong lớp nên T bị lớp cô lập, không cho chơi cùng. Q rất muốn giúp T, nhưng lo sợ các bạn sẽ cô lập mình.

2. Gần đây em phát hiện ra A và một số bạn trong câu lạc bộ múa ở trường lén chụp hình H khi đang luyện tập, rồi đăng hình ảnh lên mạng xã hội và bình phẩm thiếu tích cực về H.

3. Cách đây mấy hôm, T bị N và các bạn của N chặn đánh trên đường đi học về, vì cho rằng T đã “coi thường” và không chào N. Tuy bị đánh và rất sợ hãi nhưng T chỉ kể lại với em, T đã giấu bố

mẹ và không báo cáo lại sự việc cho thầy cô vì không muốn mọi người lo lắng. 4.Lớp của em xuất hiện tình trạng một số bạn lập nhóm “Anti-fan Ban cán sự lớp” trên mạng xã hội VỚI mục đích bình phẩm, nói xấu, chê nhạo các bạn. Em và các bạn cũng cò tên trong nhóm này. Bài tập 4 Em hãy thảo luận với các bạn và cho biết, vì sao klìi ứng phó với bạo lực học đường cần tuân thủ các quy định của pháp luật	
4. Hoạt động 4: Vận dụng a. Mục tiêu: - HS vận dụng những kiến thức đã học để giải quyết một vấn đề trong cuộc sống - Hướng dẫn học sinh tìm tòi mở rộng sưu tầm thêm kiến thức liên quan đến nội dung bài học. b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh làm bài tập, tìm tòi mở rộng, sưu tầm thêm kiến thức thông qua trò chơi, hoạt động dự án.. c. Sản phẩm: Câu trả lời, phần dự án của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV hướng dẫn học sinh thông qua hệ thống câu hỏi hoạt động dự án ... + Hoạt động dự án: Câu hỏi 1: Cùng các bạn trong lớp xây dựng một hòm thư mang tên “Điều em muốn nói”: - Mỗi học sinh viết một bức thư tâm sự nói về bạo lực học đường. - Trong giờ sinh hoạt lớp hàng tuần, giáo viên chủ nhiệm và học sinh sẽ lấy thư để chia sẻ trước lớp. Câu hỏi 2: Em hãy viết một bài tuyên truyền phòng chống bạo lực học đường (liên hệ với bản thân em). Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - HS làm việc cá nhân, suy nghĩ, trả lời.	

- Với hoạt động dự án: HS nghe hướng dẫn, chuẩn bị. Các thành viên trong nhóm trao đổi, thống nhất nội dung, hình thức thực hiện nhiệm vụ, cử báo cáo viên.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

GV:

- Yêu cầu HS lên trình bày, tham gia hoạt động nhóm tích cực.
- Hướng dẫn HS cách trình bày (nếu cần).

HS:

- Trình bày kết quả làm việc cá nhân.
- + Với hoạt động dự án: trao đổi, lắng nghe, nghiên cứu, trình bày nếu còn thời gian
- Nhận xét và bổ sung cho nhóm bạn (nếu cần).

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

- Yc hs nhận xét câu trả lời.
- Gv sửa chữa, đánh giá, chốt kiến thức.

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 10: TỆ NẠN XÃ HỘI

Môn học: GDĐC lớp 7

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến.
- Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân.
- Phê phán các tệ nạn xã hội và tránh xa nó.

2. Về năng lực:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận ra được những biểu hiện của tệ nạn xã hội, nêu được một số tệ nạn xã hội phổ biến; biết phòng ngừa cho bản thân.
- *Năng lực phát triển bản thân:* Thực hiện được những việc làm để tránh xa các tệ nạn xã hội.
- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.

3. Về phẩm chất:

- *Yêu nước:* Có ý thức tìm hiểu các tệ nạn xã hội, bài trừ nó; tích cực học tập, rèn luyện để xây dựng xã hội giàu đẹp, văn minh.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Giấy A0, A4, bút dạ, nam châm, máy tính, tivi.
- Học liệu: Tranh vẽ, Video học liệu điện tử, phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động: Mở đầu (5 phút)

a) Mục tiêu: Giúp học sinh tiếp cận nội dung bài học, tạo hứng thú học tập.

b) Nội dung: Học sinh nhận biết được những thói quen xấu của con người trong cuộc sống

c) Sản phẩm: Những thói quen xấu của con người như hút thuốc lá, mê cờ bạc, nghiện game, vứt rác bừa bãi,...và các tệ nạn xã hội là mại dâm, hút thuốc lá, mê tín dị đoan...

d) Tổ chức thực hiện:

* Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”

- Luật chơi: Trong khoảng thời gian 5 phút HS liệt kê được nhiều thói quen xấu và xác định được đúng các tệ nạn xã hội nhiều nhất thì thắng cuộc.

* HS tự tìm theo yêu cầu, viết ra giấy A4.

*Hết thời gian gọi một số HS lên bảng dán, trình bày kết quả.

* GV nhận xét, chuyển ý: Một số tệ nạn xã hội đó như thế nào và tại sao gọi là tệ nạn xã hội, nguyên nhân, hậu quả...đó là nội dung bài học của chúng ta.

2. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới(35 phút)

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội.(10’).

a) Mục tiêu: Hiểu được thế nào là tệ nạn xã hội và một số loại tệ nạn xã hội phổ biến.

b)Nội dung: HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi: 1. Theo em mỗi hình ảnh trên nói lên điều gì? Hãy chỉ ra điểm chung của các hình ảnh đó?

2, Tệ nạn xã hội là gì?Hãy kể tên những tệ nạn xã hội phổ biến?

c) Sản phẩm:

Đua xe trái phép

**Đánh bài ăn tiền
Chữa bệnh mê tín
Cá độ trò chơi điện tử**

- Hình 1: Đua xe trái phép
- Hình 2: Đánh bạc ăn tiền
- Hình 3: Chữa bệnh bằng phương pháp mê tín
- Hình 4: Cá độ trò chơi điện tử

=> Các hành vi này đều đem lại những hậu quả xấu cho con người, gia đình và xã hội

Câu 2: Tệ nạn xã hội là hành vi sai lệch chuẩn mực đạo đức xã hội, vi phạm pháp luật, mang tính phổ biến và gây hậu quả xấu đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

Tệ nạn xã hội phổ biến bao gồm: ma túy, cờ bạc, mại dâm, mê tín dị đoan,...

d) Tổ chức thực hiện:

* Yêu cầu học sinh quan sát ảnh, trao đổi cặp đôi và trả lời câu hỏi.

* Hs quan sát ảnh trong sgk trang 51,52 trao đổi với bạn cùng bàn để trả lời 3 câu hỏi trong thời gian 5 phút.

Gv quan sát, hỗ trợ HS có khó khăn trong học tập.

* Gọi một số Hs đại diện trình bày kết quả

HS trong lớp theo dõi, trao đổi và nhận xét.

* Gv nhận xét, đánh giá, chốt nội dung:

Tệ nạn xã hội là hành vi sai lệch chuẩn mực đạo đức xã hội, vi phạm pháp luật, mang tính phổ biến và gây hậu quả xấu đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

Tệ nạn xã hội phổ biến bao gồm: ma túy, cờ bạc, mại dâm, mê tín dị đoan,...

Hoạt động 2: Nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội.(25')

a) Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu được các nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội, từ đó có những việc làm phù hợp để tránh xa, bài trừ tệ nạn xã hội.

b) Nội dung:

* Học sinh xem clip về tệ nạn sử dụng ma túy và trả lời câu hỏi

Đoạn clip nói về tệ nạn xã hội nào? Em hãy nêu hiểu biết của em về tệ nạn đó? Địa phương em có tệ nạn đó không?

* Học sinh đọc và phân tích 2 trường hợp trong sgk trang 52, câu hỏi:

- Em hãy cho biết những nguyên nhân nào dẫn đến T nghiện ma túy, K tụ tập đánh bài?

- Theo em còn những nguyên nhân nào khác dẫn đến tệ nạn xã hội của con người?

c) Sản phẩm:

* Tệ nạn xã hội bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân: Thiếu hiểu biết; ham chơi, đua đòi; bị dụ dỗ, lôi kéo, mua chuộc hoặc ép buộc; thiếu sự giáo dục phù hợp, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, yêu thương của gia đình; thiếu môi trường vui chơi, giải trí lành mạnh,...

d) Tổ chức thực hiện:

* Học sinh xem clip, thảo luận nhóm lớn theo câu hỏi :

1, Đoạn clip nói về tệ nạn xã hội nào nào? Em hãy nêu hiểu biết của em về tệ nạn đó? Địa phương em có tệ nạn đó không?

2, Em hãy cho biết những nguyên nhân nào dẫn đến T nghiện ma túy, K tụ tập đánh bài?

3, Theo em còn những nguyên nhân nào khác dẫn đến tệ nạn xã hội của con người?

* Mỗi nhóm 6 hs, thảo luận trong thời gian 10 phút, trả lời câu hỏi lên phiếu học tập.

Họ tên Học sinh: _____ Ngày: _____

PHIẾU HỌC TẬP



GV quan sát, theo dõi học sinh làm việc, hỗ trợ học sinh nếu cần.

* Gọi một nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nghe nhận xét bổ sung.

* Gv nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:

* Tệ nạn xã hội bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân: Thiếu hiểu biết; ham chơi, đua đòi; bị dụ dỗ, lôi kéo, mua chuộc hoặc ép buộc; thiếu sự giáo dục phù hợp, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, yêu thương của gia đình; thiếu môi trường vui chơi, giải trí lành mạnh,...

Hoạt động 3: Hậu quả của tệ nạn xã hội (5')

a) Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu được hậu quả của tệ nạn xã hội là to lớn, từ đó xác định ý thức, hành vi, biện pháp phòng tránh phù hợp.

b) Nội dung:

* Học sinh đọc và phân tích 2 trường hợp trong sgk trang 53, câu hỏi:

- Em hãy liệt kê hậu quả của việc đua xe đối với H và vợ chồng anh K?

- Hành vi đánh bạc, cá độ và sử dụng chất kích thích gây nghiện đã dẫn đến hậu quả gì đối với N và gia đình?

- Hãy chia sẻ hậu quả của tệ nạn xã hội mà em biết?

c) Sản phẩm:

* Hậu quả của tệ nạn xã hội:

- Gây tổn hại nghiêm trọng về mặt sức khỏe, tinh thần, trí tuệ, thậm chí tính mạng con người.

- Dẫn đến những tổn thất về mặt kinh tế, tình trạng bạo lực và phá vỡ hạnh phúc gia đình.

-Ảnh hưởng đến trật tự , an toàn xã hội; chuẩn mực đạo đức; thuần phong mỹ tục và vi phạm các quy định pháp luật của Nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện:

* Học sinh đọc, thảo luận nhóm theo câu hỏi :

- Em hãy liệt kê hậu quả của việc đua xe đối với H và vợ chồng anh K?

- Hành vi đánh bạc, cá độ và sử dụng chất kích thích gây nghiện đã dẫn đến hậu quả gì đối với N và gia đình?

- Hãy chia sẻ hậu quả của tệ nạn xã hội mà em biết?

* Mỗi nhóm 6 hs, thảo luận trong thời gian 10 phút

- Gv quan sát, cho hs trình bày

- Gv nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức

* Hậu quả của tệ nạn xã hội:

- Gây tổn hại nghiêm trọng về mặt sức khỏe, tinh thần, trí tuệ, thậm chí tính mạng con người.

- Dẫn đến những tổn thất về mặt kinh tế, tình trạng bạo lực và phá vỡ hạnh phúc gia đình.

-Ảnh hưởng đến trật tự , an toàn xã hội; chuẩn mực đạo đức; thuần phong mỹ tục và vi phạm các quy định pháp luật của Nhà nước.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (10')

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét hành vi nào là tệ nạn xã hội; nêu được vài nguyên nhân tệ nạn xã hội ở học sinh.

b) Nội dung: Học sinh chơi trò chơi, làm bài tập trong sgk.

Bài 1:

Câu 1. Hành vi nào dưới đây là tệ nạn xã hội?

- A. Anh Q thường xuyên sử dụng ma túy.
- B. Chị M không xa lánh người bị nhiễm HIV.
- C. Bạn T luôn thực hiện nghiêm túc các nội quy của nhà trường.
- D. Anh C thường tham gia đánh bạc cùng bạn bè.
- E. Bạn H đã từ chối việc hút thuốc lá khi bị bạn bè dụ dỗ.
- G. Bà N thường mời thầy cúng đến giải hạn khi các con mình bị ốm.

Câu 2. Theo em, học sinh có thể mắc phải những tệ nạn xã hội nào? Hãy liệt kê nguyên nhân và hậu quả của các tệ nạn xã hội đó.

STT	Nguyên nhân			Hậu quả
	Nguyên nhân từ phía cá nhân	Nguyên nhân từ phía gia đình	Nguyên nhân từ phía xã hội	
1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
...	?	?	?	?

Bài 3,4 sgk trang 54.

c) Sản phẩm:

Bài 1: Hành vi là tệ nạn xã hội:

- A. Anh Q thường xuyên sử dụng ma túy.
- D. Anh C thường tham gia đánh bạc cùng bạn bè.
- G. Bà N thường mời thầy cúng đến giải hạn khi các con mình bị ốm.
- Các tệ nạn học sinh dễ mắc phải: ma túy, cờ bạc, nghiện thuốc lá, nghiện trò chơi điện tử,...
- Nguyên nhân: Do thiếu hiểu biết, bị bạn bè rủ rê, lôi kéo, do tò mò; thiếu sự quan tâm giáo dục từ gia đình; môi trường sống không lành mạnh,...
- Hậu quả: Gây suy giảm sức khỏe nghiêm trọng, thay đổi tâm sinh lý, ảnh hưởng xấu đến mọi người xung quanh,...

Bài 2

a) Nhận xét:

- Nguyên nhân: Do cơ sở vật chất còn thiếu thốn, dân trí thấp, cho nên bố mẹ M còn thiếu hiểu biết

- Hậu quả: Vừa cổ xúy cho tệ nạn mê tín dị đoan, vừa gây nguy hiểm cho sức khỏe của các em, nếu như không được chữa bệnh kịp thời sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng.

b) Em sẽ giải thích với bố mẹ rằng khi bị bệnh cần phải đến gặp bác sĩ và chữa bằng thuốc thì mới khỏi bệnh được. Còn việc mời thầy cúng về để chữa bệnh là hành vi mê tín dị đoan, là vi phạm quy định của pháp luật. Nếu các em không được chữa trị kịp thời thì sẽ nguy hiểm đến tính mạng.

Bài 3

Nếu là H trong tình huống trên, em sẽ:

- Giải thích cho các bạn hiểu rằng đánh bài ăn tiền chính là biểu hiện của tệ nạn cờ bạc và đây là hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy các bạn không nên hưởng ứng hành vi này.
- Nếu các bạn cố tính đánh bài ăn tiền, em sẽ báo cáo sự việc lên thầy cô giáo giải quyết.

d) Tổ chức thực hiện:

Học sinh làm nhanh bài tập 1 sgk trang 53,54

Học sinh làm bài tập 2 sgk trang 54 ra phiếu học tập

STT	Nguyên nhân			Hậu quả
	Nguyên nhân từ phía cá nhân	Nguyên nhân từ phía gia đình	Nguyên nhân từ phía xã hội	
1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
...	?	?	?	?

** Học sinh làm bài ra phiếu học tập, nộp lại bài làm cho*

Gv: học sinh có thể mắc phải những tệ nạn xã hội nào? Hãy liệt kê nguyên nhân và hậu quả của các tệ nạn xã hội đó.

** Chữa một số bài của hs, còn lại Gv sẽ chấm và trả sau.*

Gv cho học sinh thảo luận theo cặp đôi làm bài tập 2,3

- Hs trình bày theo quan điểm ý tưởng từng học sinh, Gv nhận xét và chốt lại kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng(5')

a) Mục tiêu: Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn cuộc sống nhằm phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực giao tiếp và hợp tác

b) Nội dung: Hs thiết kế một sản phẩm tuyên truyền về hậu quả của tệ nạn xã hội phổ biến nhất ở địa phương em sinh sống.

c) Sản phẩm: Phần bài làm của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

* Học sinh thiết kế một sản phẩm tuyên truyền về hậu quả của tệ nạn xã hội phổ biến nhất ở địa phương em sinh sống.

Làm việc theo nhóm lớn tạo một sản phẩm phù hợp, có ý nghĩa.

* HS phân chia nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm, từng thành viên nhận nhiệm vụ và hoàn thiện sản phẩm ở nhà. (HD: có thể vẽ tranh, chụp ảnh, sáng tác thơ văn, vè...)

* Báo cáo sản phẩm trong giờ học tiếp theo

Rút kinh nghiệm sau bài dạy

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 10: TỆ NẠN XÃ HỘI

Môn học: GDĐC lớp 7

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

II. Mục tiêu

3. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến.
- Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân.
- Phê phán các tệ nạn xã hội và tránh xa nó.

2. Về năng lực:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận ra được những biểu hiện của tệ nạn xã hội, nêu được một số tệ nạn xã hội phổ biến; biết phòng ngừa cho bản thân.

- *Năng lực phát triển bản thân*: Thực hiện được những việc làm để tránh xa các tệ nạn xã hội.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác*: Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.

3. Về phẩm chất:

- *Yêu nước*: Có ý thức tìm hiểu các tệ nạn xã hội, bài trừ nó; tích cực học tập, rèn luyện để xây dựng xã hội giàu đẹp, văn minh.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Giấy A0, A4, bút dạ, nam châm, máy tính, tivi.
- Học liệu: Tranh vẽ, Video học liệu điện tử, phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động: Mở đầu (5 phút)

- Mục tiêu: *Giúp học sinh tiếp cận nội dung bài học, tạo hứng thú học tập.*
- Nội dung: *Học sinh nhận biết được những thói quen xấu của con người trong cuộc sống*
- Sản phẩm: *Những thói quen xấu của con người như hút thuốc lá, mê cờ bạc, nghiện game, vứt rác bừa bãi,... và các tệ nạn xã hội là mại dâm, hút thuốc lá, mê tín dị đoan...*
- Tổ chức thực hiện:
 - * Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”
 - Luật chơi: Trong khoảng thời gian 5 phút HS liệt kê được nhiều thói quen xấu và xác định được đúng các tệ nạn xã hội nhiều nhất thì thắng cuộc.
 - * HS tự tìm theo yêu cầu, viết ra giấy A4.
 - * Hết thời gian gọi một số HS lên bảng dán, trình bày kết quả.
 - * GV nhận xét, chuyển ý: Một số tệ nạn xã hội đó như thế nào và tại sao gọi là tệ nạn xã hội, nguyên nhân, hậu quả... đó là nội dung bài học của chúng ta.

4. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới (35 phút)

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội. (10’).

- Mục tiêu: *Hiểu được thế nào là tệ nạn xã hội và một số loại tệ nạn xã hội phổ biến.*
- Nội dung: *HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:*

Câu hỏi: 1. Theo em mỗi hình ảnh trên nói lên điều gì? Hãy chỉ ra điểm chung của các hình ảnh đó?

2, Tệ nạn xã hội là gì?Hãy kể tên những tệ nạn xã hội phổ biến?

c) Sản phẩm:

Đua xe trái phép

***Đánh bài ăn tiền
Chữa bệnh mê tín
Cá độ trò chơi điện tử***

- Hình 1: Đua xe trái phép
- Hình 2: Đánh bạc ăn tiền
- Hình 3: Chữa bệnh bằng phương pháp mê tín
- Hình 4: Cá độ trò chơi điện tử

=> Các hành vi này đều đem lại những hậu quả xấu cho con người, gia đình và xã hội

Câu 2: Tệ nạn xã hội là hành vi sai lệch chuẩn mực đạo đức xã hội, vi phạm pháp luật, mang tính phổ biến và gây hậu quả xấu đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

Tệ nạn xã hội phổ biến bao gồm: ma túy, cờ bạc, mại dâm, mê tín dị đoan,...

d) Tổ chức thực hiện:

* Yêu cầu học sinh quan sát ảnh, trao đổi cặp đôi và trả lời câu hỏi.

* Hs quan sát ảnh trong sgk trang 51,52 trao đổi với bạn cùng bàn để trả lời 3 câu hỏi trong thời gian 5 phút.

Gv quan sát, hỗ trợ HS có khó khăn trong học tập.

* Gọi một số Hs đại diện trình bày kết quả

HS trong lớp theo dõi, trao đổi và nhận xét.

* Gv nhận xét, đánh giá, chốt nội dung:

Tệ nạn xã hội là hành vi sai lệch chuẩn mực đạo đức xã hội, vi phạm pháp luật, mang tính phổ biến và gây hậu quả xấu đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

Tệ nạn xã hội phổ biến bao gồm: ma túy, cờ bạc, mại dâm, mê tín dị đoan,...

Hoạt động 2: Nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội.(25')

a) Mục tiêu:Giúp học sinh hiểu được các nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội, từ đó có những việc làm phù hợp để tránh xa, bài trừ tệ nạn xã hội.

b) Nội dung:

* Học sinh xem clip về tệ nạn sử dụng ma túy và trả lời câu hỏi

Đoạn clip nói về tệ nạn xã hội nào? Em hãy nêu hiểu biết của em về tệ nạn đó? Địa phương em có tệ nạn đó không?

* Học sinh đọc và phân tích 2 trường hợp trong sgk trang 52, câu hỏi:

- Em hãy cho biết những nguyên nhân nào dẫn đến T nghiện ma túy, K tụ tập đánh bài?

- Theo em còn những nguyên nhân nào khác dẫn đến tệ nạn xã hội của con người?

c) Sản phẩm:

* Tệ nạn xã hội bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân: Thiếu hiểu biết; ham chơi, đua đòi; bị dụ dỗ, lôi kéo, mua chuộc hoặc ép buộc; thiếu sự giáo dục phù hợp, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, yêu thương của gia đình; thiếu môi trường vui chơi, giải trí lành mạnh,...

d) Tổ chức thực hiện:

* Học sinh xem clip, thảo luận nhóm lớn theo câu hỏi :

1, Đoạn clip nói về tệ nạn xã hội nào? Em hãy nêu hiểu biết của em về tệ nạn đó? Địa phương em có tệ nạn đó không?

2, Em hãy cho biết những nguyên nhân nào dẫn đến T nghiện ma túy, K tụ tập đánh bài?

3, Theo em còn những nguyên nhân nào khác dẫn đến tệ nạn xã hội của con người?

* Mỗi nhóm 6 hs, thảo luận trong thời gian 10 phút, trả lời câu hỏi lên phiếu học tập.

Họ tên Học sinh: _____ Ngày: _____

PHIẾU HỌC TẬP



GV quan sát, theo dõi học sinh làm việc, hỗ trợ học sinh nếu cần.

* Gọi một nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nghe nhận xét bổ sung.

* Gv nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:

* Tệ nạn xã hội bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân: Thiếu hiểu biết; ham chơi, đua đòi; bị dụ dỗ, lôi kéo, mua chuộc hoặc ép buộc; thiếu sự giáo dục phù hợp, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, yêu thương của gia đình; thiếu môi trường vui chơi, giải trí lành mạnh,...

Hoạt động 3: Hậu quả của tệ nạn xã hội (5')

a) *Mục tiêu:* Giúp học sinh hiểu được hậu quả của tệ nạn xã hội là to lớn, từ đó xác định ý thức, hành vi, biện pháp phòng tránh phù hợp.

b) *Nội dung:*

* Học sinh đọc và phân tích 2 trường hợp trong sgk trang 53, câu hỏi:

- Em hãy liệt kê hậu quả của việc đua xe đối với H và vợ chồng anh K?
- Hành vi đánh bạc, cá độ và sử dụng chất kích thích gây nghiện đã dẫn đến hậu quả gì đối với N và gia đình?
- Hãy chia sẻ hậu quả của tệ nạn xã hội mà em biết?

c) *Sản phẩm:*

* Hậu quả của tệ nạn xã hội:

- Gây tổn hại nghiêm trọng về mặt sức khỏe, tinh thần, trí tuệ, thậm chí tính mạng con người.
- Dẫn đến những tổn thất về mặt kinh tế, tình trạng bạo lực và phá vỡ hạnh phúc gia đình.
- Ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; chuẩn mực đạo đức; thuần phong mỹ tục và vi phạm các quy định pháp luật của Nhà nước.

d) *Tổ chức thực hiện:*

* Học sinh đọc, thảo luận nhóm theo câu hỏi :

- Em hãy liệt kê hậu quả của việc đua xe đối với H và vợ chồng anh K?
- Hành vi đánh bạc, cá độ và sử dụng chất kích thích gây nghiện đã dẫn đến hậu quả gì đối với N và gia đình?
- Hãy chia sẻ hậu quả của tệ nạn xã hội mà em biết?

* Mỗi nhóm 6 hs, thảo luận trong thời gian 10 phút

- Gv quan sát, cho hs trình bày
- Gv nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức

* Hậu quả của tệ nạn xã hội:

- Gây tổn hại nghiêm trọng về mặt sức khỏe, tinh thần, trí tuệ, thậm chí tính mạng con người.
- Dẫn đến những tổn thất về mặt kinh tế, tình trạng bạo lực và phá vỡ hạnh phúc gia đình.
- Ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; chuẩn mực đạo đức; thuần phong mỹ tục và vi phạm các quy định pháp luật của Nhà nước.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (10')

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét hành vi nào là tệ nạn xã hội; nêu được vài nguyên nhân tệ nạn xã hội ở học sinh.

b) Nội dung: Học sinh chơi trò chơi, làm bài tập trong sgk.

Bài 1:

Câu 1. Hành vi nào dưới đây là tệ nạn xã hội?

- A. Anh Q thường xuyên sử dụng ma túy.
- B. Chị M không xa lánh người bị nhiễm HIV.
- C. Bạn T luôn thực hiện nghiêm túc các nội quy của nhà trường.
- D. Anh C thường tham gia đánh bạc cùng bạn bè.
- E. Bạn H đã từ chối việc hút thuốc lá khi bị bạn bè dụ dỗ.
- G. Bà N thường mời thầy cúng đến giải hạn khi các con mình bị ốm.

Câu 2. Theo em, học sinh có thể mắc phải những tệ nạn xã hội nào? Hãy liệt kê nguyên nhân và hậu quả của các tệ nạn xã hội đó.

STT	Nguyên nhân			Hậu quả
	Nguyên nhân từ phía cá nhân	Nguyên nhân từ phía gia đình	Nguyên nhân từ phía xã hội	
1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
...	?	?	?	?

Bài 3,4 sgk trang 54.

c) Sản phẩm:

Bài 1: Hành vi là tệ nạn xã hội:

- A. Anh Q thường xuyên sử dụng ma túy.
- D. Anh C thường tham gia đánh bạc cùng bạn bè.
- G. Bà N thường mời thầy cúng đến giải hạn khi các con mình bị ốm.
- Các tệ nạn học sinh dễ mắc phải: ma túy, cờ bạc, nghiện thuốc lá, nghiện trò chơi điện tử,...
- Nguyên nhân: Do thiếu hiểu biết, bị bạn bè rủ rê, lôi kéo, do tò mò; thiếu sự quan tâm giáo dục từ gia đình; môi trường sống không lành mạnh,...
- Hậu quả: Gây suy giảm sức khỏe nghiêm trọng, thay đổi tâm sinh lý, ảnh hưởng xấu đến mọi người xung quanh,...

Bài 2

a) Nhận xét:

- Nguyên nhân: Do cơ sở vật chất còn thiếu thốn, dân trí thấp, cho nên bố mẹ M còn thiếu hiểu biết
- Hậu quả: Vừa cổ xúy cho tệ nạn mê tín dị đoan, vừa gây nguy hiểm cho sức khỏe của các em, nếu như không được chữa bệnh kịp thời sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng.

b) Em sẽ giải thích với bố mẹ rằng khi bị bệnh cần phải đến gặp bác sĩ và chữa bằng thuốc thì mới khỏi bệnh được. Còn việc mời thầy cúng về để chữa bệnh là hành vi mê tín dị đoan, là vi phạm quy định của pháp luật. Nếu các em không được chữa trị kịp thời thì sẽ nguy hiểm đến tính mạng.

Bài 3

Nếu là H trong tình huống trên, em sẽ:

- Giải thích cho các bạn hiểu rằng đánh bài ăn tiền chính là biểu hiện của tệ nạn cờ bạc và đây là hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy các bạn không nên hưởng ứng hành vi này.
- Nếu các bạn cố tính đánh bài ăn tiền, em sẽ báo cáo sự việc lên thầy cô giáo giải quyết.

d) Tổ chức thực hiện:

Học sinh làm nhanh bài tập 1 sgk trang 53,54

Học sinh làm bài tập 2 sgk trang 54 ra phiếu học tập

STT	Nguyên nhân			Hậu quả
	Nguyên nhân từ phía cá nhân	Nguyên nhân từ phía gia đình	Nguyên nhân từ phía xã hội	
1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
...	?	?	?	?

** Học sinh làm bài ra phiếu học tập, nộp lại bài làm cho*

Gv: học sinh có thể mắc phải những tệ nạn xã hội nào? Hãy liệt kê nguyên nhân và hậu quả của các tệ nạn xã hội đó.

** Chữa một số bài của hs, còn lại Gv sẽ chấm và trả sau.*

Gv cho học sinh thảo luận theo cặp đôi làm bài tập 2,3

- Hs trình bày theo quan điểm ý tưởng từng học sinh, Gv nhận xét và chốt lại kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng(5')

a) Mục tiêu: *Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn cuộc sống nhằm phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực giao tiếp và hợp tác*

b) Nội dung: *Hs thiết kế một sản phẩm tuyên truyền về hậu quả của tệ nạn xã hội phổ biến nhất ở địa phương em sinh sống.*

c) Sản phẩm: *Phần bài làm của học sinh*

d) Tổ chức thực hiện:

** Học sinh thiết kế một sản phẩm tuyên truyền về hậu quả của tệ nạn xã hội phổ biến nhất ở địa phương em sinh sống.*

Làm việc theo nhóm lớn tạo một sản phẩm phù hợp, có ý nghĩa.

** HS phân chia nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm, từng thành viên nhận nhiệm vụ và hoàn thiện sản phẩm ở nhà.(HD: có thể vẽ tranh, chụp ảnh, sáng tác thơ văn, vè...)*

** Báo cáo sản phẩm trong giờ học tiếp theo*

Rút kinh nghiệm sau bài dạy

. Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 10: TỆ NẠN XÃ HỘI

Môn học: GDĐD lớp 7

Thời gian thực hiện: (3 tiết)

III. Mục tiêu

5. Về kiến thức:

- Nêu được khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội phổ biến.
- Giải thích được nguyên nhân, hậu quả của tệ nạn xã hội đối với bản thân.
- Phê phán các tệ nạn xã hội và tránh xa nó.

2.Về năng lực:

- *Năng lực điều chỉnh hành vi:* Nhận ra được những biểu hiện của tệ nạn xã hội, nêu được một số tệ nạn xã hội phổ biến; biết phòng ngừa cho bản thân.

- *Năng lực phát triển bản thân:* Thực hiện được những việc làm để tránh xa các tệ nạn xã hội.

- *Năng lực giao tiếp và hợp tác:* Biết xác định công việc, biết sử dụng ngôn ngữ, hợp tác theo nhóm thảo luận về nội dung bài học, biết lắng nghe và có phản hồi tích cực trong giao tiếp với các bạn.

3.Về phẩm chất:

- *Yêu nước:* Có ý thức tìm hiểu các tệ nạn xã hội, bài trừ nó; tích cực học tập, rèn luyện để xây dựng xã hội giàu đẹp, văn minh.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

- Thiết bị: Giấy A0, A4, bút dạ, nam châm, máy tính, tivi.
- Học liệu: Tranh vẽ, Video học liệu điện tử, phiếu học tập.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động: Mở đầu(5 phút)

a) Mục tiêu: *Giúp học sinh tiếp cận nội dung bài học, tạo hứng thú học tập.*

b) Nội dung: *Học sinh nhận biết được những thói quen xấu của con người trong cuộc sống*

c) Sản phẩm: Những thói quen xấu của con người như hút thuốc lá, mê cờ bạc, nghiện game, vứt rác bừa bãi,...và các tệ nạn xã hội là mại dâm, hút thuốc lá, mê tín dị đoan...

d) Tổ chức thực hiện:

* Gv tổ chức cho HS chơi trò chơi “Ai nhanh hơn”

- Luật chơi: Trong khoảng thời gian 5 phút HS liệt kê được nhiều thói quen xấu và xác định được đúng các tệ nạn xã hội nhiều nhất thì thắng cuộc.

* HS tự tìm theo yêu cầu, viết ra giấy A4.

*Hết thời gian gọi một số HS lên bảng dán, trình bày kết quả.

* GV nhận xét, chuyển ý: Một số tệ nạn xã hội đó như thế nào và tại sao gọi là tệ nạn xã hội, nguyên nhân, hậu quả...đó là nội dung bài học của chúng ta.

6. Hoạt động: Hình thành kiến thức mới(35 phút)

Hoạt động 1: Tìm hiểu khái niệm tệ nạn xã hội và các loại tệ nạn xã hội.(10’).

a) Mục tiêu: Hiểu được thế nào là tệ nạn xã hội và một số loại tệ nạn xã hội phổ biến.

b)Nội dung: HS quan sát tranh và trả lời câu hỏi:

Câu hỏi: 1. Theo em mỗi hình ảnh trên nói lên điều gì? Hãy chỉ ra điểm chung của các hình ảnh đó?

2, Tệ nạn xã hội là gì?Hãy kể tên những tệ nạn xã hội phổ biến?

c) Sản phẩm:

Đua xe trái phép

**Đánh bài ăn tiền
Chữa bệnh mê tín
Cá độ trò chơi điện tử**

- Hình 1: Đua xe trái phép
- Hình 2: Đánh bạc ăn tiền
- Hình 3: Chữa bệnh bằng phương pháp mê tín
- Hình 4: Cá độ trò chơi điện tử

=> Các hành vi này đều đem lại những hậu quả xấu cho con người, gia đình và xã hội

Câu 2: Tệ nạn xã hội là hành vi sai lệch chuẩn mực đạo đức xã hội, vi phạm pháp luật, mang tính phổ biến và gây hậu quả xấu đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

Tệ nạn xã hội phổ biến bao gồm: ma túy, cờ bạc, mại dâm, mê tín dị đoan,...

d) Tổ chức thực hiện:

* Yêu cầu học sinh quan sát ảnh, trao đổi cặp đôi và trả lời câu hỏi.

* Hs quan sát ảnh trong sgk trang 51,52 trao đổi với bạn cùng bàn để trả lời 3 câu hỏi trong thời gian 5 phút.

Gv quan sát, hỗ trợ HS có khó khăn trong học tập.

* Gọi một số Hs đại diện trình bày kết quả

HS trong lớp theo dõi, trao đổi và nhận xét.

* Gv nhận xét, đánh giá, chốt nội dung:

Tệ nạn xã hội là hành vi sai lệch chuẩn mực đạo đức xã hội, vi phạm pháp luật, mang tính phổ biến và gây hậu quả xấu đối với cá nhân, gia đình và xã hội.

Tệ nạn xã hội phổ biến bao gồm: ma túy, cờ bạc, mại dâm, mê tín dị đoan,...

Hoạt động 2: Nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội.(25')

a) Mục tiêu: Giúp học sinh hiểu được các nguyên nhân dẫn đến tệ nạn xã hội, từ đó có những việc làm phù hợp để tránh xa, bài trừ tệ nạn xã hội.

b) Nội dung:

* Học sinh xem clip về tệ nạn sử dụng ma túy và trả lời câu hỏi

Đoạn clip nói về tệ nạn xã hội nào? Em hãy nêu hiểu biết của em về tệ nạn đó? Địa phương em có tệ nạn đó không?

* Học sinh đọc và phân tích 2 trường hợp trong sgk trang 52, câu hỏi:

- Em hãy cho biết những nguyên nhân nào dẫn đến T nghiện ma túy, K tụ tập đánh bài?

- Theo em còn những nguyên nhân nào khác dẫn đến tệ nạn xã hội của con người?

c) Sản phẩm:

* Tệ nạn xã hội bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân: Thiếu hiểu biết; ham chơi, đua đòi; bị dụ dỗ, lôi kéo, mua chuộc hoặc ép buộc; thiếu sự giáo dục phù hợp, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, yêu thương của gia đình; thiếu môi trường vui chơi, giải trí lành mạnh,...

d) Tổ chức thực hiện:

* Học sinh xem clip, thảo luận nhóm lớn theo câu hỏi :

1, Đoạn clip nói về tệ nạn xã hội nào? Em hãy nêu hiểu biết của em về tệ nạn đó? Địa phương em có tệ nạn đó không?

2, Em hãy cho biết những nguyên nhân nào dẫn đến T nghiện ma túy, K tụ tập đánh bài?

3, Theo em còn những nguyên nhân nào khác dẫn đến tệ nạn xã hội của con người?

* Mỗi nhóm 6 hs, thảo luận trong thời gian 10 phút, trả lời câu hỏi lên phiếu học tập.

Họ tên Học sinh: _____ Ngày: _____

PHIẾU HỌC TẬP



GV quan sát, theo dõi học sinh làm việc, hỗ trợ học sinh nếu cần.

* Gọi một nhóm trình bày kết quả, các nhóm khác nghe nhận xét bổ sung.

* Gv nhận xét, đánh giá, chốt kiến thức:

* Tệ nạn xã hội bắt nguồn từ nhiều nguyên nhân: Thiếu hiểu biết; ham chơi, đua đòi; bị dụ dỗ, lôi kéo, mua chuộc hoặc ép buộc; thiếu sự giáo dục phù hợp, quan tâm, chăm sóc, chia sẻ, yêu thương của gia đình; thiếu môi trường vui chơi, giải trí lành mạnh,...

Hoạt động 3: Hậu quả của tệ nạn xã hội (5')

a) *Mục tiêu:* Giúp học sinh hiểu được hậu quả của tệ nạn xã hội là to lớn, từ đó xác định ý thức, hành vi, biện pháp phòng tránh phù hợp.

b) *Nội dung:*

* Học sinh đọc và phân tích 2 trường hợp trong sgk trang 53, câu hỏi:

- Em hãy liệt kê hậu quả của việc đua xe đối với H và vợ chồng anh K?
- Hành vi đánh bạc, cá độ và sử dụng chất kích thích gây nghiện đã dẫn đến hậu quả gì đối với N và gia đình?
- Hãy chia sẻ hậu quả của tệ nạn xã hội mà em biết?

c) *Sản phẩm:*

* Hậu quả của tệ nạn xã hội:

- Gây tổn hại nghiêm trọng về mặt sức khỏe, tinh thần, trí tuệ, thậm chí tính mạng con người.
- Dẫn đến những tổn thất về mặt kinh tế, tình trạng bạo lực và phá vỡ hạnh phúc gia đình.
- Ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; chuẩn mực đạo đức; thuần phong mỹ tục và vi phạm các quy định pháp luật của Nhà nước.

d) Tổ chức thực hiện:

* Học sinh đọc, thảo luận nhóm theo câu hỏi :

- Em hãy liệt kê hậu quả của việc đua xe đối với H và vợ chồng anh K?
- Hành vi đánh bạc, cá độ và sử dụng chất kích thích gây nghiện đã dẫn đến hậu quả gì đối với N và gia đình?
- Hãy chia sẻ hậu quả của tệ nạn xã hội mà em biết?

* Mỗi nhóm 6 hs, thảo luận trong thời gian 10 phút

- Gv quan sát, cho hs trình bày
- Gv nhận xét, đánh giá và chốt kiến thức

* Hậu quả của tệ nạn xã hội:

- Gây tổn hại nghiêm trọng về mặt sức khỏe, tinh thần, trí tuệ, thậm chí tính mạng con người.
- Dẫn đến những tổn thất về mặt kinh tế, tình trạng bạo lực và phá vỡ hạnh phúc gia đình.
- Ảnh hưởng đến trật tự, an toàn xã hội; chuẩn mực đạo đức; thuần phong mỹ tục và vi phạm các quy định pháp luật của Nhà nước.

3. Hoạt động 3: Luyện tập (10')

a) Mục tiêu: Vận dụng kiến thức đã học để nhận xét hành vi nào là tệ nạn xã hội; nêu được vài nguyên nhân tệ nạn xã hội ở học sinh.

b) Nội dung: Học sinh chơi trò chơi, làm bài tập trong sgk.

Bài 1:

Câu 1. Hành vi nào dưới đây là tệ nạn xã hội?

- A. Anh Q thường xuyên sử dụng ma túy.
- B. Chị M không xa lánh người bị nhiễm HIV.
- C. Bạn T luôn thực hiện nghiêm túc các nội quy của nhà trường.

D. Anh C thường tham gia đánh bạc cùng bạn bè.

E. Bạn H đã từ chối việc hút thuốc lá khi bị bạn bè dụ dỗ.

G. Bà N thường mời thầy cúng đến giải hạn khi các con mình bị ốm.

Câu 2. Theo em, học sinh có thể mắc phải những tệ nạn xã hội nào? Hãy liệt kê nguyên nhân và hậu quả của các tệ nạn xã hội đó.

STT	Nguyên nhân			Hậu quả
	Nguyên nhân từ phía cá nhân	Nguyên nhân từ phía gia đình	Nguyên nhân từ phía xã hội	
1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
...	?	?	?	?

Bài 3,4 sgk trang 54.

c) Sản phẩm:

Bài 1: Hành vi là tệ nạn xã hội:

- A. Anh Q thường xuyên sử dụng ma túy.
- D. Anh C thường tham gia đánh bạc cùng bạn bè.
- G. Bà N thường mời thầy cúng đến giải hạn khi các con mình bị ốm.
- Các tệ nạn học sinh dễ mắc phải: ma túy, cờ bạc, nghiện thuốc lá, nghiện trò chơi điện tử,...
- Nguyên nhân: Do thiếu hiểu biết, bị bạn bè rủ rê, lôi kéo, do tò mò; thiếu sự quan tâm giáo dục từ gia đình; môi trường sống không lành mạnh,...
- Hậu quả: Gây suy giảm sức khỏe nghiêm trọng, thay đổi tâm sinh lý, ảnh hưởng xấu đến mọi người xung quanh,...

Bài 2

a) Nhận xét:

- Nguyên nhân: Do cơ sở vật chất còn thiếu thốn, dân trí thấp, cho nên bố mẹ M còn thiếu hiểu biết
- Hậu quả: Vừa cổ xúy cho tệ nạn mê tín dị đoan, vừa gây nguy hiểm cho sức khỏe của các em, nếu như không được chữa bệnh kịp thời sẽ gây nguy hiểm đến tính mạng.

b) Em sẽ giải thích với bố mẹ rằng khi bị bệnh cần phải đến gặp bác sĩ và chữa bằng thuốc thì mới khỏi bệnh được. Còn việc mời thầy cúng về để chữa bệnh là

hành vi mê tín dị đoan, là vi phạm quy định của pháp luật. Nếu các em không được chữa trị kịp thời thì sẽ nguy hiểm đến tính mạng.

Bài 3

Nếu là H trong tình huống trên, em sẽ:

- Giải thích cho các bạn hiểu rằng đánh bài ăn tiền chính là biểu hiện của tệ nạn cờ bạc và đây là hành vi vi phạm pháp luật. Vì vậy các bạn không nên hưởng ứng hành vi này.
- Nếu các bạn cố tính đánh bài ăn tiền, em sẽ báo cáo sự việc lên thầy cô giáo giải quyết.

d) Tổ chức thực hiện:

Học sinh làm nhanh bài tập 1 sgk trang 53,54

Học sinh làm bài tập 2 sgk trang 54 ra phiếu học tập

STT	Nguyên nhân			Hậu quả
	Nguyên nhân từ phía cá nhân	Nguyên nhân từ phía gia đình	Nguyên nhân từ phía xã hội	
1	?	?	?	?
2	?	?	?	?
...	?	?	?	?

** Học sinh làm bài ra phiếu học tập, nộp lại bài làm cho*

Gv: học sinh có thể mắc phải những tệ nạn xã hội nào? Hãy liệt kê nguyên nhân và hậu quả của các tệ nạn xã hội đó.

** Chữa một số bài của hs, còn lại Gv sẽ chấm và trả sau.*

Gv cho học sinh thảo luận theo cặp đôi làm bài tập 2,3

- Hs trình bày theo quan điểm ý tưởng từng học sinh, Gv nhận xét và chốt lại kiến thức.

4. Hoạt động 4: Vận dụng(5')

a) Mục tiêu: *Tạo cơ hội cho HS vận dụng kiến thức đã được học vào thực tiễn cuộc sống nhằm phát triển năng lực điều chỉnh hành vi, năng lực giao tiếp và hợp tác*

b) Nội dung: Hs thiết kế một sản phẩm tuyên truyền về hậu quả của tệ nạn xã hội phổ biến nhất ở địa phương em sinh sống.

c) Sản phẩm: Phần bài làm của học sinh

d) Tổ chức thực hiện:

* Học sinh thiết kế một sản phẩm tuyên truyền về hậu quả của tệ nạn xã hội phổ biến nhất ở địa phương em sinh sống.

Làm việc theo nhóm lớn tạo một sản phẩm phù hợp, có ý nghĩa.

* HS phân chia nhiệm vụ cho từng thành viên trong nhóm, từng thành viên nhận nhiệm vụ và hoàn thiện sản phẩm ở nhà. (HD: có thể vẽ tranh, chụp ảnh, sáng tác thơ văn, vè...)

* Báo cáo sản phẩm trong giờ học tiếp theo

Rút kinh nghiệm sau bài dạy

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 11: THỰC HIỆN PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU:

1. Về phẩm chất:

-*Chăm chỉ*: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-*Yêu nước*: Luôn có ý thức phòng chống tệ nạn xã hội.

-*Trách nhiệm*: Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước phòng chống tệ nạn xã hội.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

-*Tự chủ và tự học*: Tự giác học tập, lao động để phòng chống tệ nạn xã hội.

-*Điều chỉnh hành vi*: Có những việc làm cụ thể, phù hợp để phòng chống tệ nạn xã hội.

-*Phát triển bản thân*: Kiên trì mục tiêu, thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện đạo đức phòng chống tệ nạn xã hội.

-*Tư duy phản biện*: Đánh giá phê phán được những hành vi chưa phòng chống tệ nạn xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Tài liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

2. Học liệu: truyện kể, tranh vẽ, video, tình huống, phiếu học tập, bài tập...

3.Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính , giấy A0, tranh ảnh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu) a. Mục tiêu -Tạo được hứng thú với bài học. -Học sinh bước đầu nhận biết tệ nạn xã hội. Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về pháp luật phòng chống tệ nạn xã hội. b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với các bài mới hoạt cảnh cho hs đóng kịch. c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh. d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của thầy , trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi đóng vai Hs xem và suy nghĩ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi, gợi ý nếu cần. - Học sinh làm việc cá nhân suy nghĩ , trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh lần lượt trình bày câu trả lời - Giáo viên: Quan sát và theo dõi quá trình học sinh thực hiện gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học.	
2. Hoạt động 2 : Khám phá (Hình thành kiến thức mới) Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội a, Mục tiêu: -Học sinh phân biệt được các tệ nạn xã hội. -Mức độ nguy hiểm của các tệ nạn xã hội qua các phần thông tin. b, Nội dung: -GV giao nhiệm vụ cho đọc thông tin 1, 2, 3, 4 trang 55, 56,57,58 sách GD CD 7	

-GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng học sinh

Học sinh chia làm 3 nhóm, mỗi nhóm trả lời một trường hợp ở từng thông tin

Nhóm 1 trường hợp 1 trang 56 sgk GD CD 7

Nhóm 2 trường hợp 2 trang 57 sgk GD CD 7

Nhóm 3 trường hợp 3 trang 58 sgk GD CD 7

c, Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh ; Sản phẩm dự án của các nhóm: Phiếu bài tập.

d, Tổ chức thực hiện:

Nhiệm vụ và tìm hiểu: Quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ

GV yêu cầu học sinh thảo luận bàn(nhóm)

Câu 1 : Theo em, pháp luật quy định như nào về phòng chống tệ nạn ma túy ?

Câu 2: Hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về luật phòng chống tệ nạn mại dâm năm 2003?

I. Khám phá

1, Quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.

a, Quy định về phòng chống tệ nạn xã hội

Luật phòng chống ma túy năm 2007

Điều 5. Các hành vi nghiêm cấm (trích) trang 55/56

b, Quy định luật phòng chống mại dâm năm 2003?

Điều 4. Các hành vi nghiêm cấm (trang 57 sgk

1. Mua dâm

2. Bán dâm

3. Chưa mại dâm

4. Tổ chức hoạt động mại dâm

5. Cưỡng bức bán dâm

6. Môi giới bán dâm

7. Bảo kê mại dâm

8. Lợi dụng kinh doanh dịch vụ để hoạt động mại dâm.

c, Quy định pháp luật phòng chống tệ nạn xã hội

Câu 3: Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về luật phòng chống tệ nạn xã hội? Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: -GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi đóng vai Hs xem và suy nghĩ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập. HS làm việc nhóm để suy nghĩ trả lời HS hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS cử đại diện lần lượt trình bày các câu trình bày GV quan sát theo dõi quá trình học sinh thực hiện gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá chốt vấn đề	(trang 58 sgk GD CD 7) 2, Công dân thực hiện pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.
Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về cách thức công dân thực hiện pháp luật và phòng chống tệ nạn xã hội a, Mục tiêu : Cách thức công dân tự phòng chống tệ nạn xã hội b, Nội dung : GV giao nhiệm vụ cho học sinh điền thông tin tình huống và truyện đọc. HS đọc tình huống /58 Câu truyện của P/59 GV giao nhiệm vụ qua hệ thống câu hỏi thảo luận theo bàn? Câu 1 : Em hãy phân tích thái độ và hành vi của nhân vật trong tình huống trên Câu 2: P phải làm gì để thay đổi cuộc đời mình?	

c,Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh

d,Tổ chức thực hiện

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

Thảo luận nhóm chia lớp thành 3 nhóm

Câu hỏi từ bài học của P: Theo em chúng ta cần làm gì để tránh mắc vào tệ nạn xã hội?

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.

HS làm việc nhóm để suy nghĩ trả lời

HS hình thành kỹ năng khai thác thông tin trả lời.

Bước 3:Báo cáo kết quả và thảo luận

HS cử đại diện lần lượt trình bày các câu trình bày

GV quan sát theo dõi quá trình học sinh thực hiện gợi ý nếu cần

Bước 4:Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

GV nhận xét đánh giá chốt vấn đề

Trách nhiệm của công dân trong phòng chống , tệ nạn xã hội:

- Thực hiện lối sống lành mạnh an toàn và tuân thủ pháp luật.
- Tự giác tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do trường lớp và địa phương tổ chức.
- Đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội bằng những việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a, Mục tiêu: Hs luyện tập, củng cố kiến thức ,kỹ năng được hình thành qua phần khám phá áp dụng kiến thức để làm bài tập.

b, Học sinh khái quát kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy

HD học sinh làm bài tập trong sách giáo khoa qua hệ thống câu hỏi phiếu bài tập

Trò chơi đổi mặt

3 nhóm cử đại diện lên chơi,sau khi đã có sự chuẩn bị

Luật chơi:

1,Tìm các câu ca dao tục ngữ nói về các tệ nạn xã hội?

Lần lượt cái nhóm đọc bài của mình các nhóm sau không đọc trùng với nhóm trước không thì sẽ bị loại.

2,Các nhóm tự dựng 1 tình huống về phòng chống tệ nạn xã hội qua nội dung bài học ?

c, Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d, Tổ chức thực hiện

BƯỚC 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn làm bài tập trong phần luyện tập sgk/59,60

BÀI TẬP

1.Bài 1 SGK/59

.Hành vi nào sau đây vi phạm pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội. Vì sao?

2.Bài 2. Em sẽ ứng xử như thế nào trong các trường hợp sau đây?

a.Bạn mời hút heroin.

b.Rủ bạn chơi bài ăn tiền.

c.Người lạ rủ đi chơi.

d.Người khác nhờ mang hộ đồ mà không biết là gì.

3.Bài 3.SGK/60

K đã từng bị nghiện và đi cai nghiện thành công. Một lần tham gia sinh nhật, K thấy các bạn có ý định thử hút ma túy. Từ những hậu quả mà bản thân trải qua, K đã khuyên ngăn các bạn là không nên thử.

Em hãy nhận xét thái độ và hành vi của K trong trường hợp trên.

4.Bài 4

Qua tìm hiểu, biết D (13 tuổi) là người hiếu thắng và đua đòi nên anh Y đã trực tiếp giới thiệu và cho D hút thử một loại thuốc lá điện tử. Khi thấy D bắt đầu nghiện, anh Y đề nghị D hãy giới thiệu sản phẩm đó đến bạn bè để bán hàng.

III. Luyện tập

1.Bài tập 1 SGK/59

TH: A,B,C,D,E. Vì vi phạm luật phòng chống tệ nạn xã hội.

2.SGK/60

Trong các trường hợp trên, em sẽ ngay lập tức từ chối, bởi vì hút heroin và chơi bài ăn tiền là các hành vi phạm pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội, còn việc đi chơi với người lạ sẽ có nguy cơ cao bị rơi vào ổ mua bán mại dâm và vận chuyển đồ lạ hộ người khác có nguy cơ trở thành người vận chuyển ma túy.

3.Bài 3.SGK/60

3. Là người tốt và thực hiện đúng phòng chống tệ nạn xã hội.

4. Anh Y có hành vi hoàn toàn sai vi phạm pháp luật phòng chống ma túy

4.Bài 4

Hành vi của anh Y là vi phạm pháp luật bởi vì đã vi phạm Luật trẻ em về việc dụ dỗ, lôi kéo trẻ em sử dụng các sản phẩm không lành mạnh, có hại cho sự phát triển của trẻ, cụ thể là thuốc lá điện tử.

Bài 6 SGK/60 Em hãy chia sẻ các cách sống lành mạnh để phòng, tránh tệ nạn xã hội.	Bài 6 SGK/60 - Thường xuyên tập thể dục thể thao - Nghe thời sự, đọc tin tức báo đài để biết thêm nhiều thông tin mới về các tệ nạn xã hội - Tích cực tham gia các buổi ngoại khóa, tuyên truyền về tác hại của tệ nạn xã hội - Từ chối và ngăn cản bạn bè tham gia vào những hành vi vi phạm pháp luật
BƯỚC 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân với các mục bài tập 1,2 SGK trang 59,60. Nhóm thảo luận làm các bài tập 3,4,6 SGK trang 60 HS nghe hướng dẫn chuẩn bị các thành viên trao đổi nội dung thống nhất, cử báo cáo viên BƯỚC 3: Báo cáo kết quả thảo luận. Gv yêu cầu trình bày, hướng dẫn học sinh trình bày Hs trình bày cá nhân: mục 1,2,3/59,60 Trình bày dự án, trao đổi và lắng nghe. Các nhóm khác bổ sung nếu cần BƯỚC 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Yêu cầu học sinh nhận xét, GV chốt kết quả	

4. Hoạt động 4 Vận dụng

a) **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) **Nội dung:** Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

HĐ của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ : Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ:	Nhiệm vụ : HS hoàn thành nhiệm vụ. - GV cung cấp công cụ đánh giá sản phẩm học

- GV cho HS Tìm những câu ca dao tục ngữ nói về tệ nạn xã hội? - Vẽ tranh cổ động về phòng chống tệ nạn xã hội và sau đó nêu ý nghĩa của bức tranh * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS suy nghĩ tìm những câu ca dao tục ngữ nói về tệ nạn xã hội và vẽ tranh cổ động về phòng chống tệ nạn xã hội ,sau đó nêu ý nghĩa của bức tranh *Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. * Bước 4. Chuẩn kiến thức.	tập (bảng kiểm phía dưới) Gợi ý a.Những câu ca dao tục ngữ nói về tệ nạn xã hội. -Đề ra đề mà ở -Canh bạc là bác thẳng bần b. tranh vẽ của HS cổ động về phòng chống tệ nạn xã hội .
---	--

Hướng dẫn học ở nhà:

- Làm bài tập 5 SGK: Em hãy cùng bạn xây dựng 1 kịch bản với nội dung thực hiện các quy định về phòng chống tệ nạn xã hội và đóng vai theo kịch bản đó
- Chuẩn bị: đọc, tìm hiểu bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 11: THỰC HIỆN PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU:

1. Về phẩm chất:

-*Chăm chỉ*: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-*Yêu nước*: Luôn có ý thức phòng chống tệ nạn xã hội.

-*Trách nhiệm*: Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước phòng chống tệ nạn xã hội.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

-*Tự chủ và tự học*: Tự giác học tập, lao động để phòng chống tệ nạn xã hội.

-*Điều chỉnh hành vi*: Có những việc làm cụ thể, phù hợp để phòng chống tệ nạn xã hội.

-*Phát triển bản thân*: Kiên trì mục tiêu, thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện đạo đức phòng chống tệ nạn xã hội.

-*Tư duy phản biện*: Đánh giá phê phán được những hành vi chưa phòng chống tệ nạn xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. **Tài liệu**: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

2. **Học liệu**: truyện kể, tranh vẽ, video, tình huống, phiếu học tập, bài tập...

3. **Thiết bị dạy học**: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)	
a. Mục tiêu	
-Tạo được hứng thú với bài học.	
-Học sinh bước đầu nhận biết tệ nạn xã hội.	
Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về pháp luật phòng chống tệ nạn xã hội.	
b. Nội dung : Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với các bài mới hoạt cảnh cho hs đóng kịch.	
c. Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh.	
d. Tổ chức thực hiện:	
Hoạt động của thầy, trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi đóng vai - Hs xem và suy nghĩ	
Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập	

- Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi, gợi ý nếu cần. - Học sinh làm việc cá nhân suy nghĩ, trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh lần lượt trình bày câu trả lời - Giáo viên: Quan sát và theo dõi quá trình học sinh thực hiện gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học.	
2. Hoạt động 2 : Khám phá (Hình thành kiến thức mới) Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội a, Mục tiêu: -Học sinh phân biệt được các tệ nạn xã hội. -Mức độ nguy hiểm của các tệ nạn xã hội qua các phần thông tin. b, Nội dung: -GV giao nhiệm vụ cho đọc thông tin 1, 2, 3, 4 trang 55, 56,57,58 sách GD CD 7 -GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng học sinh Học sinh chia làm 3 nhóm, mỗi nhóm trả lời một trường hợp ở từng thông tin Nhóm 1 trường hợp 1 trang 56 sgk GD CD 7 Nhóm 2 trường hợp 2 trang 57 sgk GD CD 7 Nhóm 3 trường hợp 3 trang 58 sgk GD CD 7 c, Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh ; Sản phẩm dự án của các nhóm: Phiếu bài tập. d, Tổ chức thực hiện:	
Nhiệm vụ và tìm hiểu: Quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội. Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ GV yêu cầu học sinh thảo luận bàn(nhóm) Câu 1 : Theo em, pháp luật quy định như nào về phòng chống tệ nạn ma túy ?	I. Khám phá 1, Quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội. a, Quy định về phòng chống tệ nạn xã hội Luật phòng chống ma túy năm 2007 Điều 5. Các hành vi nghiêm cấm (trích) trang 55/56

Câu 2: Hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về luật phòng chống tệ nạn mại dâm năm 2003?

b, Quy định luật phòng chống mại dâm năm 2003?

Điều 4. Các hành vi nghiêm cấm (trang 57 sgk

1. Mua dâm

2. Bán dâm

3.Chữa mai dâm

4. Tổ chức hoạt động mại dâm

5.Cường bức bán dân

6.Mô giới bán dân

7. Bảo kê mại dâm

8.Lợi dụng kinh doanh dịch vụ để hoạt động mai dâm.

c, Quy định pháp luật phòng chống tệ nạn xã hội

(trang 58 sgk GDGD 7)

Câu 3: Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về luật phòng chống tệ nạn xã hội?

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập:

- GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi đóng vai

Hs xem và suy nghĩ

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập.

HS làm việc nhóm để suy nghĩ trả lời

HS hình thành kĩ năng khai thác thông tin trả lời.

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận

HS cử đại diện lần lượt trình bày các câu
trình bày

2, Công dân thực hiện pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.

GV quan sát theo dõi quá trình học sinh thực hiện gợi ý nếu cần Bước 4:Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá chốt vấn đề	
Nhiệm vụ 2:Tìm hiểu về cách thức công dân thực hiện pháp luật và phòng chống tệ nạn xã hội a, Mục tiêu : Cách thức công dân tự phòng chống tệ nạn xã hội b, Nội dung : GV giao nhiệm vụ cho học sinh điền thông tin tình huống và truyện đọc. HS đọc tình huống /58 Câu truyện của P/59 GV giao nhiệm vụ qua hệ thống câu hỏi thảo luận theo bàn? Câu 1 : Em hãy phân tích thái độ và hành vi của nhân vật trong tình huống trên Câu 2: P phải làm gì để thay đổi cuộc đời mình? c,Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh d,Tổ chức thực hiện	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Thảo luận nhóm chia lớp thành 3 nhóm Câu hỏi từ bài học của P: Theo em chúng ta cần làm gì để tránh mắc vào tệ nạn xã hội? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập. HS làm việc nhóm để suy nghĩ trả lời HS hình thành kĩ năng khai thác thông tin trả lời. Bước 3:Báo cáo kết quả và thảo luận HS cử đại diện lần lượt trình bày các câu trình bày GV quan sát theo dõi quá trình học sinh thực hiện gợi ý nếu cần Bước 4:Đánh giá kết quả thực hiện	Trách nhiệm của công dân trong phòng chống , tệ nạn xã hội: - Thực hiện lối sống lành mạnh an toàn và tuân thủ pháp luật. - Tự giác tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do trường lớp và địa phương tổ chức. - Đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội bằng những việc làm cụ thể, phù hợp với lứa tuổi

nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá chốt vấn đề	
3. Hoạt động 3: Luyện tập a, Mục tiêu: Hs luyện tập, củng cố kiến thức ,kĩ năng được hình thành qua phần khám phá áp dụng kiến thức để làm bài tập. b, Học sinh khái quát kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy HD học sinh làm bài tập trong sách giáo khoa qua hệ thống câu hỏi phiếu bài tập Trò chơi đối mặt 3 nhóm cử đại diện lên chơi,sau khi đã có sự chuẩn bị Luật chơi: 1,Tìm các câu ca dao tục ngữ nói về các tệ nạn xã hội? Lần lượt các nhóm đọc bài của mình các nhóm sau không đọc trùng với nhóm trước không thì sẽ bị loại. 2,Các nhóm tự dựng 1 tình huống về phòng chống tệ nạn xã hội qua nội dung bài học ? c, Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh d, Tổ chức thực hiện BƯỚC 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập GV hướng dẫn làm bài tập trong phần luyện tập sgk/59,60	
BÀI TẬP 1.Bài 1 SGK/59 .Hành vi nào sau đây vi phạm pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội. Vì sao? 2.Bài 2. Em sẽ ứng xử như thế nào trong các trường hợp sau đây? a.Bạn mời hút heroin. b.Rủ bạn chơi bài ăn tiền. c.Người lạ rủ đi chơi. d.Người khác nhờ mang hộ đồ mà không biết là gì.	III. Luyện tập 1.Bài tập 1 SGK/59 TH: A,B,C,D,E. Vì vi phạm luật phòng chống tệ nạn xã hội. 2.SGK/60 Trong các trường hợp trên, em sẽ ngay lập tức từ chối, bởi vì hút heroin và chơi bài ăn tiền là các hành vi phạm pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội, còn việc đi chơi với người lạ sẽ có nguy cơ cao bị rơi vào ổ mua bán mại dâm và vận chuyển đồ lạ hộ người khác có nguy cơ trở thành người vận chuyển ma túy. 3.Bài 3.SGK/60 3. Là người tốt và thực hiện đúng phòng

3.Bài 3.SGK/60 K đã từng bị nghiện và đi cai nghiện thành công. Một lần tham gia sinh nhật, K thấy các bạn có ý định thử hút ma túy. Từ những hậu quả mà bản thân trải qua, K đã khuyên ngăn các bạn là không nên thử. <i>Em hãy nhận xét thái độ và hành vi của K trong trường hợp trên.</i> 4.Bài 4 Qua tìm hiểu, biết D (13 tuổi) là người hiếu thắng và đua đòi nên anh Y đã trực tiếp giới thiệu và cho D hút thử một loại thuốc lá điện tử. Khi thấy D bắt đầu nghiện, anh Y đề nghị D hãy giới thiệu sản phẩm đó đến bạn bè để bán hàng. Bài 6 SGK/60 Em hãy chia sẻ các cách sống lành mạnh để phòng, tránh tệ nạn xã hội.	chống tệ nạn xã hội. 4. Anh Y có hành vi hoàn toàn sai vi phạm pháp luật phòng chống ma túy 4.Bài 4 Hành vi của anh Y là vi phạm pháp luật bởi vì đã vi phạm Luật trẻ em về việc dụ dỗ, lôi kéo trẻ em sử dụng các sản phẩm không lành mạnh, có hại cho sự phát triển của trẻ, cụ thể là thuốc lá điện tử. Bài 6 SGK/60 - Thường xuyên tập thể dục thể thao - Nghe thời sự, đọc tin tức báo đài để biết thêm nhiều thông tin mới về các tệ nạn xã hội - Tích cực tham gia các buổi ngoại khóa, tuyên truyền về tác hại của tệ nạn xã hội - Từ chối và ngăn cản bạn bè tham gia vào những hành vi vi phạm pháp luật
BƯỚC 2:Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân với các mục bài tập 1,2 SGK trang 59,60. Nhóm thảo luận làm các bài tập 3,4,6 SGK trang 60 HS nghe hướng dẫn chuẩn bị các thành viên trao đổi nội dung thống nhất, cử báo cáo	

viên

BƯỚC 3: Báo cáo kết quả thảo luận.

Gv yêu cầu trình bày, hướng dẫn học sinh trình bày

Hs trình bày cá nhân: mục 1,2,3/59,60

Trình bày dự án ,trao đổi và lắng nghe.

Các nhóm khác bổ sung nếu cần

BƯỚC 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

Yêu cầu học sinh nhận xét,GV chốt kết quả

4. Hoạt động 4 Vận dụng

a) Mục tiêu:HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ : Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV cho HS Tìm những câu ca dao tục ngữ nói về tệ nạn xã hội? - Vẽ tranh cổ động về phòng chống tệ nạn xã hội và sau đó nêu ý nghĩa của bức tranh * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS suy nghĩ tìm những câu ca dao tục ngữ nói về tệ nạn xã hội và vẽ tranh cổ động về phòng chống tệ nạn xã hội ,sau đó nêu ý nghĩa của bức tranh *Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. * Bước 4. Chuẩn kiến thức.	Nhiệm vụ : HS hoàn thành nhiệm vụ. - GV cung cấp công cụ đánh giá sản phẩm học tập (bảng kiểm phía dưới) Gợi ý a.Những câu ca dao tục ngữ nói về tệ nạn xã hội. -Đề ra đề mà ở -Canh bạc là bác thẳng bần b. tranh vẽ của HS cổ động về phòng chống tệ nạn xã hội .

Hướng dẫn học ở nhà:

- Làm bài tập 5 SGK: Em hãy cùng bạn xây dựng 1 kịch bản với nội dung thực hiện các quy định về phòng chống tệ nạn xã hội và đóng vai theo kịch bản đó
- Chuẩn bị: đọc, tìm hiểu bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

BÀI 11: THỰC HIỆN PHÒNG CHỐNG TỆ NẠN XÃ HỘI

I. MỤC TIÊU:

1. Về phẩm chất:

-*Chăm chỉ*: HS có ý thức vận dụng bài học vào các tình huống, hoàn cảnh thực tế đời sống của bản thân.

-*Yêu nước*: Luôn có ý thức phòng chống tệ nạn xã hội.

-*Trách nhiệm*: Hành động có trách nhiệm với chính mình, có trách nhiệm với đất nước phòng chống tệ nạn xã hội.

2. Về năng lực:

Học sinh được phát triển các năng lực:

-*Tự chủ và tự học*: Tự giác học tập, lao động để phòng chống tệ nạn xã hội.

-*Điều chỉnh hành vi*: Có những việc làm cụ thể, phù hợp để phòng chống tệ nạn xã hội.

-*Phát triển bản thân*: Kiên trì mục tiêu, thực hiện nhiệm vụ học tập và rèn luyện đạo đức phòng chống tệ nạn xã hội.

-*Tư duy phản biện*: Đánh giá phê phán được những hành vi chưa phòng chống tệ nạn xã hội.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU.

1. Tài liệu: Sách giáo khoa, sách giáo viên, sách bài tập *Giáo dục công dân 7*, tư liệu báo chí, thông tin, clip.

2. Học liệu: truyện kể, tranh vẽ, video, tình huống, phiếu học tập, bài tập...

3. Thiết bị dạy học: Máy chiếu power point, màn hình, máy tính, giấy A0, tranh ảnh.

III. TIẾN TRÌNH DẠY HỌC:

1. Hoạt động 1: Khởi động (Mở đầu)

a. Mục tiêu

-Tạo được hứng thú với bài học.

-Học sinh bước đầu nhận biết tệ nạn xã hội.

Em hãy chia sẻ những hiểu biết của mình về pháp luật phòng chống tệ nạn xã hội.

b. Nội dung: Giáo viên hướng dẫn học sinh tiếp cận với các bài mới hoạt cảnh cho hs đóng kịch.

c. Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh.

d. Tổ chức thực hiện:

Hoạt động của thầy , trò	Nội dung cần đạt
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: - GV giao nhiệm vụ cho HS thông qua trò chơi đóng vai - Hs xem và suy nghĩ Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập - Giáo viên: hướng dẫn học sinh trả lời câu hỏi, gợi ý nếu cần. - Học sinh làm việc cá nhân suy nghĩ , trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận - Học sinh lần lượt trình bày câu trả lời - Giáo viên: Quan sát và theo dõi quá trình học sinh thực hiện gợi ý nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ - Giáo viên nhận xét, đánh giá, chốt vấn đề và giới thiệu chủ đề bài học.	
2. Hoạt động 2 : Khám phá (Hình thành kiến thức mới) Nhiệm vụ 1: Tìm hiểu nội dung: Quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội a, Mục tiêu: -Học sinh phân biệt được các tệ nạn xã hội. -Mức độ nguy hiểm của các tệ nạn xã hội qua các phần thông tin. b, Nội dung: -GV giao nhiệm vụ cho đọc thông tin 1, 2, 3, 4 trang 55, 56,57,58 sách GD CD 7 -GV giao nhiệm vụ khám phá kiến thức bài học cho học sinh thông qua hệ thống câu hỏi, phiếu bài tập và trò chơi để hướng học sinh Học sinh chia làm 3 nhóm, mỗi nhóm trả lời một trường hợp ở từng thông tin Nhóm 1 trường hợp 1 trang 56 sgk GD CD 7 Nhóm 2 trường hợp 2 trang 57 sgk GD CD 7 Nhóm 3 trường hợp 3 trang 58 sgk GD CD 7 c, Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh ; Sản phẩm dự án của các nhóm: Phiếu bài tập. d, Tổ chức thực hiện:	
Nhiệm vụ và tìm hiểu: Quy định của pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội.	I. Khám phá

HS làm việc nhóm để suy nghĩ trả lời HS hình thành kĩ năng khai thác thông tin trả lời. Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS cử đại diện lần lượt trình bày các câu trình bày GV quan sát theo dõi quá trình học sinh thực hiện gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá chốt vấn đề	
Nhiệm vụ 2: Tìm hiểu về cách thức công dân thực hiện pháp luật và phòng chống tệ nạn xã hội a, Mục tiêu : Cách thức công dân tự phòng chống tệ nạn xã hội b, Nội dung : GV giao nhiệm vụ cho học sinh điền thông tin tình huống và truyện đọc. HS đọc tình huống /58 Câu truyện của P/59 GV giao nhiệm vụ qua hệ thống câu hỏi thảo luận theo bàn? Câu 1 : Em hãy phân tích thái độ và hành vi của nhân vật trong tình huống trên Câu 2: P phải làm gì để thay đổi cuộc đời mình? c, Sản phẩm : Câu trả lời của học sinh d, Tổ chức thực hiện	
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập: Thảo luận nhóm chia lớp thành 3 nhóm Câu hỏi từ bài học của P: Theo em chúng ta cần làm gì để tránh mắc vào tệ nạn xã hội? Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ học tập. HS làm việc nhóm để suy nghĩ trả lời HS hình thành kĩ năng khai thác thông tin trả lời.	Trách nhiệm của công dân trong phòng chống , tệ nạn xã hội: - Thực hiện lối sống lành mạnh an toàn và tuân thủ pháp luật. - Tự giác tham gia các hoạt động phòng, chống tệ nạn xã hội do trường lớp và địa phương tổ chức. - Đấu tranh phê phán các hành vi vi phạm quy định của pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội bằng những việc làm cụ thể, phù hợp với

Bước 3: Báo cáo kết quả và thảo luận HS cử đại diện lần lượt trình bày các câu trình bày GV quan sát theo dõi quá trình học sinh thực hiện gợi ý nếu cần Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ GV nhận xét đánh giá chốt vấn đề	lứa tuổi
--	----------

3. Hoạt động 3: Luyện tập

a, Mục tiêu: Hs luyện tập, củng cố kiến thức ,kĩ năng được hình thành qua phần khám phá áp dụng kiến thức để làm bài tập.

b, Học sinh khái quát kiến thức đã học bằng sơ đồ tư duy

HD học sinh làm bài tập trong sách giáo khoa qua hệ thống câu hỏi phiếu bài tập

Trò chơi đối mặt

3 nhóm cử đại diện lên chơi,sau khi đã có sự chuẩn bị

Luật chơi:

1,Tìm các câu ca dao tục ngữ nói về các tệ nạn xã hội?

Lần lượt cái nhóm đọc bài của mình các nhóm sau không đọc trùng với nhóm trước không thì sẽ bị loại.

2,Các nhóm tự dựng 1 tình huống về phòng chống tệ nạn xã hội qua nội dung bài học ?

c, Sản phẩm: Câu trả lời của học sinh

d, Tổ chức thực hiện

BƯỚC 1: Chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn làm bài tập trong phần luyện tập sgk/59,60

BÀI TẬP 1.Bài 1 SGK/59 .Hành vi nào sau đây vi phạm pháp luật về phòng chống tệ nạn xã hội. Vì sao? 2.Bài 2. Em sẽ ứng xử như thế nào trong các trường hợp sau đây? a.Bạn mời hút heroin.	III. Luyện tập 1.Bài tập 1 SGK/59 TH: A,B,C,D,E. Vì vi phạm luật phòng chống tệ nạn xã hội. 2.SGK/60 Trong các trường hợp trên, em sẽ ngay lập tức từ chối, bởi vì hút heroin và chơi bài ăn tiền là các
--	--

b.Rủ bạn chơi bài ăn tiền. c.Người lạ rủ đi chơi. d.Người khác nhờ mang hộ đồ mà không biết là gì. 3.Bài 3.SGK/60 K đã từng bị nghiện và đi cai nghiện thành công. Một lần tham gia sinh nhật, K thấy các bạn có ý định thử hút ma túy. Từ những hậu quả mà bản thân trải qua, K đã khuyên ngăn các bạn là không nên thử. <i>Em hãy nhận xét thái độ và hành vi của K trong trường hợp trên.</i> 4.Bài 4 Qua tìm hiểu, biết D (13 tuổi) là người hiếu thắng và đua đòi nên anh Y đã trực tiếp giới thiệu và cho D hút thử một loại thuốc lá điện tử. Khi thấy D bắt đầu nghiện, anh Y đề nghị D hãy giới thiệu sản phẩm đó đến bạn bè để bán hàng. Bài 6 SGK/60 Em hãy chia sẻ các cách sống lành mạnh để phòng, tránh tệ nạn xã hội.	hành vi phạm pháp luật về phòng, chống tệ nạn xã hội, còn việc đi chơi với người lạ sẽ có nguy cơ cao bị rơi vào ổ mua bán mại dâm và vận chuyển đồ lạ hộ người khác có nguy cơ trở thành người vận chuyển ma túy. 3.Bài 3.SGK/60 3. Là người tốt và thực hiện đúng phòng chống tệ nạn xã hội. 4. Anh Y có hành vi hoàn toàn sai vi phạm pháp luật phòng chống ma túy 4.Bài 4 Hành vi của anh Y là vi phạm pháp luật bởi vì đã vi phạm Luật trẻ em về việc dụ dỗ, lôi kéo trẻ em sử dụng các sản phẩm không lành mạnh, có hại cho sự phát triển của trẻ, cụ thể là thuốc lá điện tử. Bài 6 SGK/60 - Thường xuyên tập thể dục thể thao - Nghe thời sự, đọc tin tức báo đài để biết thêm nhiều thông tin mới về các tệ nạn xã hội - Tích cực tham gia các buổi ngoại khóa, tuyên truyền về tác hại của tệ nạn xã hội - Từ chối và ngăn cản bạn bè tham gia vào
--	--

	những hành vi vi phạm pháp luật
BƯỚC 2: Thực hiện nhiệm vụ HS làm việc cá nhân với các mục bài tập 1,2 SGK trang 59,60. Nhóm thảo luận làm các bài tập 3,4,6 SGK trang 60 HS nghe hướng dẫn chuẩn bị các thành viên trao đổi nội dung thống nhất, cử báo cáo viên BƯỚC 3: Báo cáo kết quả thảo luận. Gv yêu cầu trình bày, hướng dẫn học sinh trình bày Hs trình bày cá nhân: mục 1,2,3/59,60 Trình bày dự án ,trao đổi và lắng nghe. Các nhóm khác bổ sung nếu cần BƯỚC 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ Yêu cầu học sinh nhận xét,GV chốt kết quả	

4. Hoạt động 4 Vận dụng

a) Mục tiêu: HS vận dụng kiến thức bài học vào giải quyết tình huống trong thực tiễn.

b) Nội dung: Trả lời câu hỏi về tình huống thực tiễn rút ra từ bài học.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

HD của GV và HS	Dự kiến sản phẩm
Nhiệm vụ : Bước 1. Chuyển giao nhiệm vụ: - GV cho HS Tìm những câu ca dao tục ngữ nói về tệ nạn xã hội? - Vẽ tranh cổ động về phòng chống tệ nạn xã hội và sau đó nêu ý nghĩa của bức tranh * Bước 2. HS thực hiện nhiệm vụ. HS suy nghĩ tìm những câu ca dao tục ngữ nói về tệ nạn xã hội và vẽ tranh cổ động về phòng chống tệ nạn xã hội ,sau đó nêu ý nghĩa của bức tranh *Bước 3. Nhận xét sản phẩm, bổ sung. * Bước 4. Chuẩn kiến thức.	Nhiệm vụ : HS hoàn thành nhiệm vụ. - GV cung cấp công cụ đánh giá sản phẩm học tập (bảng kiểm phía dưới) Gợi ý a.Những câu ca dao tục ngữ nói về tệ nạn xã hội. -Đề ra đề mà ở -Canh bạc là bác thẳng bần b. tranh vẽ của HS cổ động về phòng chống tệ nạn xã hội .

Hướng dẫn học ở nhà:

- Làm bài tập 5 SGK: Em hãy cùng bạn xây dựng 1 kịch bản với nội dung thực hiện các quy định về phòng chống tệ nạn xã hội và đóng vai theo kịch bản đó
- Chuẩn bị: đọc, tìm hiểu bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình
Thời lượng dạy học 3 tiết

I. MỤC TIÊU :**1. Về kiến thức :**

Hs hiểu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mọi thành viên trong gia đình , hiểu ý nghĩa của những quy định đó .

2 . Về kỹ năng :

- Hs biết cách ứng xử phù hợp với các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của bản thân trong đình .
- Hs Biết đánh giá hành vi của bản thân và của người khác theo quy định của pháp luật .

3. Về thái độ :

Hs có thái độ trân trọng gia đình và tình cảm gia đình , có ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc .

Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ông bà, cha mẹ, anh chị em .

4. Năng lực:

NL tư duy, NL hợp tác, NL giao tiếp, NL ngôn ngữ, NL giải quyết vấn đề,

II. Chuẩn bị :

1. GV: Kế hoạch bài học, SGK, SGV,
2. HS : Xem trước nội dung bài học.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:**1. Mô tả phương pháp và kỹ thuật thực hiện các chuỗi hoạt động trong bài học.**

Tên hoạt động	Phương pháp thực hiện	Kỹ thuật dạy học
A. Hoạt động khởi	- Dạy học nghiên cứu tình	- Kỹ thuật đặt câu hỏi

động	huống.	
B. Hoạt động hình thành kiến thức	- Dạy học theo nhóm - Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Thuyết trình, vấn đáp.	- Kỹ thuật đặt câu hỏi - Kỹ thuật học tập hợp tác
C. Hoạt động luyện tập	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Dạy học theo nhóm cặp đôi	- Kỹ thuật đặt câu hỏi - Kỹ thuật học tập hợp tác - Kỹ thuật động não
D. Hoạt động vận dụng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Đóng vai	- Kỹ thuật đặt câu hỏi
E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề - Dự án	- Kỹ thuật đặt câu hỏi

2. Tổ chức các hoạt động:

Hoạt động 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS trong học tập, tạo sự tò mò cần thiết của tiết học.
 - **Nội dung hoạt động:** Tìm một số biểu hiện của việc thực hiện tốt và chưa tốt về quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.
 - **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:** HS tìm được một số biểu hiện của người thực hiện tốt và chưa tốt về quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.
 - **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** Giáo viên giao nhiệm vụ, HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS hoạt động cá nhân suy nghĩ và phát biểu.
 - **Năng lực:** Rèn cho HS năng lực tư duy, suy luận, giải quyết vấn đề....
 - Phương tiện hỗ trợ dạy học: Máy tính, máy chiếu.
 - Kiểm tra, đánh giá: GV và HS nhận xét, đánh giá sau các hoạt động.
- Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 5 phút.
- Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv : Đọc bài hát Nhà là nơi của nhạc sĩ Phong Nhã :

.....Nhà là nơi.....suốt đời....

? Em và các bạn hãy tìm những ca từ trong bài hát gắn với quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình?

GV: Bài hát nói về tình cảm gia đình , công ơn to lớn của cha mẹ đối với con cái , bổn phận của con cái phải kính trọng có hiếu với cha mẹ .

? Tình cảm gia đình đối với em quan trọng như thế nào ?

+ Dự kiến: Hs trả lời : Gia đình và tình cảm gia đình là điều thiêng liêng với mỗi con người . Để xây dựng gia đình hạnh phúc mỗi người phải thực hiện tốt bốn phận trách nhiệm của mình đối với gia đình .

Gv nhận xét chốt.... chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- **Mục tiêu:** Học sinh nắm được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mọi thành viên trong gia đình , hiểu ý nghĩa của những quy định đó .

2 . Về kỹ năng :

- **Nội dung hoạt động:** Nghiên cứu sách giáo khoa.

- **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:** HS biết được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mọi thành viên trong gia đình , hiểu ý nghĩa của những quy định đó .

2 . Về kỹ năng :

- **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** GV giao nhiệm vụ, HS làm việc cá nhân nghiên cứu SGK, thảo luận nhóm giải quyết vấn đề, GV chốt kiến thức.

- Phương tiện hỗ trợ dạy học: bảng phụ, tranh ảnh.

- Kiểm tra, đánh giá: GV và HS nhận xét, đánh giá sau các hoạt động.

Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 23 phút.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: TÌM HIỂU THÔNG TIN Ở SGK: * Mục tiêu: Hs hiểu được vai trò của gia đình, biết thực hiện tốt nghĩa vụ của con cháu đối với ông bà; cha mẹ *Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: Cá nhân nghiên cứu Sgk, giải quyết vấn đề, thảo luận cá nhân, nhóm *Năng lực: Rèn cho HS năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác.... *Cách tiến hành: GV: Chuyển giao nhiệm vụ Gv : Gọi hs quan sát các hình ảnh và đọc thông tin phần khám phá. Hs :quan sát, đọc ? Hãy liên kết các hình ảnh trên thành một câu chuyện về mối quan hệ trong gia đình và vai trò của gia đình với mỗi thành viên? ? Theo em gia đình là gì? Gia đình có vai trò như thế nào đối với mỗi người ? ? Theo em Bác Hồ muốn nhấn mạnh điều gì trong thông tin trên? ? Em hãy cho biết gia đình có vai trò như thế nào đối với xã hội ?	I . Khám phá.

* Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh :thảo luận - Giáo viên: Quan sát - Dự kiến sản phẩm *Báo cáo kết quả: Phiếu học tập *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức: Gv: Là con cháu phải kính trọng, yêu thương, chăm sóc ông bà Gv : Hướng dẫn hs thảo luận , phân tích thông tin giúp hs phát triển nhận thức về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình . Gv :Giới thiệu điều 64 – hiến pháp 92 Luật hôn nhân gia đình . Gia đình là cái nôi nuôi dưỡng con người , là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách Hoạt động 2: TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC * Mục tiêu: Hs biết được k/n sống và làm việc có k/h. *Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: Cá nhân nghiên cứu Sgk, giải quyết vấn đề. *Năng lực: Rèn cho HS năng lực tư duy, ngôn ngữ.... *Cách tiến hành: GV: Chuyển giao nhiệm vụ ? Tình cảm gia đình đối với em quan trọng như thế nào ? Gv : Gia đình và tình cảm gia đình là điều thiêng liêng với mỗi con người . Để xây dựng gia đình hạnh phúc mỗi người phải thực hiện tốt bốn phận trách nhiệm của mình đối với gia đình . ? Nêu quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái? - HS: Nuôi dạy.....	II. Nội dung bài học . 1. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và ông bà : - Cha mẹ: + Nuôi dạy con thành
--	---

? Nêu quyền và nghĩa vụ của ông bà đối với con cháu? - HS: Trông nom, chăm sóc..... ? Con cháu có nghĩa vụ như thế nào trong gia đình ? - HS: Yêu quý, kính trọng..... ?Anh chị em có bốn phận như thế nào trong gia đình - HS: Yêu quý, kính trọng..... ? Nêu ý nghĩa của những quy định pháp luật trên? - HS: xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc..... ? Nêu trách nhiệm công dân? - Học sinh tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh : cá nhân - Giáo viên: Quan sát - Dự kiến sản phẩm: câu trả lời của hs *Báo cáo kết quả: Phiếu học tập *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức	những công dân tốt. + Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con. + Tôn trọng ý kiến của con . + Không được phân biệt đối xử giữa các con . + Không ngược đãi xúc phạm con, ép buộc con làm những điều trái pháp luật, trái đạo đức . - Ông bà (nội, ngoại): + Trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu. + Nuôi dưỡng cháu chưa thành niên hoặc cháu thành niên bị tàn tật nếu cháu không có người nuôi dưỡng . 2. Quyền và nghĩa vụ của con cháu: - Yêu quý, kính trọng, biết ơn ông bà cha mẹ. - Chăm sóc, nuôi dưỡng ông bà, cha mẹ. - Nghiêm cấm con cháu có hành vi ngược đãi, xúc phạm ông bà cha mẹ. 2. Bốn phận của anh chị em. - Thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. - Nuôi dưỡng nhau nếu không còn cha mẹ. 3.Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình
--	---

	4. Ý nghĩa: - Nhằm xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc. - Giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình Việt Nam.
--	--

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

- **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để làm bt.
 - **Nội dung hoạt động:** Trả lời các câu hỏi, bài tập.
 - **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:** Giải quyết được các tình huống trong thực tế.
 - **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** GV giao nhiệm vụ: Làm bài tập trong SGK tại lớp, HS suy nghĩ, thảo luận cặp đôi làm bài tập, GV cho HS nhận xét bổ sung.
 - Phương tiện hỗ trợ dạy học: bảng phụ.
 - Kiểm tra, đánh giá: GV và HS nhận xét, đánh giá sau các hoạt động.
- Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 7 phút.

Hoạt động GV và HS	Nội dung
GV: HD học sinh làm bài tập 1,2,3,4 SGK/67	III.Luyện tập - HS đọc yêu cầu bài tập. - HS làm BT. - Gv nhận xét, cho điểm

Hoạt động 4 : Vận dụng

- **Mục tiêu:** Tạo cho HS yêu thích môn GD&CD
 - **Nội dung hoạt động:** Em hãy cùng các bạn lập kế hoạch tổ chức một buổi toạ đàm về chủ đề “Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.” theo các gợi ý sau:
 - **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:**
 - Lập kế hoạch (xác định thời gian, địa điểm tổ chức, trang trí, chương trình, nội dung chương trình,...).
 - Xây dựng nội dung toạ đàm (xây dựng bộ câu hỏi, lựa chọn trò chơi, viết bài phát biểu....).
 - Tổ chức toạ đàm theo kế hoạch.
- Các em tự lựa chọn thời gian, địa điểm tổ chức, trang trí, chương trình,...

* **Gợi ý:** toạ đàm “ Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.”

Mở đầu:

- Giới thiệu khách mời.
- Lí do thực hiện: để mọi người hiểu rõ hơn về Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

Nội dung chính:

- Phổ biến các quyền có trong Hiến pháp 2013.
- Nội dung từng quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.
- Vận động học sinh, sinh viên thực hiện đúng các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định.
- Trò chơi .

Kết thúc:

- Đặt và trả lời các câu hỏi giải đáp thắc mắc.
 - Kết luận buổi toạ đàm.
- Nhận xét được các hoạt động của bạn.
- **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** GV giao nhiệm vụ, HS chuẩn bị.
 - Kiểm tra, đánh giá: GV và HS nhận xét, đánh giá sau các hoạt động.
- Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 5 phút.

GV: Chuyển giao nhiệm vụ

HS chơi trò chơi, đóng vai:

Tình huống : Bài tập 1 sgk-67

- Học sinh tiếp nhận
- * Thực hiện nhiệm vụ
- Học sinh cùng bạn lập kế hoạch.
 - Giáo viên: Quan sát
 - Dự kiến sản phẩm: bài làm của hs
- *Báo cáo kết quả:
- *Đánh giá kết quả
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
 - Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức

Hoạt động 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- **Mục tiêu:** Tạo cho HS thấy được sự liên hệ giữa GD&ĐT và thực tế cuộc sống.
 - **Nội dung hoạt động:** Tìm hiểu các biểu hiện đúng và chưa đúng của những người xung quanh trong việc thực hiện nghĩa vụ của công dân đối với gia đình.
 - **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:** truyện hoặc bài báo...
 - **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** GV giao nhiệm vụ, HS về nhà làm.
- Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 1 phút.

*** GV giao nhiệm vụ**

? Em hãy nêu một tấm gương ở quanh em đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình? Em học tập được điều gì ở họ?

Tuần

Ngày soạn:...../...../.....

Ngày dạy:...../...../.....

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình **Thời lượng dạy học 3 tiết**

I. MỤC TIÊU :

1. Về kiến thức :

Hs hiểu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mọi thành viên trong gia đình , hiểu ý nghĩa của những quy định đó .

2 . Về kỹ năng :

- Hs biết cách ứng xử phù hợp với các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của bản thân trong đình .
- Hs Biết đánh giá hành vi của bản thân và của người khác theo quy định của pháp luật .

3. Về thái độ :

Hs có thái độ trân trọng gia đình và tình cảm gia đình , có ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc .

Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ông bà, cha mẹ, anh chị em .

4. Năng lực:

NL tư duy, NL hợp tác, NL giao tiếp, NL ngôn ngữ, NL giải quyết vấn đề,

II. Chuẩn bị :

1. GV: Kế hoạch bài học, SGK, SGV,
2. HS : Xem trước nội dung bài học.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

2. Mô tả phương pháp và kĩ thuật thực hiện các chuỗi hoạt động trong bài học.

Tên hoạt động	Phương pháp thực hiện	Kĩ thuật dạy học
A. Hoạt động khởi động	- Dạy học nghiên cứu tình huống.	- Kĩ thuật đặt câu hỏi
B. Hoạt động hình thành kiến thức	- Dạy học theo nhóm - Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Thuyết trình, vấn đáp.	- Kĩ thuật đặt câu hỏi - Kĩ thuật học tập hợp tác
C. Hoạt động luyện tập	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Dạy học theo nhóm cặp đôi	- Kĩ thuật đặt câu hỏi - Kĩ thuật học tập hợp tác - Kĩ thuật động não
D. Hoạt động vận dụng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Đóng vai	- Kĩ thuật đặt câu hỏi
E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề - Dự án	- Kĩ thuật đặt câu hỏi

2. Tổ chức các hoạt động:

Hoạt động 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS trong học tập, tạo sự tò mò cần thiết của tiết học.
 - **Nội dung hoạt động:** Tìm một số biểu hiện của việc thực hiện tốt và chưa tốt về quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.
 - **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:** HS tìm được một số biểu hiện của người thực hiện tốt và chưa tốt về quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.
 - **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** Giáo viên giao nhiệm vụ, HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS hoạt động cá nhân suy nghĩ và phát biểu.
 - **Năng lực:** Rèn cho HS năng lực tư duy, suy luận, giải quyết vấn đề....
 - Phương tiện hỗ trợ dạy học: Máy tính, máy chiếu.
 - Kiểm tra, đánh giá: GV và HS nhận xét, đánh giá sau các hoạt động.
- Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 5 phút.
- Tiến trình hoạt động:

*Chuyển giao nhiệm vụ

Gv : Đọc bài hát Nhà là nơi của nhạc sĩ Phong Nhã :
.....Nhà là nơi.....suốt đời....

? Em và các bạn hãy tìm những ca từ trong bài hát gắn với quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình?

GV: Bài hát nói về tình cảm gia đình , công ơn to lớn của cha mẹ đối với con cái ,
bổn phận của con cái phải kính trọng có hiếu với cha mẹ .

? Tình cảm gia đình đối với em quan trọng như thế nào ?

+ Dự kiến: Hs trả lời : Gia đình và tình cảm gia đình là điều thiêng liêng với mỗi
con người . Để xây dựng gia đình hạnh phúc mỗi người phải thực hiện tốt bổn
phận trách nhiệm của mình đối với gia đình .

Gv nhận xét chốt.... chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- **Mục tiêu:** Học sinh nắm được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và
nghĩa vụ của mọi thành viên trong gia đình , hiểu ý nghĩa của những quy định đó .

2 . Về kỹ năng :

- **Nội dung hoạt động:** Nghiên cứu sách giáo khoa.

- **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:** HS biết được một số quy định cơ bản của
pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mọi thành viên trong gia đình , hiểu ý nghĩa
của những quy định đó .

2 . Về kỹ năng :

- **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** GV giao nhiệm vụ, HS làm việc cá nhân nghiên
cứu SGK, thảo luận nhóm giải quyết vấn đề, GV chốt kiến thức.

- Phương tiện hỗ trợ dạy học: bảng phụ, tranh ảnh.

- Kiểm tra, đánh giá: GV và HS nhận xét, đánh giá sau các hoạt động.

Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 23 phút.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: TÌM HIỂU THÔNG TIN Ở SGK: * Mục tiêu: Hs hiểu được vai trò của gia đình, biết thực hiện tốt nghĩa vụ của con cháu đối với ông bà; cha mẹ * Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: Cá nhân nghiên cứu Sgk, giải quyết vấn đề, thảo luận cá nhân, nhóm * Năng lực: Rèn cho HS năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác.... * Cách tiến hành: GV: Chuyển giao nhiệm vụ Gv : Gọi hs quan sát các hình ảnh và đọc thông tin phần khám phá. Hs :quan sát, đọc ? Hãy liên kết các hình ảnh trên thành một câu chuyện về mối quan hệ trong gia đình và vai trò của gia đình với mỗi thành viên?	I . Khám phá.

? Theo em gia đình là gì? Gia đình có vai trò như thế nào đối với mỗi người ?

? Theo em Bác Hồ muốn nhấn mạnh điều gì trong thông tin trên?

? Em hãy cho biết gia đình có vai trò như thế nào đối với xã hội ?

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh :thảo luận

- Giáo viên: Quan sát

- Dự kiến sản phẩm

*Báo cáo kết quả: Phiếu học tập

*Đánh giá kết quả

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức: Gv: Là con cháu phải kính trọng, yêu thương, chăm sóc ông bà

Gv : Hướng dẫn hs thảo luận , phân tích thông tin giúp hs phát triển nhận thức về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình .

Gv :Giới thiệu điều 64 – hiến pháp 92

Luật hôn nhân gia đình .

Gia đình là cái nôi nuôi dưỡng con người , là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách

Hoạt động 2:

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

* **Mục tiêu:** Hs biết được k/n sống và làm việc có k/h.

***Phương pháp/Kỹ thuật dạy học:** Cá nhân nghiên cứu Sgk, giải quyết vấn đề.

***Năng lực:** Rèn cho HS năng lực tư duy, ngôn ngữ....

***Cách tiến hành:**

GV: Chuyển giao nhiệm vụ

? Tình cảm gia đình đối với em quan trọng như thế nào ?

Gv : Gia đình và tình cảm gia đình là điều thiêng liêng với mỗi con người . Để xây dựng gia đình hạnh phúc mỗi người phải thực hiện tốt bốn phận trách

II. Nội dung bài học .

2. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và ông bà :

nhiệm của mình đối với gia đình . ? Nêu quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái? - HS: Nuôi dạy..... ? Nêu quyền và nghĩa vụ của ông bà đối với con cháu? - HS: Trông nom, chăm sóc..... ? Con cháu có nghĩa vụ như thế nào trong gia đình ? - HS: Yêu quý, kính trọng..... ?Anh chị em có bốn phận như thế nào trong gia đình - HS: Yêu quý, kính trọng..... ? Nêu ý nghĩa của những quy định pháp luật trên? - HS: xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc..... ? Nêu trách nhiệm công dân? - Học sinh tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh : cá nhân - Giáo viên: Quan sát - Dự kiến sản phẩm: câu trả lời của hs *Báo cáo kết quả: Phiếu học tập *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức	- Cha mẹ: + Nuôi dạy con thành những công dân tốt. + Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con. + Tôn trọng ý kiến của con . + Không được phân biệt đối xử giữa các con . + Không ngược đãi xúc phạm con, ép buộc con làm những điều trái pháp luật, trái đạo đức . - Ông bà (nội, ngoại): + Trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu. + Nuôi dưỡng cháu chưa thành niên hoặc cháu thành niên bị tàn tật nếu cháu không có người nuôi dưỡng . 2. Quyền và nghĩa vụ của con cháu: - Yêu quý, kính trọng, biết ơn ông bà cha mẹ. - Chăm sóc, nuôi dưỡng ông bà, cha mẹ. - Nghiêm cấm con cháu có hành vi ngược đãi, xúc phạm ông bà cha mẹ. 3. Bốn phận của anh chị em. - Thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau.
---	--

	- Nuôi dưỡng nhau nếu không còn cha mẹ. 3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình 4. Ý nghĩa: - Nhằm xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc. - Giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình Việt Nam.
--	---

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

- **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để làm bt.
 - **Nội dung hoạt động:** Trả lời các câu hỏi, bài tập.
 - **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:** Giải quyết được các tình huống trong thực tế.
 - **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** GV giao nhiệm vụ: Làm bài tập trong SGK tại lớp, HS suy nghĩ, thảo luận cặp đôi làm bài tập, GV cho HS nhận xét bổ sung.
 - Phương tiện hỗ trợ dạy học: bảng phụ.
 - Kiểm tra, đánh giá: GV và HS nhận xét, đánh giá sau các hoạt động.
- Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 7 phút.

Hoạt động GV và HS	Nội dung
GV: HD học sinh làm bài tập 1,2,3,4 SGK/67	III. Luyện tập - HS đọc yêu cầu bài tập. - HS làm BT. - Gv nhận xét, cho điểm

Hoạt động 4 : Vận dụng

- **Mục tiêu:** Tạo cho HS yêu thích môn GD&CD
 - **Nội dung hoạt động:** Em hãy cùng các bạn lập kế hoạch tổ chức một buổi toạ đàm về chủ đề “Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.” theo các gợi ý sau:
 - **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:**
- Lập kế hoạch (xác định thời gian, địa điểm tổ chức, trang trí, chương trình, nội dung chương trình,...).

- Xây dựng nội dung tọa đàm (xây dựng bộ câu hỏi, lựa chọn trò chơi, viết bài phát biểu....).

- Tổ chức tọa đàm theo kế hoạch.

- Các em tự lựa chọn thời gian, địa điểm tổ chức, trang trí, chương trình,...

*** Gợi ý:** tọa đàm “ Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.”

Mở đầu:

- Giới thiệu khách mời.

- Lí do thực hiện: để mọi người hiểu rõ hơn về Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

Nội dung chính:

- Phổ biến các quyền có trong Hiến pháp 2013.

- Nội dung từng quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- Vận động học sinh, sinh viên thực hiện đúng các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định.

- Trò chơi .

Kết thúc:

- Đặt và trả lời các câu hỏi giải đáp thắc mắc.

- Kết luận buổi tọa đàm.

Nhận xét được các hoạt động của bạn.

- **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** GV giao nhiệm vụ, HS chuẩn bị.

- Kiểm tra, đánh giá: GV và HS nhận xét, đánh giá sau các hoạt động.

Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 5 phút.

GV: Chuyển giao nhiệm vụ

HS chơi trò chơi, đóng vai:

Tình huống : Bài tập 1 sgk-67

- Học sinh tiếp nhận

* Thực hiện nhiệm vụ

- Học sinh cùng bạn lập kế hoạch.

- Giáo viên: Quan sát
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của hs
- *Báo cáo kết quả:
- *Đánh giá kết quả
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- >Giáo viên chốt kiến thức

Hoạt động 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- **Mục tiêu:** Tạo cho HS thấy được sự liên hệ giữa GD&ĐT và thực tế cuộc sống.
 - **Nội dung hoạt động:** Tìm hiểu các biểu hiện đúng và chưa đúng của những người xung quanh trong việc thực hiện nghĩa vụ của công dân đối với gia đình.
 - **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:** truyện hoặc bài báo...
 - **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** GV giao nhiệm vụ, HS về nhà làm.
- Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 1 phút.

*** GV giao nhiệm vụ**

? Em hãy nêu một tấm gương ở quanh em đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình? Em học tập được điều gì ở họ?

Trường

Họ tên:.....

Tổ: KHXH

Bài 12: Quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình

Thời lượng dạy học 3 tiết

I. MỤC TIÊU :

1. Về kiến thức :

Hs hiểu được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mọi thành viên trong gia đình , hiểu ý nghĩa của những quy định đó .

2 . Về kỹ năng :

- Hs biết cách ứng xử phù hợp với các quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của bản thân trong đình .
- Hs Biết đánh giá hành vi của bản thân và của người khác theo quy định của pháp luật .

3. Về thái độ :

Hs có thái độ trân trọng gia đình và tình cảm gia đình , có ý thức xây dựng gia đình hạnh phúc .

Thực hiện tốt nghĩa vụ đối với ông bà, cha mẹ, anh chị em .

4. Năng lực:

NL tư duy, NL hợp tác, NL giao tiếp, NL ngôn ngữ, NL giải quyết vấn đề,

II. Chuẩn bị :

1. GV: Kế hoạch bài học, SGK, SGV,
2. HS : Xem trước nội dung bài học.

III. TIẾN TRÌNH TỔ CHỨC HOẠT ĐỘNG DẠY HỌC:

3. Mô tả phương pháp và kĩ thuật thực hiện các chuỗi hoạt động trong bài học.

Tên hoạt động	Phương pháp thực hiện	Kĩ thuật dạy học
A. Hoạt động khởi động	- Dạy học nghiên cứu tình huống.	- Kĩ thuật đặt câu hỏi
B. Hoạt động hình thành kiến thức	- Dạy học theo nhóm - Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Thuyết trình, vấn đáp.	- Kĩ thuật đặt câu hỏi - Kĩ thuật học tập hợp tác
C. Hoạt động luyện tập	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Dạy học theo nhóm cặp đôi	- Kĩ thuật đặt câu hỏi - Kĩ thuật học tập hợp tác - Kĩ thuật động não
D. Hoạt động vận dụng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề. - Đóng vai	- Kĩ thuật đặt câu hỏi
E. Hoạt động tìm tòi, mở rộng	- Dạy học nêu vấn đề và giải quyết vấn đề - Dự án	- Kĩ thuật đặt câu hỏi

2. Tổ chức các hoạt động:

Hoạt động 1: HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

- **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS trong học tập, tạo sự tò mò cần thiết của tiết học.
- **Nội dung hoạt động:** Tìm một số biểu hiện của việc thực hiện tốt và chưa tốt về quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.
- **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:** HS tìm được một số biểu hiện của người thực hiện tốt và chưa tốt về quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình.
- **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** Giáo viên giao nhiệm vụ, HS tiếp nhận nhiệm vụ, HS hoạt động cá nhân suy nghĩ và phát biểu.
- **Năng lực:** Rèn cho HS năng lực tư duy, suy luận, giải quyết vấn đề....
- Phương tiện hỗ trợ dạy học: Máy tính, máy chiếu.

- Kiểm tra, đánh giá: GV và HS nhận xét, đánh giá sau các hoạt động.

Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 5 phút.

- Tiến trình hoạt động:

***Chuyển giao nhiệm vụ**

Gv : Đọc bài hát Nhà là nơi của nhạc sĩ Phong Nhã :

.....Nhà là nơi.....suốt đời....

? Em và các bạn hãy tìm những ca từ trong bài hát gắn với quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình?

GV: Bài hát nói về tình cảm gia đình , công ơn to lớn của cha mẹ đối với con cái , bốn phận của con cái phải kính trọng có hiếu với cha mẹ .

? Tình cảm gia đình đối với em quan trọng như thế nào ?

+ Dự kiến: Hs trả lời : Gia đình và tình cảm gia đình là điều thiêng liêng với mỗi con người . Để xây dựng gia đình hạnh phúc mỗi người phải thực hiện tốt bốn phận trách nhiệm của mình đối với gia đình .

Gv nhận xét chốt.... chúng ta cùng tìm hiểu bài học hôm nay.

Hoạt động 2: HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

- **Mục tiêu:** Học sinh nắm được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mọi thành viên trong gia đình , hiểu ý nghĩa của những quy định đó .

2 . Về kỹ năng :

- **Nội dung hoạt động:** Nghiên cứu sách giáo khoa.

- **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:** HS biết được một số quy định cơ bản của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của mọi thành viên trong gia đình , hiểu ý nghĩa của những quy định đó .

2 . Về kỹ năng :

- **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** GV giao nhiệm vụ, HS làm việc cá nhân nghiên cứu SGK, thảo luận nhóm giải quyết vấn đề, GV chốt kiến thức.

- Phương tiện hỗ trợ dạy học: bảng phụ, tranh ảnh.

- Kiểm tra, đánh giá: GV và HS nhận xét, đánh giá sau các hoạt động.

Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 23 phút.

Hoạt động của GV và HS	Nội dung kiến thức cần đạt
Hoạt động 1: TÌM HIỂU THÔNG TIN Ở SGK: * Mục tiêu: Hs hiểu được vai trò của gia đình, biết thực hiện tốt nghĩa vụ của con cháu đối với ông bà; cha mẹ *Phương pháp/Kỹ thuật dạy học: Cá nhân nghiên cứu Sgk, giải quyết vấn đề, thảo luận cá nhân, nhóm *Năng lực: Rèn cho HS năng lực tư duy, giải quyết vấn đề, hợp tác....	I . Khám phá.

***Cách tiến hành:**

GV: Chuyển giao nhiệm vụ

Gv : Gọi hs quan sát các hình ảnh và đọc thông tin phần khám phá.

Hs :quan sát, đọc

? Hãy liên kết các hình ảnh trên thành một câu chuyện về mối quan hệ trong gia đình và vai trò của gia đình với mỗi thành viên?

? Theo em gia đình là gì? Gia đình có vai trò như thế nào đối với mỗi người ?

? Theo em Bác Hồ muốn nhấn mạnh điều gì trong thông tin trên?

? Em hãy cho biết gia đình có vai trò như thế nào đối với xã hội ?

*** Thực hiện nhiệm vụ**

- Học sinh :thảo luận

- Giáo viên: Quan sát

- Dự kiến sản phẩm

***Báo cáo kết quả:** Phiếu học tập

***Đánh giá kết quả**

- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá

- Giáo viên nhận xét, đánh giá

->Giáo viên chốt kiến thức: Gv: Là con cháu phải kính trọng, yêu thương, chăm sóc ông bà

Gv : Hướng dẫn hs thảo luận , phân tích thông tin giúp hs phát triển nhận thức về quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình .

Gv :Giới thiệu điều 64 – hiến pháp 92

Luật hôn nhân gia đình .

Gia đình là cái nôi nuôi dưỡng con người , là môi trường quan trọng hình thành và giáo dục nhân cách

Hoạt động 2:

TÌM HIỂU NỘI DUNG BÀI HỌC

*** Mục tiêu:** Hs biết được k/n sống và làm việc có k/h.

***Phương pháp/Kĩ thuật dạy học:** Cá nhân nghiên cứu Sgk, giải quyết vấn đề.

***Năng lực:** Rèn cho HS năng lực tư duy, ngôn

II. Nội dung bài học .

ngữ.... *Cách tiến hành: GV: Chuyển giao nhiệm vụ ? Tình cảm gia đình đối với em quan trọng như thế nào ? Gv : Gia đình và tình cảm gia đình là điều thiêng liêng với mỗi con người . Để xây dựng gia đình hạnh phúc mỗi người phải thực hiện tốt bốn phận trách nhiệm của mình đối với gia đình . ? Nêu quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con cái? - HS: Nuôi dạy..... ? Nêu quyền và nghĩa vụ của ông bà đối với con cháu? - HS: Trông nom, chăm sóc..... ? Con cháu có nghĩa vụ như thế nào trong gia đình ? - HS: Yêu quý, kính trọng..... ?Anh chị em có bốn phận như thế nào trong gia đình - HS: Yêu quý, kính trọng..... ? Nêu ý nghĩa của những quy định pháp luật trên? - HS: xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc..... ? Nêu trách nhiệm công dân? - Học sinh tiếp nhận * Thực hiện nhiệm vụ - Học sinh : cá nhân - Giáo viên: Quan sát - Dự kiến sản phẩm: câu trả lời của hs *Báo cáo kết quả: Phiếu học tập *Đánh giá kết quả - Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá - Giáo viên nhận xét, đánh giá ->Giáo viên chốt kiến thức	3. Quyền và nghĩa vụ của cha mẹ và ông bà : - Cha mẹ: + Nuôi dạy con thành những công dân tốt. + Bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của con. + Tôn trọng ý kiến của con . + Không được phân biệt đối xử giữa các con . + Không ngược đãi xúc phạm con, ép buộc con làm những điều trái pháp luật, trái đạo đức . - Ông bà (nội, ngoại): + Trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu. + Nuôi dưỡng cháu chưa thành niên hoặc cháu thành niên bị tàn tật nếu cháu không có người nuôi dưỡng . 2. Quyền và nghĩa vụ của con cháu: - Yêu quý, kính trọng, biết ơn ông bà cha mẹ. - Chăm sóc, nuôi dưỡng ông bà, cha mẹ.
---	--

	- Nghiêm cấm con cháu có hành vi ngược đãi, xúc phạm ông bà cha mẹ. 4. Bốn phận của anh chị em. - Thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ nhau. - Nuôi dưỡng nhau nếu không còn cha mẹ. 3. Thực hiện quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình 4. Ý nghĩa: - Nhằm xây dựng gia đình hoà thuận, hạnh phúc. - Giữ gìn và phát huy truyền thống của gia đình Việt Nam.
--	---

Hoạt động 3: LUYỆN TẬP

- **Mục tiêu:** HS vận dụng kiến thức đã học để làm bt.
 - **Nội dung hoạt động:** Trả lời các câu hỏi, bài tập.
 - **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:** Giải quyết được các tình huống trong thực tế.
 - **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** GV giao nhiệm vụ: Làm bài tập trong SGK tại lớp, HS suy nghĩ, thảo luận cặp đôi làm bài tập, GV cho HS nhận xét bổ sung.
 - Phương tiện hỗ trợ dạy học: bảng phụ.
 - Kiểm tra, đánh giá: GV và HS nhận xét, đánh giá sau các hoạt động.
- Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 7 phút.

Hoạt động GV và HS	Nội dung
GV: HD học sinh làm bài tập 1,2,3,4 SGK/67	III.Luyện tập - HS đọc yêu cầu bài tập. - HS làm BT. - Gv nhận xét, cho điểm

Hoạt động 4 : Vận dụng

- **Mục tiêu:** Tạo cho HS yêu thích môn GD CD

- **Nội dung hoạt động:** Em hãy cùng các bạn lập kế hoạch tổ chức một buổi toạ đàm về chủ đề “Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.” theo các gợi ý sau:

- **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:**

- Lập kế hoạch (xác định thời gian, địa điểm tổ chức, trang trí, chương trình, nội dung chương trình,...).

- Xây dựng nội dung toạ đàm (xây dựng bộ câu hỏi, lựa chọn trò chơi, viết bài phát biểu....).

- Tổ chức toạ đàm theo kế hoạch.

- Các em tự lựa chọn thời gian, địa điểm tổ chức, trang trí, chương trình,...

* **Gợi ý:** toạ đàm “ Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.”

Mở đầu:

- Giới thiệu khách mời.

- Lí do thực hiện: để mọi người hiểu rõ hơn về Quyền và nghĩa vụ của các thành viên trong gia đình.

Nội dung chính:

- Phổ biến các quyền có trong Hiến pháp 2013.

- Nội dung từng quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân.

- Vận động học sinh, sinh viên thực hiện đúng các quyền con người, quyền và nghĩa vụ cơ bản của công dân theo quy định.

- Trò chơi .

Kết thúc:

- Đặt và trả lời các câu hỏi giải đáp thắc mắc.

- Kết luận buổi toạ đàm.

Nhận xét được các hoạt động của bạn.

- **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** GV giao nhiệm vụ, HS chuẩn bị.

- Kiểm tra, đánh giá: GV và HS nhận xét, đánh giá sau các hoạt động.
- Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 5 phút.

GV: Chuyển giao nhiệm vụ

HS chơi trò chơi, đóng vai:

Tình huống : Bài tập 1 sgk-67

- Học sinh tiếp nhận
- * Thực hiện nhiệm vụ
- Học sinh cùng bạn lập kế hoạch.
- Giáo viên: Quan sát
- Dự kiến sản phẩm: bài làm của hs
- * Báo cáo kết quả:
- * Đánh giá kết quả
- Học sinh nhận xét, bổ sung, đánh giá
- Giáo viên nhận xét, đánh giá
- > Giáo viên chốt kiến thức

Hoạt động 5: TÌM TÒI, MỞ RỘNG

- **Mục tiêu:** Tạo cho HS thấy được sự liên hệ giữa GD CD và thực tế cuộc sống.
 - **Nội dung hoạt động:** Tìm hiểu các biểu hiện đúng và chưa đúng của những người xung quanh trong việc thực hiện nghĩa vụ của công dân đối với gia đình.
 - **Dự kiến sản phẩm hoạt động của HS:** truyện hoặc bài báo...
 - **Kỹ thuật tổ chức hoạt động:** GV giao nhiệm vụ, HS về nhà làm.
- Dự kiến thời gian cho hoạt động này khoảng 1 phút.

*** GV giao nhiệm vụ**

? Em hãy nêu một tấm gương ở quanh em đã thực hiện tốt quyền và nghĩa vụ của công dân trong gia đình? Em học tập được điều gì ở họ?